SyncMaster 400EX(n), 460EX(n), 550EX(n)

Hiển thị màn hình LCD

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến năng suất sản phẩm, các đặc tính có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

SAMSUNG

Các chỉ dẫn về an toàn

Chú thích

Lưu ý

Bạn phải tuân theo các hướng dẫn về an toàn này để bảo đảm an toàn cho bản thân và phòng tránh gây hư hỏng tài sản.

Hãy đảm bảo rằng bạn đã đọc cẩn thận các hướng dẫn này và sử dụng thiết bị đúng cách.

Cảnh báo / Lưu ý

Việc không tuân theo các chỉ dẫn được biểu thị bằng biểu tượng này có thể gây nguy hiểm cho người sử dụng hoặc gây hư hỏng thiết bị.

Lưu ý

	Bị cấm		Quan trọng, cần phải đọc và hiểu rõ
	Không được tháo rời		Ngắt phích cắm ra khỏi ổ điện
	Không được chạm vào		Tiếp đất để tránh bị điện giật

Các chỉ dẫn về an toàn

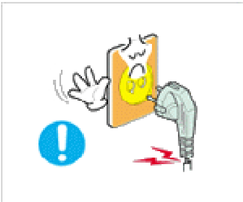
Nguồn điện

Khi không sử dụng máy tính trong một khoảng thời gian dài, hãy cài máy tính của bạn ở chế độ DPM.

Nếu đang sử dụng chế độ bảo vệ màn hình, hãy cài máy sang chế độ màn hình hoạt động.

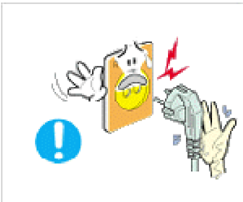
Các hình ảnh ở đây chỉ để tham khảo, và không áp dụng được trong tất cả trường hợp (hay quốc gia).

Phím tắt đến nhanh phần hướng dẫn chống hiện tượng lưu ảnh



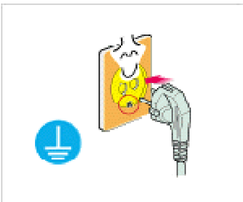
Không sử dụng dây điện nguồn hoặc phích cắm điện hư hỏng, ổ điện lỏng hoặc hư hỏng.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



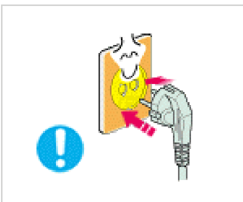
Không dùng tay ướt đụng vào ổ điện khi rút hoặc cắm phích điện vào ổ điện.

- Nếu không, điều này có thể gây ra điện giật.



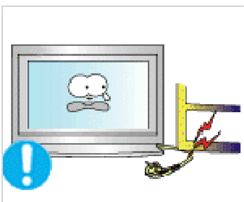
Hãy đảm bảo dây điện nguồn được nối vào ổ điện đã được tiếp đất.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc gây thương tích cho người sử dụng.



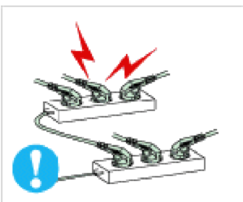
Bảo đảm phích cắm được cắm vào ổ điện chắc chắn và đúng cách.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



Không dùng sức bẻ cong hoặc kéo phích cắm điện và không đặt vật nặng lên phích cắm điện.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

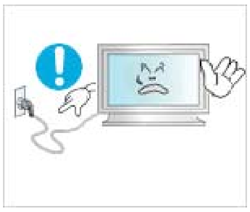


Không được cắm nhiều thiết bị điện vào cùng một ổ điện.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn do quá nhiệt.

Không được ngắt dây điện trong lúc đang sử dụng thiết bị.

- Nếu không, có thể làm hư hỏng thiết bị do điện giật.





Để rút màn hình ra khỏi nguồn điện, phải rút phích cắm ra khỏi ổ điện, vì thế, phích cắm điện có thể sử dụng ngay được.

- Trái lại, điều này có thể gây ra điện giật hoặc cháy.



Chỉ sử dụng dây điện do công ty chúng tôi cung cấp. Không được sử dụng dây điện nguồn của các thiết bị khác.

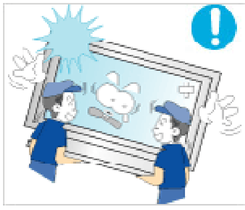
- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Các chỉ dẫn về an toàn

Cài đặt

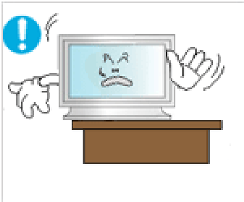
Bạn phải liên hệ với **Trung tâm dịch vụ được ủy quyền** khi lắp đặt màn hình của bạn ở những khu vực nhiều bụi bẩn, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, độ ẩm cao, và tiếp xúc với hóa chất hoặc những nơi mà thiết bị vận hành liên tục suốt 24/24 như ở sân bay, bến tàu v.v...

Màn hình có thể bị hư hỏng nghiêm trọng nếu không thực hiện những chỉ dẫn này.



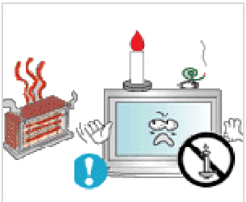
Hãy bảo đảm luôn có ít nhất hai người nâng nhấc và di chuyển thiết bị.

- Nếu không, thiết bị có thể bị rơi và gây thương tích cho người sử dụng và/hoặc hư hỏng thiết bị.



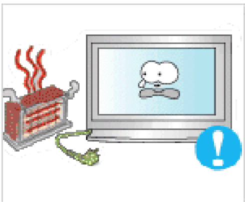
Khi lắp đặt thiết bị trong tủ hoặc kệ, hãy chắc chắn rằng mặt đế của thiết bị không lồi ra ngoài.

- Nếu không, thiết bị có thể rơi hoặc gây thương tích cho người sử dụng.
- Sử dụng tủ hoặc kệ có kích thước phù hợp với thiết bị.



Không đặt nến, nhanh trừ muỗi, thuốc lá và các thiết bị phát nhiệt khác gần thiết bị.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



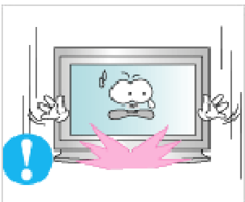
Đặt các thiết bị phát nhiệt cách dây điện hoặc thiết bị càng xa càng tốt.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



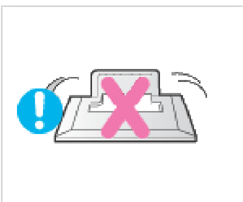
Không lắp đặt thiết bị ở những nơi thông gió kém như trong kệ sách hoặc hộc kín.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong thiết bị tăng.



Khi đặt thiết bị xuống, hãy chắc chắn đặt nhẹ nhàng.

- Nếu không, có thể gây hư hỏng màn hình hiển thị.



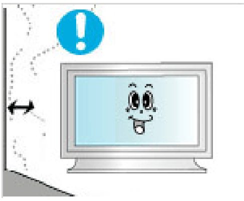
Không đặt úp mặt trước của thiết bị lên trên sàn nhà.

- Nếu không, có thể gây hư hỏng màn hình hiển thị.



Hãy chắc chắn có một công ty chuyên nghiệp lắp đặt được ủy quyền để gắn giá đỡ treo thiết bị trên tường.

- Nếu không, thiết bị có thể rơi và gây thương tích cho người sử dụng.
- Hãy chắc chắc lắp đặt đúng loại giá đỡ chuyên dùng để gắn tường.



Hãy lắp đặt thiết bị tại những nơi thông thoáng tốt. Bảo đảm khoảng cách thông thoáng cách tường tối thiểu 4 inches (10 cm).

- Nếu không, việc này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong thiết bị tăng.



Hãy chắc chắn để bao bì nhựa của thiết bị cách xa trẻ em.

- Nếu không, việc này có thể dẫn đến tai nạn nghiêm trọng (nghẹt thở) nếu trẻ em chơi đùa với bao bì.



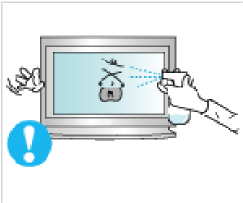
Nếu chiều cao màn hình của bạn có thể điều chỉnh được, thì không được đặt bất kỳ vật nặng nào hoặc tỳ người lên chân đế khi hạ chiều cao màn hình.

- Điều này có thể gây hư hỏng màn hình hoặc gây chấn thương cho người đang di chuyển nó.

Các chỉ dẫn về an toàn

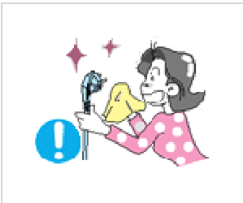
Làm sạch

Khi lau chùi khung hoặc bề mặt màn hình TFT-LCD, hãy sử dụng khăn mềm và ấm.



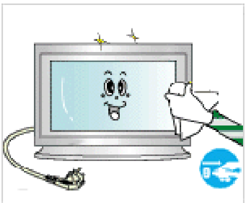
Không xịt nước tẩy rửa trực tiếp lên bề mặt thiết bị.

- Nếu không, việc này có thể làm phai màu và hư hỏng cấu trúc, bề mặt màn hình có thể bị bong tróc.



Khi lau chùi chân phích cắm điện hoặc lau bụi trong ổ điện, phải lau chùi bằng vải khô.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



Khi lau chùi thiết bị, hãy chắc chắn đã rút dây điện nguồn.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Khi lau chùi thiết bị, hãy rút dây điện nguồn và lau chùi nhẹ nhàng bằng vải mềm và khô.

- (Không sử dụng hóa chất như sáp, benzene, cồn, chất pha bóng, thuốc xịt muỗi, dầu nhớt, hoặc chất tẩy rửa). Các chất này có thể làm thay đổi màu sắc bên ngoài của thiết bị và làm bong tróc các nhãn dán trên thiết bị.



Vì vỏ thiết bị dễ bị trầy xước, nên chắc chắn chỉ sử dụng khăn mềm chuyên dụng.



Khi lau chùi thiết bị, không được xịt nước trực tiếp vào thân thiết bị.

- Hãy chắc chắn rằng nước không rơi vào bên trong thiết bị và thiết bị không bị ướt.
- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật, hỏa hoạn hoặc vận hành sai chức năng.

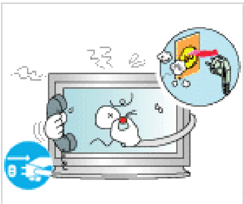
Các chỉ dẫn về an toàn

Khác



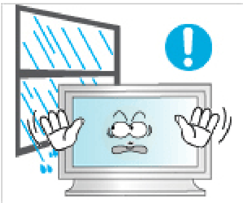
Đây là thiết bị có điện thế cao. Không được tự ý tháo rời, sửa chữa hoặc thay đổi trên sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn. Nếu cần sửa chữa thiết bị, hãy liên hệ **Trung tâm dịch vụ**.



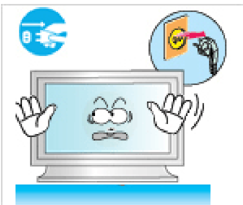
Khi có mùi hoặc âm thanh lạ hoặc khói bốc ra từ thiết bị, hãy rút phích cắm điện ngay và liên hệ với **Trung tâm Dịch vụ**.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



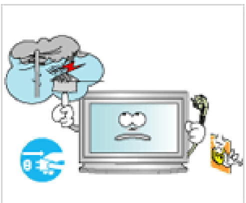
Không đặt thiết bị này tại nơi có độ ẩm cao, bụi, khói, nước, hoặc trong xe hơi.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



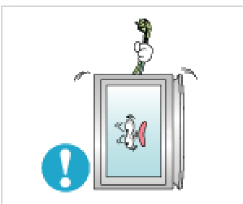
Khi để rơi thiết bị hoặc vỡ vỏ, hãy tắt nguồn và rút phích dây điện nguồn. Hãy liên hệ một **Trung tâm Dịch vụ**.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



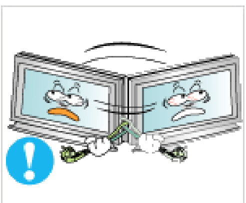
Nếu có sấm chớp, không được chạm vào dây nguồn hoặc cáp ăng-ten.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Không được cố di chuyển màn hình bằng cách kéo dây điện hoặc cáp tín hiệu.

- Nếu không, thiết bị có thể rơi và gây ra điện giật, hư hỏng thiết bị hoặc hỏa hoạn do hư hại dây cáp tín hiệu.



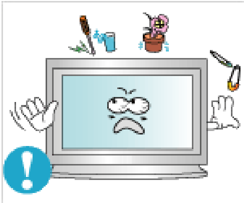
Không nâng nhấc hoặc di chuyển thiết bị tới lui hoặc qua trái hoặc qua phải trong khi chỉ nắm kéo duy nhất dây điện nguồn hoặc cáp tín hiệu.

- Nếu không, thiết bị có thể rơi và gây ra điện giật, hư hỏng thiết bị hoặc hỏa hoạn do hư hại dây cáp tín hiệu.

Hãy chắc chắc lỗ thông hơi trên thiết bị không bị bàn ghế hoặc màn sáo che khuất.

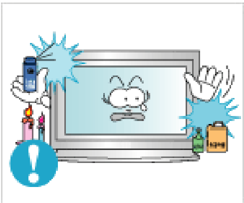
- Nếu không, việc này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong thiết bị tăng.





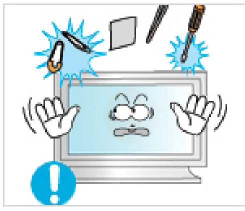
Không đặt bất cứ ly tách nào có chứa nước, chai lọ, bình hoa, thuốc men cũng như các vật phẩm bằng kim loại lên trên thiết bị.

- Nếu nước hoặc tạp vật bên ngoài rơi vào trong thiết bị, hãy rút dây điện nguồn và liên hệ **Trung tâm Dịch vụ**.
- Việc này có thể làm cho thiết bị vận hành sai chức năng, điện giật hoặc hỏa hoạn.



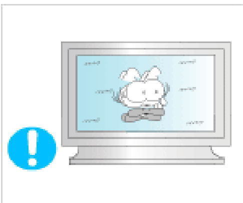
Không sử dụng hoặc đặt để các chất phun xịt hoặc vật liệu dễ bắt lửa gần thiết bị.

- Nếu không, việc này có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.



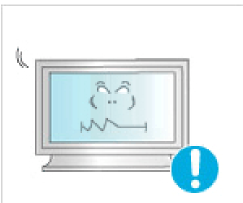
Không đưa bất kỳ vật bằng kim loại nào như đũa, đồng xu, kim hay thanh thép, hoặc các vật dễ cháy như que diêm hay giấy vào bên trong thiết bị (qua lỗ thông hơi, các cổng ra hay cổng vào, v.v..)

- Nếu nước hoặc tạp vật bên ngoài rơi vào trong thiết bị, hãy rút cáp nguồn và liên hệ với một **Trung tâm Dịch vụ**.
- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



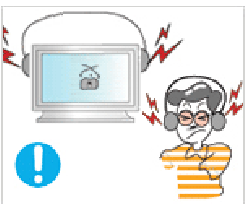
Khi sử dụng màn hình có hình ảnh cố định trong một thời gian dài, thì hiện tượng lưu hình ảnh hoặc vết ố có thể xuất hiện.

- Nếu không sử dụng thiết bị trong một thời gian dài, hãy chuyển sang chế độ nghỉ hoặc chạy trình bảo vệ màn hình.



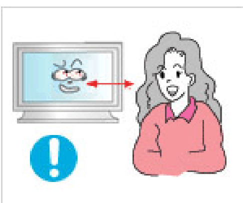
Cài đặt **một độ phân giải** và tần số phù hợp cho sản phẩm.

- Nếu không, có thể ảnh hưởng xấu đến thị lực thiết bị.



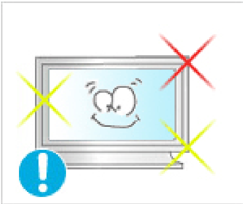
Khi sử dụng headphone hoặc tai nghe, không được chỉnh âm lượng quá cao.

- Nghe âm thanh quá to có thể làm giảm thính lực của bạn.

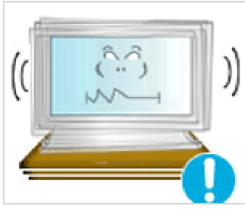


Để tránh mỏi mắt, không ngồi quá gần màn hình.

Hãy nghỉ ngơi ít nhất năm (5) phút sau khi sử dụng màn hình trong một (1) giờ.

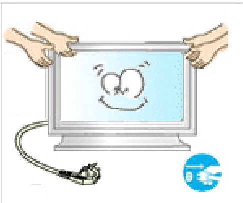


Điều này làm giảm mỏi mắt.



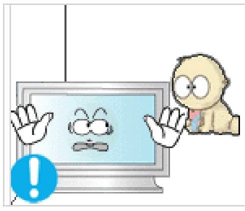
Không lắp đặt màn hình ở các vị trí không ổn định như kệ không chắc chắn hoặc bề mặt không bằng phẳng hoặc các vị trí có thể bị rung lắc.

- Nếu không, thiết bị có thể bị rơi và gây thương tích người sử dụng và/hoặc hư hỏng thiết bị.
- Nếu sử dụng màn hình ở nơi bị rung, màn hình có thể hư hỏng và gây ra hỏa hoạn.



Khi di chuyển thiết bị, hãy tắt và rút dây điện nguồn, cáp ăng-ten và tất cả các cáp khác đang kết nối với thiết bị.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



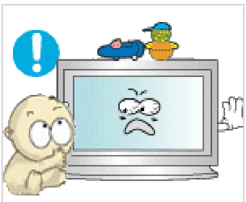
Hãy bảo đảm không cho trẻ em đu hoặc trèo lên thiết bị.

- Thiết bị có thể rơi gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ.



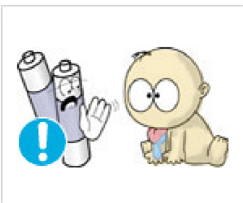
Nếu không sử dụng thiết bị trong một thời gian dài, hãy tháo dây điện nguồn ra khỏi ổ điện.

- Nếu không, việc này có thể dẫn đến quá nhiệt hoặc gây ra hỏa hoạn do bụi bặm, và có thể dẫn đến hỏa hoạn do bị điện giật hoặc rò rỉ điện.



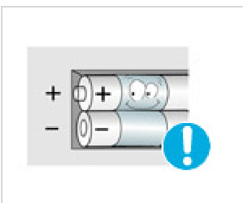
Không đặt bất kỳ vật nặng nào, đồ chơi hoặc bánh kẹo như bánh ngọt, v.v.. vì có thể thu hút trẻ em đến gần thiết bị.

- Con của bạn có thể bám vào và làm rơi thiết bị và việc này có thể dẫn đến thương tích hoặc tử vong cho người sử dụng.



Hãy cẩn thận không cho trẻ em ngậm pin vào miệng sau khi tháo pin ra khỏi bộ điều khiển từ xa. Cất giữ pin ở những nơi trẻ em hoặc trẻ sơ sinh không thể lấy được.

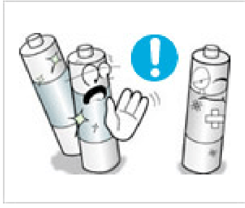
- Nếu trẻ em đã nuốt phải pin, hãy liên hệ ngay với bác sĩ của bạn.



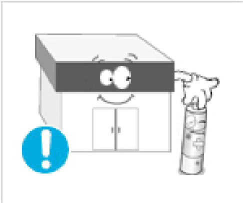
Khi thay pin, hãy lắp đúng cực tính (+, -).

- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin.

Chỉ sử dụng loại pin đúng tiêu chuẩn được chỉ định, không sử dụng đồng thời pin mới và pin cũ cùng lúc.

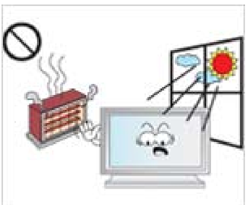


- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin



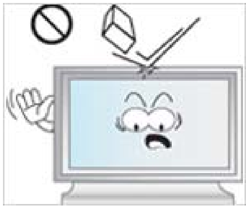
Không được thải bỏ pin (và các pin sạc) theo cách thông thường và chúng phải được hoàn trả lại để tái chế. Khách hàng phải có trách nhiệm hoàn trả lại các pin đã qua sử dụng hoặc pin sạc để tái chế.

- Khách hàng có thể trả lại pin đã dùng hay pin sạc cho trung tâm tái chế công cộng địa phương hoặc cho các cửa hàng bán cùng loại pin hay pin sạc đó.



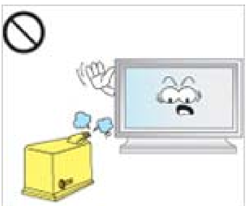
Không đặt thiết bị ở nơi tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời hoặc gần nguồn nhiệt như lò sưởi hoặc máy sưởi ấm.

- Việc này có thể làm giảm tuổi thọ thiết bị và có thể gây ra hỏa hoạn.



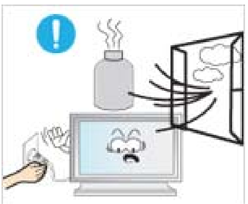
Không làm rơi bất kỳ vật nào lên thiết bị hoặc va đập vào thiết bị.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



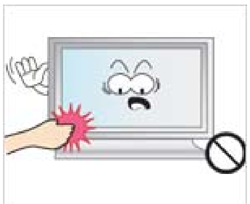
Không dùng máy tạo độ ẩm gần màn hình.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

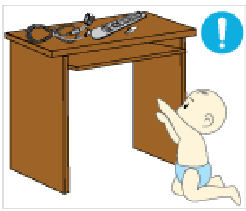


Khi có rò rỉ khí đốt, không được chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm điện; hãy thông gió ngay.

- Vì nếu có tia lửa, có thể gây phát nổ hoặc gây ra hỏa hoạn.



Nếu thiết bị được bật mở trong một thời gian dài, màn hình có thể nóng. Không được chạm vào.



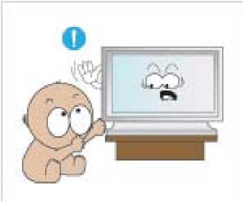
Đặt để các phụ kiện nhỏ cách xa tầm tay trẻ em.

Hãy cẩn thận khi điều chỉnh góc nhìn màn hình hoặc chiều cao chân đế.

- Việc này có thể gây thương tích nếu vì bàn tay hoặc ngón tay của bạn có thể bị kẹt.



- Đồng thời, nếu góc xoay quá lớn, màn hình có thể bị rơi và gây thương tích cho người sử dụng.



Không đặt thiết bị ở nơi quá thấp trẻ em có thể với tới.

- Nếu không, thiết bị có thể rơi và gây thương tích cho người sử dụng.
- Vì phần trước của thiết bị nặng, cần đặt thiết bị trên bề mặt bằng phẳng và ổn định.



Không đặt vật nặng lên thiết bị.

- Việc này có thể dẫn đến thương tích cho người sử dụng và/hoặc hư hỏng thiết bị.

Giới thiệu

Phụ kiện trong hộp đựng

Lưu ý

Vui lòng chắc chắn rằng những phụ kiện sau đây được kèm theo Màn hình LCD của bạn.

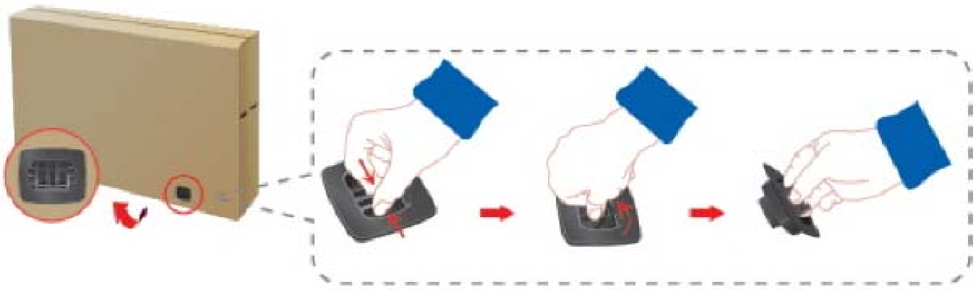
Nếu thiếu bất kỳ chi tiết nào, **xin liên hệ với đại lý**.

Liên hệ với đại lý để mua thêm các chi tiết tùy chọn.

Lưu ý

Chân đế này không sử dụng cho Kiểu chân đứng.

Kiểm tra các Thành phần của Gói sản phẩm



Mở khóa hộp sản phẩm, như hình hiển thị phía trên.

		
Nâng hộp sản phẩm bằng cách giữ các rãnh ở hai bên hộp sản phẩm.	Kiểm tra các thành phần của gói sản phẩm.	Gỡ bỏ bao xốp Styrofoam và nhựa dẻo vinyl bên ngoài.

Lưu ý

- Sau khi mở gói sản phẩm, hãy kiểm tra các thành phần của gói sản phẩm.
- Hãy giữ hộp đựng sản phẩm lại để vận chuyển sản phẩm sau này.
- Sau khi mở thùng bạn có thể sử dụng thùng sản phẩm làm chân đế tạm để thử nghiệm sản phẩm hoặc để kiểm tra khả năng hoạt động của sản phẩm.

Tháo gỡ



Màn hình LCD

Sổ tay hướng dẫn sử dụng

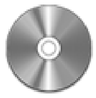


Hướng dẫn cài đặt nhanh

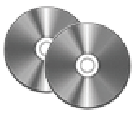


Phiếu Bảo hành

(Chỉ có ở một số khu vực)



Hướng dẫn sử dụng



CD Phần mềm MagicInfo

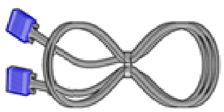
CD Hướng dẫn sử dụng MagicInfo

(Chỉ áp dụng cho mẫu **EXn**)

Dây cáp

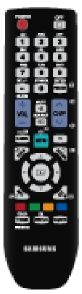


Dây điện nguồn



Cáp D-Sub

Khác



Điều khiển từ xa

(BP59-00138A)



Pin (AAA X 2)

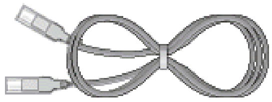
(Chỉ có ở một số khu vực)



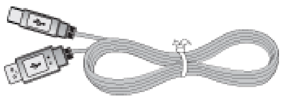
VỎ DÂY ĐIỆN 2EA

(BN61-05373A)

Được bán riêng

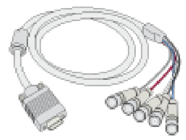


Cáp mạng LAN

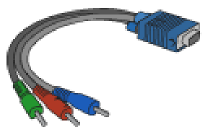


Cáp USB

(Chỉ áp dụng cho mẫu **EXn**)



Cáp chuyển đổi RGB sang BNC



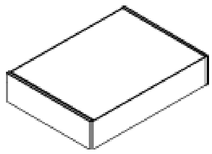
Cáp chuyển đổi RGB sang Component

Cáp chuyển đổi RGB sang AV



Hộp kết nối mạng

(Chỉ áp dụng cho mẫu **EX**)



Bộ giá đỡ treo tường

Giới thiệu

Màn hình LCD của bạn

Mặt trước



1 Nút SOURCE

Chuyển chế độ PC sang chế độ Video. Chọn ngõ vào để kết nối với thiết bị bên ngoài.

[**PC**] → [**AV**] → [**Component**] → [**HDMI**] → [**MagicInfo**]

Lưu ý

Cho kiểu EX

- **MagicInfo** chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng được kết nối.
- Cổng **HDMI** và hộp mạng không được kết nối cùng lúc.

2 ⏻(nút Power)

Sử dụng nút này để bật và tắt Màn hình LCD.

3 Bộ cảm biến Độ sáng

Tự động cảm nhận ánh sáng chung quanh.

4 Chỉ báo nguồn

Chỉ báo chế độ Tiết kiệm điện (PowerSaver) bằng đèn xanh nhấp nháy

Lưu ý

Xem chức năng **PowerSaver** được mô tả trong tài liệu này để biết thêm thông tin chi tiết liên quan đến các chức năng tiết kiệm điện. Để tiết kiệm năng lượng, hãy TẮT Màn hình LCD khi không cần thiết, hay khi bạn không sử dụng nó trong một khoảng thời gian dài.

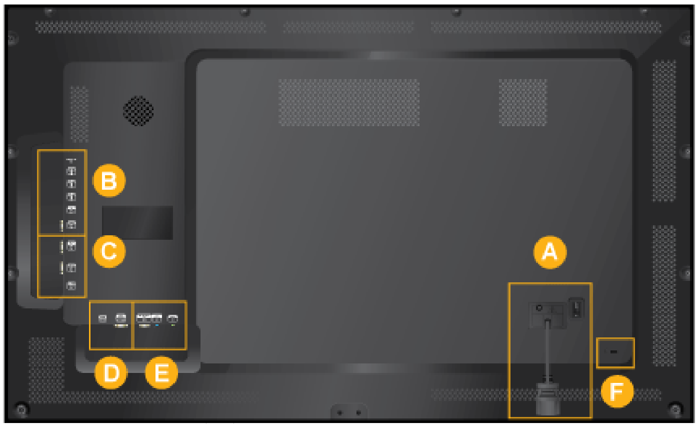
5 Bộ cảm biến Điều khiển từ xa

Hướng bộ điều khiển từ xa về điểm này trên Màn hình LCD.

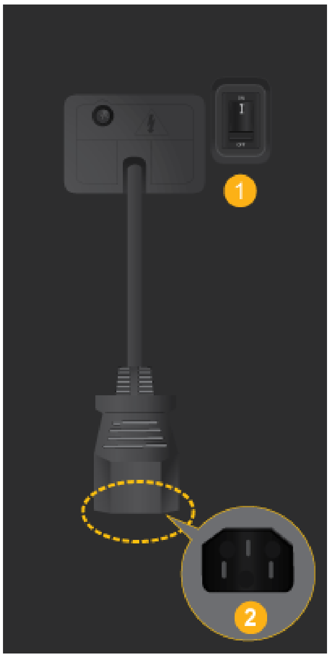
Mặt sau

Lưu ý

Để biết thêm thông tin chi tiết về việc kết nối cáp, vui lòng tham khảo mục trong phần Kết nối Cáp trong phần Thiết lập. Cấu hình nằm phía sau của màn hình LCD có thể thay đổi chút ít tùy vào mẫu màn hình LCD.



A



1 POWER S/W ON [│] / OFF

Bật/Tắt Màn hình LCD.

2 POWER

Dây nguồn vào màn hình LCD và ổ cắm trên tường.

B

Lưu ý

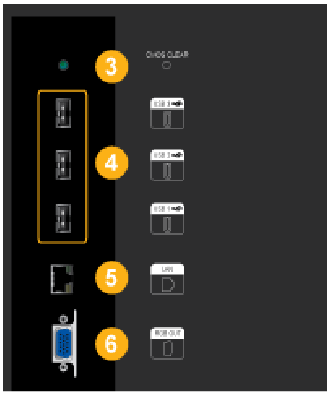
Chỉ áp dụng cho mẫu **EXn**.

3 CMOS CLEAR

Đặt lại **MagicInfo**

4 USB 1 / 2 / 3(Cổng kết nối USB)

Tương thích với Bàn phím / Chuột, Thiết bị lưu trữ dung lượng lớn.



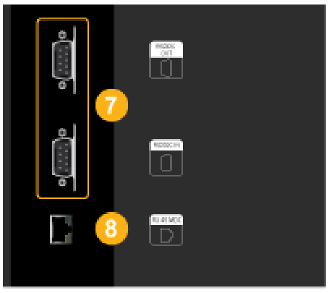
5 **LAN (Cổng kết nối LAN)**

Kết nối với cáp mạng LAN cho phép truy cập Internet hoặc mạng trong chế độ **MagicInfo**.

6 **RGB OUT**

Cổng ra video **MagicInfo**

C



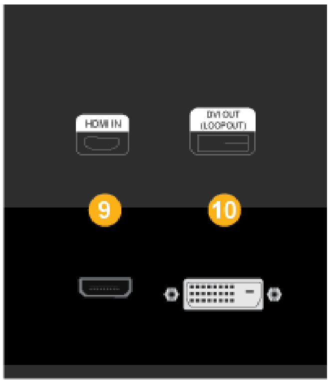
7 **RS232C OUT / IN (CỔNG RS232C Serial)**

MDC(Multiple Display Control) Cổng chương trình

8 **RJ 45 MDC (MDC PORT)**

MDC(Multiple Display Control) Cổng chương trình

D



9 **HDMI IN**

- Kết nối HDMI cổng nằm phía sau Màn hình LCD của bạn HDMI với cổng ra của thiết bị số bằng cách sử dụng cáp HDMI.
- Có thể hỗ trợ HDMI 1.0.

10 **DVI OUT(LOOPOUT)**

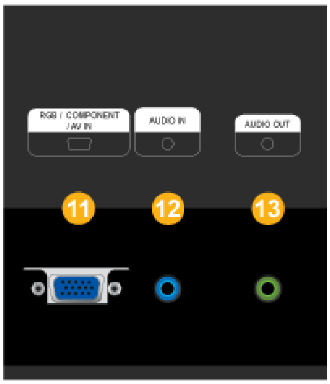
- Kết nối một màn hình với một màn hình khác thông qua cáp DVI, DVI sang HDMI.
- Kết nối cổng DVI OUT(LOOPOUT) trên màn hình với cổng [HDMI IN] của màn hình khác bằng cáp chuyển đổi DVI sang HDMI.
- Tín hiệu HDMI và mạng gửi qua cổng [DVI OUT(LOOPOUT)] được hiển thị trên màn hình thứ hai có cổng DVI IN.

Lưu ý

Có thể kết nối tối đa tới 6 màn hình với đầu ra DVI. Tuy nhiên có thể kết nối tới 10 màn hình trong chế độ Full HD tùy thuộc vào loại cáp hoặc thiết bị tín hiệu được kết nối.

E

11 **RGB / COMPONENT / AV IN**



- Kết nối cổng [RGB/COMPONENT/AV IN] của sản phẩm này với cổng RGB của PC sử dụng cáp D-SUB.
- Kết nối cổng [RGB / COMPONENT / AV IN] trên màn hình với cổng Component (Thành phần) trên thiết bị bên ngoài sử dụng cáp chuyển tín hiệu RGB sang Component.
- Kết nối cổng [RGB / COMPONENT / AV IN] trên màn hình với cổng BNC trên PC bằng cáp chuyển đổi RGB sang BNC.
- Kết nối cổng [RGB / COMPONENT / AV IN] trên màn hình với cổng AV trên thiết bị bên ngoài sử dụng cáp chuyển tín hiệu RGB sang AV.

12 AUDIO IN

Kết nối cổng [AUDIO IN] trên màn hình với cổng ra audio trên máy tính hoặc trên thiết bị bên ngoài sử dụng cáp audio.

13 AUDIO OUT

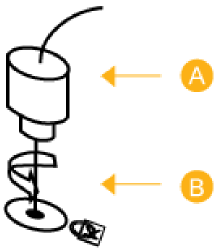
Kết nối tai nghe hoặc loa ngoài.

Lưu ý

Chỉ hỗ trợ cổng [AUDIO OUT] cho các kiểu 460EX(n) và 550EX(n).

F





Kensington Lock

Khóa Kensington là một sản phẩm chống trộm cho phép người dùng khóa sản phẩm để tạo sự an toàn khi sử dụng ở nơi công cộng. Vì hình dạng và sử dụng thiết bị khóa có thể khác nhau phụ thuộc vào kiểu sản phẩm và nhà sản xuất, để biết thêm thông tin hãy tham khảo Hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo thiết bị khóa.

Lưu ý

Bạn phải mua riêng khóa Kensington.

Để khóa sản phẩm hãy làm theo các bước sau:

1. Bọc cáp khóa Kensington quanh vật thể rộng và đứng im như một chiếc bàn hoặc ghế.
2. Trượt đầu cáp có khóa gắn vào đầu có móc của cáp khóa Kensington.
3. Đưa thiết bị khóa vào ổ khóa Kensington trên màn hình (A).
4. Khóa khóa (B).

Lưu ý

- Đây là những hướng dẫn chung. Để biết hướng dẫn chính xác, hãy xem sách Hướng dẫn sử dụng cung cấp kèm theo sản phẩm khóa này.
- Bạn có thể mua thiết bị khóa từ cửa hàng điện tử, cửa hàng trực tuyến, hoặc trung tâm dịch vụ của chúng tôi.

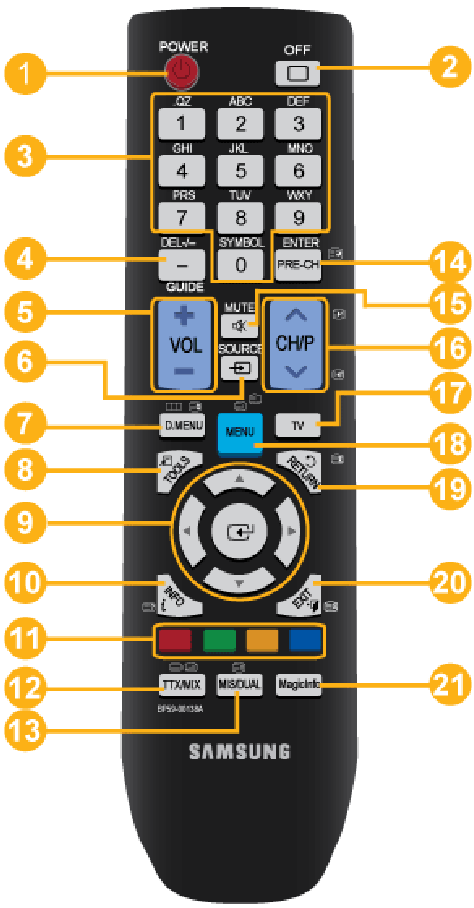
Lưu ý

Giới thiệu

Điều khiển từ xa

Lưu ý

Hiệu suất của bộ điều khiển từ xa có thể bị ảnh hưởng bởi TV hay các thiết bị điện tử khác hoạt động gần Màn hình LCD, gây ra sự rối loạn chức năng do có tác động tới tần số hoạt động.



1. POWER
2. OFF
3. Các nút số
4. DEL -/-- / GUIDE nút
5. + VOL -
6. SOURCE
7. D.MENU
8. TOOLS
9. Các nút Lên-Xuống-Trái-Phải
10. INFO
11. CÁC NÚT COLOR (MÀU SẮC)
12. TTX/MIX
13. MTS/DUAL
14. ENTER/PRE-CH
15. MUTE
16. ∨ CH/P ∧
17. TV
18. MENU
19. RETURN
20. EXIT
21. MagicInfo

1. POWER

Bật thiết bị.

2. OFF

Tắt thiết bị.

3. Các nút số

Được sử dụng để nhập mật khẩu trong quá trình điều chỉnh tính năng OSD (hiển thị trên màn hình) hoặc để sử dụng MagicInfo.

Nhấn để thay đổi kênh.

4. DEL -/-- / Nút GUIDE

Nút "-" được sử dụng để chọn các kênh số.

Hiển thị Chỉ dẫn Chương trình Điện tử (EPG).

- Chức năng này không hoạt động đối với màn hình LCD này.

5. + VOL -

Điều chỉnh âm lượng.

6. SOURCE

Hãy chọn nguồn đầu vào bên ngoài được kết nối hoặc chế độ **MagicInfo**.

Nhấn nút để thay đổi tín hiệu vào SOURCE.

Việc thay đổi SOURCE chỉ cho phép đối với các thiết bị ngoại vi được kết nối cùng lúc với Màn hình LCD.

7. D.MENU

Hiển thị menu DTV

- Chức năng này không hoạt động đối với màn hình LCD này.

8. TOOLS

Dùng để chọn các chức năng thường sử dụng nhanh chóng.

- Chức năng này không hoạt động đối với màn hình LCD này.

9. Các nút Lên-Xuống-Trái-Phải

Di chuyển từ menu này sang menu khác theo phương ngang, phương đứng hoặc điều chỉnh các giá trị trên menu đã chọn.

10. *i* INFO

Thông tin về hình ảnh hiện hữu được hiển thị ở góc trên bên trái của màn hình.

11. Các nút số

Nhấn để thêm hay xóa các kênh và để lưu các kênh vào danh sách các kênh yêu thích trong menu “Channel List” (Danh sách kênh).

- Chức năng này không hoạt động đối với màn hình LCD này.

12. TTX/MIX

Các kênh TV cung cấp các dịch vụ nhập thông tin bằng teletext.

- Các nút teletext



- Chức năng này không hoạt động đối với màn hình LCD này.

13. MTS/DUAL

MTS-

Bạn có thể chọn chế độ MTS (Âm thanh TV nổi Đa kênh).

Kiểu Âm thanh	MTS/S_Mode	Mặc định
Mono	Mono	

FM Stereo	Stereo	Mono ↔ Stereo	Thay đổi thủ công
	SAP	Mono ↔ SAP	Mono

DUAL-

Các chế độ STEREO/MONO, DUAL l / DUAL ll và MONO/NICAM MONO/NICAM STEREO có thể vận hành tùy thuộc vào chế độ phát tín hiệu bằng cách sử dụng nút DUAL trên bộ điều khiển từ xa trong khi đang xem TV.

- Chức năng này không hoạt động đối với màn hình LCD này.

14. ENTER/PRE-CH

Nút này được sử dụng để trở về kênh ngay trước đó.

- Chức năng này không hoạt động đối với màn hình LCD này.

15. MUTE

Tạm dừng (tắt tiếng) âm thanh đầu ra tạm thời. Được hiển thị ở góc dưới bên trái màn hình. Âm thanh sẽ phát lại nếu bạn nhấn MUTE hoặc - VOL + trong chế độ tắt tiếng.

16. ∨ CH/P ∧

Trong chế độ **TV**, chọn các kênh TV.

- Chức năng này không hoạt động đối với màn hình LCD này.

17. TV

Chọn trực tiếp chế độ TV.

- Chức năng này không hoạt động đối với màn hình LCD này.

18. MENU

Mở menu trên màn hình và thoát ra khỏi menu hoặc đóng menu điều chỉnh.

19. RETURN

Trở về menu trước.

20. EXIT

Thoát khỏi màn hình menu.

21. MagicInfo

Nút khởi động nhanh MagicInfo .

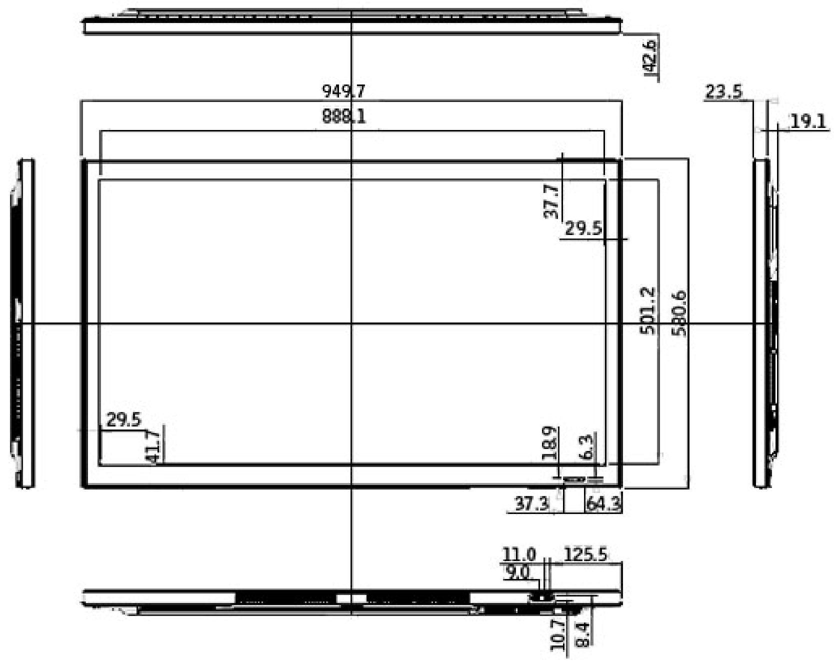
Lưu ý

- Nút này không hoạt động đối với những sản phẩm không hỗ trợ **MagicInfo**.

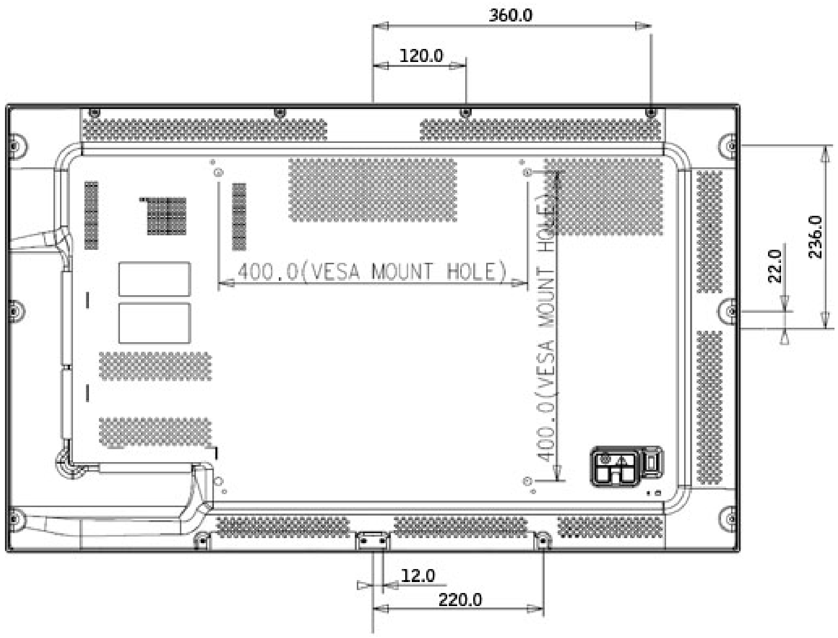
Giới thiệu

Sơ đồ máy móc(400EX(n))

Sơ đồ máy móc



Đầu Màn hình LCD

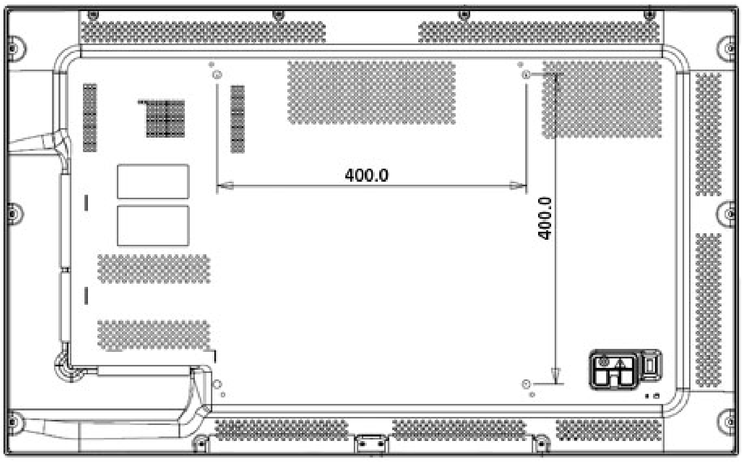


Lắp đặt Giá đỡ treo tường VESA

- Khi lắp đặt giá đỡ VESA, hãy đảm bảo bạn tuân thủ theo các Tiêu chuẩn VESA quốc tế.
- Để mua Giá đỡ VESA và tìm Thông tin Lắp đặt: Vui lòng liên hệ với Nhà phân phối SAMSUNG gần nhất để đặt hàng. Sau khi bạn đã đặt hàng, các chuyên viên lắp đặt sẽ đến chỗ của bạn và tiến hành việc lắp đặt giá đỡ.

- Cần ít nhất 2 người để di chuyển Màn hình LCD.
- SAMSUNG không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hư hỏng thiết bị hoặc thương tổn nào gây ra bởi việc lắp đặt theo ý muốn của khách hàng.

Kích thước



Lưu ý

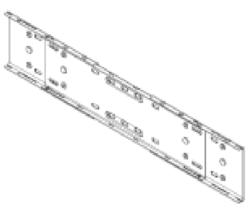
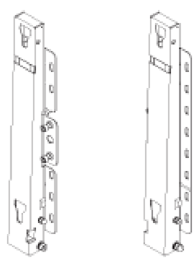
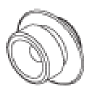
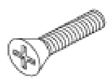
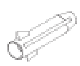
Để gắn chặt giá đỡ vào tường, chỉ được phép dùng các vít máy có đường kính 6 mm và chiều dài từ 8 đến 12 mm.

Lắp đặt Giá đỡ treo tường

- Liên hệ một kỹ thuật viên để hỗ trợ lắp đặt giá đỡ treo tường.
- SAMSUNG Electronics không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng nào đối với thiết bị hoặc gây thiệt hại cho khách hàng nếu khách hàng tự thực hiện việc lắp đặt.
- Thiết bị này dùng để lắp đặt trên tường xi măng. Thiết bị sẽ không giữ được ổn định khi bạn lắp đặt trên tường thạch cao hay gỗ.

Các thành phần

Chỉ dùng các thành phần và phụ kiện được bán kèm với thiết bị.

					
Giá đỡ treo tường(1)	Bản lề(Trái 1, Phải 1)	Móc nhựa (4)	Vít(A)(11)	Vít(B)(4)	Mỏ neo(11)

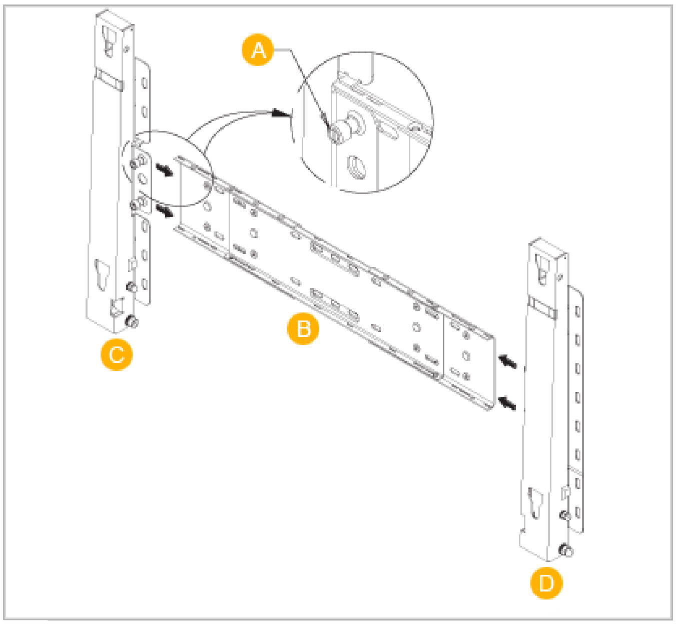
Lắp Giá đỡ treo tường

Lưu ý

Có hai bản lề (trái và phải). Chú ý sử dụng bản lề phù hợp.

1. Gắn vào và siết chặt Vít giữ theo chiều của mũi tên.

   Khi thực hiện xong, gắn giá đỡ lên tường.



A - Vít giữ

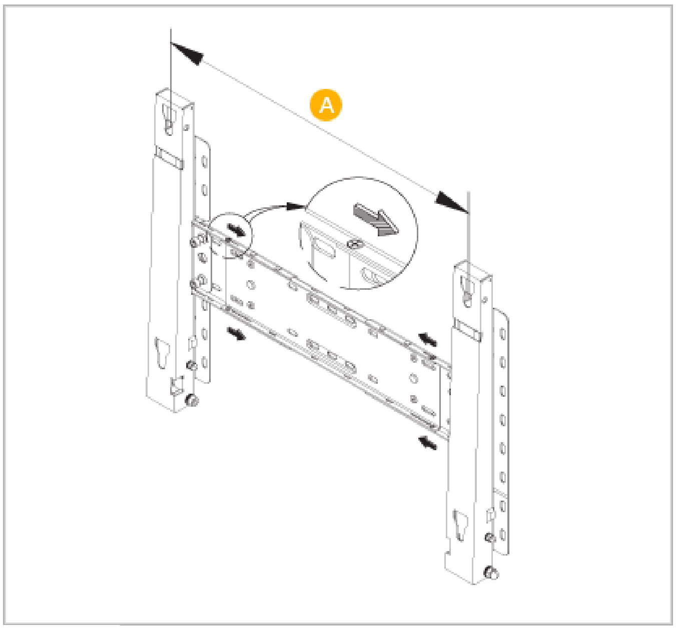
B - Giá đỡ treo tường

C - Bản lề (Trái)

D - Bản lề (Phải)

2. Trước khi khoan vào tường, kiểm tra xem chiều dài giữa hai lỗ khóa ở mặt sau của thiết bị có đúng chưa.

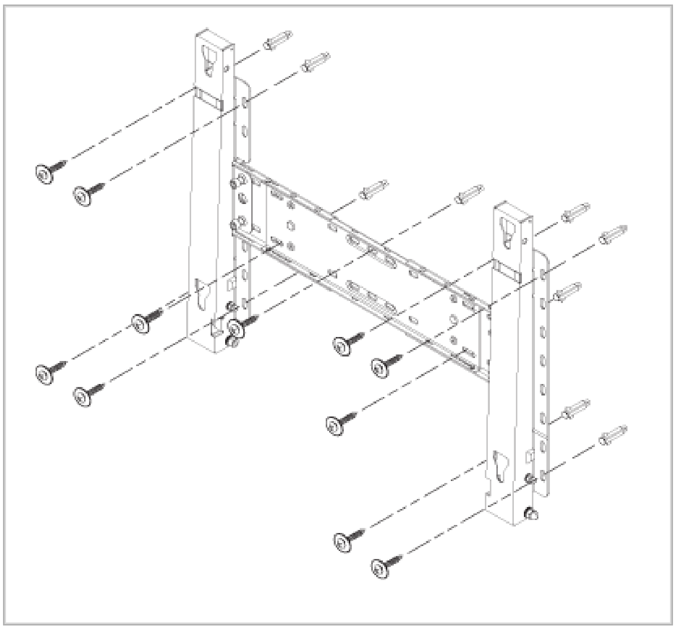
   Nếu chiều dài quá dài hoặc quá ngắn, thả lỏng một số hay tất cả 4 vít trên giá đỡ treo tường để điều chỉnh chiều dài.



A - Chiều dài giữa hai lỗ khóa

3. Kiểm tra sơ đồ lắp đặt và đánh dấu các điểm khoan trên tường. Sử dụng mũi khoan 5,0 mm để khoan lỗ có chiều sâu hơn 35 mm. Cố

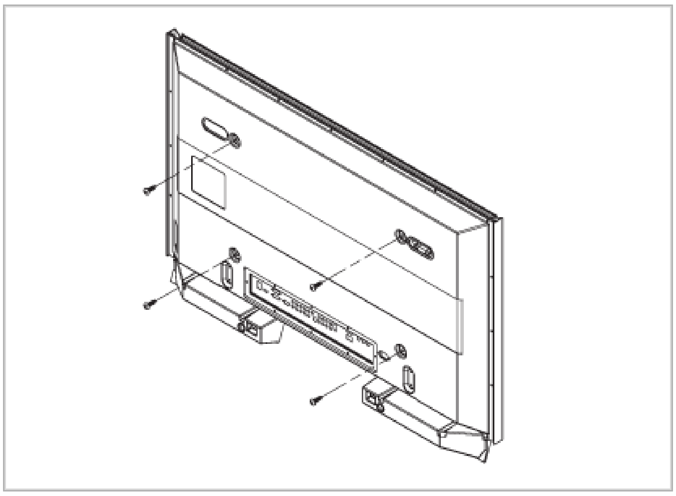
định từng mỏ neo vào lỗ khoan. So khớp mỗi lỗ của bản lề và giá treo với các lỗ mỏ neo tương ứng và rồi đưa vào và siết chặt 11 vít A.



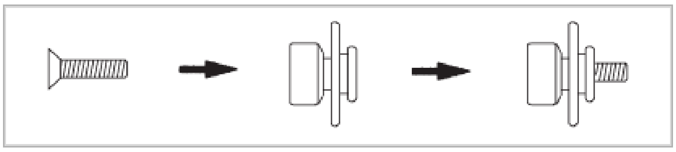
Để gắn thiết bị vào giá đỡ treo tường

Hình dạng thiết bị có thể thay đổi theo kiểu thiết bị. (Thao tác lắp ráp các móc nhựa và các vít giống nhau)

1. Tháo 4 vít ở mặt sau của thiết bị.



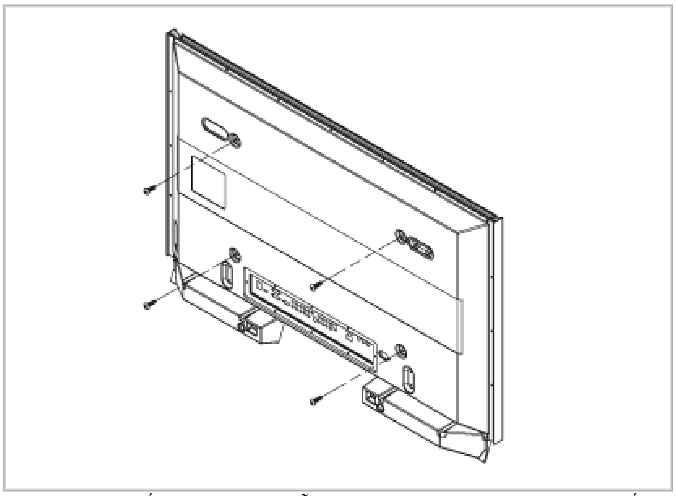
2. Lắp vít B vào trong móc nhựa.



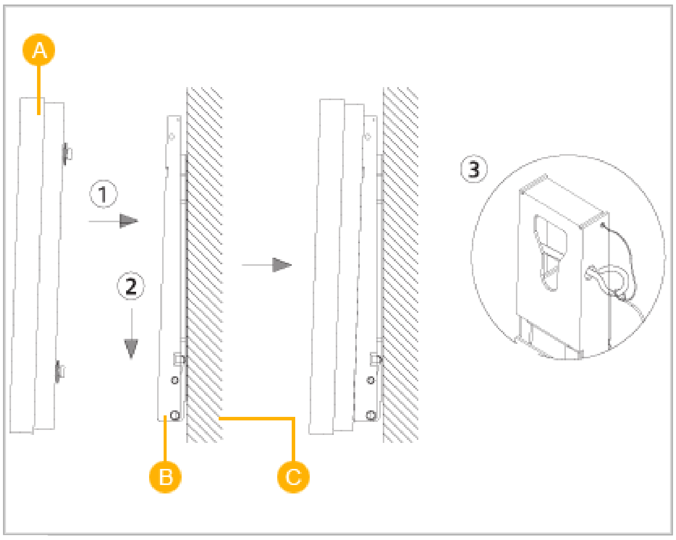
Lưu ý

- Gắn thiết bị lên giá đỡ treo tường và đảm bảo nó được gắn cố định vào các móc nhựa bên trái và phải.
- Cẩn thận khi lắp đặt thiết bị vào giá đỡ vì các ngón tay có thể bị kẹt vào trong các lỗ.
- Đảm bảo giá đỡ treo tường được gắn cố định vào tường, nếu không thiết bị sẽ không được giữ yên sau khi lắp đặt.

3. Siết chặt 4 vít ở bước 2 (móc nhựa + vít B) vào các lỗ mặt trước của thiết bị.



4. Tháo chân an toàn (3) và đưa 4 kẹp giữ thiết bị vào trong các lỗ tương ứng (1) của giá đỡ. Sau đó, đặt thiết bị (2) cố định một cách chắc chắn vào giá đỡ. Đảm bảo đẩy thêm vào và siết chặt chân an toàn (3) để giữ chắc thiết bị vào giá đỡ.



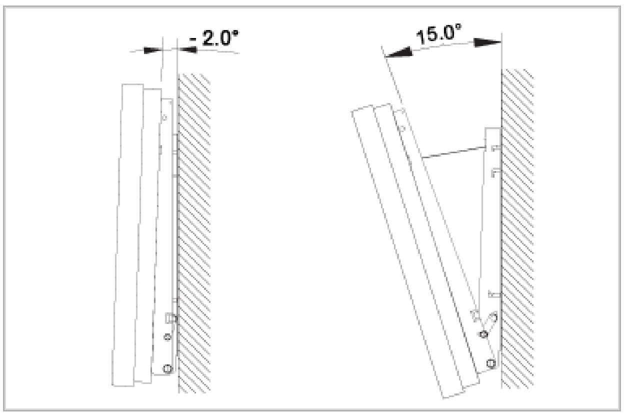
A - Màn hình LCD

B - Giá đỡ treo tường

C - Tường

Điều chỉnh Góc của Giá đỡ treo tường

Điều chỉnh góc của giá đỡ sang -2˚ trước khi lắp nó vào tường.

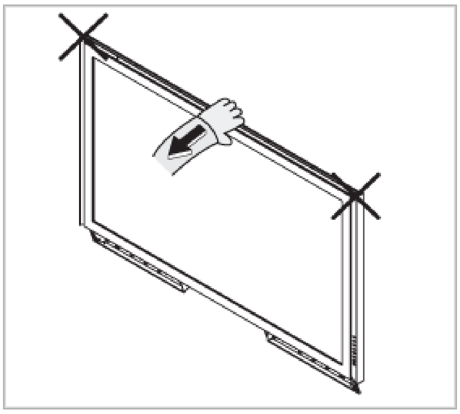


1. Gắn thiết bị vào giá đỡ treo tường.

2. Giữ thiết bị ở phía trên phần chính giữa và kéo nó hướng về trước (theo chiều của mũi tên) để điều chỉnh góc.

Lưu ý

Bạn có thể điều chỉnh góc của giá đỡ trong khoảng từ -2˚ đến 15˚.

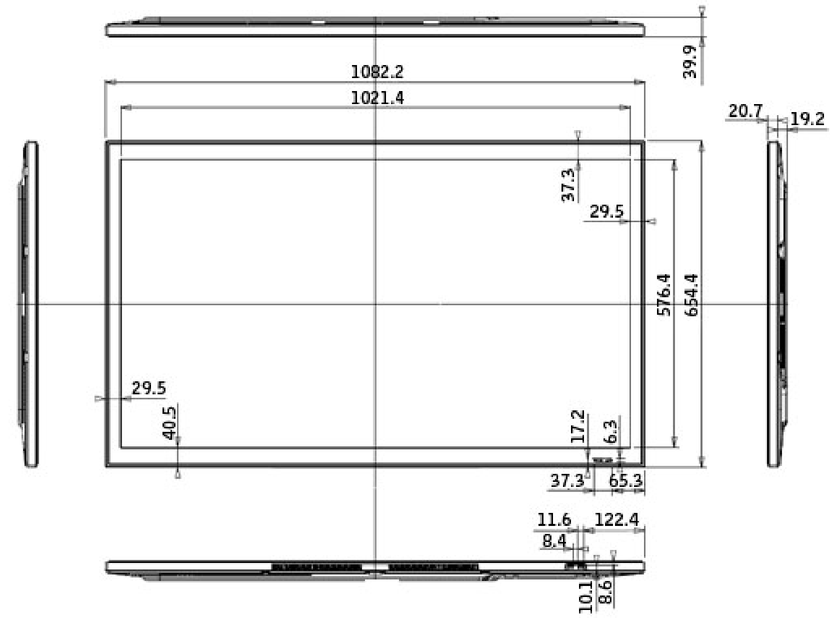


Phải chắc chắn bạn sử dụng phần trung tâm ở phía trên, không phải là bên trái hay bên phải của thiết bị để điều chỉnh góc.

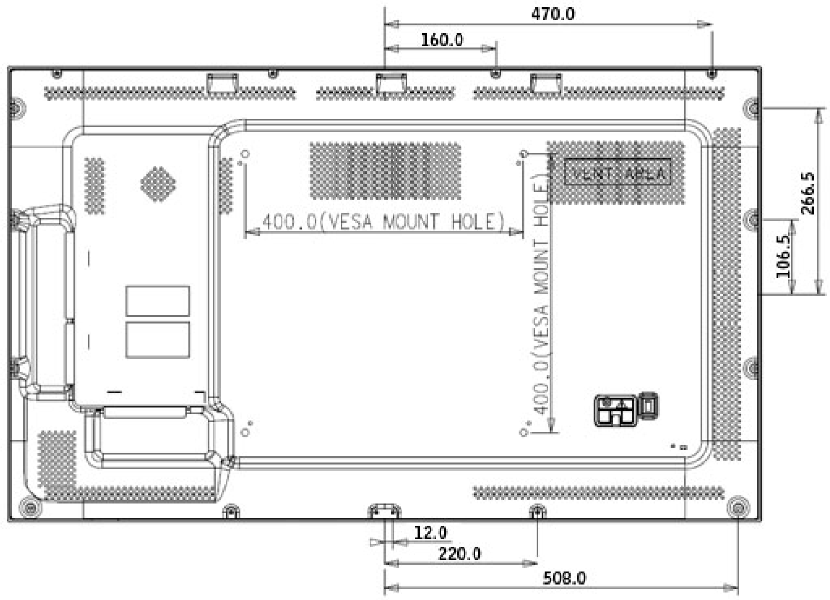
Giới thiệu

Sơ đồ máy móc(460EX(n))

Sơ đồ máy móc



Đầu Màn hình LCD

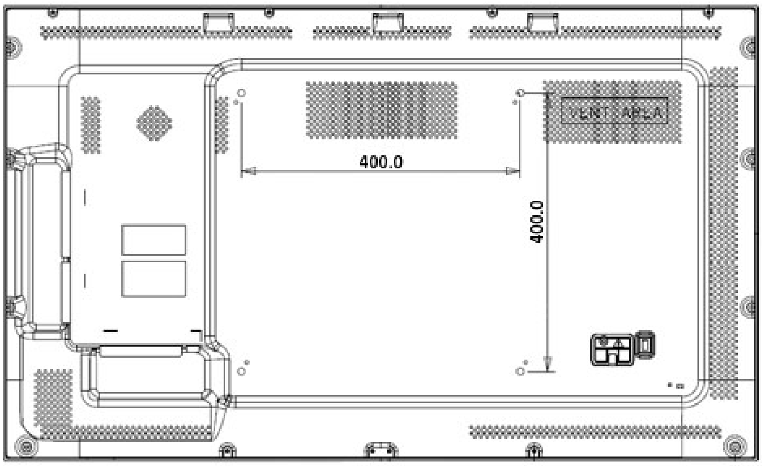


Lắp đặt Giá đỡ treo tường VESA

- Khi lắp đặt giá đỡ VESA, hãy đảm bảo bạn tuân thủ theo các Tiêu chuẩn VESA quốc tế.
- Để mua Giá đỡ VESA và tìm Thông tin Lắp đặt: Vui lòng liên hệ với Nhà phân phối SAMSUNG gần nhất để đặt hàng. Sau khi bạn đã đặt hàng, các chuyên viên lắp đặt sẽ đến chỗ của bạn và tiến hành việc lắp đặt giá đỡ.

- Cần ít nhất 2 người để di chuyển Màn hình LCD.
- SAMSUNG không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hư hỏng thiết bị hoặc thương tổn nào gây ra bởi việc lắp đặt theo ý muốn của khách hàng.

Kích thước



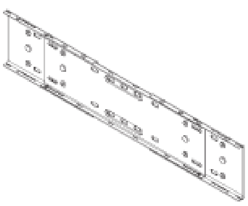
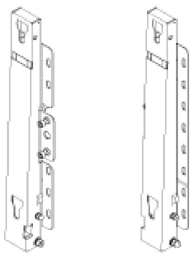
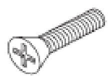
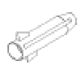
Lưu ý
Để gắn chặt giá đỡ vào tường, chỉ được phép dùng các vít máy có đường kính 6 mm và chiều dài từ 8 đến 12 mm.

Lắp đặt Giá đỡ treo tường

- Liên hệ một kỹ thuật viên để hỗ trợ lắp đặt giá đỡ treo tường.
- SAMSUNG Electronics không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng nào đối với thiết bị hoặc gây thiệt hại cho khách hàng nếu khách hàng tự thực hiện việc lắp đặt.
- Thiết bị này dùng để lắp đặt trên tường xi măng. Thiết bị sẽ không giữ được ổn định khi bạn lắp đặt trên tường thạch cao hay gỗ.

Các thành phần

Chỉ dùng các thành phần và phụ kiện được bán kèm với thiết bị.

					
Giá đỡ treo tường(1)	Bản lề(Trái 1, Phải 1)	Móc nhựa (4)	Vít(A)(11)	Vít(B)(4)	Mỏ neo(11)

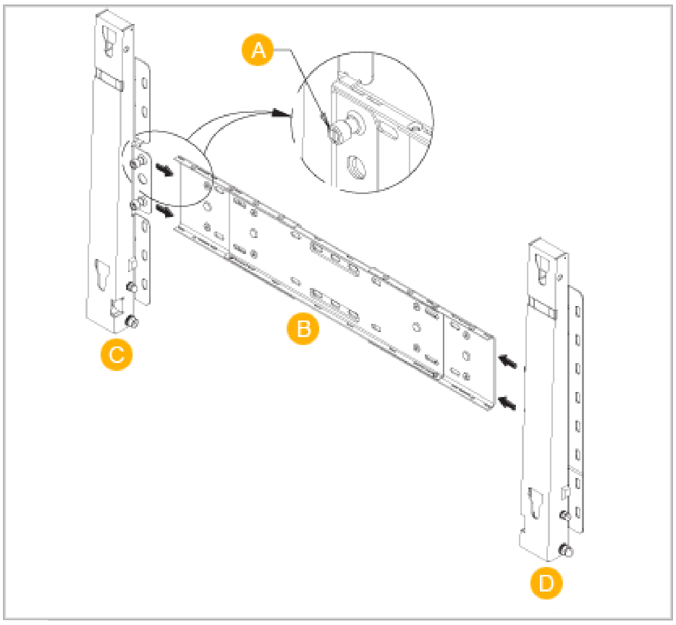
Lắp Giá đỡ treo tường

Lưu ý

Có hai bản lề (trái và phải). Chú ý sử dụng bản lề phù hợp.

1. Gắn vào và siết chặt Vít giữ theo chiều của mũi tên.

   Khi thực hiện xong, gắn giá đỡ lên tường.



A - Vít giữ

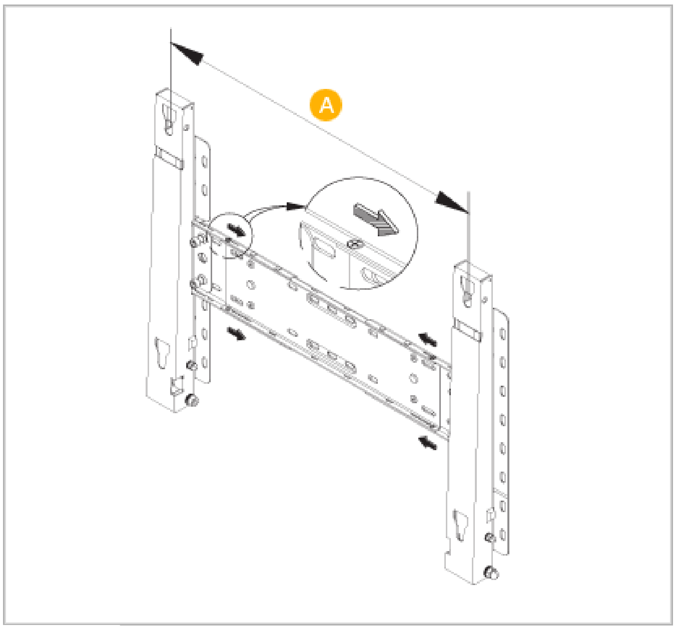
B - Giá đỡ treo tường

C - Bản lề (Trái)

D - Bản lề (Phải)

2. Trước khi khoan vào tường, kiểm tra xem chiều dài giữa hai lỗ khóa ở mặt sau của thiết bị có đúng chưa.

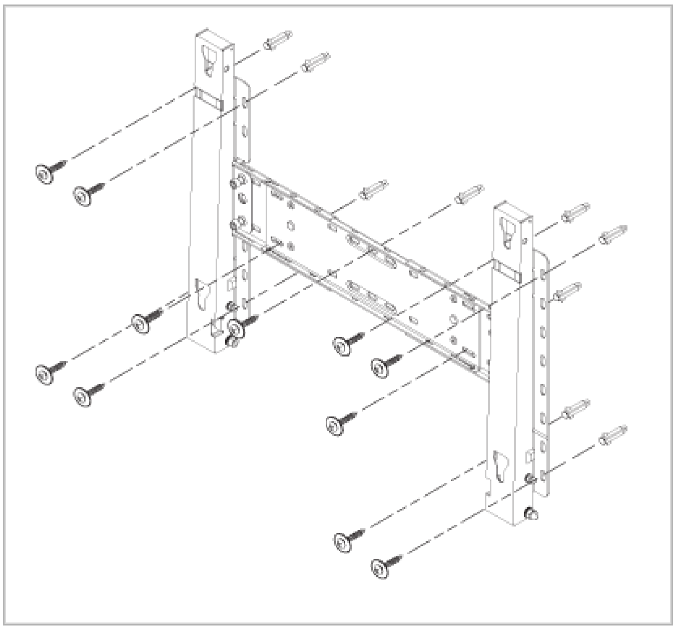
   Nếu chiều dài quá dài hoặc quá ngắn, thả lỏng một số hay tất cả 4 vít trên giá đỡ treo tường để điều chỉnh chiều dài.



A - Chiều dài giữa hai lỗ khóa

3. Kiểm tra sơ đồ lắp đặt và đánh dấu các điểm khoan trên tường. Sử dụng mũi khoan 5,0 mm để khoan lỗ có chiều sâu hơn 35 mm. Cố

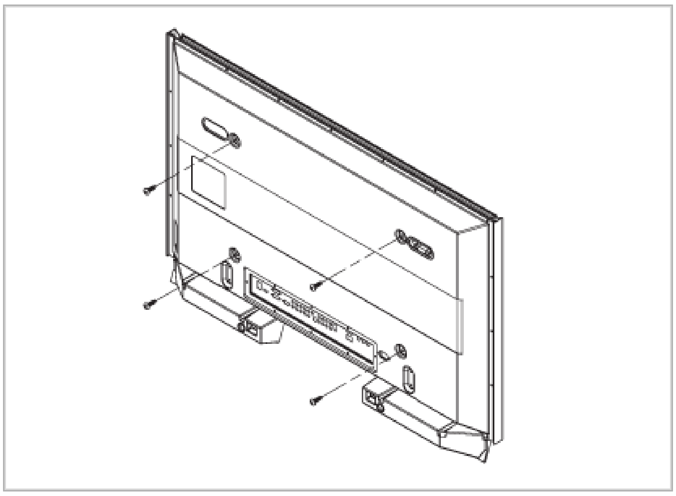
định từng mỏ neo vào lỗ khoan. So khớp mỗi lỗ của bản lề và giá treo với các lỗ mỏ neo tương ứng và rồi đưa vào và siết chặt 11 vít A.



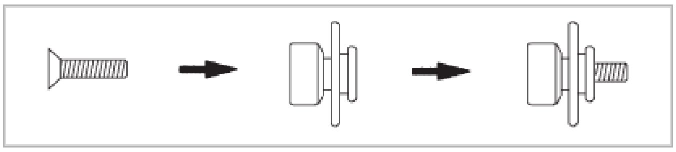
Để gắn thiết bị vào giá đỡ treo tường

Hình dạng thiết bị có thể thay đổi theo kiểu thiết bị. (Thao tác lắp ráp các móc nhựa và các vít giống nhau)

1. Tháo 4 vít ở mặt sau của thiết bị.



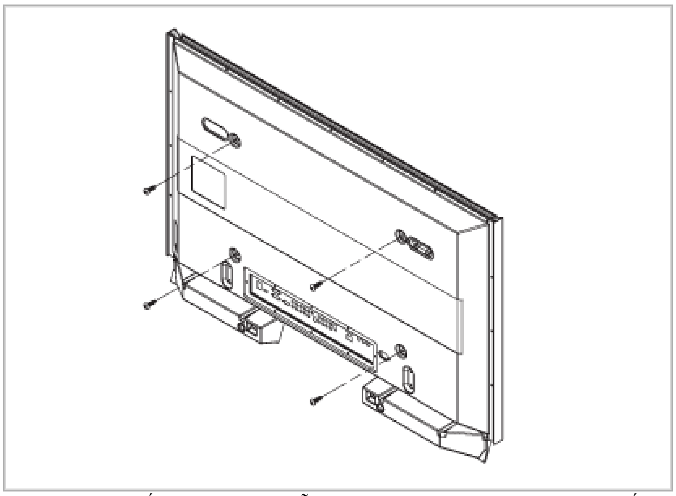
2. Lắp vít B vào trong móc nhựa.



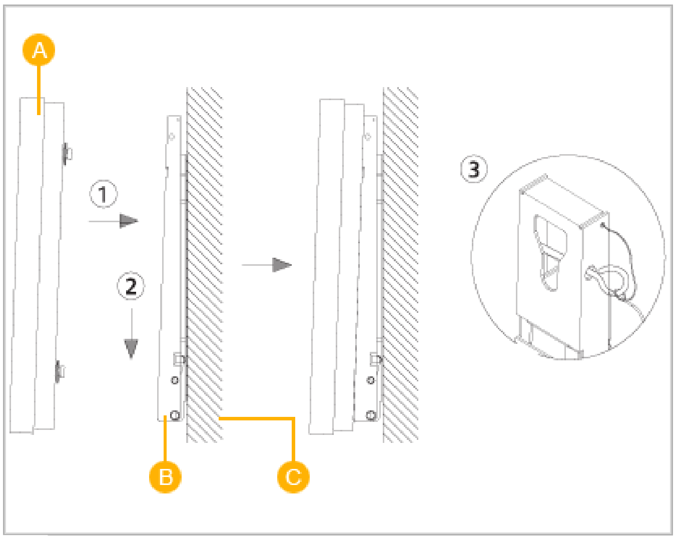
Lưu ý

- Gắn thiết bị lên giá đỡ treo tường và đảm bảo nó được gắn cố định vào các móc nhựa bên trái và phải.
- Cẩn thận khi lắp đặt thiết bị vào giá đỡ vì các ngón tay có thể bị kẹt vào trong các lỗ.
- Đảm bảo giá đỡ treo tường được gắn cố định vào tường, nếu không thiết bị sẽ không được giữ yên sau khi lắp đặt.

3. Siết chặt 4 vít ở bước 2 (móc nhựa + vít B) vào các lỗ mặt trước của thiết bị.



4. Tháo chân an toàn (3) và đưa 4 kẹp giữ thiết bị vào trong các lỗ tương ứng (1) của giá đỡ. Sau đó, đặt thiết bị (2) cố định một cách chắc chắn vào giá đỡ. Đảm bảo đẩy thêm vào và siết chặt chân an toàn (3) để giữ chắc thiết bị vào giá đỡ.



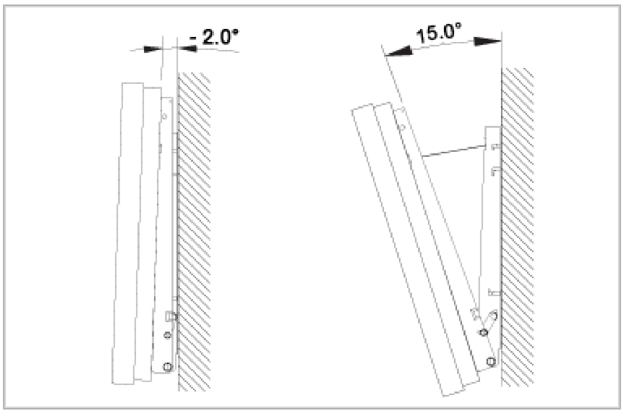
A - Màn hình LCD

B - Giá đỡ treo tường

C - Tường

Điều chỉnh Góc của Giá đỡ treo tường

Điều chỉnh góc của giá đỡ sang -2˚ trước khi lắp nó vào tường.

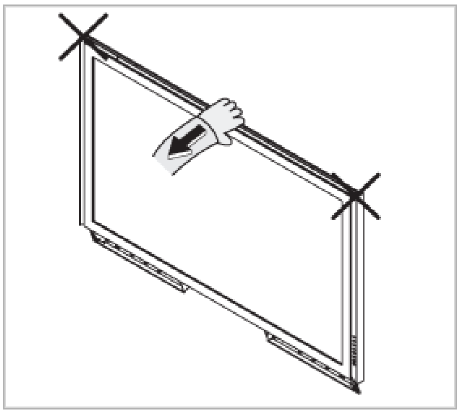


1. Gắn thiết bị vào giá đỡ treo tường.

2. Giữ thiết bị ở phía trên phần chính giữa và kéo nó hướng về trước (theo chiều của mũi tên) để điều chỉnh góc.

Lưu ý

Bạn có thể điều chỉnh góc của giá đỡ trong khoảng từ -2˚ đến 15˚.

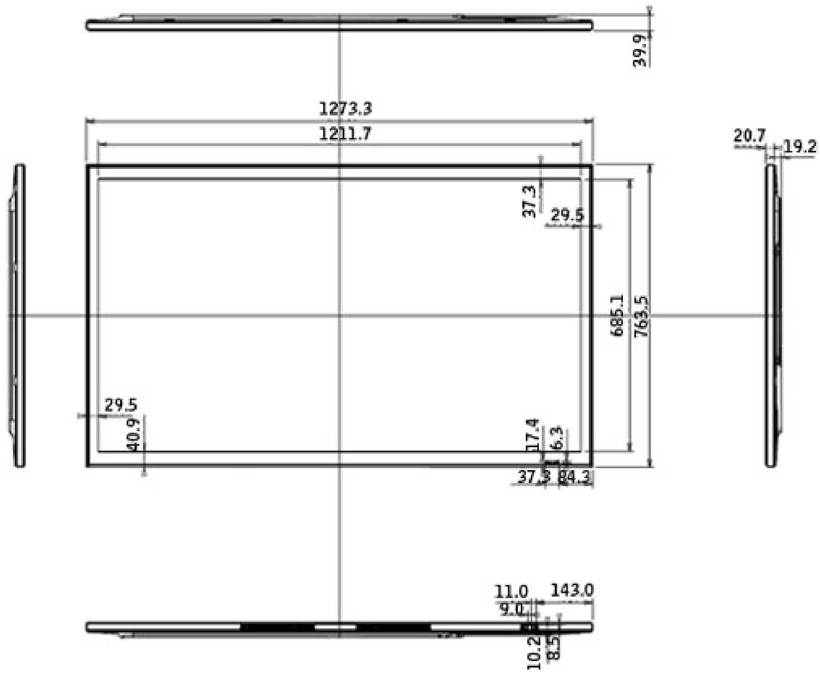


Phải chắc chắn bạn sử dụng phần trung tâm ở phía trên, không phải là bên trái hay bên phải của thiết bị để điều chỉnh góc.

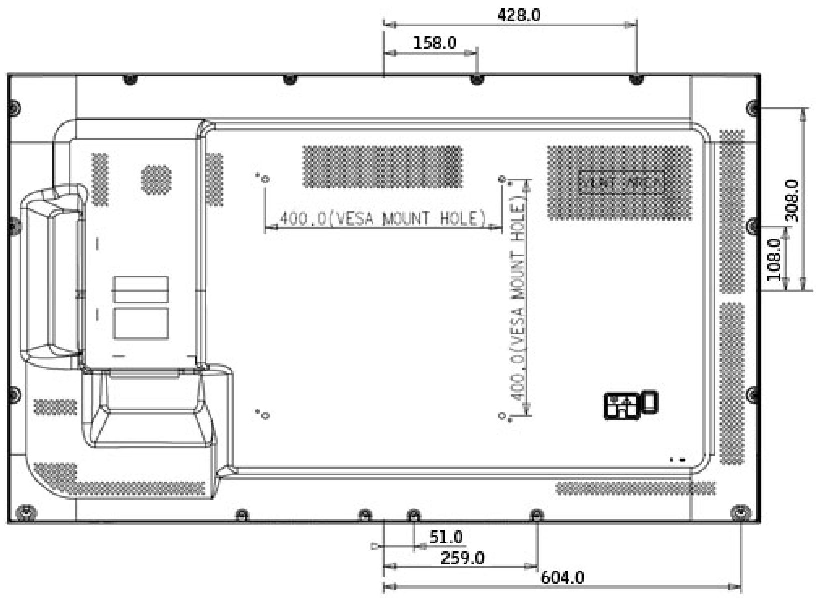
Giới thiệu

Sơ đồ máy móc(550EX(n))

Sơ đồ máy móc



Đầu Màn hình LCD

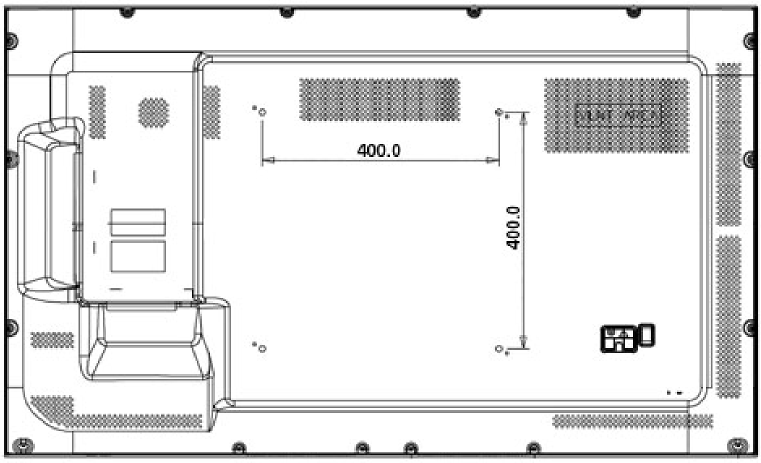


Lắp đặt Giá đỡ treo tường VESA

- Khi lắp đặt giá đỡ VESA, hãy đảm bảo bạn tuân thủ theo các Tiêu chuẩn VESA quốc tế.
- Để mua Giá đỡ VESA và tìm Thông tin Lắp đặt: Vui lòng liên hệ với Nhà phân phối SAMSUNG gần nhất để đặt hàng. Sau khi bạn đã đặt hàng, các chuyên viên lắp đặt sẽ đến chỗ của bạn và tiến hành việc lắp đặt giá đỡ.
- Cần ít nhất 2 người để di chuyển Màn hình LCD.

- SAMSUNG không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hư hỏng thiết bị hoặc thương tổn nào gây ra bởi việc lắp đặt theo ý muốn của khách hàng.

Kích thước



Lưu ý

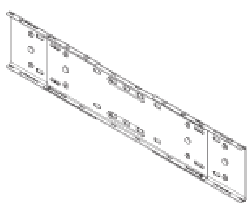
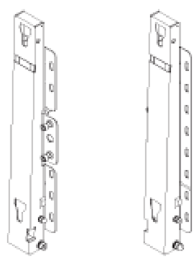
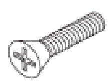
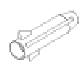
Để gắn chặt giá đỡ vào tường, chỉ được phép dùng các vít máy có đường kính 6 mm và chiều dài từ 8 đến 12 mm.

Lắp đặt Giá đỡ treo tường

- Liên hệ một kỹ thuật viên để hỗ trợ lắp đặt giá đỡ treo tường.
- SAMSUNG Electronics không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng nào đối với thiết bị hoặc gây thiệt hại cho khách hàng nếu khách hàng tự thực hiện việc lắp đặt.
- Thiết bị này dùng để lắp đặt trên tường xi măng. Thiết bị sẽ không giữ được ổn định khi bạn lắp đặt trên tường thạch cao hay gỗ.

Các thành phần

Chỉ dùng các thành phần và phụ kiện được bán kèm với thiết bị.

					
Giá đỡ treo tường(1)	Bản lề(Trái 1, Phải 1)	Móc nhựa (4)	Vít(A)(11)	Vít(B)(4)	Mỏ neo(11)

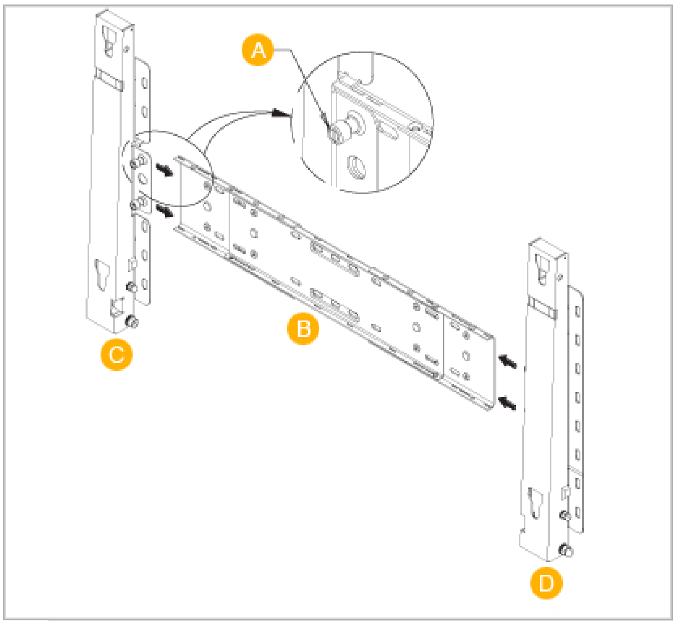
Lắp Giá đỡ treo tường

Lưu ý

Có hai bản lề (trái và phải). Chú ý sử dụng bản lề phù hợp.

1. Gắn vào và siết chặt Vít giữ theo chiều của mũi tên.

   Khi thực hiện xong, gắn giá đỡ lên tường.



A - Vít giữ

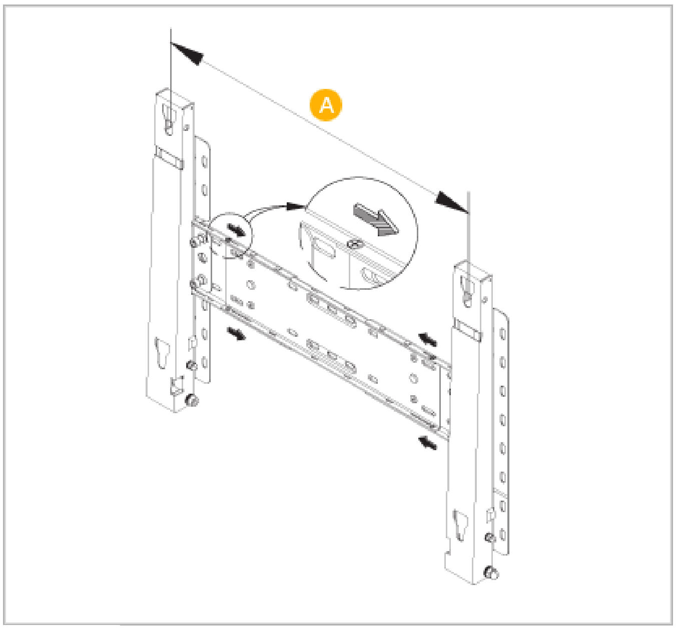
B - Giá đỡ treo tường

C - Bản lề (Trái)

D - Bản lề (Phải)

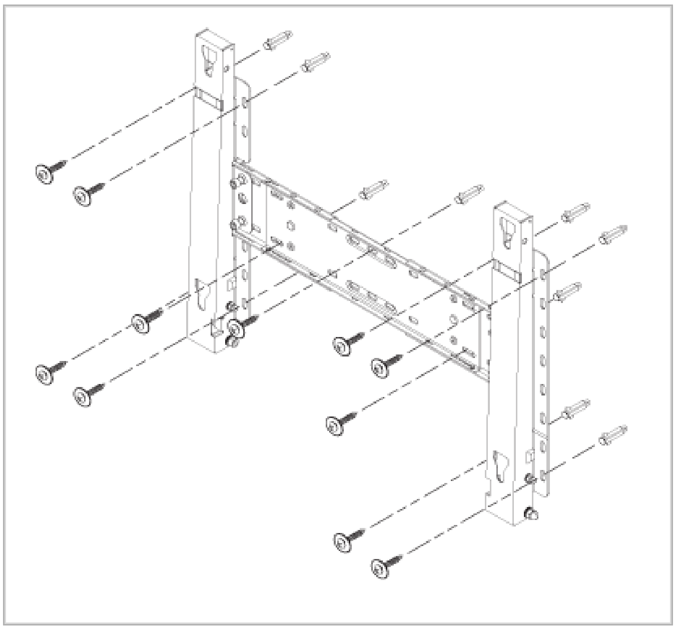
2. Trước khi khoan vào tường, kiểm tra xem chiều dài giữa hai lỗ khóa ở mặt sau của thiết bị có đúng chưa.

   Nếu chiều dài quá dài hoặc quá ngắn, thả lỏng một số hay tất cả 4 vít trên giá đỡ treo tường để điều chỉnh chiều dài.



A - Chiều dài giữa hai lỗ khóa

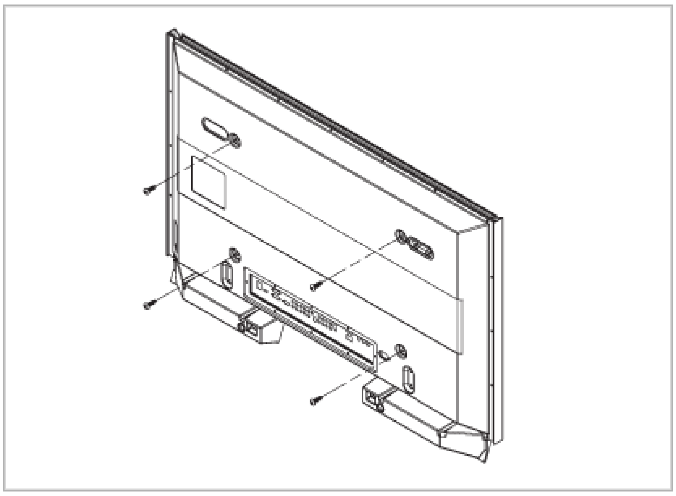
3. Kiểm tra sơ đồ lắp đặt và đánh dấu các điểm khoan trên tường. Sử dụng mũi khoan 5,0 mm để khoan lỗ có chiều sâu hơn 35 mm. Cố định từng mỏ neo vào lỗ khoan. So khớp mỗi lỗ của bản lề và giá treo với các lỗ mỏ neo tương ứng và rồi đưa vào và siết chặt 11 vít A.



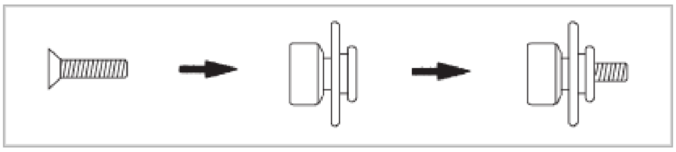
Để gắn thiết bị vào giá đỡ treo tường

Hình dạng thiết bị có thể thay đổi theo kiểu thiết bị. (Thao tác lắp ráp các móc nhựa và các vít giống nhau)

1. Tháo 4 vít ở mặt sau của thiết bị.



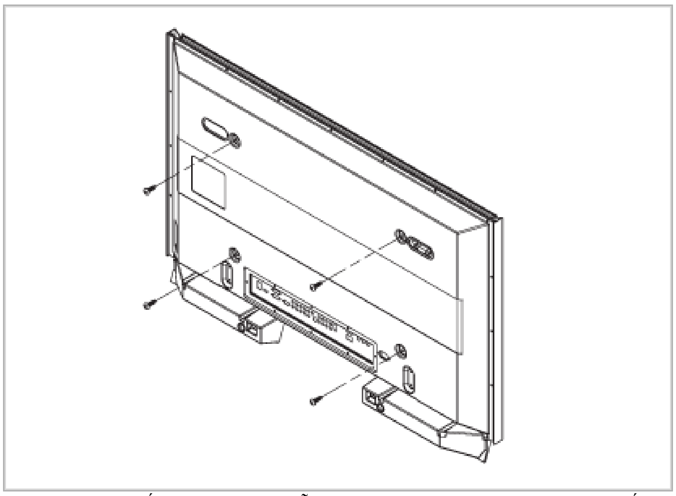
2. Lắp vít B vào trong móc nhựa.



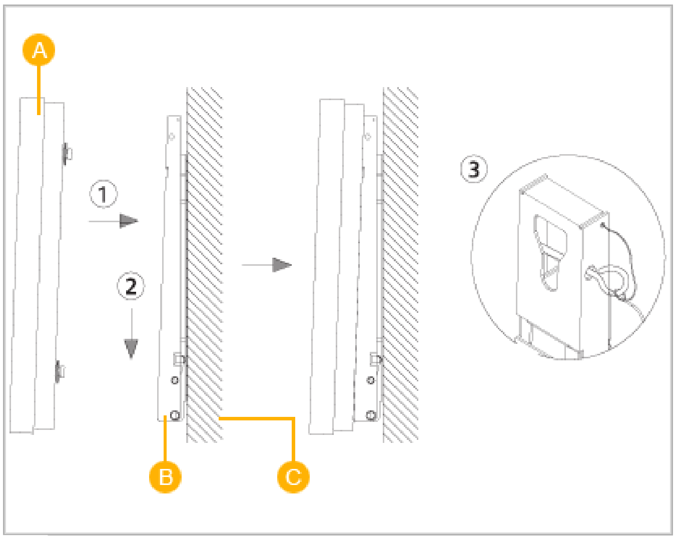
Lưu ý

- Gắn thiết bị lên giá đỡ treo tường và đảm bảo nó được gắn cố định vào các móc nhựa bên trái và phải.
- Cẩn thận khi lắp đặt thiết bị vào giá đỡ vì các ngón tay có thể bị kẹt vào trong các lỗ.
- Đảm bảo giá đỡ treo tường được gắn cố định vào tường, nếu không thiết bị sẽ không được giữ yên sau khi lắp đặt.

3. Siết chặt 4 vít ở bước 2 (móc nhựa + vít B) vào các lỗ mặt trước của thiết bị.



4. Tháo chân an toàn (3) và đưa 4 kẹp giữ thiết bị vào trong các lỗ tương ứng (1) của giá đỡ. Sau đó, đặt thiết bị (2) cố định một cách chắc chắn vào giá đỡ. Đảm bảo đẩy thêm vào và siết chặt chân an toàn (3) để giữ chắc thiết bị vào giá đỡ.



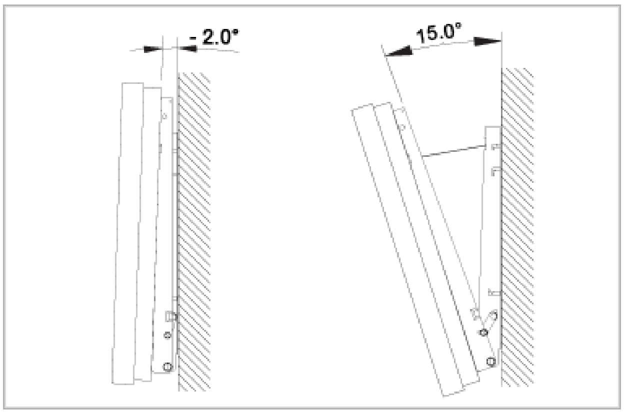
A - Màn hình LCD

B - Giá đỡ treo tường

C - Tường

Điều chỉnh Góc của Giá đỡ treo tường

Điều chỉnh góc của giá đỡ sang -2˚ trước khi lắp nó vào tường.

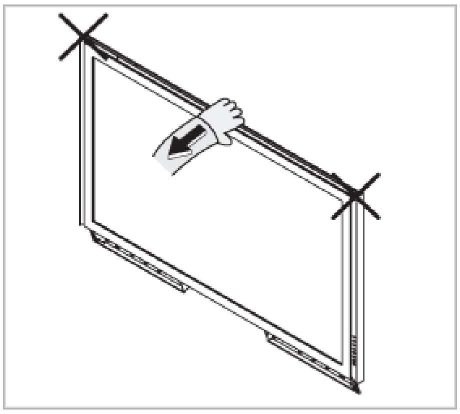


1. Gắn thiết bị vào giá đỡ treo tường.

2. Giữ thiết bị ở phía trên phần chính giữa và kéo nó hướng về trước (theo chiều của mũi tên) để điều chỉnh góc.

Lưu ý

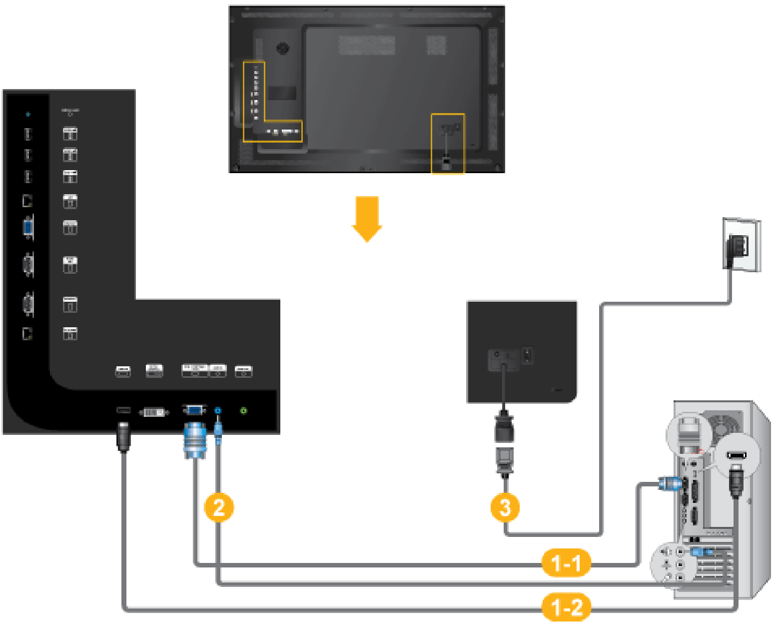
Bạn có thể điều chỉnh góc của giá đỡ trong khoảng từ -2˚ đến 15˚.



Phải chắc chắn bạn sử dụng phần trung tâm ở phía trên, không phải là bên trái hay bên phải của thiết bị để điều chỉnh góc.

Các kết nối

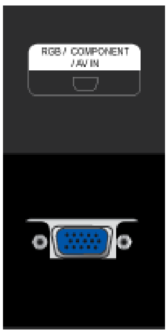
Kết nối với Máy tính



1 Có nhiều cách để kết nối máy tính với màn hình. Hãy chọn một trong số các phương pháp sau đây.

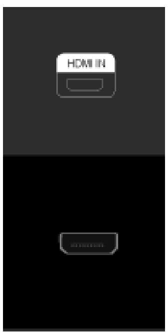
1-1 Sử dụng đầu cắm D-sub (Analog) trên card màn hình.

- Kết nối cáp hỗ trợ D-sub với cổng 15 chân [RGB / COMPONENT / AV IN] ở phía sau Màn hình LCD của bạn và Cổng D-sub 15 chân trên máy tính của bạn.



1-2 Dùng ngõ ra HDMI (tín hiệu số) trên card đồ họa.

- Kết nối cổng [HDMI IN] trên màn hình LCD với cổng HDMI trên máy tính bằng cách sử dụng cáp HDMI.



Lưu ý

Khi kết nối cáp HDMI với PC, hãy đảm bảo rằng bạn đã chọn **HDMI** trên cả **Source List** và **Edit Name** trước khi chọn **PC** hoặc thiết bị **DVI** để đảm bảo chất lượng hình ảnh và âm thanh của PC. Lưu ý rằng chỉ đảm bảo chất lượng âm thanh khi kết nối theo tùy chọn 2 bên dưới.

2. Kết nối cáp âm thanh của Màn hình LCD của bạn với cổng âm thanh ở phía sau Màn hình LCD của bạn.

3. Kết nối dây điện nguồn của màn hình LCD với cổng nguồn vào ở phía sau của Màn hình LCD. Bật công tắc nguồn điện.

Lưu ý

- Bật cả máy tính và Màn hình LCD của bạn.
- Liên hệ với Trung tâm Dịch vụ SAMSUNG **Electronics** tại địa phương để mua thêm các linh kiện tùy chọn.

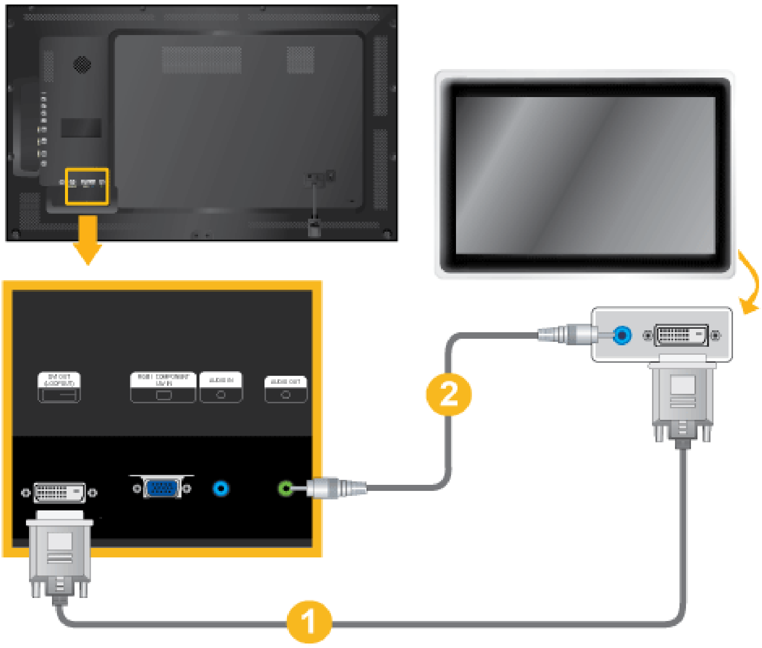
Các kết nối

Kết nối với các Thiết bị khác

Lưu ý

- Các thiết bị đầu vào AV như đầu DVD, VCR hay máy quay video xách tay cũng như máy tính của bạn đều có thể được kết nối với Màn hình LCD. Để biết thêm thông tin chi tiết các kết nối các thiết bị đầu vào AV, tham khảo các nội dung trong mục Điều chỉnh Màn hình LCD của Bạn.
- Cấu hình nằm phía sau của Màn hình LCD có thể thay đổi chút ít tùy vào mẫu Màn hình LCD.

Kết nối màn hình bên ngoài

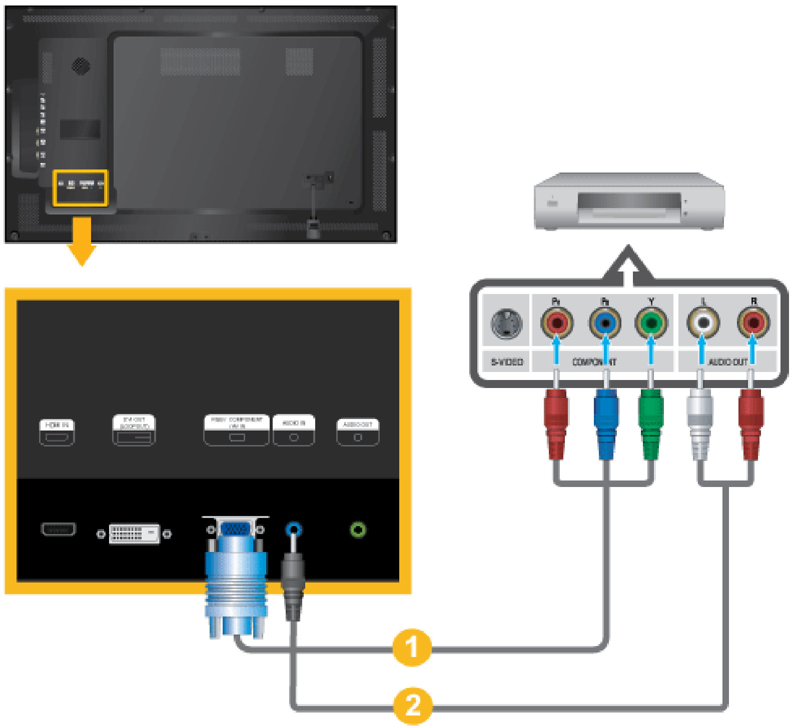


1. Kết nối cổng [DVI OUT(LOOPOUT)] trên màn hình LCD và cổng vào trên một màn hình khác sử dụng cáp DVI.
2. Kết nối cổng [AUDIO OUT] trên màn hình LCD và cổng đầu vào âm thanh trên một màn hình khác sử dụng cáp stereo.
3. Dùng nút SOURCE nằm ở mặt trước của màn hình LCD hoặc trên bộ điều khiển từ xa để chọn cổng DVI.

Lưu ý

DVI OUT không hỗ trợ HDCP.

Kết nối sử dụng cáp chuyển tín hiệu RGB sang AV



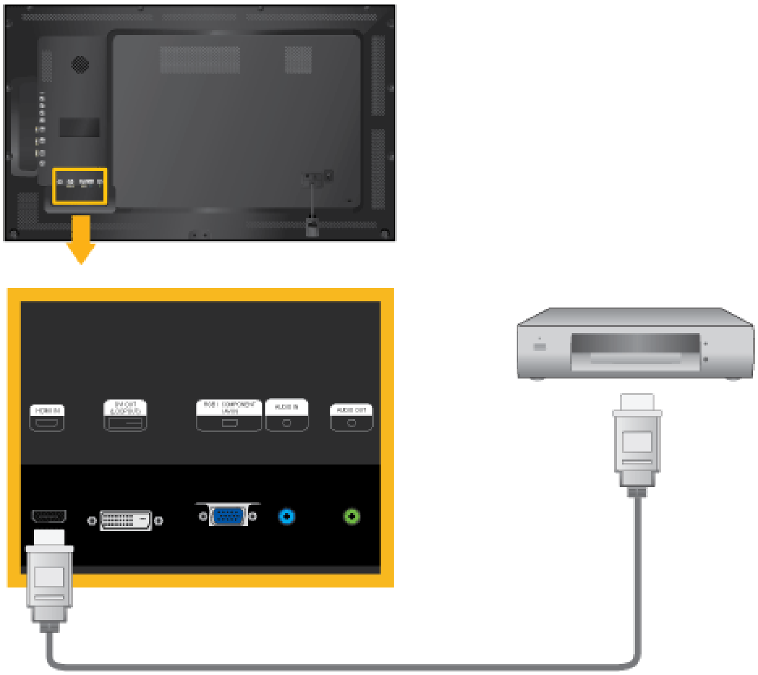
1. Kết nối cáp chuyển tín hiệu RGB sang AV với cổng [RGB/COMPONENT/AV IN] trên màn hình.

2. Kết nối bộ cáp âm thanh từ cổng [AUDIO IN] trên Màn hình LCD và jack cắm AUDIO OUT trên đầu đĩa DVD.

Lưu ý

- Chọn **AV** cho kết nối Đầu đĩa DVD bằng cách sử dụng nút SOURCE phía trước Màn hình LCD hoặc trên bộ điều khiển từ xa.
- Sau đó, bật Đầu đĩa DVD và đưa đĩa vào để bắt đầu phát.
- Có thể tùy chọn cáp chuyển tín hiệu RGB sang AV.

Kết nối bằng cáp HDMI



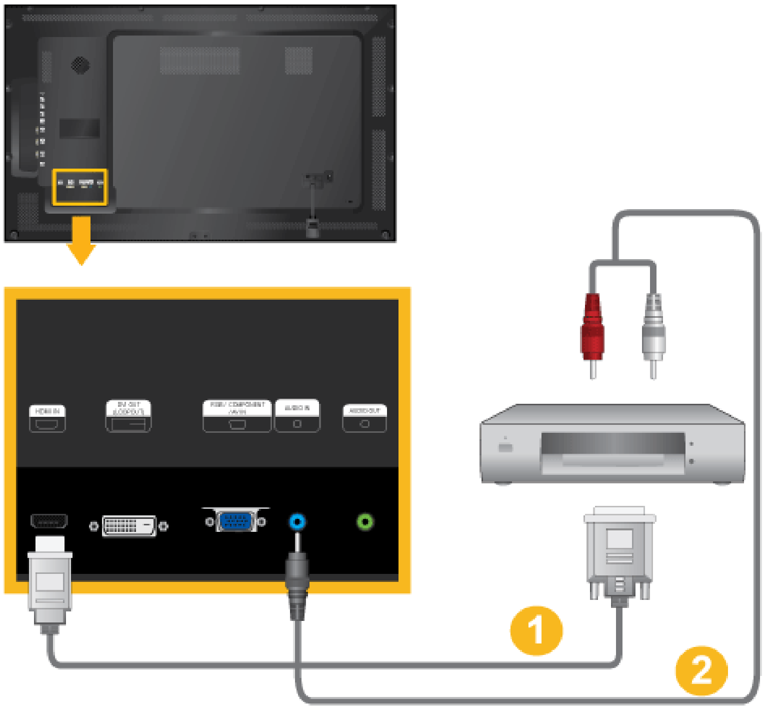
1. Kết nối các thiết bị đầu vào như đầu đĩa Blu-Ray/DVD với ngõ [HDMI IN] của màn hình LCD bằng cáp HDMI.

2. Chọn **HDMI** bằng cách sử dụng nút SOURCE ở phía trước màn hình LCD hoặc trên bộ điều khiển từ xa.

Lưu ý

Trong chế độ **HDMI**, chỉ hỗ trợ chuẩn âm thanh PCM.

Kết nối bằng cáp chuyển DVI sang HDMI

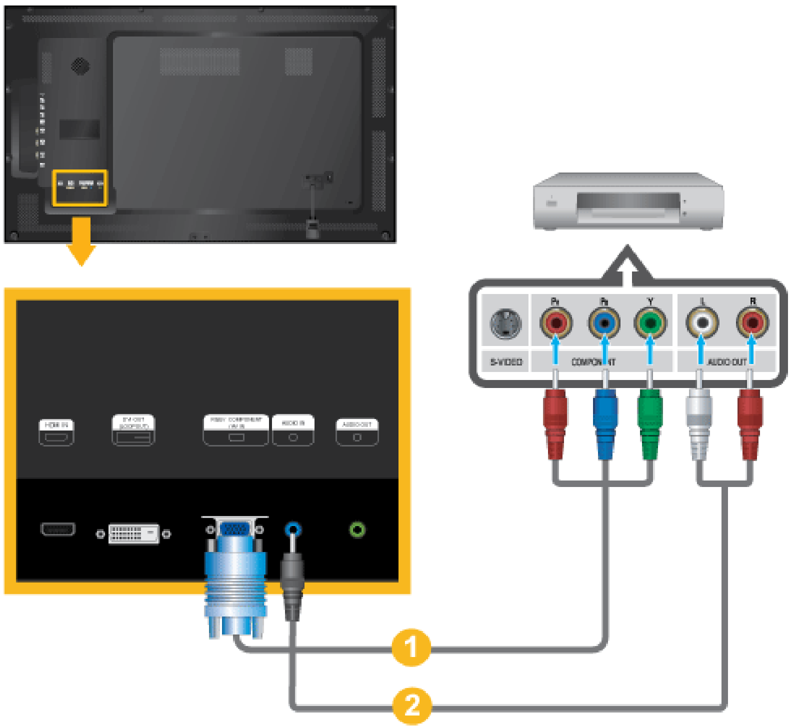


1. Kết nối cổng ra DVI của một thiết bị đầu ra kỹ thuật số với cổng [HDMI IN] của Màn hình LCD bằng cách sử dụng cáp chuyển DVI sang HDMI.

2. Kết nối các đầu dây jack đỏ và trắng của một cáp chuyển RCA sang stereo (đối với máy PC) vào các cổng đầu ra cùng màu trên thiết bị đầu ra kỹ thuật số, và kết nối các đầu dây [AUDIO IN] còn lại tới các cổng của Màn hình LCD.

3. Chọn **HDMI** bằng cách sử dụng nút SOURCE ở phía trước màn hình LCD hoặc trên bộ điều khiển từ xa.

Kết nối với Đầu đĩa DVD



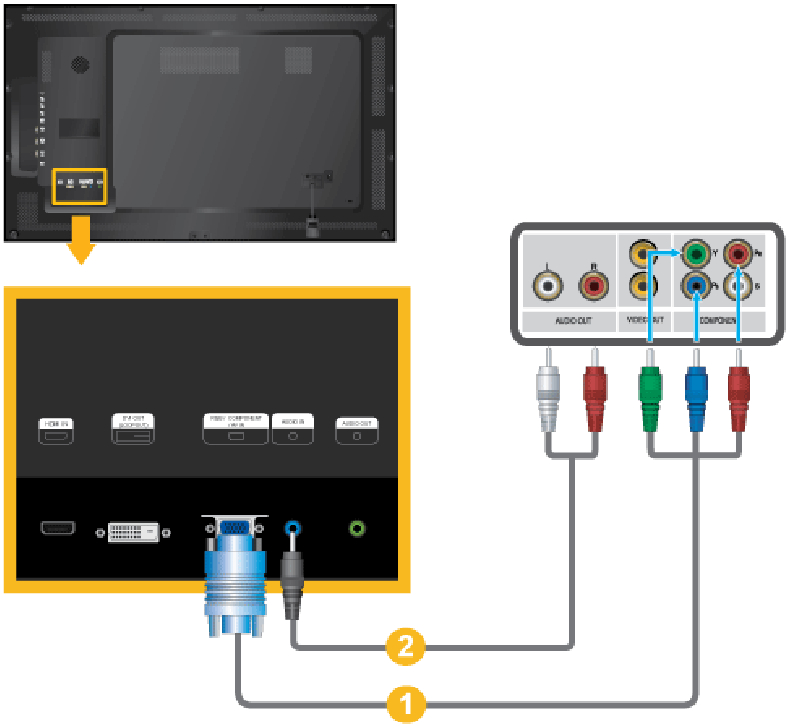
1. Kết nối cáp chuyển tín hiệu RGB với Component nằm giữa cổng [RGB / COMPONENT / AV IN] trên màn hình LCD và đầu cắm P_R, Y, P_B trên đầu đĩa DVD.

2. Kết nối bộ cáp âm thanh từ cổng [AUDIO IN] trên Màn hình LCD và jack cắm AUDIO OUT trên đầu đĩa DVD.

Lưu ý

- Chọn **Component** cho kết nối Đầu đĩa DVD bằng cách sử dụng nút SOURCE phía trước Màn hình LCD hoặc trên bộ điều khiển từ xa.
- Sau đó, bật Đầu đĩa DVD và đưa đĩa vào để bắt đầu phát.
- Có thể tùy chọn cáp chuyển tín hiệu **RGB** sang **component**.
- Để biết thêm thông tin giải thích về cổng video Thiết bị (Component), hãy xem hướng dẫn sử dụng của đầu DVD.

Kết nối với hộp thu phát tín hiệu truyền hình kỹ thuật số (DTV Set Top Box) (Cáp/Vệ tinh)



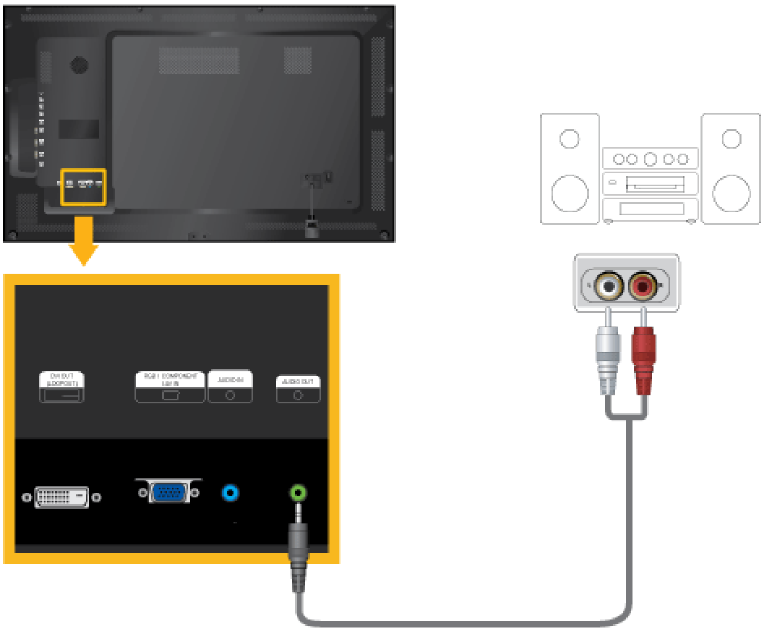
1. Kết nối cáp chuyển tín hiệu RGB sang Component nằm giữa cổng [RGB / COMPONENT / AV IN] trên màn hình LCD và đầu cắm P_R, Y, P_B trên hộp ở phía trên sản phẩm.

2. Kết nối bộ cáp âm thanh từ cổng [AUDIO IN] trên Màn hình LCD với các jack cắm AUDIO OUT trên Hộp thu phát tín hiệu.

Lưu ý

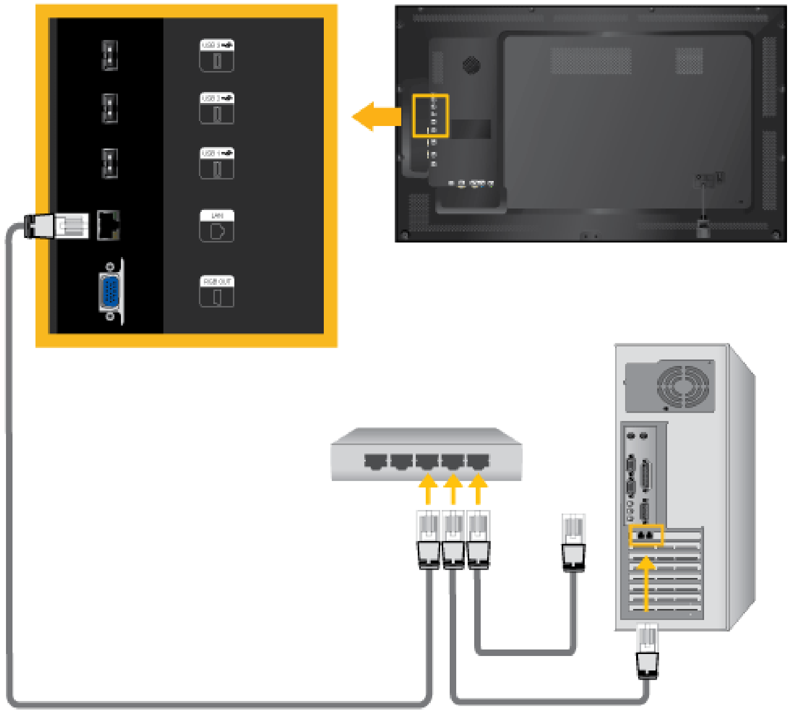
- Chọn **Component** cho kết nối đến một Hộp thu phát tín hiệu DTV sử dụng nút SOURCE phía trước Màn hình LCD hoặc trên bộ điều khiển từ xa.
- Để biết thêm thông tin giải thích về Component video, xem tài liệu hướng dẫn sử dụng Hộp thu phát tín hiệu.

Kết nối với Hệ thống Âm thanh



1. Kết nối một bộ dây cáp âm thanh giữa các dây jack AUX L, R trên HỆ THỐNG ÂM THANH với cổng [AUDIO OUT] trên Màn hình LCD.

Kết nối Cáp mạng LAN



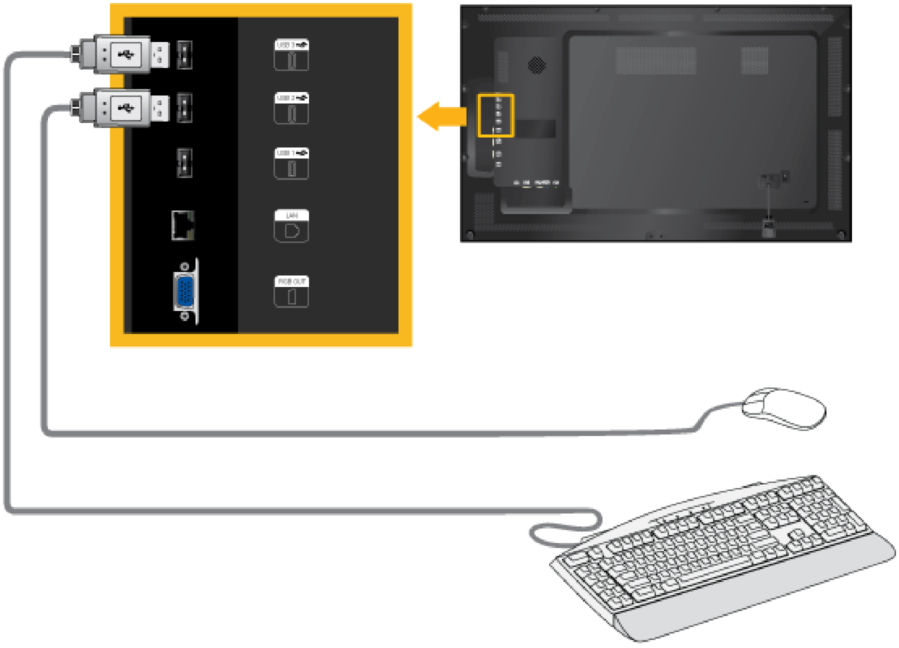
Kết nối cáp mạng LAN.

Lưu ý

Chỉ áp dụng cho mẫu **EXn**.

Các kết nối

Kết nối thiết bị USB



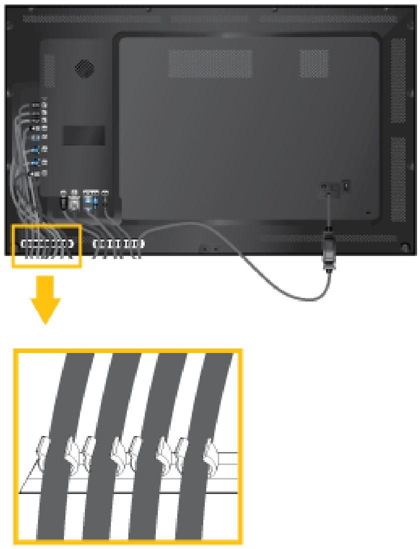
Bạn có thể kết nối với các thiết bị USB như chuột hoặc bàn phím.

Lưu ý

Chỉ áp dụng cho mẫu **EXn**.

Các kết nối

Lắp ráp cáp



Lưu ý

Không được kéo cáp quá mạnh khi sắp xếp chúng. Điều này có thể gây hư hỏng các đầu kết nối của sản phẩm.

Sử dụng phần mềm

Trình điều khiển màn hình

Lưu ý

Khi hệ điều hành yêu cầu cài đặt trình điều khiển màn hình, bạn hãy nạp đĩa CD-ROM đi kèm với màn hình. Quá trình cài đặt trình điều khiển có thể khác nhau đối với từng hệ điều hành. Hãy thực hiện các hướng dẫn thích hợp với hệ điều hành của bạn.

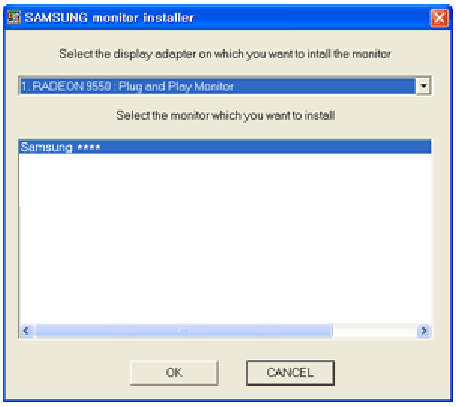
Chuẩn bị một đĩa trắng và tải tập tin trình điều khiển màn hình từ trang web sau đây.

Địa chỉ Internet:

http://www.samsung.com/

Cài đặt Monitor Driver (Trình điều khiển màn hình) (Tự động)

1. Đưa đĩa CD-ROM cài đặt vào ổ CD-ROM.
2. Nhấp vào "**Windows**".
3. Hoàn tất các bước cài đặt còn lại theo các chỉ dẫn hiển thị trên màn hình.
4. Chọn mẫu sản phẩm của bạn từ danh sách mẫu.



5. Kiểm tra độ phân giải và tần số làm tươi màn hình trong thiết lập Control Panel (Bảng điều khiển). Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo tài liệu về hệ điều hành Windows.

Lưu ý

Trình điều khiển của màn hình đã được Microsoft chứng nhận, và việc cài đặt này không làm hỏng hệ thống của bạn.

Trình điều khiển được chứng nhận này được đặt trên trang chủ Màn hình Samsung.

http://www.samsung.com/

Cài đặt trình điều khiển màn hình (Thủ công)

Hệ điều hành Microsoft® Windows Vista™

1. Đặt đĩa CD Hướng dẫn sử dụng vào ổ CD-ROM của bạn.

2. Nhấp vào (Start) và "Bảng điều khiển". Sau đó, nhấp đôi vào "Appearance and Personalization (Hình thức và Cá nhân hóa)".





3. Nhấp vào "Personalization (Cá nhân hóa)" và chọn "Display Settings (Thiết lập hiển thị)".





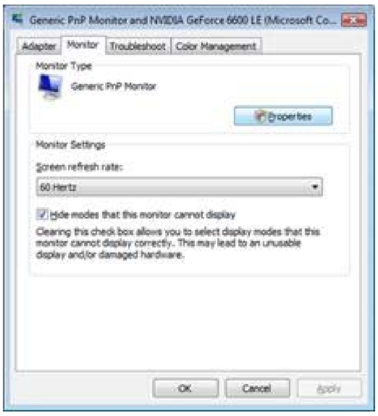
4. Nhấp vào "Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)...".



5. Nhấp vào "Properties (Thuộc tính)" trong thẻ "Monitor (Màn hình)". Nếu nút "Properties (Thuộc tính)" bị tắt, có nghĩa là bạn đã hoàn tất cấu hình cho màn hình. Màn hình đã có thể sử dụng được.

   Nếu xuất hiện thông báo "Windows needs (Windows cần)...", như hình bên dưới, nhấp vào "Continue (Tiếp tục)".



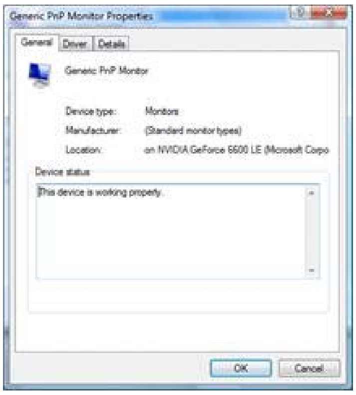


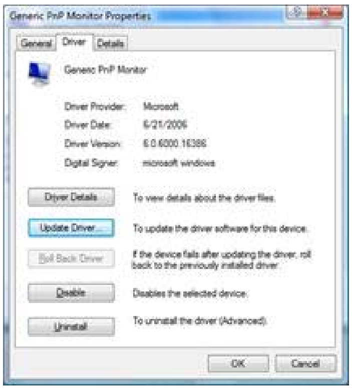
Lưu ý

Trình điều khiển màn hình này đã được chứng nhận với biểu tượng MS và việc cài đặt này sẽ không làm hỏng hệ thống của bạn.

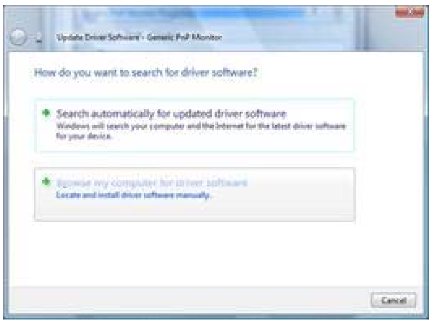
Trình điều khiển được chứng nhận này được đặt trên trang chủ Màn hình Samsung.

6. Nhấp vào "Update Driver (Cập nhật trình điều khiển)..." trong thẻ "Driver (Trình điều khiển)".



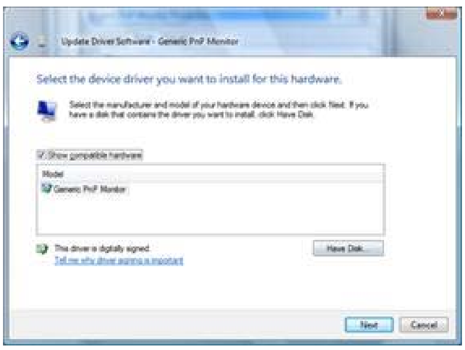


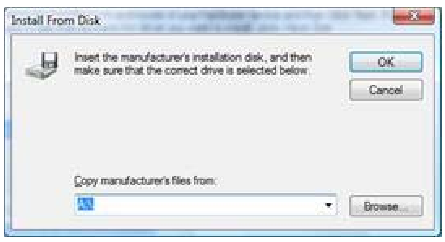
7. Đánh dấu chọn vào hộp kiểm "Browse my computer for driver software (Tìm trình điều khiển có trong máy của tôi)" và nhấp vào "Let me pick from a list of device drivers on my computer (Tôi sẽ chọn từ danh sách trình điều khiển thiết bị trên máy của tôi)".



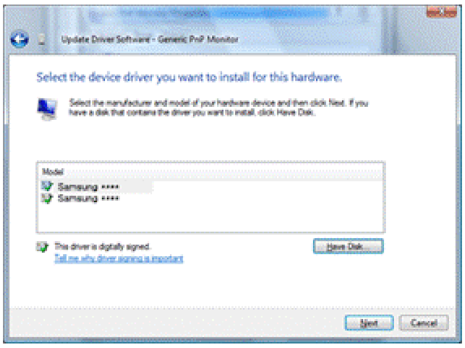


8. Nhấp vào "Have Disk (Nạp đĩa)..." và chọn thư mục (ví dụ, D:\Drive) nơi chứa tập tin cài đặt trình điều khiển và nhấp vào "OK (Đồng ý)".

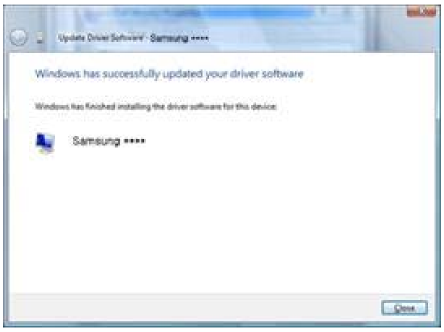


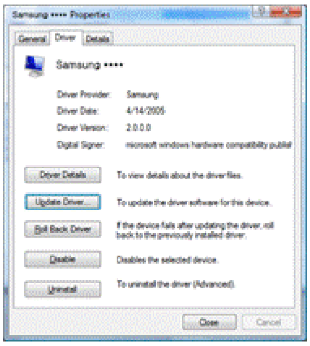


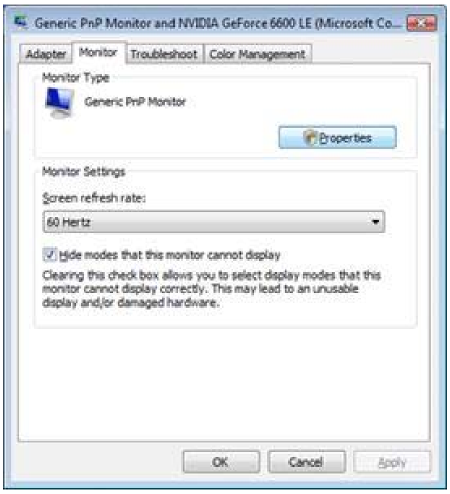
9. Chọn model phù hợp trong danh sách các loại màn hình rồi nhấp vào "Next (Tiếp tục)".

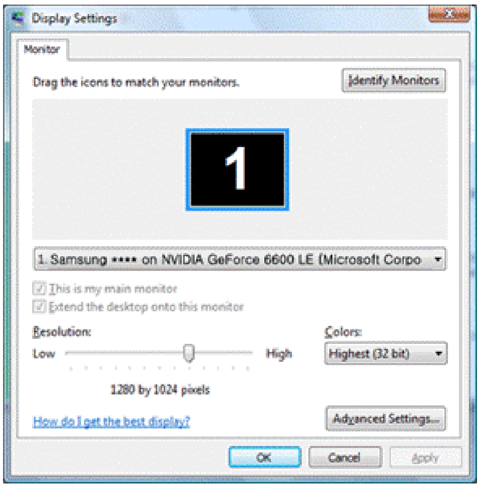


10. Nhấp vào "Close(Đóng)" → "Close(Đóng)" → "OK(Đồng ý)" → "OK(Đồng ý)" trên các màn hình tiếp theo.







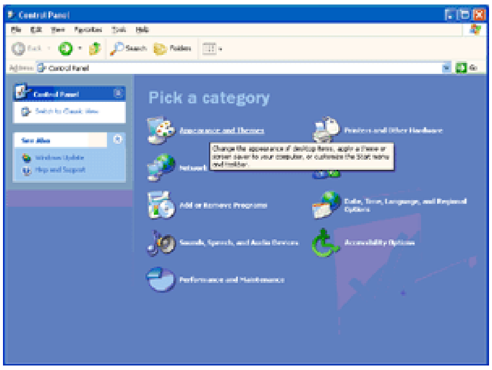


Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP

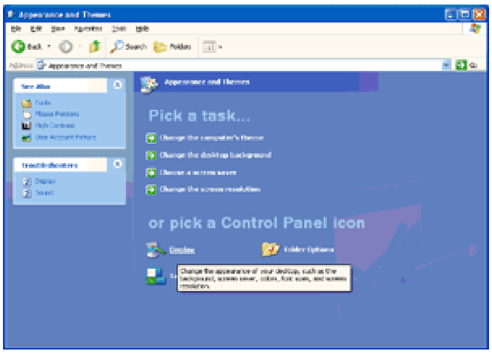
1. Đặt đĩa CD vào trong ổ CD-ROM.

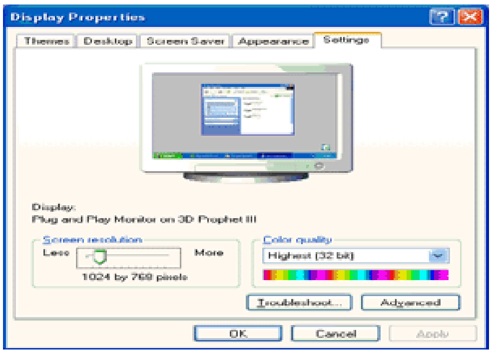
2. Nhấp vào "Start(Bắt đầu)" → "Control Panel(Bảng điều khiển)" và nhấp vào biểu tượng "Appearance and Themes(Hình thức và Chủ đề)".



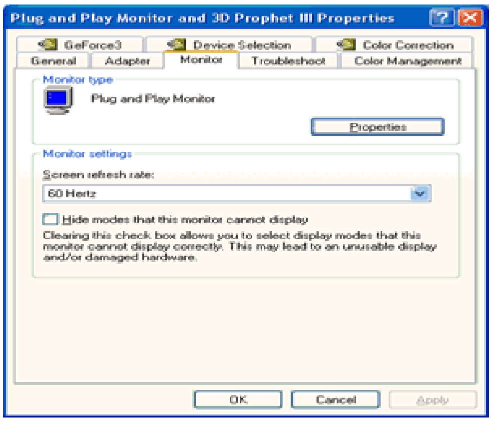


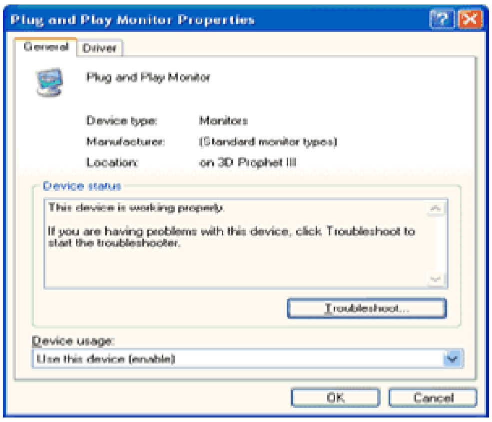
3. Nhấp vào biểu tượng "Display(Hiển thị)" và chọn thẻ "Settings(Cài đặt)" sau đó nhấp vào "Advanced...(Cao cấp...)".





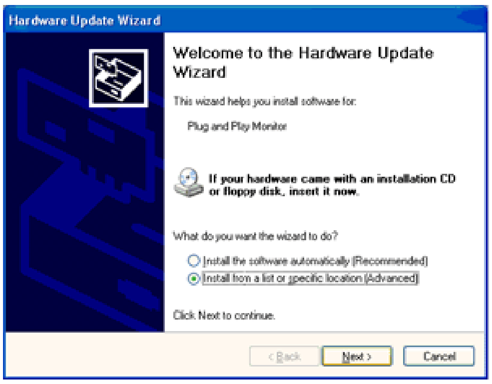
4. Nhấp vào nút "Properties(Thuộc tính)" trong thẻ "Monitor(Màn hình)" và chọn thẻ "Driver(Trình điều khiển)".



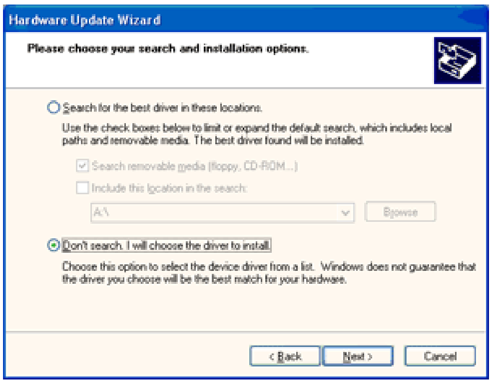


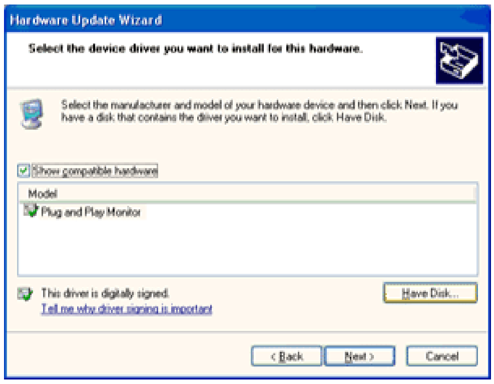
5. Nhấp vào "Update Driver...(Cập nhật Trình điều khiển...)" và chọn "Install from a list or...(Cài đặt từ danh sách hoặc...)" và nhấp vào nút "Next(Tiếp theo)".



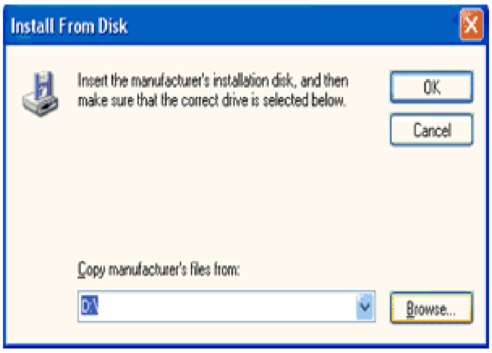


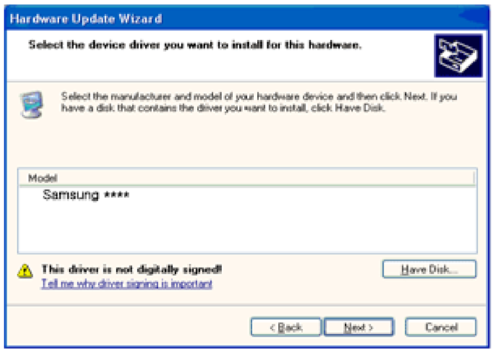
6. Chọn "Don't search, I will...(Không cần tìm, tôi sẽ...)" sau đó nhấp vào "Next(Tiếp theo)" và sau đó nhấp vào "Have disk(Nạp đĩa)".



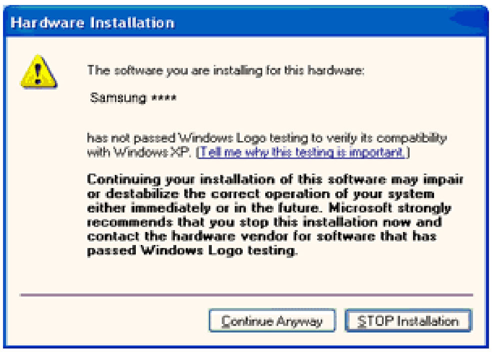


7. Nhấp vào nút "Browse(Tìm)" và sau đó chọn A:(D:\Driver) và chọn model màn hình của bạn trong danh sách và nhấp vào nút "Next (Tiếp theo)".





8. Nếu thấy xuất hiện cửa sổ thông báo sau, bạn hãy nhấp vào nút "Continue Anyway (Vẫn tiếp tục)". Sau đó nhấp vào nút "OK(Đồng ý)".



Lưu ý

Trình điều khiển màn hình này được chứng nhận bởi Microsoft, và việc cài đặt này sẽ không làm hỏng hệ thống của bạn.

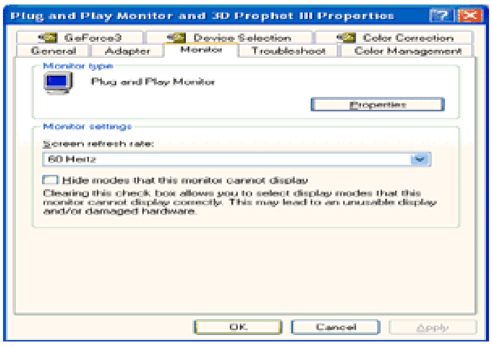
Trình điều khiển được chứng nhận này được đặt trên trang chủ Màn hình Samsung.

http://www.samsung.com/

9. Nhấp vào nút "Close (Đóng)" sau đó nhấp liên tục vào nút "OK (Đồng ý)".







10. Quá trình cài đặt trình điều khiển màn hình đã hoàn tất.

Hệ điều hành Microsoft® Windows® 2000

Khi bạn nhìn thấy "Digital Signature Not Found(Không tìm thấy chữ ký điện tử)" trên màn hình của bạn, hãy thực hiện theo các bước sau.

1. Chọn nút "OK(Đồng ý)" trong cửa sổ "Insert disk(Nạp đĩa)".
2. Nhấp vào nút "Browse(Tìm)" trong cửa sổ "File Needed(Yêu cầu tập tin)".
3. Chọn A:(D:\Driver) và sau đó nhấp vào nút "Open(Mở)" và sau đó nhấp vào nút "OK(Đồng ý)".

Cách cài đặt

1. Nhấp vào "Start(Bắt đầu)", "Setting(Cài đặt)", "Control Panel(Bảng điều khiển)".
2. Nhấp đôi vào biểu tượng "Display(Hiển thị)".
3. Chọn thẻ "Settings(Cài đặt)" và nhấp vào nút "Advanced Properties(Thuộc tính mở rộng)".
4. Chọn "Monitor(Màn hình)".

   Trường hợp 1: Nếu nút "Properties(Thuộc tính)" không kích hoạt, nghĩa là màn hình đã được cài đặt phù hợp. Hãy ngừng quá trình cài đặt

   Trường hợp 2: Nếu nút "Properties (Thuộc tính)" được kích hoạt, hãy nhấp vào nút "Properties (Thuộc tính)" rồi thực hiện các bước tiếp theo.

5. Nhấp vào "Driver(Trình điều khiển)" và sau đó nhấp vào "Update Driver...(Cập nhật trình điều khiển...)" và sau đó nhấp vào nút "Next(Tiếp theo)".
6. Chọn "Display a list of the known drivers for this device so that I can choose a specific driver(Hiển thị danh sách các trình điều khiển đã biết cho thiết bị này để tôi có thể chọn trình điều khiển cụ thể)" và nhấp vào "Next(Tiếp theo)" và sau đó nhấp vào "Have disk(Nạp đĩa)".
7. Nhấp vào nút "Browse(Tìm)" và chọn A:(D:\Driver).
8. Nhấp vào nút "Open(Mở)", và nhấp vào nút "OK(Đồng ý)".
9. Chọn model màn hình của bạn và nhấp vào nút "Next (Kế tiếp)". Sau đó nhấp nút "Next (Kế tiếp)".
10. Nhấp vào nút "Finish(Hoàn tất)" và sau đó "Close(Đóng)".

    Nếu xuất hiện cửa sổ "Digital Signature Not Found(Không tìm thấy chữ ký điện tử)" hãy nhấp vào nút "Yes(Có)". Tiếp theo nhấp vào nút "Finish (Hoàn tất)" và nút "Close (Đóng)".

Hệ điều hành Microsoft® Windows® Millennium

1. Nhấp vào "Start(Bắt đầu)", "Setting(Cài đặt)", "Control Panel(Bảng điều khiển)".
2. Nhấp đôi vào biểu tượng "Display(Hiển thị)".
3. Chọn thẻ "Settings(Cài đặt)" và nhấp vào nút "Advanced Properties(Thuộc tính mở rộng)".
4. Chọn thẻ "Monitor(Màn hình)".

5. Nhấp vào nút "Change(Thay đổi)" trong vùng "Monitor Type(Kiểu màn hình)".

6. Chọn "Specify the location of the driver(Chỉ định vị trí của trình điều khiển)".

7. Chọn "Display a list of all the driver in a specific location...(Hiển thị danh sách tất cả các trình điều khiển tại vị trí cụ thể...)" sau đó nhấp vào nút "Next(Tiếp theo)".

8. Nhấp vào nút "Have Disk(Nạp đĩa)".

9. Chỉ định A:\(D:\driver) và nhấp vào nút "OK(Đồng ý)".

10. Chọn "Show all devices(Hiển thị tất cả thiết bị)" và chọn màn hình phù hợp với máy tính của bạn và nhấp vào "OK(Đồng ý)".

11. Tiếp tục chọn nút "Close(Đóng)" và nút "OK(Đồng ý)" cho đến khi bạn đóng lại hộp thoại Thuộc tính Hiển thị.

Hệ điều hành Microsoft® Windows® NT

1. Nhấp vào "Start(Bắt đầu)", "Settings(Cài đặt)", "Control Panel(Bảng điều khiển)", và nhấp đôi vào biểu tượng "Display(Hiển thị)".

2. Trong cửa sổ Hiển thị Thông tin Đăng ký, chọn thẻ Cài đặt rồi chọn "All Display Modes(Tất cả các kiểu hiển thị)".

3. Chọn chế độ mà bạn muốn sử dụng (Độ phân giải, Số lượng màu và Tần số quét dọc) và nhấp vào "OK(Đồng ý)".

4. Nhấp vào nút "Apply(Áp dụng)" nếu bạn thấy màn hình hoạt động bình thường sau khi bạn nhấp vào "Test(Kiểm tra)". Nếu màn hình không hiển thị bình thường, hãy đổi sang chế độ khác (chế độ có độ phân giải, màu sắc hoặc tần số thấp hơn).

Lưu ý

Nếu không có Chế độ trong cửa sổ Tất cả các kiểu hiển thị, hãy chọn độ phân giải và tần số quét dọc bằng cách tham khảo các chế độ xung nhịp trong hướng dẫn sử dụng.

Hệ điều hành Linux

Để cài đặt X-Window, bạn cần tạo tập tin cấu hình X86Config, là một loại tập tin cài đặt hệ thống.

1. Nhấn vào "Enter(Nhập)" ở màn hình đầu tiên và thứ hai sau khi chạy tập tin X86Config.

2. Màn hình thứ ba dành cho thiết lập chuột của bạn.

3. Lắp đặt chuột cho máy tính của bạn.

4. Màn hình tiếp theo là để lắp đặt bàn phím.

5. Lắp đặt Bàn phím cho máy tính của bạn.

6. Màn hình tiếp theo dành cho thiết lập màn hình của bạn.

7. Trước hết, cài đặt tần số quét ngang cho màn hình. (Bạn có thể nhập số trực tiếp.)

8. Đặt một tần số quét dọc cho màn hình của bạn. (Bạn có thể nhập số trực tiếp.)

9. Nhập vào tên model màn hình của bạn. Thông tin này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động thực của X-Window.

10. Bạn đã kết thúc cài đặt màn hình. Chạy tập tin X-Window sau khi cài đặt các thiết bị phần cứng khác.

Sử dụng phần mềm

MDC

Cài đặt

1. Đặt đĩa CD cài đặt vào trong ổ đĩa CD-ROM.

2. Nhấp chương trình cài đặt MDC System.

   Lưu ý
   Nếu màn hình cài đặt phần mềm không được hiển thị, hãy cài đặt sử dụng tập tin cài đặt MDC System trong thư mục MDC trong đĩa CD-ROM.

3. Nếu cửa sổ cài đặt xuất hiện, nhấp vào "Tiếp theo".

4. Màn hình "License Agreement" sẽ xuất hiện. Nhấp vào Yes.

5. Màn hình "Customer Information" sẽ xuất hiện. Đăng ký thông tin người sử dụng và nhấp "Yes."

6. Màn hình "Choose Destination Location" sẽ xuất hiện. Chỉ định địa điểm tập tin cài đặt và nhấp "Next."

   Lưu ý
   Nếu không chỉ định địa điểm tập tin, chương trình sẽ được cài đặt ở địa điểm tập tin mặc định.

7. Màn hình "Start Copying Files" sẽ xuất hiện. Xác định điểm chỉ tập tin cài đặt và nhấp "Next."

8. Màn hình tiến độ cài đặt sẽ xuất hiện.

9. Màn hình "InstallShield Wizard Complete" sẽ xuất hiện. Nhấp vào Finish.

   Lưu ý
   Chọn " Launch MDC System" và nhấp "Finish." Chương trình MDC sẽ chạy ngay.



10. Khi quá trình cài đặt hoàn thành thành công, biểu tượng thực thi của phần mềm MDC System sẽ xuất hiện trên màn hình desktop của bạn.

Biểu tượng thực thi của chương trình MDC có thể không xuất hiện trên màn hình tùy vào cài đặt hệ thống máy tính hoặc màn hình. Nếu điều này xảy ra, nhấn vào phím F5.

Sự cố khi Cài đặt

Quá trình cài đặt MDC có thể bị các yếu tố card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng ảnh hưởng.

Gỡ cài đặt

Bạn có thể gỡ bỏ chương trình MDC bằng cách sử dụng tùy chọn "Add or Remove Programs(Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)" trong Bảng điều khiển của Windows® .

Thực hiện theo các bước sau để gỡ bỏ MDC.

Chọn "Setting/Control Panel(Cài đặt/Bảng điều khiển)" trên menu "Start(Khởi động)" và sau đó nhấp đôi) "Add/Delete a program(Thêm/Xóa chương trình)".

Chọn MDC System từ danh sách và sau đó nhấp vào nút "Add/Delete(Thêm/Xóa)".

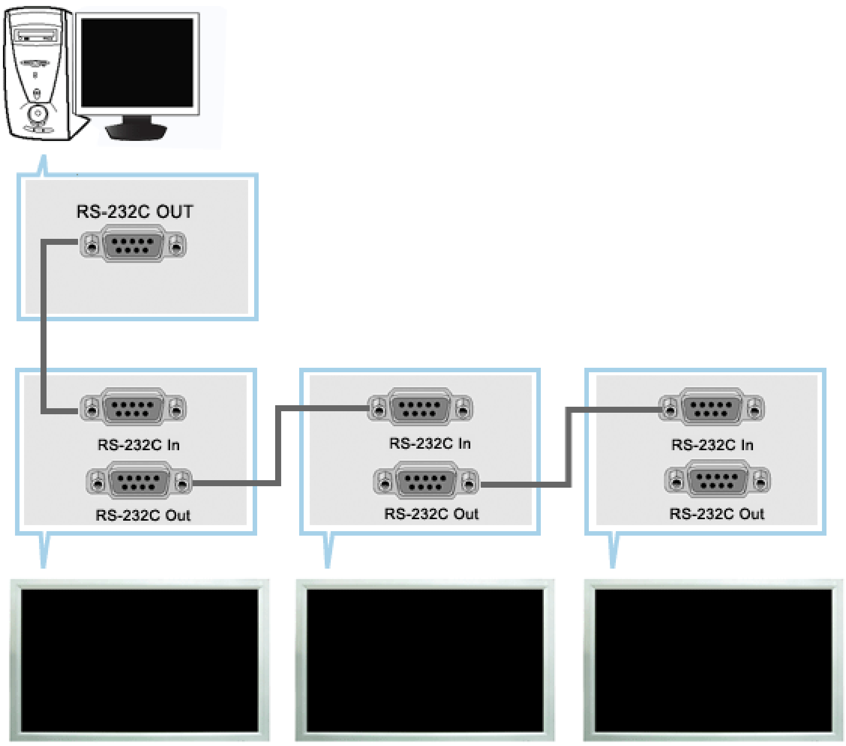
☑ **Sử dụng Serial MDC**

☑ **Sử dụng Ethernet MDC**

Multiple Display Control

MDC System

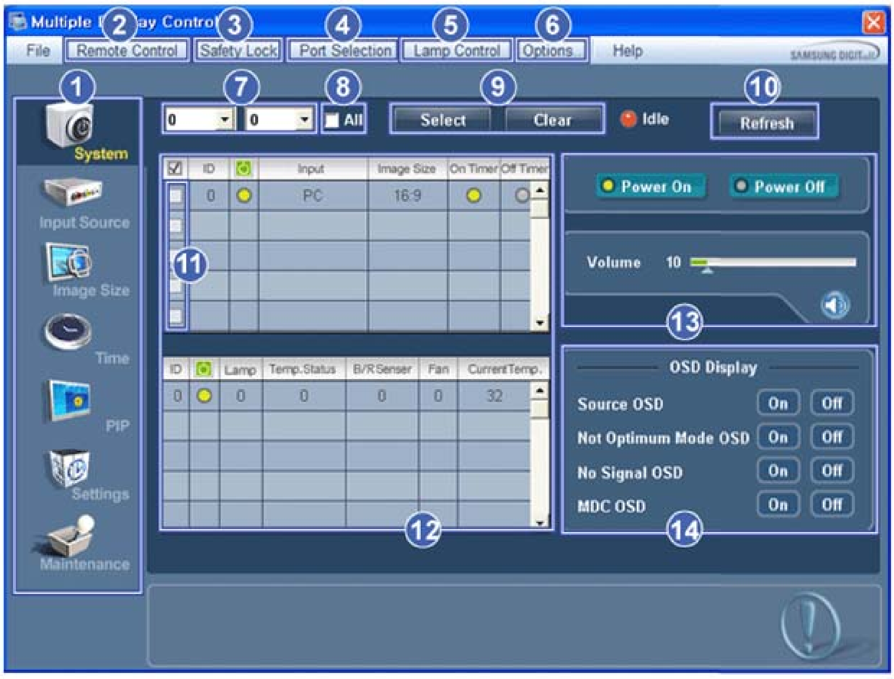
Giới thiệu



Bắt đầu – Màn hình Chính

Start > Program> Samsung > MDC System to start the program.

Chọn cài đặt để xem tập hợp các kiểu màn hình được chọn trong bản trình chiếu.



1. Các Biểu tượng Chính
2. Remote Control
3. Safety Lock
4. Port Selection
5. Lamp Control
6. Option...
7. Xem hộp thả các trình lựa chọn
8. All
9. Nút chọn
10. Refresh
11. Chọn màn hình
12. Lưới thông tin
13. Các Công cụ Điều khiển
14. OSD Display

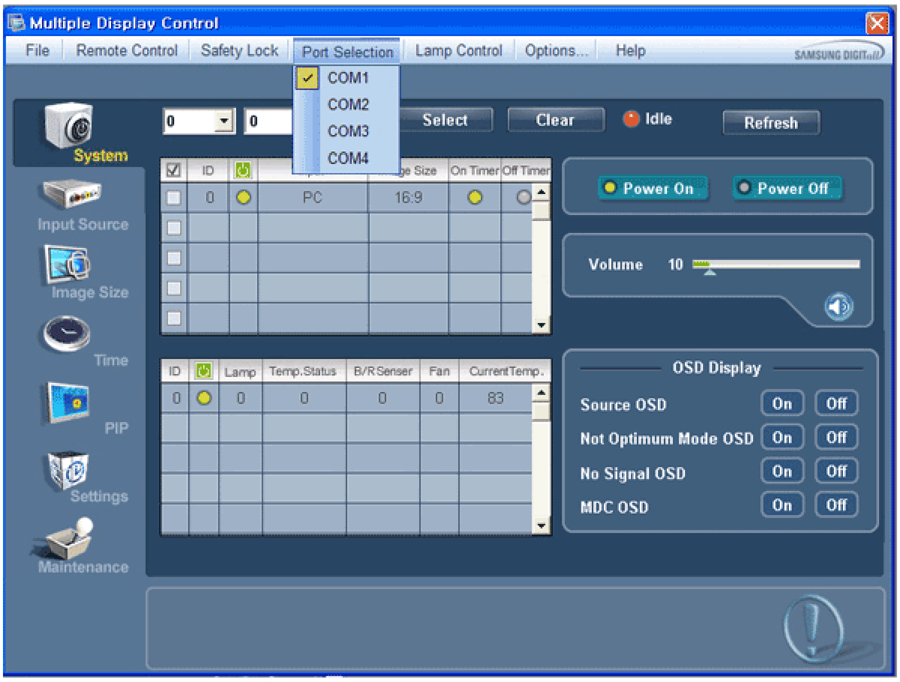
---

1. Dùng các biểu tượng chính để chuyển sang màn hình tương ứng.
2. Cho phép bật hay tắt chức năng nhận tín hiệu điều khiển từ xa của đơn vị màn hình hiển thị.
3. Thiết lập Chức năng Khóa.
   Khi cài đặt tính năng khóa (Lock), bạn có thể điều khiển các nút nguồn và khóa trên thiết bị điều khiển từ xa và trên màn hình.
4. Cài đặt Cổng Nối tiếp máy PC (PC Serial Port) có thể thay đổi. Giá trị ban đầu là COM1.
5. Chọn một chế độ điều chỉnh đèn.
6. Điều chỉnh số lượng mã LFD và tần suất số lần lặp tìm kiếm.
7. Định nghĩa dãy mã LFD sẽ hiển thị. Bạn có thể chọn hoặc hủy chọn các mã hiển thị sử dụng nút Select (Chọn) hoặc Clear (Xóa).
8. Có thể chọn hoặc hủy chọn toàn bộ màn hình.
9. Chọn (Select) hoặc hủy chọn (Clear) các mã LFD hiển thị bằng cách cấu hình 7 và 8.
10. Thao tác này thực hiện tìm kiếm các màn hình. Số lượng màn hình tối đa được hiển thị trong trường Max LFD Id (Mã LFD tối đa).
11. Chọn một màn hình trong mục Display Selection (Chọn màn hình).
12. Sử dụng kiểu Grid (Lưới) để xem thông tin tóm tắt về màn hình được chọn.
13. Sử dụng các Công cụ Điều khiển (Control Tools) để điều khiển các màn hình hiển thị.
14. Bật/Tắt tính năng OSD

   -Không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.

<Lưu ý> Chức năng Bật/Tắt (Enable/Disable) điều khiển từ xa vẫn hoạt động cho dù nguồn đang Bật/Tắt (On/Off), và điều này áp dụng cho tất cả các màn hình hiển thị liên kết với các màn hình có kết nối với MDC. Tuy nhiên, bất kể trạng thái đang có vào thời điểm MDC ngưng hoạt động, chức năng nhận tín hiệu điều khiển từ xa của tất cả các màn hình hiển thị luôn được tái lập về giá trị Bật (Enable) khi MDC đóng.

Port Selection

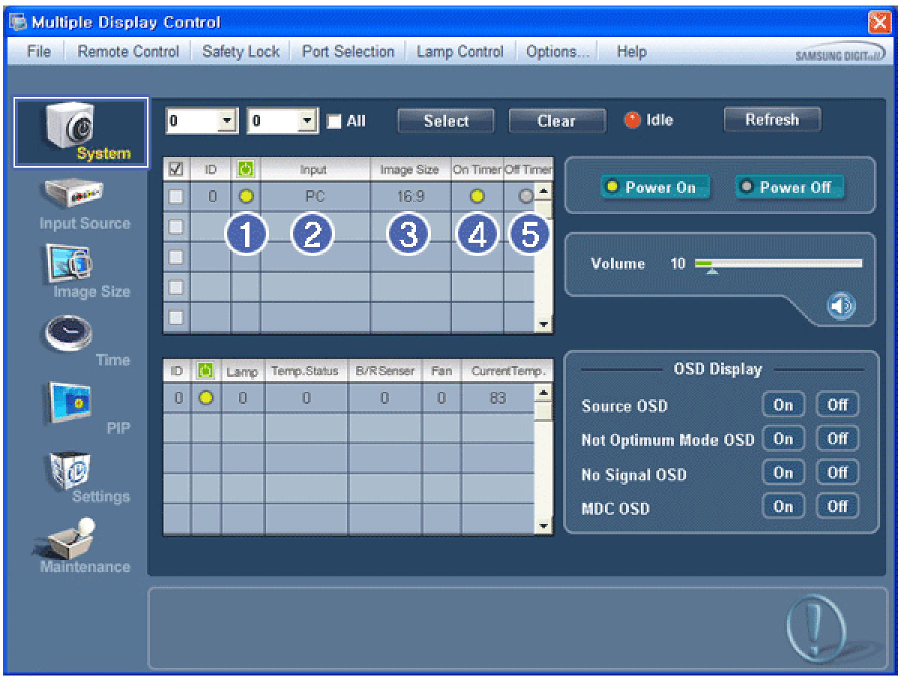


1. Điều khiển Đa Hiển thị (Multiple Display Control) được chọn mặc định cho cổng COM1
2. Nếu có bất cứ cổng nào khác ngoài cổng COM1, các giá trị từ COM1 đến COM4 có thể được chọn từ Menu Chọn Cổng (Port Selection Menu).
3. Nếu tên cổng kết nối với màn hình dùng cáp nối tiếp không được chọn chính xác, việc trao đổi tín hiệu sẽ không thể thực hiện được.
4. Cổng được chọn được sẽ lưu lại trong chương trình và được sử dụng cho chương trình sau đó.



System

1. Nhấp System trong trình đơn chính để mở màn hình điều chỉnh hệ thống.



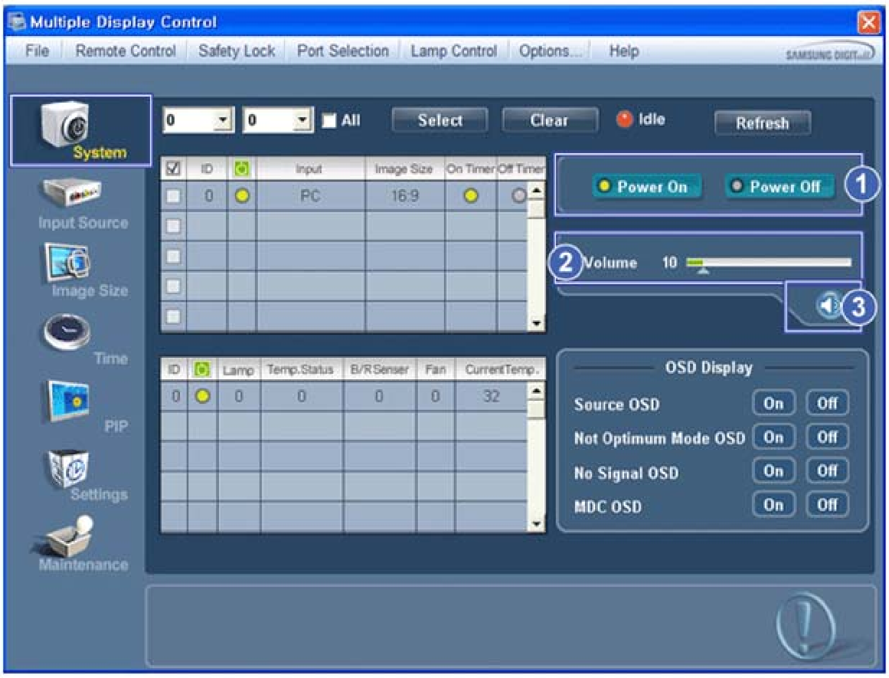
Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Nguồn điện (Power Control).

1) Power Status(Trạng thái Nguồn)

2) Input

3) Image Size
4) On Timer
5) Off Timer

2. Chọn những màn hình bạn muốn điều chỉnh sử dụng nút Select (Lựa chọn) hoặc các hộp chọn.



✱ Điều khiển Nguồn (Power Control) cho phép điều khiển một số chức năng của màn hình hiển thị được chọn.

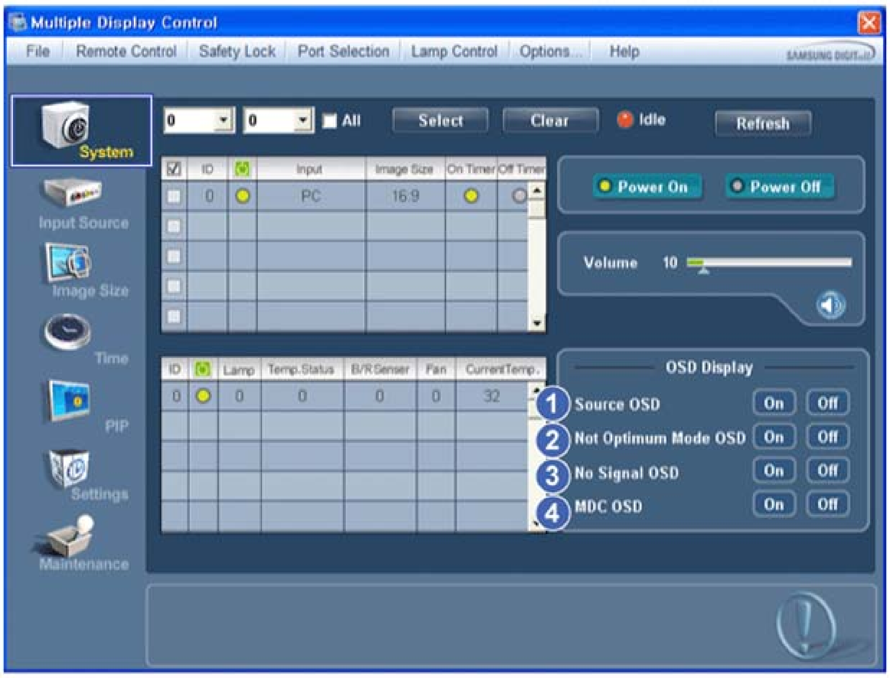
1) Power On/Off
 - On/Off nguồn của màn hình hiển thị được chọn.

2) Volume
 - Điều khiển mức âm lượng của màn hình hiển thị được chọn.
 Trị số mức âm lượng nhận được từ màn hình hiển thị đã chọn trong tập hợp các màn hình sẽ hiển thị bên trong khung trình chiếu.
 (Nếu bạn hủy chọn một hoặc toàn bộ màn hình, giá trị mặc định là 10 sẽ được hồi phục.)

3) Bật/Tắt Chức năng Tắt tiếng (Mute On/Off)
 - Turns on/off the Mute function of the selected display.
 When selecting one set at a time, turn on the Mute function for the selected set.
 Chức năng Tắt tiếng (Mute) tự động hủy chọn khi bạn điều chỉnh mức âm lượng.
 (Các giá trị trở về cài đặt mặc định khi bạn hủy các chọn lựa hay chọn "Chọn Tất cả.")

✱ **Chức năng Kiểm soát Âm lượng (Volume Control) và Tắt tiếng (Mute) chỉ có tác dụng trên các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**

3. Lựa chọn có hiển thị màn hình trình đơn sử dụng trình đơn OSD Display không.



1) Source OSD
- Cài đặt OSD nguồn có được hiển thị để chỉ ra khi nào Source thay đổi.

2) Not Optimum Mode OSD
- Cài đặt liệu chế độ OSD tối ưu có được hiển thị để chỉ ra liệu chế độ hiện tại có được hỗ trợ.

3) No Signal OSD
- Cài đặt liệu OSD không có tín hiệu có được hiển thị để chỉ ra khi nào không có tín hiệu.

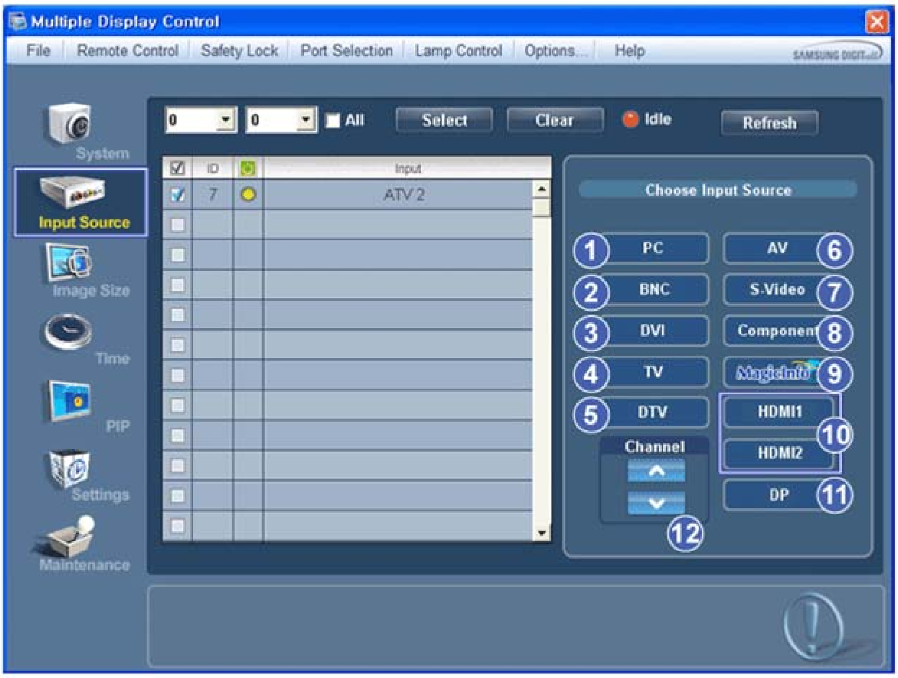
4) MDC OSD
- Cài đặt liệu OSD MDC có được hiển thị để chỉ ra khi nào các cài đặt được thay đổi sử dụng MDC.



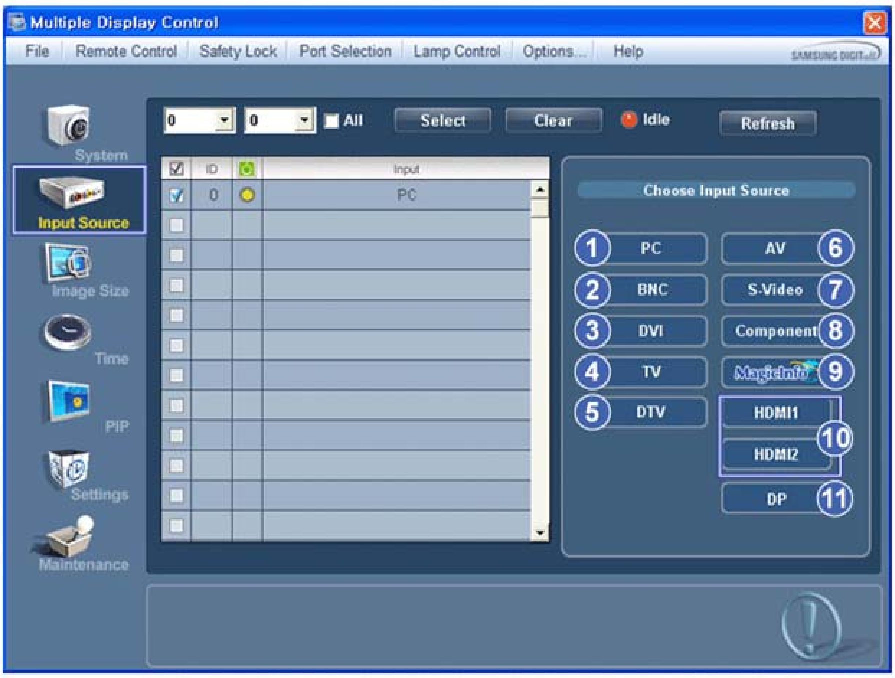
Input Source

1. Nhấp vào phần Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của các biểu tượng chính và màn hình Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) sẽ hiển thị.
   Chọn những màn hình bạn muốn điều chỉnh sử dụng nút Select (Lựa chọn) hoặc các hộp chọn.

• TV Mode



• PC Mode



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Nguồn tín hiệu Vào (Input Source Control).

1) PC
 - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành PC.

2) BNC
 - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành BNC.

3) DVI
 - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành DVI.

4) TV
 - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành TV.

5) DTV
 - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành DTV.

6) AV
 - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành AV.

7) S-Video
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành S-Video.

8) Component
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành Component.

9) MagicInfo
- Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.

10) HDMI1/HDMI2
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành HDMI.

11.) DP
- Chuyển nguồn tín hiệu vào cho Display được chọn sang DP.

12) Channel
- M ũ i tên kênh sẽ xuất hiện khi chọn Input Source (Nguồn Tín hiệu vào) là TV.

*** HDMI2 không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

*** DP không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

*** Chỉ có thể chọn Nguồn TV trong các sản phẩm có tính năng TV và các kênh kiểm soát chỉ có thể dùng khi Nguồn Tín hiệu vào là TV.**

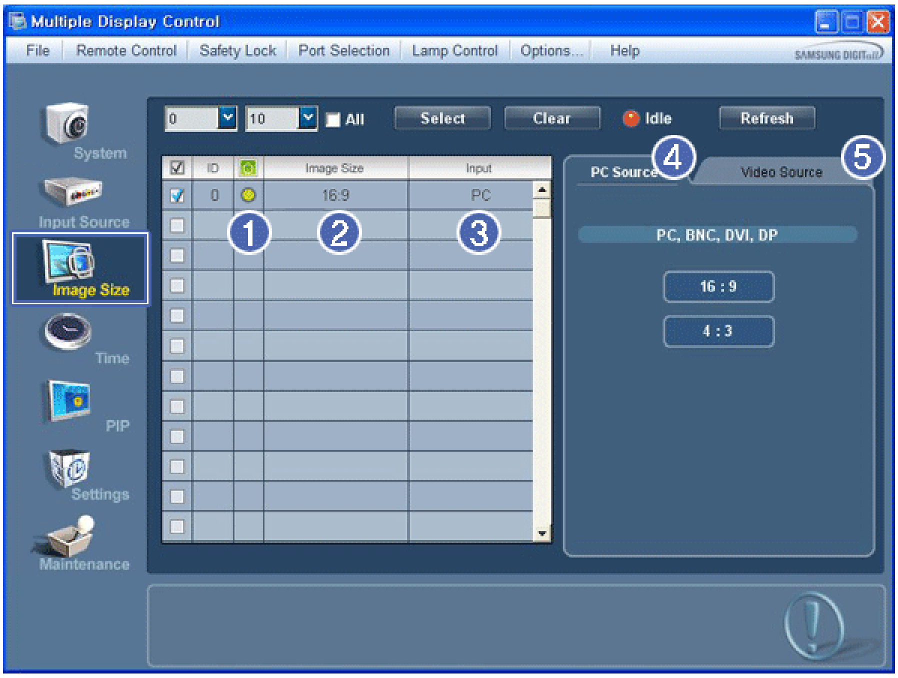
*** Chức năng Điều khiển Nguồn tín hiệu Vào (Input Source Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**



Image Size

PC, BNC, DVI, DP

1. Nhấp vào phần Kích thước Hình ảnh (Image Size) của các biểu tượng chính và màn hình điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size) sẽ hiển thị.



* Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control).

1) Power Status(Trạng thái Nguồn)
- Hiển thị trạng thái nguồn điện của màn hình hiển thị hiện tại.

2) Image Size
- Hiển thị Kích thước Hình ảnh (Image Size) hiện tại của màn hình đang dùng.

3) Input
- Ô thông tin chỉ hiển thị những màn hình có nguồn tín hiệu đầu vào là PC, BNC, DVI và DP.

4) PC Source
- Nguồn PC Khi nhấp vào thẻ Image Source (Nguồn Hình ảnh vào) khi thẻ này xuất hiện lần đầu.
- Nút điều khiển Image Size điều khiển Image Size available for PC, BNC, DVI và DP.

5) Video Source
- Sử dụng nút điều chỉnh Image Size, bạn có thể điều chỉnh kích cỡ hình ảnh tới một giá trị có sẵn trong PC, BNC, DVI và DP.

*** DP không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

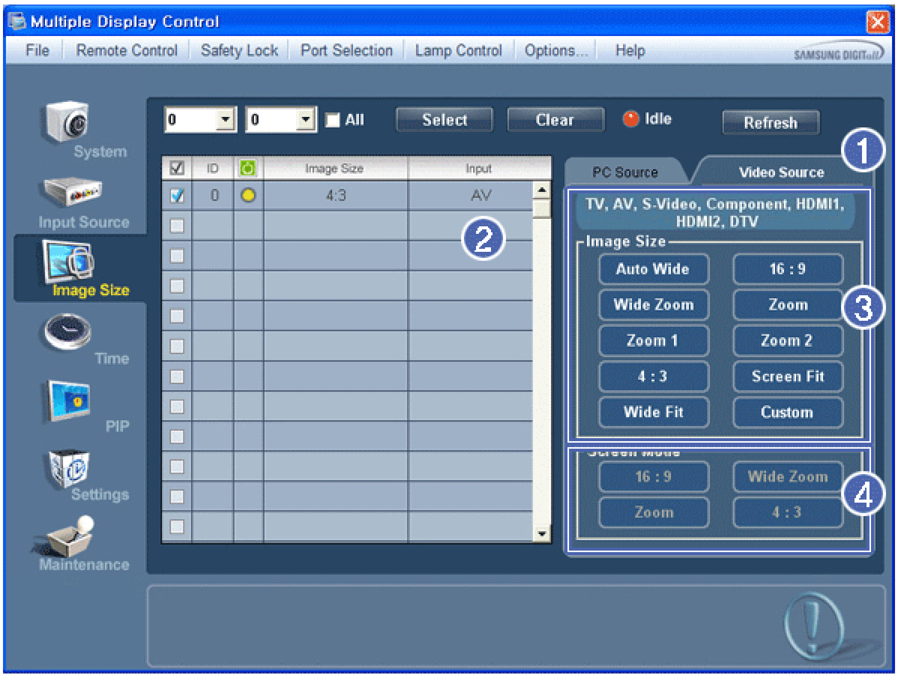
*** Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

* Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.
* Chức năng Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).

Image Size

TV, AV, S-Video, Component, DVI(HDCP), HDMI1, HDMI2, DTV.

1. Nhấp vào phần Kích thước Hình ảnh (Image Size) của các biểu tượng chính và màn hình điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size) sẽ hiển thị.



* Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control).

1) Điều chỉnh Image Size trong chế độ TV, AV, S-Video, Component, HDMI1, HDMI2 or DTV, nhấp tab Video Source. Chọn những màn hình bạn muốn điều chỉnh sử dụng nút Select (Lựa chọn) hoặc các hộp chọn.

2) Sơ đồ Thông tin chỉ hiển thị các màn hình có nguồn tín hiệu vào TV, AV, S-Video, Component, HDMI1, HDMI2, DTV.

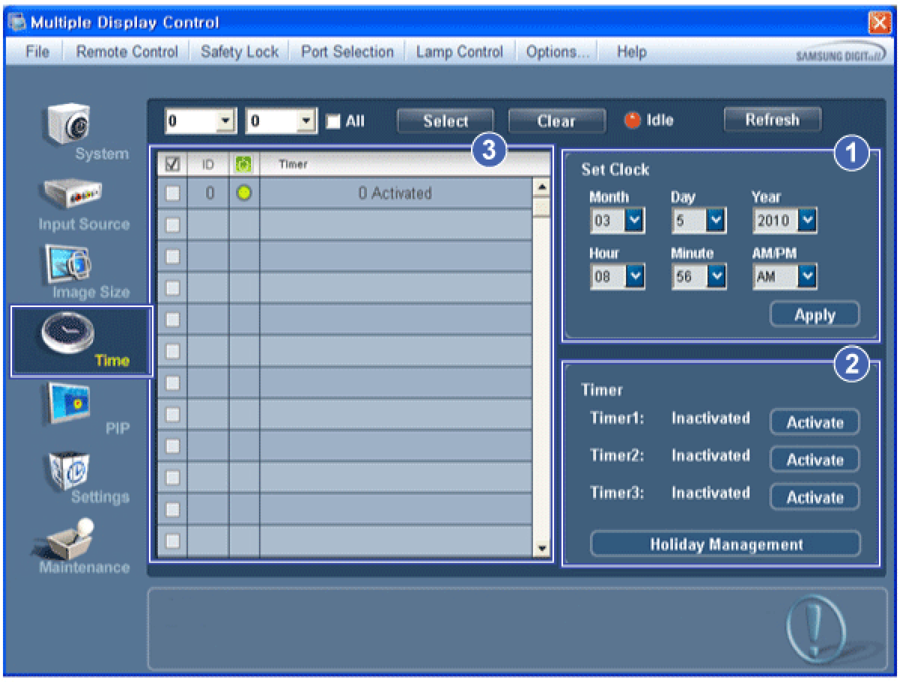
3) Chuyển đổi Kích thước Hình ảnh (Image Size) của màn hình hiển thị một cách ngẫu nhiên.

4) Các chế độ màn hình chỉ có thể được điều chỉnh khi đã kết nối TV (chỉ có ở PAL) và chức năng Image Size (Kích thước Hình ảnh) được chọn là Auto Wide (Canh rộng Tự động).

* **HDMI2 không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**
* **Custom không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**
* **Lưu ý: Chức năng Auto Wide, Zoom1 and Zoom2 (Tự động Chỉnh chiều ngang, Thu/Phóng1 và Thu/Phóng2) không sử dụng được khi kiểu tín hiệu vào dành cho Thiết bị và DVI (HDCP) thuộc loại 720p hay 1080i. (Chế độ Auto Wide chỉ có trong TV, AV, và S-Video.)**
* **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**
* **Chức năng Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**

Time

1. Nhấp vào Thời gian (Time) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Thời gian (Time Control) sẽ hiển thị.



✱ Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Thời gian (Time Control).

1) Set clock
   - Cài thời gian hiện hành cho màn hình hiển thị đã chọn (Giờ của Máy PC (PC Time)).
   - Để thay đổi thời gian hiện hành, đầu tiên hãy thay đổi Giờ của Máy PC (PC Time).
2) Timer
   - Cài đặt Timer1, Timer2, Timer3 và Holiday Management.
3) Hiển thị liệu Timer có được kích hoạt.

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**

✱ **Chức năng Điều khiển Thời gian (Time Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).**

Time

Cài đặt Timer và Holiday Management

1. Cài đặt Timer1, Timer2 và Timer3



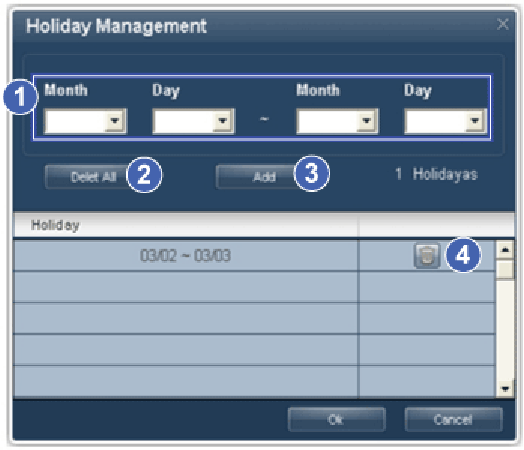
1) On Time
   - Cài đặt thời gian theo giờ, phút và AM/PM để bật màn hình lựa chọn.
2) Off Time
   - Cài đặt thời gian theo giờ, phút và AM/PM để tắt màn hình lựa chọn.
3) Volume
   - Chọn âm lượng khi đã bật màn hình đã chọn.

4) Source
   - Chọn nguồn tín hiệu đầu ra và đầu vào được hiển thị khi đã bật màn hình đã chọn.

5) Holiday
   - Áp tính năng Holiday Management vào Timer.

6) Repeat
   - Các lựa chọn có sẵn bao gồm Once, EveryDay, Mon~Fri, Mon~Sat, Sat~Sun, và Manual.
     - Một lần: Timer tắt một lần.
     - EveryDay : Timer lặp lại hàng ngày.
     - Mon~Fri : Timer lặp lại từ thứ 2 đến thứ 6.
     - Mon~Sat : Timer lặp lại từ thứ 2 đến thứ 7.
     - Sat~Sun : Timer tắt vào thứ 7 và chủ nhật.
     - Manual : Chọn một ngày trong tuần khi bạn muốn tắt Timer (Trình điều khiển thời gian).

2. Cài đặt Holiday Management
   Tính năng Holiday Management xác định những ngày màn hình sẽ không được bật hoặc tắt bởi Timer.



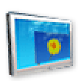
1) Xác định ngày.

2) Delete All
   - Xóa toàn bộ ngày nghỉ.

3) Add
   - Thêm một ngày nhất định

4) 
   - Xoá lịch trình trên một dòng đã chọn.

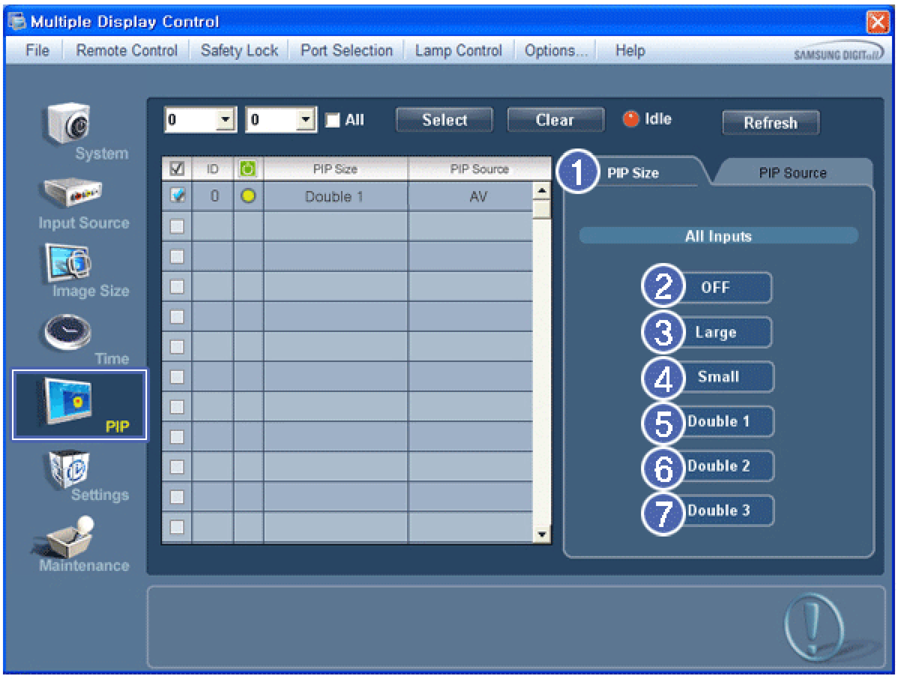
* **Tính năng Holiday Management có thể được bật hoặc tắt trong trình đơn cài đặt Timer.**
* **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**
* **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**
* **Chức năng Điều khiển Thời gian (Time Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).**
* **Chỉ được kích hoạt cho một TV khi Source được cài đặt là TV ở chế độ On Time.**
* **Chỉ được kích hoạt cho một mẫu sản phẩm có cài đặt MagicInfo khi Source được cài đặt là MagicInfo trong chế đôOn Time.**



PIP

PIP Size

1. Nhấp vào PIP trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình điều khiển PIP sẽ hiển thị.
   Chọn những màn hình bạn muốn điều chỉnh sử dụng nút Select (Lựa chọn) hoặc các hộp chọn.



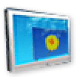
✱ Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Kích thước PIP (PIP Size Control).

1) PIP Size
   - Hiển thị Kích thước PIP (PIP Size) hiện tại của màn hình đang dùng.
2) OFF
   - Tắt PIP của màn hình được chọn.
3) Large
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Cỡ Lớn (Large).
4) Small
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Cỡ nhỏ (Small).
5) Double 1
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Gấp đôi 1 (Double 1).
6) Double 2
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Gấp đôi 2 (Double 2).
7) Double 3 (Picture By Picture)
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Gấp đôi 3 (Double 3).

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**

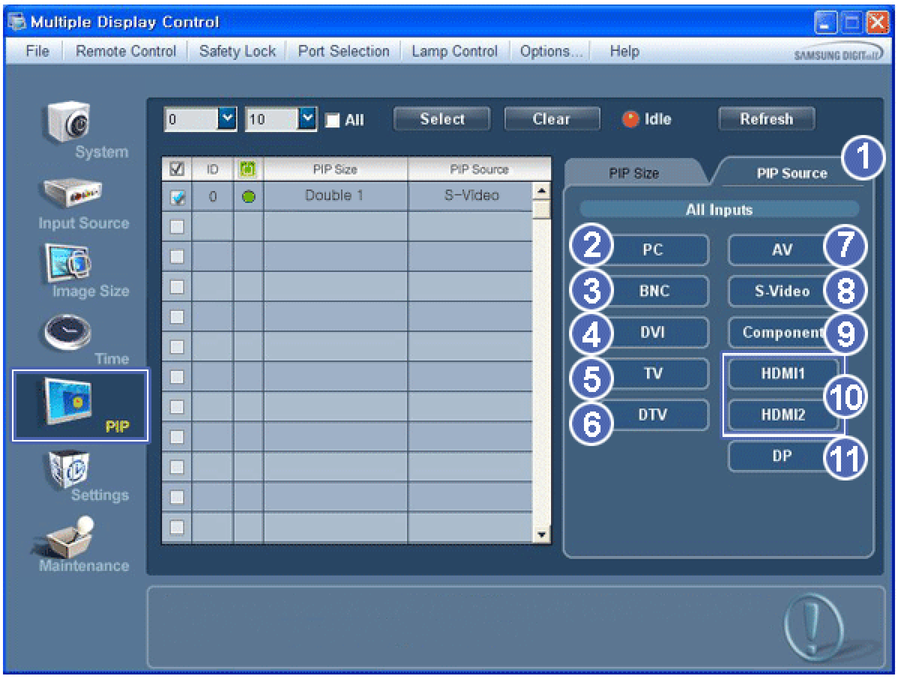
✱ **Bạn có thể điều khiển Kích thước PIP (PIP Size) khi bật nguồn điện của màn hình.**



PIP

PIP Source

1. Nhấp vào PIP trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình điều khiển PIP sẽ hiển thị.



✳ Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Nguồn tín hiệu PIP (PIP Source Control).

1) PIP Source
- Bạn có thể điều khiển Nguồn tín hiệu PIP (PIP Source) khi bật nguồn điện của màn hình.

2) PC
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành PC.

3) BNC
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành BNC.

4) DVI
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành DVI.

5) TV
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành TV.

6) DTV
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành DTV.

7) AV
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành AV.

8) S-Video
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành S-Video.

9) Component
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành Tổ hợp (Component).

10) HDMI1/HDMI2
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành HDMI.

11) DP
- Chuyển nguồn PIP của màn hình lựa chọn sang DP.

✱ **HDMI2 không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

✱ **DP không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

✱ **Một số Nguồn tín hiệu PIP (PIP Source) không thể chọn được tùy vào kiểu nguồn tín hiệu vào của Màn Hình Chính (Main Screen).**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

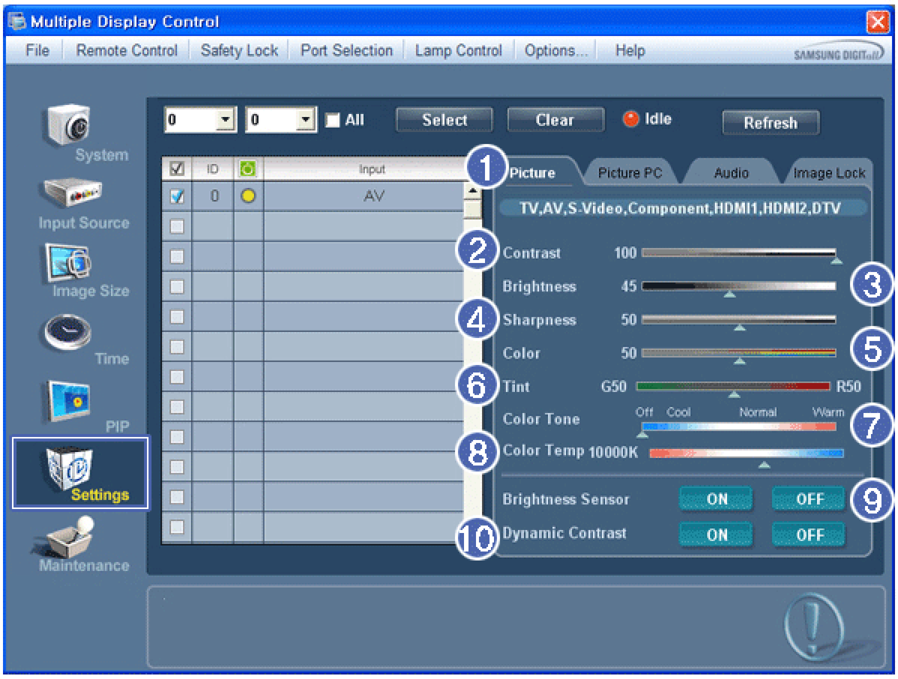
✱ **Chức năng Điều khiển PIP (PIP Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON) và chức năng PIP được cài là BẬT (ON).**



Settings

Picture

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



✱ Thông tin cơ bản bắt buộc để điều chỉnh Picture (Hình ảnh) được hiển thị trên trình đơn chính. Cài đặt cho màn hình lựa chọn sẽ được hiển thị nếu một trong các màn hình kết nối được chọn và cài đặt mặc định sẽ hiển thị nếu toàn bộ màn hình được chọn bằng cách nhấn All (Toàn bộ) và Select (Chọn). Nếu thay đổi một giá trị trên màn hình, chế độ hiện tại sẽ tự động chuyển sang chế độ tùy chỉnh.

1) Picture
 - Chỉ sử dụng với các tín hiệu TV, AV, S-Video, Component, HDMI, DTV.

2) Contrast
 - Điều chỉnh Độ Tương phản (Contrast) của màn hình hiển thị được chọn.

3) Brightness
 - Điều chỉnh Độ sáng (Brightness) của màn hình hiển thị được chọn.

4) Sharpness
 - Điều chỉnh Độ sắc nét (Sharpness) của màn hình hiển thị được chọn.

5) Color
 - Điều chỉnh Màu sắc (Color) của màn hình hiển thị được chọn.

6) Tint
 - Điều chỉnh Sắc thái (Tint) của màn hình hiển thị được chọn.

7) Color Tone
 - Điều chỉnh Color Tone cho màn hình lựa chọn.

8) Color Temp
 - Điều chỉnh Color Temp của màn hình đã chọn.

9) Brightness Sensor
 - Điều chỉnh Brightness Sensor của màn hình đã chọn.

10) Dynamic Contrast
 - Điều chỉnh Dynamic Contrast của màn hình đã chọn.

✱ **HDMI2 không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

✱ **Brightness Sensor không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

✱ **Chức năng này chỉ bật khi đặt giá trị Off cho Color Tone.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**

✱ **Chức năng này chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị đang BẬT (ON) và nếu không có sự lựa chọn nào khác, giá trị mặc định gốc sẽ được hiển thị.**



Settings

Picture PC

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



✱ Thông tin cơ bản bắt buộc để điều chỉnh các cài đặt được hiển thị. Cài đặt cho nhóm (SET) tương ứng sẽ được nhập và hiển thị trên con trượt nếu chọn một mã màn hình, và các cài đặt mặc định sẽ được hiển thị nếu toàn bộ mã màn hình được chọn bằng cách nhấn All (Toàn bộ) và Select (Chọn). Nếu thay đổi một giá trị trên màn hình, chế độ hiện tại sẽ tự động chuyển sang chế độ tùy chỉnh.

1) Picture PC
 - Chỉ có cho PC, BNC, DVI và DP.

2) Contrast
 - Điều chỉnh Độ Tương phản (Contrast) của màn hình hiển thị được chọn.

3) Brightness
 - Điều chỉnh Độ sáng (Brightness) của màn hình hiển thị được chọn.

4) Red
 - Điều chỉnh Sắc Đỏ (Red Color) của màn hình hiển thị được chọn.

5) Green
 - Điều chỉnh Sắc Xanh lá (Green Color) của màn hình hiển thị được chọn.

6) Blue
 - Điều chỉnh Sắc Xanh dương (Blue Color) của màn hình hiển thị được chọn.

7) Color Tone
 - Điều chỉnh Color Tone cho màn hình lựa chọn.

8) Color Temp
 - Điều chỉnh Color Temp của màn hình đã chọn.

9) Brightness Sensor
 - Điều chỉnh Brightness Sensor của màn hình đã chọn.

10) Dynamic Contrast
 - Điều chỉnh Dynamic Contrast của màn hình đã chọn.

✱ **DP không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

✱ **Brightness Sensor không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**

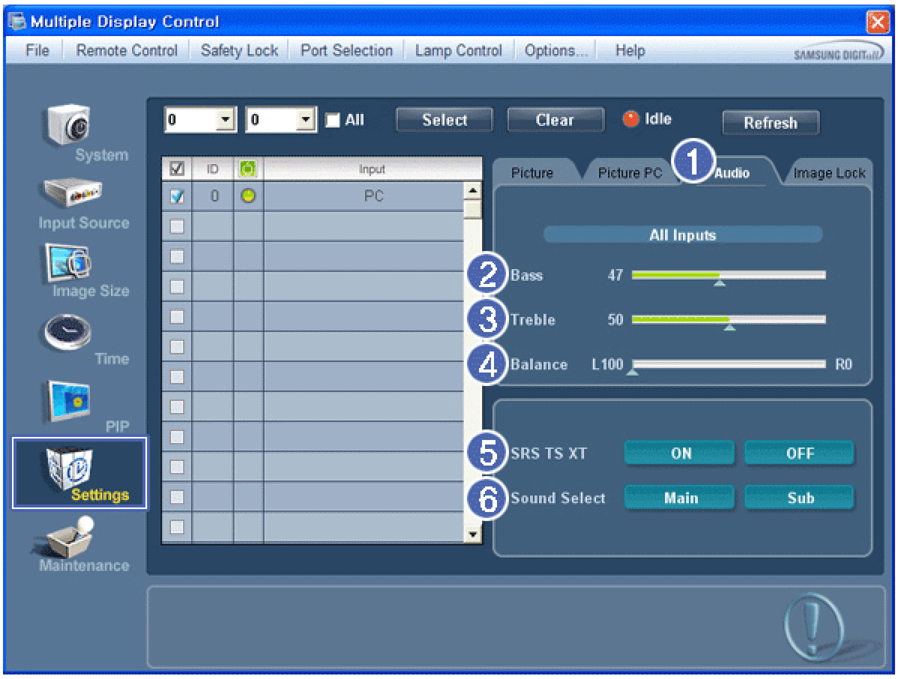
✱ **Chức năng này chỉ bật khi đặt giá trị Off cho Color Tone.**

✱ **Chức năng này chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị đang BẬT (ON) và nếu không có sự lựa chọn nào khác, giá trị mặc định gốc sẽ được hiển thị.**

Settings

Audio

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



Thông tin cơ bản bắt buộc để điều chỉnh Audio (Âm thanh) được hiển thị trên cửa sổ màn hình. Cài đặt cho nhóm tương ứng sẽ được nhập và hiển thị trên con trượt nếu chọn một mã màn hình, và cài đặt mặc định sẽ được hiển thị nếu toàn bộ mã màn hình được chọn bằng cách nhấn All (Toàn bộ) và Select (Chọn). Nếu thay đổi một giá trị trên màn hình, chế độ hiện tại sẽ tự động chuyển sang chế độ tùy chỉnh.

1) Audio
   - Cài đặt Điều khiển âm thanh cho tất cả nguồn tín hiệu vào.

2) Bass
   - Điều chỉnh Aâm trầm (Bass) của màn hình hiển thị được chọn.

3) Treble
   - Điều chỉnh Âm bổng (Treble) của màn hình hiển thị được chọn.

4) Balance
   - Điều chỉnh Độ cân bằng (Balance) của màn hình hiển thị được chọn.

5) SRS TS XT
   - Bật/Tắt Âm thanh SRS TS XT của màn hình hiển thị được chọn.

6) Sound Select
   - Chọn Chính (Main) hoặc Phụ (Sub) khi màn hình PIP đang Bật (On).

Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.

Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.

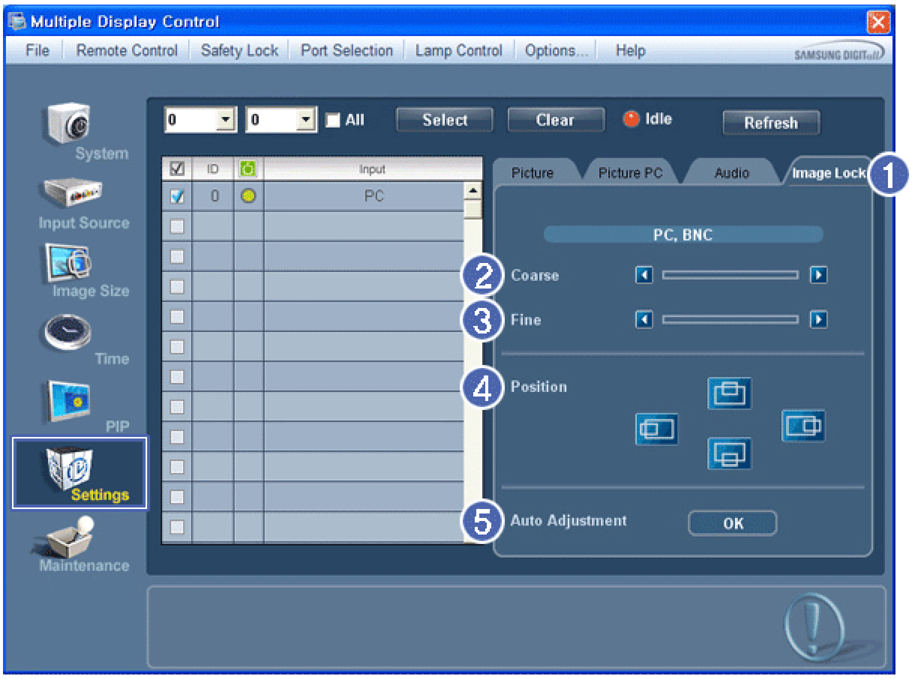
Chức năng này chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị đang BẬT (ON) và nếu không có sự lựa chọn nào khác, giá trị mặc định gốc sẽ được hiển thị.



Settings

Image Lock

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



✱ Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Cài đặt (Settings Control).

1) Image Lock
 - Chỉ sử dụng với các tín hiệu PC, BNC.

2) Coarse
 - Điều chỉnh Độ Kết hạt (Coarse) của màn hình hiển thị được chọn.

3) Fine
 - Điều chỉnh Độ mịn (Fine) của màn hình hiển thị được chọn.

4) Position
 - Điều chỉnh Vị trí (Position) của màn hình hiển thị được chọn.

5) Auto Adjustment
 - Tự Điều chỉnh tín hiệu vào từ PC.

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**

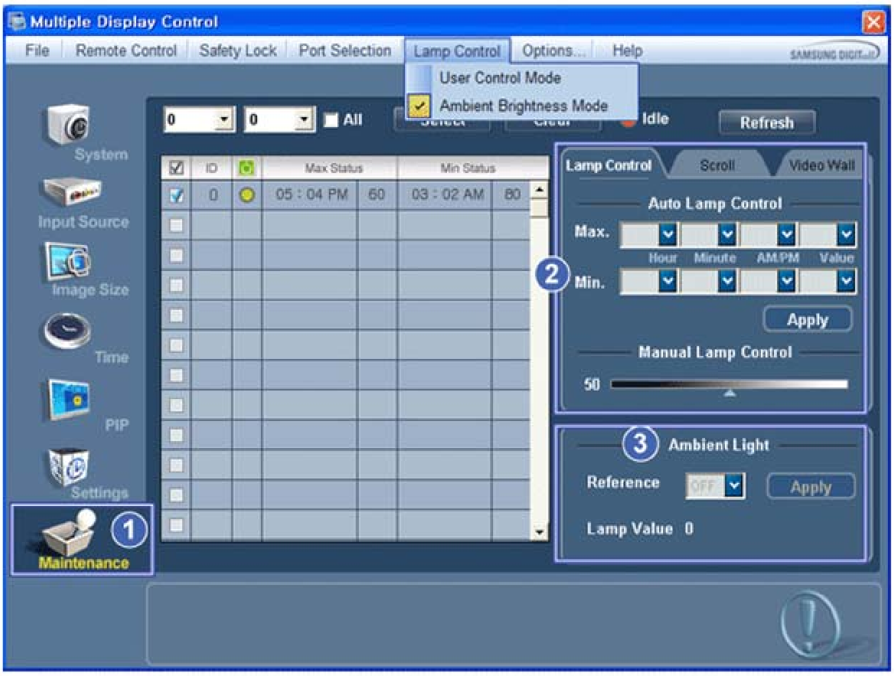
✱ **Chức năng Điều khiển Cài đặt (Settings Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).**



Maintenance

Lamp Control

1. Nhấp vào “Bảo trì” trong cột Biểu tượng Chính (Main Icon)để hiển thị màn hình Bảo trì (Maintenance).



Một "Sơ đồ Thông tin" sẽ hiển thị và trình bày một số mục dữ liệu cơ bản.

1) Maintenance
   - Cho phép Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) tất cả các nguồn tín hiệu vào.

2) Lamp Control
   - Tự động điều chỉnh ánh sáng nền của màn hình hiển thị được chọn tại một thời điểm nhất định.
     Tính năng Manual Lamp Control sẽ tự động tắt nếu bạn điều chỉnh sử dụng Auto Lamp Control.
   - Cho phép điều chỉnh ánh sáng nền của màn hình hiển thị được chọn vào bất cứ lúc nào.
     Tính năng Auto Lamp Control sẽ tự động tắt nếu bạn điều chỉnh sử dụng Manual Lamp Control.

3) Ambient Light
   - Phát hiện cường độ ánh sáng bình thường tại màn hình được chỉ định và tự động điều chỉnh độ sáng ảnh.
   - Bạn có thể chọn một giá trị Reference và chỉ định một màn hình tự động quyết định Lamp Value (cường độ ánh sáng đèn), dựa trên cường độ ánh sáng thường.

Ambient Light chỉ được hỗ trợ cho những mẫu sản phẩm có cảm biến ánh sáng và chỉ được kích hoạt khi chọn Ambient Brightness Mode trên trình đơn Camp Control.

Auto Lamp Control và Manual Lamp Control chỉ được kích hoạt khi User Control Mode được chọn trong trình đơn Lamp Control.

Chức năng Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).

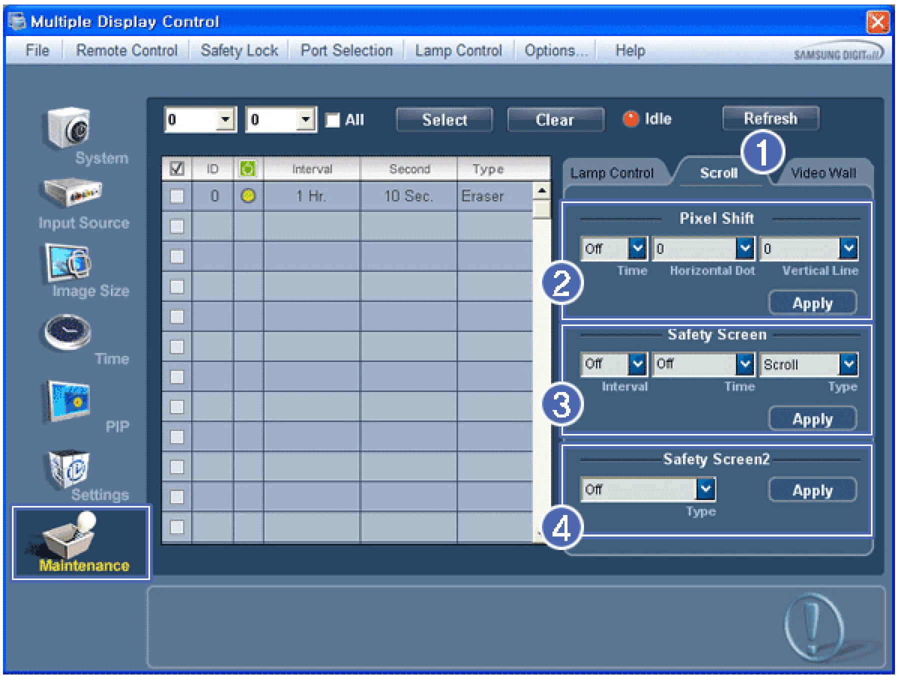
Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.

Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.

Maintenance

Scroll

1. Nhấp vào "Bảo trì" trong cột Biểu tượng Chính (Main Icon)để hiển thị màn hình Bảo trì (Maintenance).



1) Scroll
   - Chức năng này dùng để khử dư ảnh xảy ra khi màn hình tĩnh hiển thị một hình ảnh được chọn trong một khoảng thời gian dài.
2) Pixel Shift
   - Việc này cho phép dịch chuyển màn hình một cách tinh tế trong một khoảng thời gian nhất định.
3) Safety Screen
   - Chức năng Safety Screen (Màn hình Bảo vệ) được dùng để tránh hiện tượng dư ảnh xảy ra khi màn hình tĩnh hiển thị một hình ảnh trong một khoảng thời gian dài. Thông số Interval (Khoảng thời gian) được dùng để chọn chu kỳ lặp tính theo giờ trong khi thông số Time (Thời gian) được dùng để chọn thời điểm kích hoạt chức năng Safety Screen (Màn hình Bảo vệ). Thông số Type (Kiểu) để chọn các kiểu Scroll (Cuộn), Pixel (Pixel), Bar (Vạch), Eraser (Dụng cụ Xóa), All White (Hoàn toàn Màu trắng), hoặc Pattern (Mẫu).
4) Safety Screen2
   - Chức năng này được dùng để tránh hiện tượng dư ảnh. Có năm (5) type (kiểu) mà bạn có thể chọn và điều khiển bằng chức năng này.

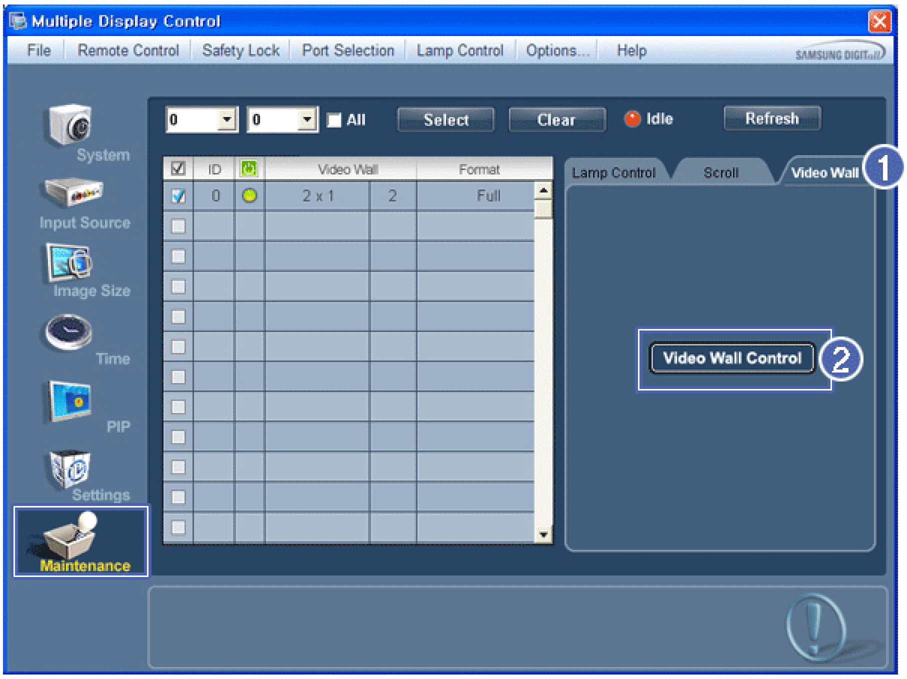
* **Với kiểu Scroll (Cuộn), bạn có thể đặt các giá trị 1, 2, 3, 4 hoặc 5 cho thông số Time (Thời gian). Với các kiểu Bar (Vạch) và Eraser (Dụng cụ Xóa), bạn có thể sử dụng các giá trị 10, 20, 30, 40 hoặc 50. Với kiểu All White (Hoàn toàn Màu trắng) và Pattern (Mẫu), bạn có thể chọn các giá trị 1, 5, 10, 20 hoặc 30.**
* **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**
* **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**
* **Chức năng Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**



Maintenance

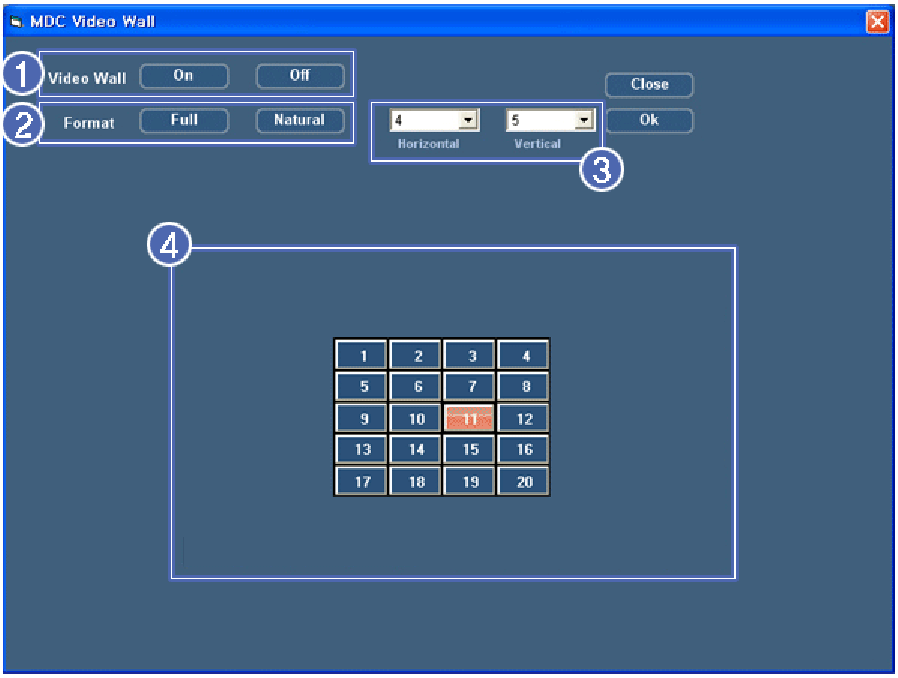
Video Wall

1. Nhấp vào “Bảo trì” trong cột Biểu tượng Chính (Main Icon)để hiển thị màn hình Bảo trì (Maintenance).



1) Video Wall
   - Video Wall là một nhóm màn hình video được kết nối với nhau, để mỗi màn hình hiển thị một phần của hình ảnh hoặc để cùng một hình ảnh được lặp lại trên mỗi màn hình.

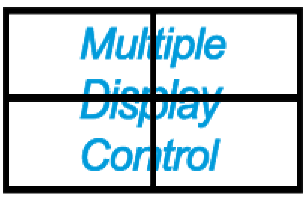
2) Video Wall Control
   - Có thể cấu hình các thuộc tính của Video Wall.

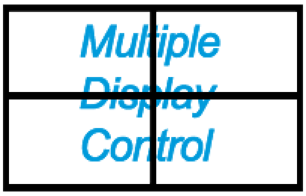


13) On / Off
   - Tắt/Mở chức năng Bức tường phim video của màn hình được chọn.

2) Format
   - Bạn có thể lựa chọn định dạng để xem màn hình bị chia ra.

- Full



- Natural 

3) Video Wall (Screen divider)
 - Màn hình có thể được chia ra.
 Bạn có thể chọn một số màn hình với cách bố trí khác khi chia ra.
 - Chọn một chế độ từ mục Chia màn hình.
 - Chọn màn hình hiển thị từ Chọn Hiển thị (Display Selection).
 - Vị trí sẽ được thiết lập bằng cách bấm một con số trong chế độ đã chọn.
 - Số lượng tối đa các màn hình có thể được sắp xếp là: Horizontal X Vertical = 100 (Ngang x Dọc = 100)
 - Số lượng màn hình được sắp xếp có thể lên tới 15 trên một hàng. Giá trị Horizontal (Ngang) tối đa là 6 nếu Vertical (Dọc) được cài đặt là 15 trong khi đó giá trị Vertical (Dọc) tối đa là 6 nếu Horizontal (Ngang) được cài đặt là 15.

4) Xem màn hình được chia nhỏ
 - Bạn có thể xem và thay đổi bố cục của màn hình bằng cách sử dụng cài đặt Screen Devider (Chia màn hình).

Nhóm cài đặt Screen Divider có thể khác nhau tùy thuộc vào loại sản phẩm.

Bạn không thể thực hiện tính năng này trong MagicInfo.

Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.

Chức năng Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).

Giải quyết Sự cố

1. Màn hình bạn muốn điều khiển không hiển thị trong Sơ đồ Thông tin Điều khiển Nguồn điện (Power Control Info Grid)
 - Kiểm tra lại kết nối qua cổng RS232C. (Kiểm tra xem đã được nối hoàn chỉnh với cổng Com1 hay chưa)
 - Kiểm tra xem có bất cứ màn hình đang kết nối nào khác với cùng ID của màn hình đang hiển thị hay không. Nếu có, các màn hình khác sẽ không được nhận dạng bởi hệ thống do lỗi xung đột dữ liệu.
 - Cho những màn hình hỗ trợ mã sản phẩm giữa 0 và 99, bạn phải cài đặt mã sản phẩm tới một giá trị giữa 0 và 99.

 Lưu ý : Kiểm tra xem liệu mã sản phẩm của màn hình có phải là một giá trị nằm giữa 0 và 99 không (cài đặt giá trị này sử dụng màn hình).

2. Màn hình bạn muốn điều khiển không hiển thị trong các Sơ đồ Thông tin Điều khiển (Control Info Grids) khác
 - Kiểm tra xem nguồn điện của màn hình đã được BẬT (ON) hay chưa. (Bạn có thể kiểm tra điều này trong Sơ đồ Thông tin Điều khiển Nguồn điện (Power Control Info Grid)
 - Kiểm tra xem bạn có thể thay đổi nguồn tín hiệu vào của màn hình.

3. Hộp thoại sẽ hiển thị lặp đi lặp lại.
 - Kiểm tra xem màn hình bạn muốn điều khiển đã được chọn hay chưa.

4. Cả chức năng Định giờ Mở (On Timer) và Định giờ Tắt (Off Timer) đã được cài đặt nhưng với thời gian khác nhau.
 - Áp dụng thời gian hiện hành để đồng bộ đồng hồ của màn hình.

5. Khả năng điều khiển từ xa có thể không hoạt động tốt khi tắt Chức năng điều khiển từ xa, ngắt kết nối cáp RS-232C, hay thoát khỏi chương trình một Không đúng cách. Chạy lại chương trình và kích hoạt chức năng điều khiển từ xa trở lại để Khôi phục hoạt động bình thường.

 <Lưu ý> Chương trình này có thể hoạt động sai lệch do lỗi của các mạch truyền dẫn hay hiện tượng gây nhiễu từ các thiết bị điện đặt gần đó.



Hiển thị Giá trị Cài đặt trong Chế độ Đa Hiển thị

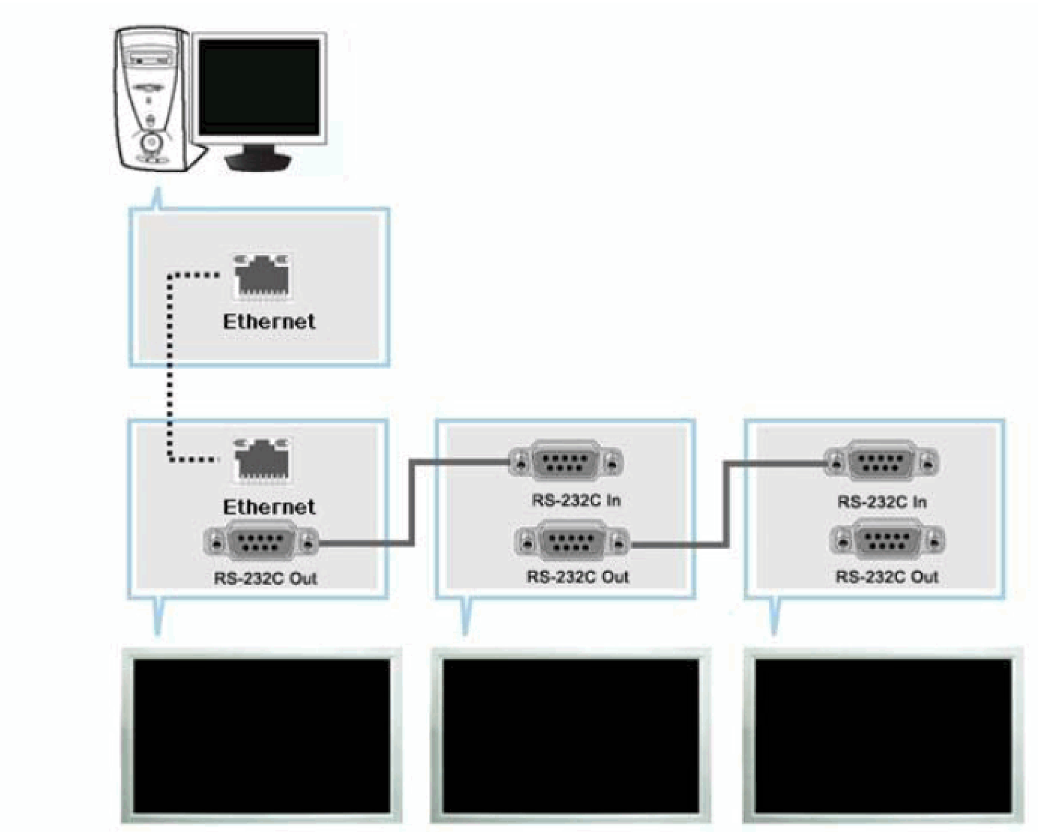
Khi có nhiều hơn một màn hình được kết nối, các giá trị cài đặt được trình bày như sau.

1. Không chọn: Hiển thị Giá trị Mặc định Gốc (Factory Default Value).
2. Một màn hình được chọn: Nạp và hiển thị giá trị cài đặt của màn hình được chọn.
3. Chọn một màn hình (ID1) và thêm màn hình khác (ID3): Chương trình đang hiển thị giá trị cài đặt của màn hình ID1 sẽ nạp và hiển thị giá trị cài đặt của màn hình ID3.

4. Nếu toàn bộ các nhóm được chọn cùng lúc bằng cách nhấn All (Toàn bộ) và Select (Chọn), giá trị mặc định sẽ được phục hồi.

Ehtenet MDC

Giới thiệu

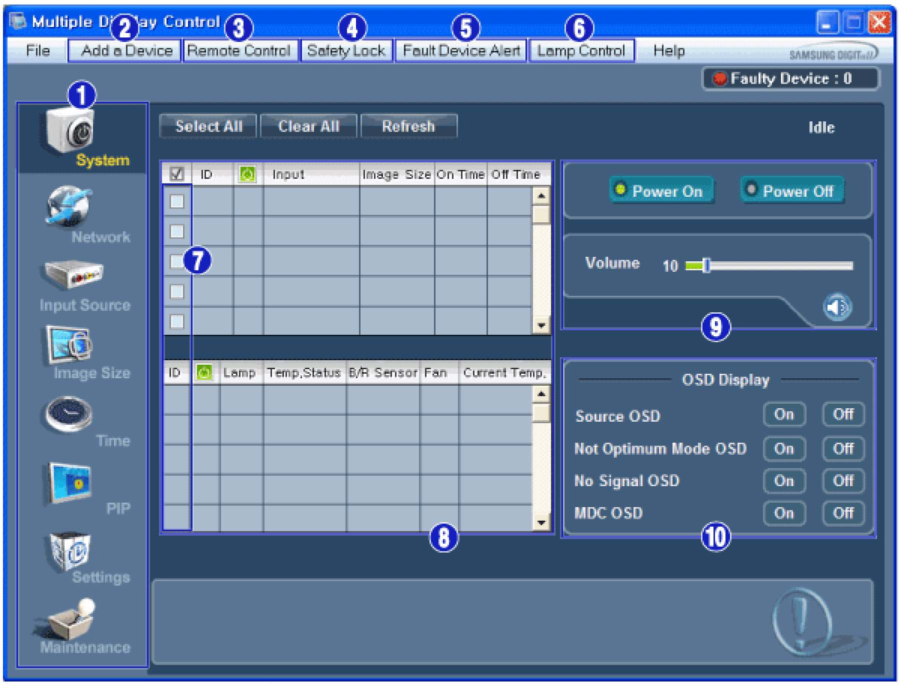


Không giống như phương pháp trước sử dụng các chỉ tiêu kỹ thuật thông tin dữ liệu sêri RS-232C, Ethernet có tính năng được bổ sung. Kết nối thiết bị màn hình đầu với máy tính tính bằng cách nhập địa chỉ IP. Kết nối với một thiết bị màn hình khác, sử dụng cáp sêri RS-232C. Xem hình trên.

Bắt đầu – Màn hình Chính

Start > Program> Samsung > MDC System to start the program.

Chọn cài đặt để xem tập hợp các kiểu màn hình được chọn trong bản trình chiếu.



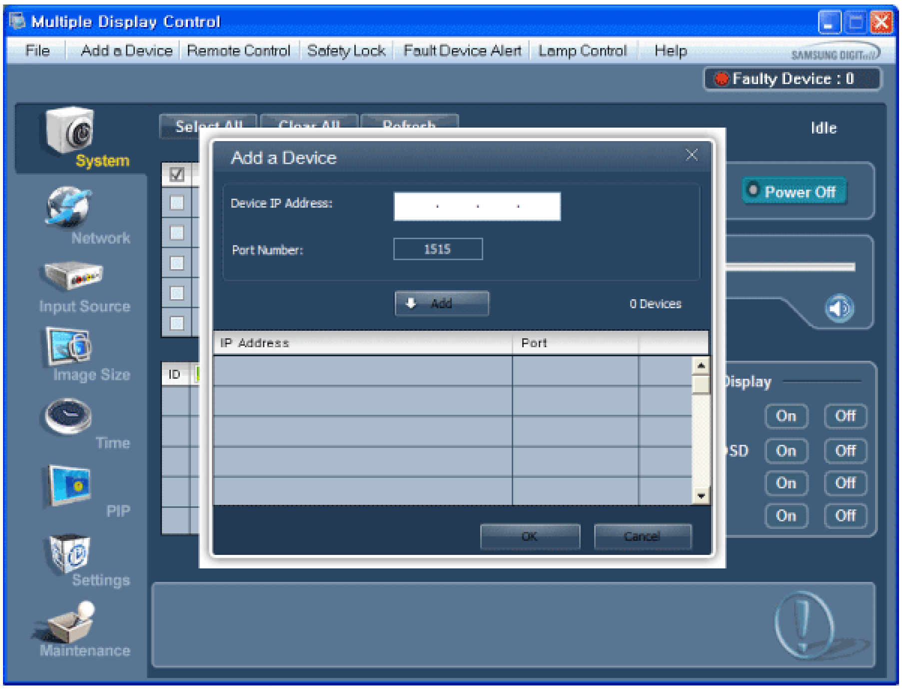
1. Các Biểu tượng Chính
2. Add a Device
3. Remote Control
4. Safety Lock
5. Fault Device Alert
6. Lamp Control
7. Chọn màn hình
8. All
9. Các Công cụ Điều khiển
10. OSD Display

---

1. Dùng các biểu tượng chính để chuyển sang màn hình tương ứng.
2. Bạn có thể thêm một thiết bị bằng cách nhập địa chỉ IP được cấu hình trên màn hình này.
3. Cho phép bật hay tắt chức năng nhận tín hiệu điều khiển từ xa của đơn vị màn hình hiển thị.
4. Thiết lập Chức năng Khóa.
5. Khi kết nối với màn hình không thành công, tính năng chuyển kết quả qua email sẽ được bật hoặc tắt.
6. Chọn một chế độ điều chỉnh đèn.
7. Chọn một màn hình trong mục Display Selection (Chọn màn hình).
8. Có thể chọn hoặc hủy chọn toàn bộ màn hình.
9. Sử dụng các Công cụ Điều khiển (Control Tools) để điều khiển các màn hình hiển thị.
10. Bật/Tắt tính năng OSD
    -Không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.

<Lưu ý> Chức năng Bật/Tắt (Enable/Disable) điều khiển từ xa vẫn hoạt động cho dù nguồn đang Bật/Tắt (On/Off), và điều này áp dụng cho tất cả các màn hình hiển thị liên kết với các màn hình có kết nối với MDC. Tuy nhiên, bất kể trạng thái đang có vào thời điểm MDC ngưng hoạt động, chức năng nhận tín hiệu điều khiển từ xa của tất cả các màn hình hiển thị luôn được tái lập về giá trị Bật (Enable) khi MDC đóng.

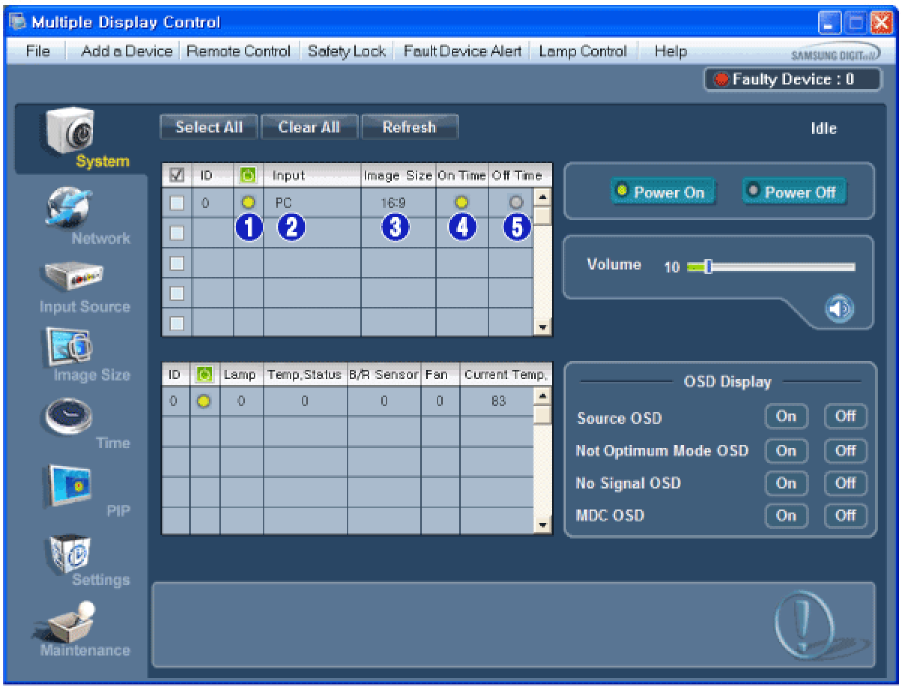
Add a Device



1. IP Adress -> ADD -> OK

System

1. Select All hoặc Clear All các thiết bị thêm vào; hoặc Refresh hay Delete các thiết bị được chọn.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển System.

1) Power Status(Trạng thái Nguồn)

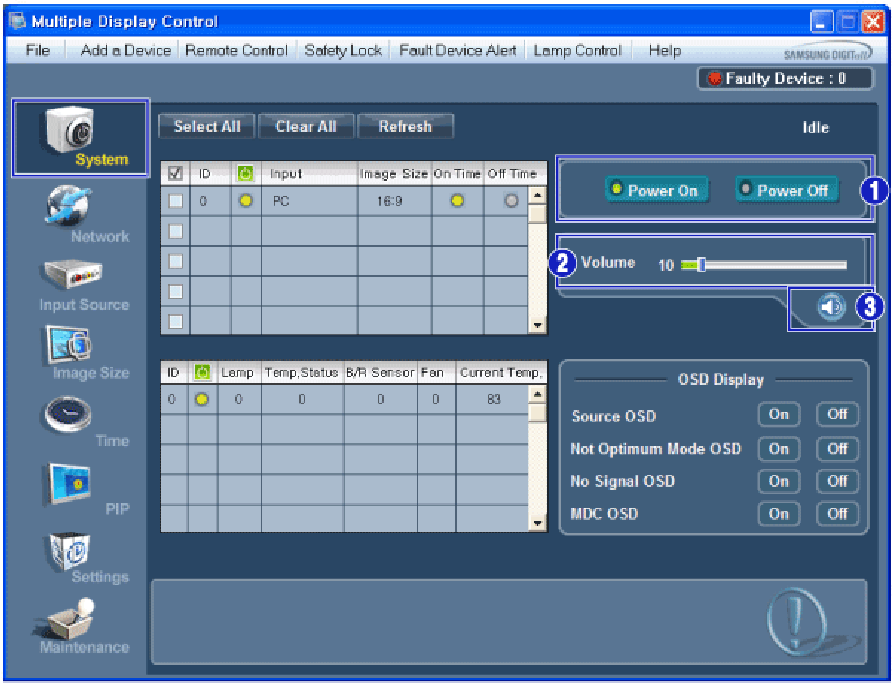
2) Input

3) Image Size

4) On Timer

5) Off Timer

2. Chọn những màn hình bạn muốn điều chỉnh sử dụng nút Select (Lựa chọn) hoặc các hộp chọn.



✱ ☑ System cho phép điều khiển một số chức năng của màn hình hiển thị được chọn.

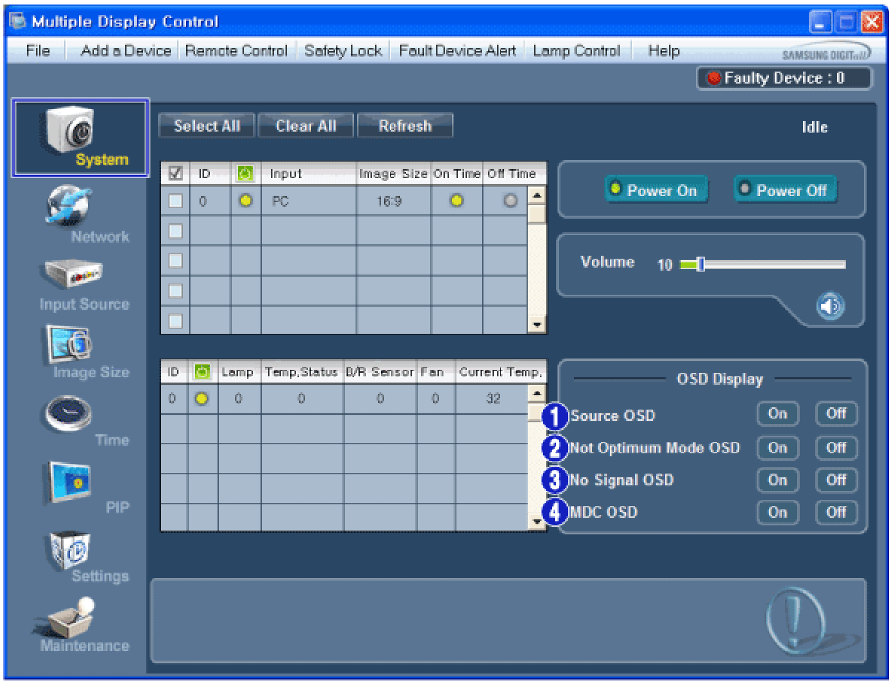
1) Power On/Off
- On/Off nguồn của màn hình hiển thị được chọn.

2) Volume
- Điều khiển mức âm lượng của màn hình hiển thị được chọn.
Trị số mức âm lượng nhận được từ màn hình hiển thị đã chọn trong tập hợp các màn hình sẽ hiển thị bên trong khung trình chiếu.
(Nếu bạn hủy chọn một hoặc toàn bộ màn hình, giá trị mặc định là 10 sẽ được hồi phục.)

3) Bật/Tắt Chức năng Tắt tiếng (Mute On/Off)
- Turns on/off the Mute function of the selected display.
When selecting one set at a time, turn on the Mute function for the selected set.
Chức năng Tắt tiếng (Mute) tự động hủy chọn khi bạn điều chỉnh mức âm lượng.
(Các giá trị trở về cài đặt mặc định khi bạn hủy các chọn lựa hay chọn "Chọn Tất cả.")

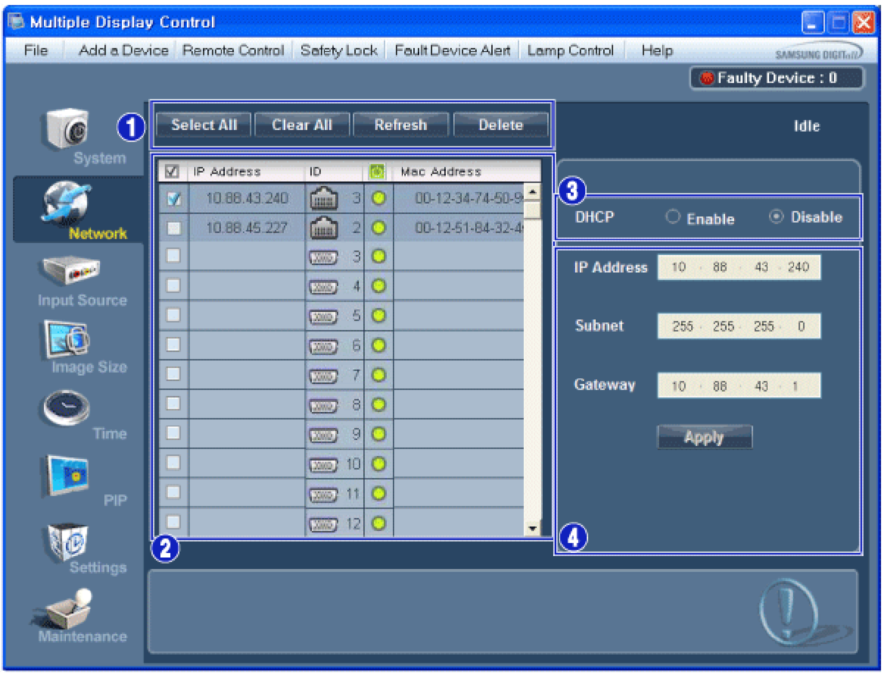
✱ **Chức năng Kiểm soát Âm lượng (Volume Control) và Tắt tiếng (Mute) chỉ có tác dụng trên các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**

3. Lựa chọn có hiển thị màn hình trình đơn sử dụng trình đơn OSD Display không.



1) Source OSD
   - Cài đặt OSD nguồn có được hiển thị để chỉ ra khi nào Source thay đổi.
2) Not Optimum Mode OSD
   - Cài đặt liệu chế độ OSD tối ưu có được hiển thị để chỉ ra liệu chế độ hiện tại có được hỗ trợ.
3) No Signal OSD
   - Cài đặt liệu OSD không có tín hiệu có được hiển thị để chỉ ra khi nào không có tín hiệu.
4) MDC OSD
   - Cài đặt liệu OSD MDC có được hiển thị để chỉ ra khi nào các cài đặt được thay đổi sử dụng MDC.

Network



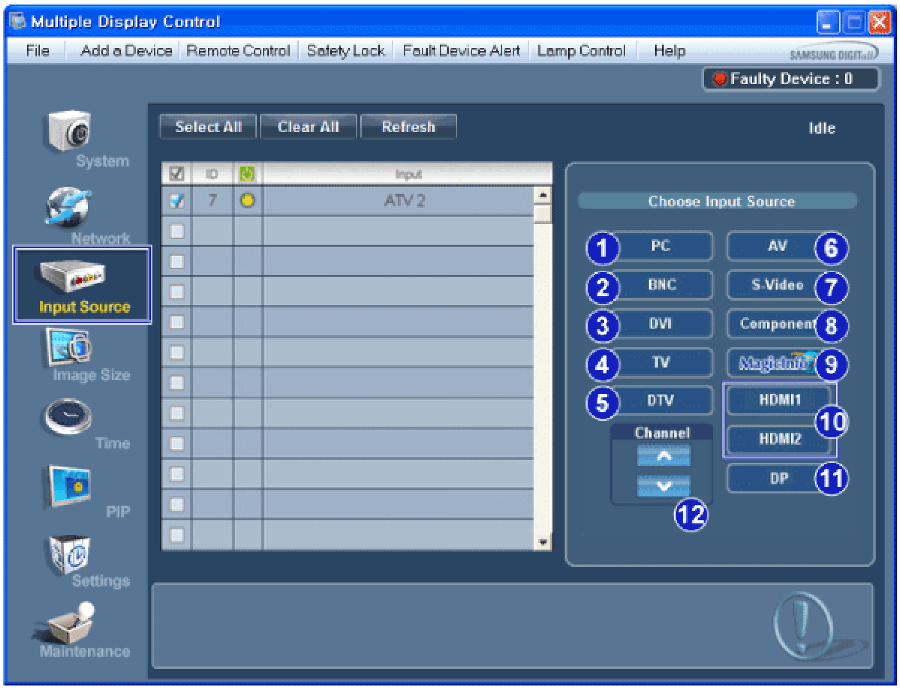
1) Select All hoặc Clear All các thiết bị thêm vào; hoặc Refresh hay Delete các thiết bị được chọn.

2) IP Address, ID (Ethernet hoặc Serial), Mac Address và trạng thái kết nối của màn hình kết nối được hiển thị.
3) Nó có thể tự động kiểm tra liệu một IP DHCP có được cài đặt và sau đó cài đặt địa chỉ IP.
4) Nó có thể cài đặt tự động hoặc thủ công và sau đó áp IP Address, Subnet và Gateway của màn hình được chọn.

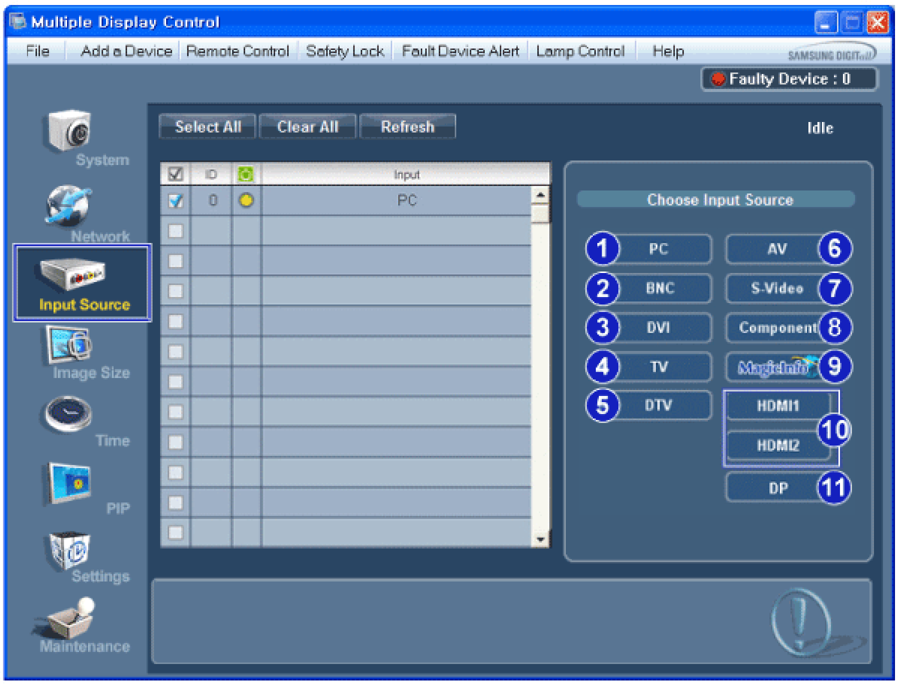
Input Source

1. Nhấp vào phần Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của các biểu tượng chính và màn hình Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) sẽ hiển thị.
   Chọn những màn hình bạn muốn điều chỉnh sử dụng nút Select (Lựa chọn) hoặc các hộp chọn.

• TV Mode



• PC Mode



* Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Nguồn tín hiệu Vào (Input Source Control).

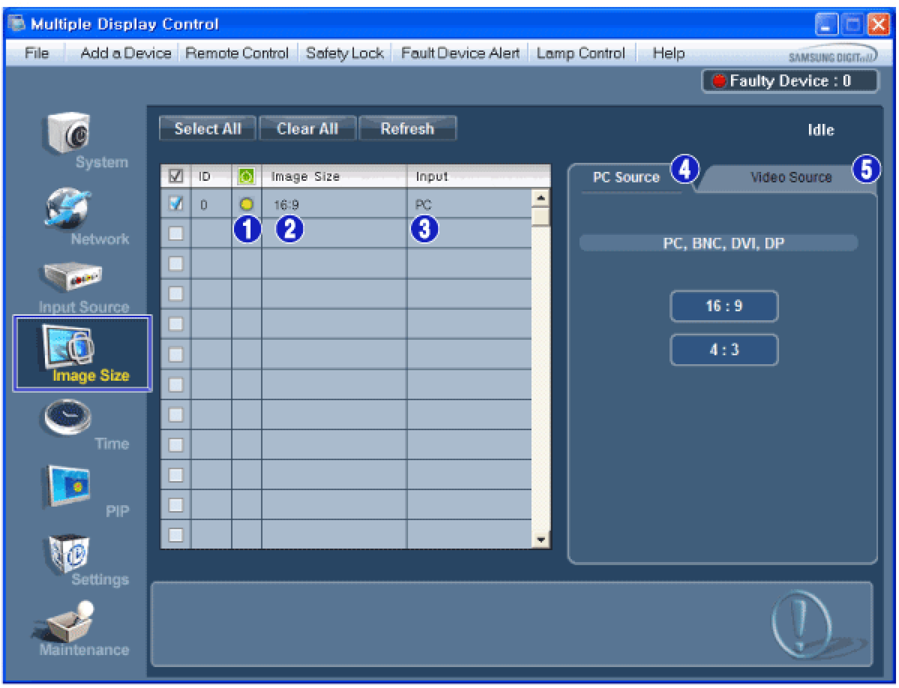
1) PC
   - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành PC.
2) BNC
   - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành BNC.
3) DVI
   - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành DVI.
4) TV
   - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành TV.
5) DTV
   - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành DTV.
6) AV
   - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành AV.
7) S-Video
   - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành S-Video.
8) Component
   - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành Component.
9) MagicInfo
   - Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.
10) HDMI1/HDMI2
   - Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành HDMI.
11.) DP
   - Chuyển nguồn tín hiệu vào cho Display được chọn sang DP.
12) Channel
   - M ũ i tên kênh sẽ xuất hiện khi chọn Input Source (Nguồn Tín hiệu vào) là TV.

* **HDMI2 không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**
* **DP không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**
* **Chỉ có thể chọn Nguồn TV trong các sản phẩm có tính năng TV và các kênh kiểm soát chỉ có thể dùng khi Nguồn Tín hiệu vào là TV.**
* **Chức năng Điều khiển Nguồn tín hiệu Vào (Input Source Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**

Image Size

PC, BNC, DVI, DP

1. Nhấp vào phần Kích thước Hình ảnh (Image Size) của các biểu tượng chính và màn hình điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size) sẽ hiển thị.



* Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control).

1) Power Status(Trạng thái Nguồn)
 - Hiển thị trạng thái nguồn điện của màn hình hiển thị hiện tại.

2) Image Size
 - Hiển thị Kích thước Hình ảnh (Image Size) hiện tại của màn hình đang dùng.

3) Input
 - Ô thông tin chỉ hiển thị những màn hình có nguồn tín hiệu đầu vào là PC, BNC, DVI và DP.

4) PC Source
 - Nguồn PC Khi nhấp vào thẻ Image Source (Nguồn Hình ảnh vào) khi thẻ này xuất hiện lần đầu.
 - Nút điều khiển Image Size điều khiển Image Size available for PC, BNC, DVI và DP.

5) Video Source
 - Nhấp vào thẻ Video Source (Nguồn Video) để điều chỉnh Kích thước Hình ảnh của TV, AV, S-Video, Thiết bị .

Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.

Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.

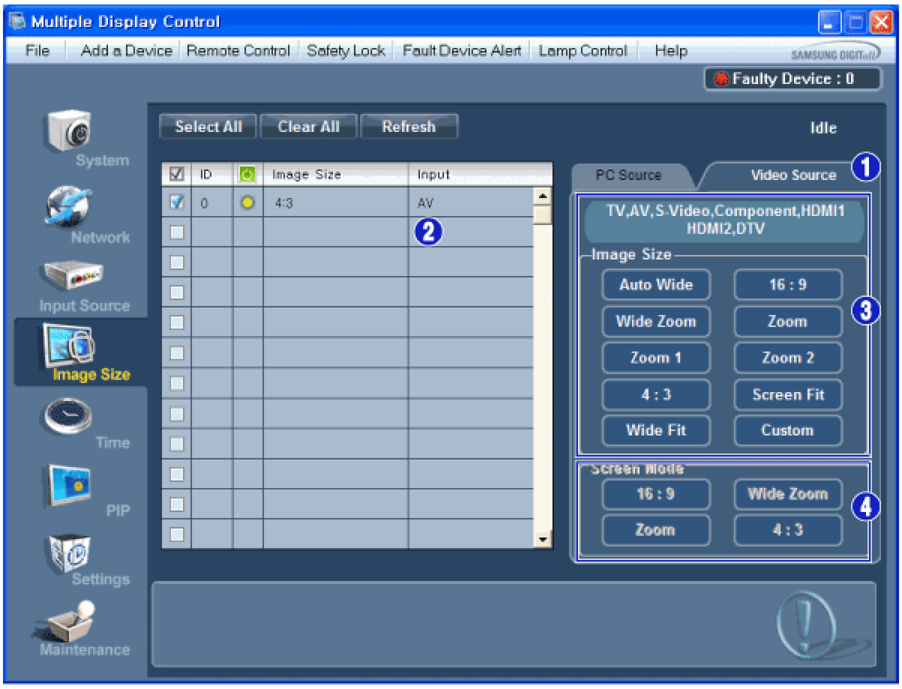
Chức năng Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).

DPkhông được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.

Image Size

TV, AV, S-Video, Component, DVI(HDCP), HDMI1, HDMI2, DTV.

1. Nhấp vào phần Kích thước Hình ảnh (Image Size) của các biểu tượng chính và màn hình điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size) sẽ hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control).

1) Điều chỉnh Image Size trong chế độ TV, AV, S-Video, Component, HDMI1, HDMI2 or DTV, nhấp tab Video Source.
 Chọn màn hình bạn muốn điều chỉnh bằng cách sử dụng nút Select (Chọn) hoặc đánh dấu hộp chọn.

2) Lưới thông tin chỉ hiển thị màn hình TV, AV, S-Video, Component, HDMI1, HDMI2 hoặc DTV là nguồn đầu vào.

3) Chuyển đổi Kích thước Hình ảnh (Image Size) của màn hình hiển thị một cách ngẫu nhiên.

4) Các chế độ màn hình chỉ có thể được điều chỉnh khi đã kết nối TV (chỉ có ở PAL) và chức năng Image Size (Kích thước Hình ảnh) được chọn là Auto Wide (Canh rộng Tự động).

Custom không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.

Lưu ý: Chức năng Auto Wide, Zoom1 and Zoom2 (Tự động Chỉnh chiều ngang, Thu/Phóng1 và Thu/Phóng2) không sử dụng được khi kiểu tín hiệu vào dành cho Thiết bị và DVI (HDCP) thuộc loại 720p hay 1080i.
(Chế độ Auto Wide chỉ có trong TV, AV, và S-Video.)

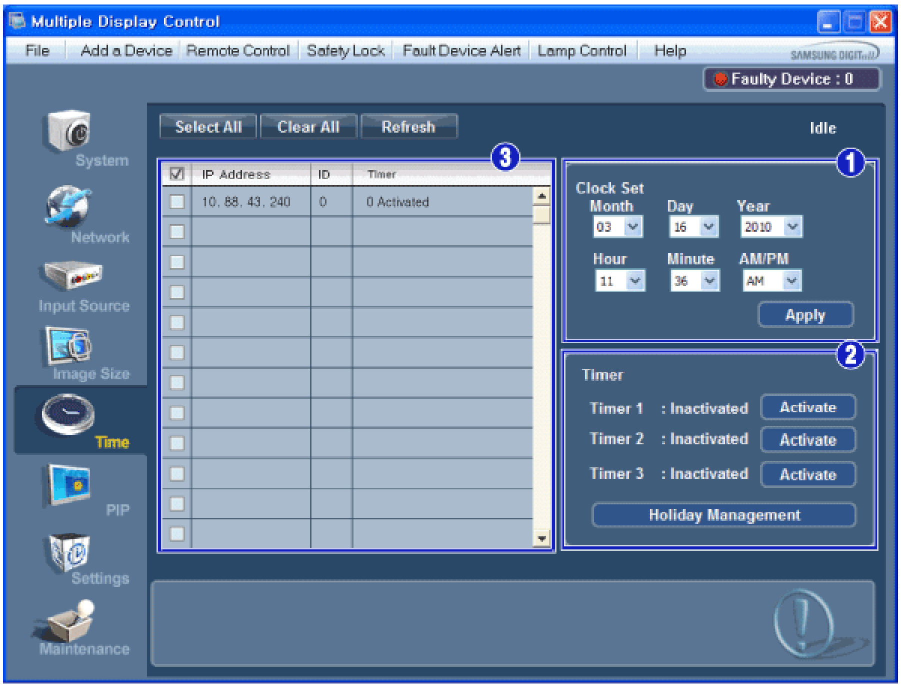
Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.

Chức năng Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).

HDMI2 không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.

Time

1. Nhấp vào Thời gian (Time) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Thời gian (Time Control) sẽ hiển thị.



* Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Thời gian (Time Control).

1) Set clock
   - Cài thời gian hiện hành cho màn hình hiển thị đã chọn (Giờ của Máy PC (PC Time)).
   - Để thay đổi thời gian hiện hành, đầu tiên hãy thay đổi Giờ của Máy PC (PC Time).

2) Timer
   - Cài đặt Timer1, Timer2, Timer3 và Holiday Management.

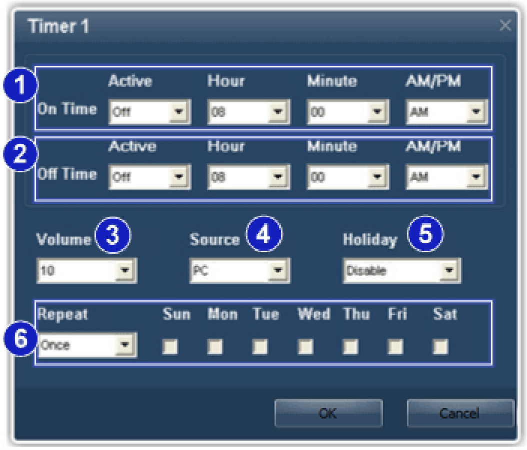
3) Hiển thị liệu Timer có được kích hoạt.

* **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**
* **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**
* **Chức năng Điều khiển Thời gian (Time Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).**

Time

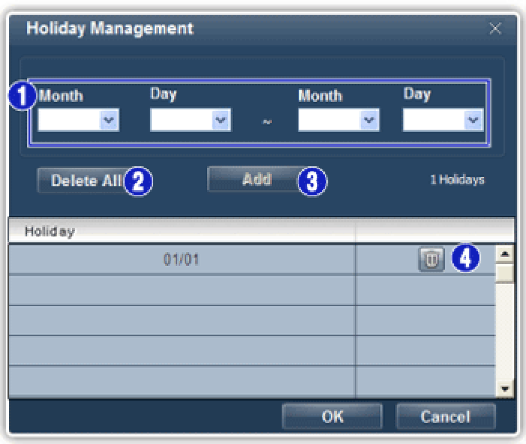
Cài đặt Timer và Holiday Management

1. Cài đặt Timer1, Timer2 và Timer3



1) On Time
   - Cài đặt thời gian theo giờ, phút và AM/PM để bật màn hình lựa chọn.
2) Off Time
   - Cài đặt thời gian theo giờ, phút và AM/PM để tắt màn hình lựa chọn.
3) Volume
   - Chọn âm lượng khi đã bật màn hình đã chọn.
4) Source
   - Chọn nguồn tín hiệu đầu ra và đầu vào được hiển thị khi đã bật màn hình đã chọn.
5) Holiday
   - Áp tính năng Holiday Management vào Timer.
6) Repeat
   - Các lựa chọn có sẵn bao gồm Once, EveryDay, Mon~Fri, Mon~Sat, Sat~Sun, và Manual.
     - Một lần: Timer tắt một lần.
     - EveryDay : Timer lặp lại hàng ngày.
     - Mon~Fri : Timer lặp lại từ thứ 2 đến thứ 6.
     - Mon~Sat : Timer lặp lại từ thứ 2 đến thứ 7.
     - Sat~Sun : Timer tắt vào thứ 7 và chủ nhật.
     - Manual : Chọn một ngày trong tuần khi bạn muốn tắt Timer (Trình điều khiển thời gian).

2. Cài đặt Holiday Management
   Tính năng Holiday Management xác định những ngày màn hình sẽ không được bật hoặc tắt bởi Timer.



1) Xác định ngày.
2) Delete All
   - Xóa toàn bộ ngày nghỉ.
3) Add
   - Thêm một ngày nhất định
4) 
   - Xoá lịch trình trên một dòng đã chọn.

*** Tính năng Holiday Management có thể được bật hoặc tắt trong trình đơn cài đặt Timer.**

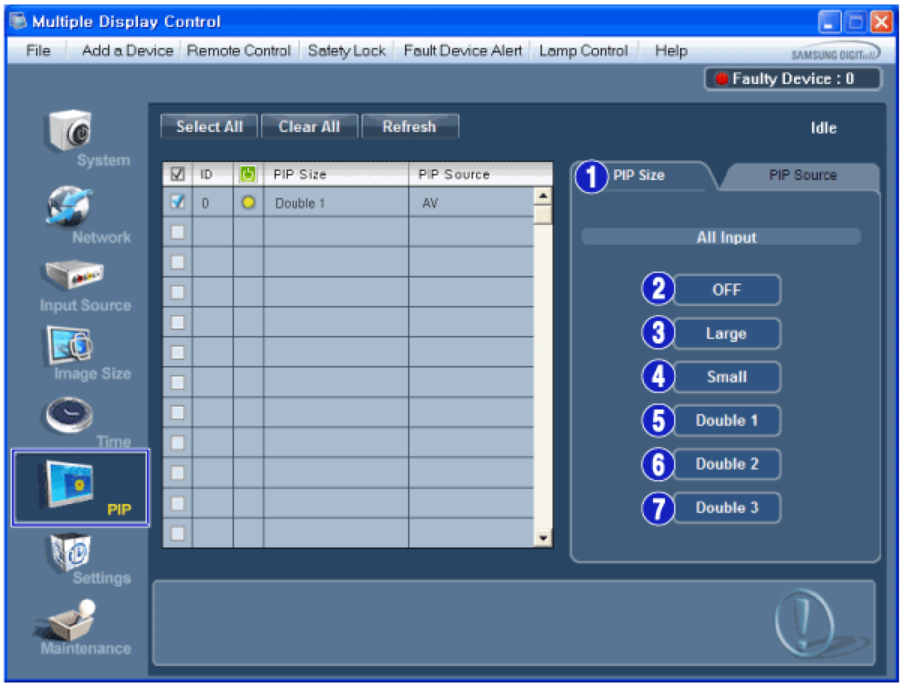
*** Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

* **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**
* **Chức năng Điều khiển Thời gian (Time Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).**
* **Chỉ được kích hoạt cho một TV khi Source được cài đặt là TV ở chế độ On Time.**
* **Chỉ được kích hoạt cho một mẫu sản phẩm có cài đặt MagicInfo khi Source được cài đặt là MagicInfo trong chế đôOn Time.**

PIP

PIP Size

1. Nhấp vào PIP trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình điều khiển PIP sẽ hiển thị.
   Chọn những màn hình bạn muốn điều chỉnh sử dụng nút Select (Lựa chọn) hoặc các hộp chọn.



* Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Kích thước PIP (PIP Size Control).

1) PIP Size
   - Hiển thị Kích thước PIP (PIP Size) hiện tại của màn hình đang dùng.

2) OFF
   - Tắt PIP của màn hình được chọn.

3) Large
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Cỡ Lớn (Large).

4) Small
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Cỡ nhỏ (Small).

5) Double 1
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Gấp đôi 1 (Double 1).

6) Double 2
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Gấp đôi 2 (Double 2).

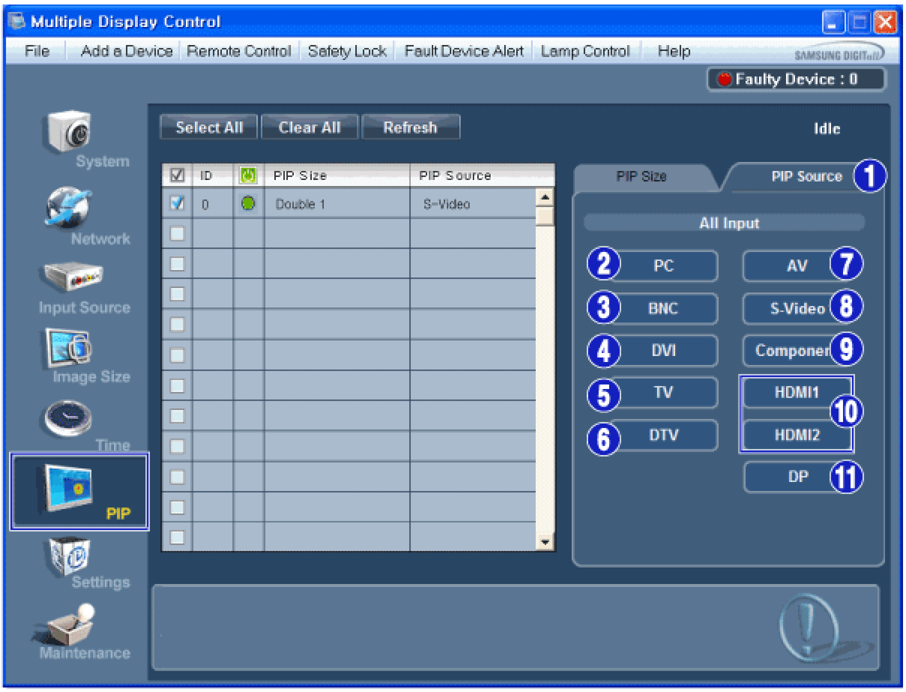
7) Double 3 (Picture By Picture)
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Gấp đôi 3 (Double 3).

* **PIP Size can be controlled with turning on the LCD Display power.**
* **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**
* **Bạn có thể điều khiển Kích thước PIP (PIP Size) khi bật nguồn điện của màn hình.**

PIP

PIP Source

1. Nhấp vào PIP trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình điều khiển PIP sẽ hiển thị.



✱ Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Nguồn tín hiệu PIP (PIP Source Control).

1) PIP Source
- Bạn có thể điều khiển Nguồn tín hiệu PIP (PIP Source) khi bật nguồn điện của màn hình.

2) PC
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành PC.

3) BNC
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành BNC.

4) DVI
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành DVI.

5) TV
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành TV.

6) DTV
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành DTV.

7) AV
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành AV.

8) S-Video
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành S-Video.

9) Component
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành Tổ hợp (Component).

10) HDMI 1/HDMI2
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành HDMI.

11) DP
- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành DP.

✱ **Một số Nguồn tín hiệu PIP (PIP Source) không thể chọn được tùy vào kiểu nguồn tín hiệu vào của Màn Hình Chính (Main Screen).**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

✱ **Chức năng Điều khiển PIP (PIP Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON) và chức năng PIP được cài là BẬT (ON).**

✱ **HDMI2 không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

✱ **DP không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

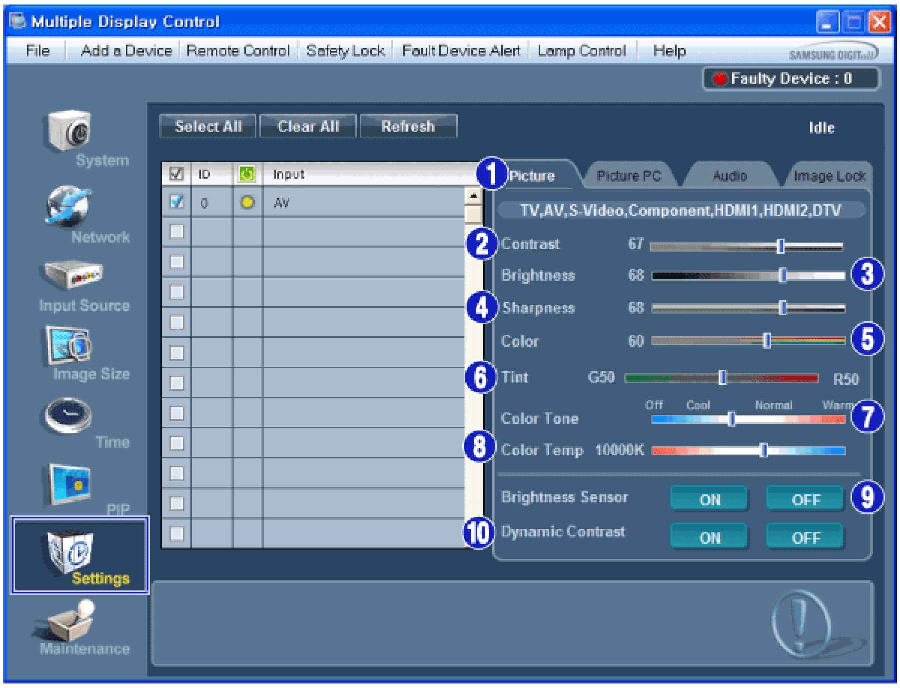
✱ **The Input source of MagicInfo works only on MagicInfo model.**



Settings

Picture

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



✱ Thông tin cơ bản bắt buộc để điều chỉnh Picture (Hình ảnh) được hiển thị trên trình đơn chính. Cài đặt cho màn hình lựa chọn sẽ được hiển thị nếu một trong các màn hình kết nối được chọn và cài đặt mặc định sẽ hiển thị nếu toàn bộ màn hình được chọn bằng cách nhấn All (Toàn bộ) và Select (Chọn). Nếu thay đổi một giá trị trên màn hình, chế độ hiện tại sẽ tự động chuyển sang chế độ tùy chỉnh.

1) Picture
 - Chỉ sử dụng với các tín hiệu TV, AV, S-Video, Component, HDM1, HDMI2, DTV.

2) Contrast
 - Điều chỉnh Độ Tương phản (Contrast) của màn hình hiển thị được chọn.

3) Brightness
 - Điều chỉnh Độ sáng (Brightness) của màn hình hiển thị được chọn.

4) Sharpness
 - Điều chỉnh Độ sắc nét (Sharpness) của màn hình hiển thị được chọn.

5) Color
 - Điều chỉnh Màu sắc (Color) của màn hình hiển thị được chọn.

6) Tint
 - Điều chỉnh Sắc thái (Tint) của màn hình hiển thị được chọn.

7) Color Tone
 - Điều chỉnh Tông màu (Color Tone) của màn hình hiển thị được chọn.

8) Color Temp
 - Điều chỉnh Color Temp của màn hình đã chọn.

9) Brightness Sensor
 - Điều chỉnh Brightness Sensor của màn hình đã chọn.

10) Dynamic Contrast
 - Điều chỉnh Dynamic Contrast của màn hình đã chọn.

✱ **Brightness Sensor không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

✱ **Chức năng này chỉ bật khi đặt giá trị Off cho Color Tone.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**

✱ **Chức năng này chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị đang BẬT (ON) và nếu không có sự lựa chọn nào khác, giá trị mặc định gốc sẽ được hiển thị.**

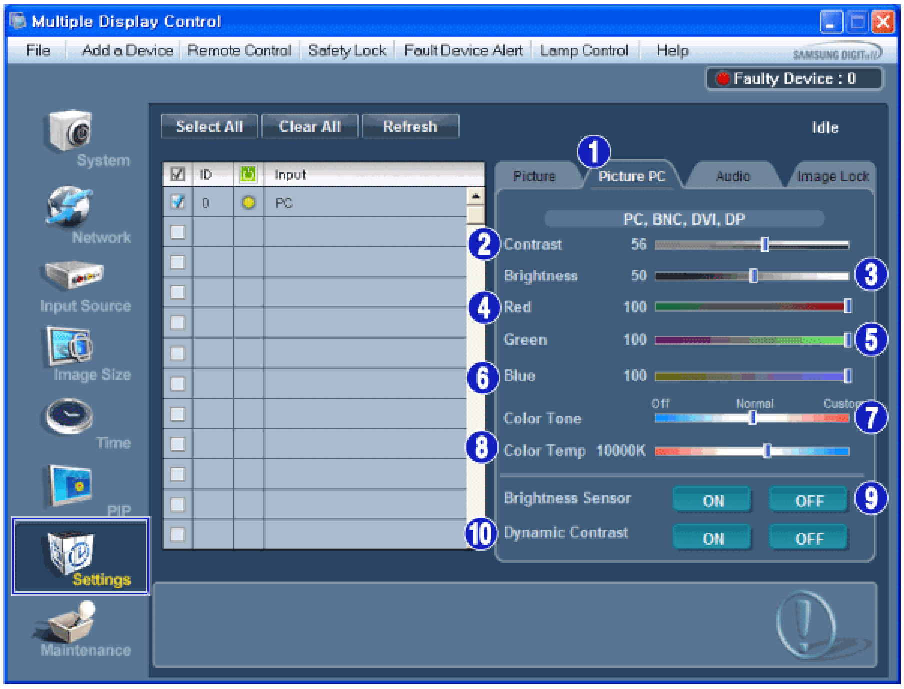
✱ **HDMI2 không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**



Settings

Picture PC

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



* Thông tin cơ bản bắt buộc để điều chỉnh các cài đặt được hiển thị. Cài đặt cho nhóm (SET) tương ứng sẽ được nhập và hiển thị trên con trượt nếu chọn một mã màn hình, và các cài đặt mặc định sẽ được hiển thị nếu toàn bộ mã màn hình được chọn bằng cách nhấn All (Toàn bộ) và Select (Chọn). Nếu thay đổi một giá trị trên màn hình, chế độ hiện tại sẽ tự động chuyển sang chế độ tùy chỉnh.

1) Picture PC
 - Chỉ có cho PC, BNC, DVI và DP.

2) Contrast
 - Điều chỉnh Độ Tương phản (Contrast) của màn hình hiển thị được chọn.

3) Brightness
 - Điều chỉnh Độ sáng (Brightness) của màn hình hiển thị được chọn.

4) Red
 - Điều chỉnh Sắc Đỏ (Red Color) của màn hình hiển thị được chọn.

5) Green
 - Điều chỉnh Sắc Xanh lá (Green Color) của màn hình hiển thị được chọn.

6) Blue
 - Điều chỉnh Sắc Xanh dương (Blue Color) của màn hình hiển thị được chọn.

7) Color Tone
 - Adjusts the Color Tone for the selected display.

8) Color Temp
 - Điều chỉnh Color Temp của màn hình đã chọn.

9) Brightness Sensor
 - Điều chỉnh Brightness Sensor của màn hình đã chọn.

10) Dynamic Contrast
 - Điều chỉnh Dynamic Contrast của màn hình đã chọn.

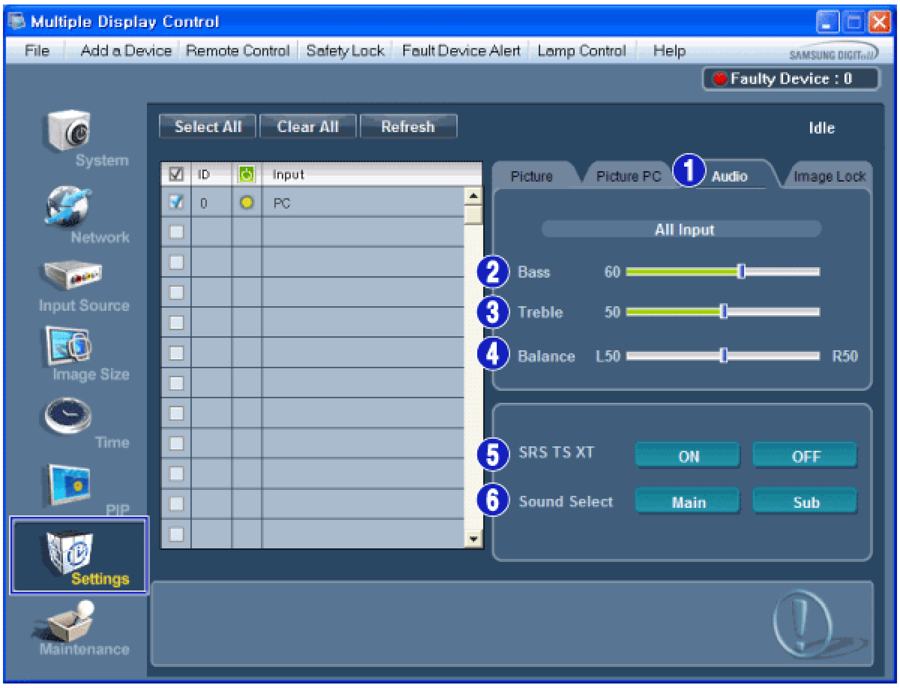
* **Brightness Sensor không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**
* **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**
* **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**
* **Chức năng này chỉ bật khi đặt giá trị Off cho Color Tone.**
* **Chức năng này chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị đang BẬT (ON) và nếu không có sự lựa chọn nào khác, giá trị mặc định gốc sẽ được hiển thị.**
* **DP không được hỗ trợ tùy vào loại sản phẩm.**



Settings

Audio

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



✱ Thông tin cơ bản bắt buộc để điều chỉnh Audio (Âm thanh) được hiển thị trên cửa sổ màn hình. Cài đặt cho nhóm tương ứng sẽ được nhập và hiển thị trên con trượt nếu chọn một mã màn hình, và cài đặt mặc định sẽ được hiển thị nếu toàn bộ mã màn hình được chọn bằng cách nhấn All (Toàn bộ) và Select (Chọn). Nếu thay đổi một giá trị trên màn hình, chế độ hiện tại sẽ tự động chuyển sang chế độ tùy chỉnh.

1) Audio
   - Cài đặt Điều khiển âm thanh cho tất cả nguồn tín hiệu vào.

2) Bass
   - Điều chỉnh Aâm trầm (Bass) của màn hình hiển thị được chọn.

3) Treble
   - Điều chỉnh Âm bổng (Treble) của màn hình hiển thị được chọn.

4) Balance
   - Điều chỉnh Độ cân bằng (Balance) của màn hình hiển thị được chọn.

5) SRS TS XT
   - Bật/Tắt Âm thanh SRS TS XT của màn hình hiển thị được chọn.

6) Sound Select
   - Chọn Chính (Main) hoặc Phụ (Sub) khi màn hình PIP đang Bật (On).

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

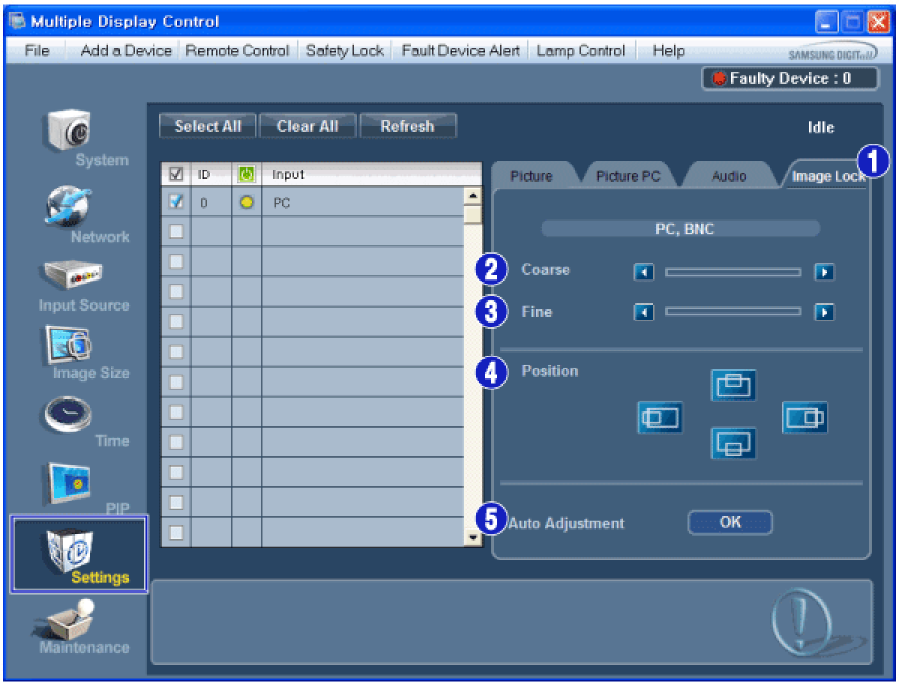
✱ **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**

✱ **Chức năng này chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị đang BẬT (ON) và nếu không có sự lựa chọn nào khác, giá trị mặc định gốc sẽ được hiển thị.**

Settings

Image Lock

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Cài đặt (Settings Control).

1) Image Lock
   - Chỉ sử dụng với các tín hiệu PC, BNC.
2) Coarse
   - Điều chỉnh Độ Kết hạt (Coarse) của màn hình hiển thị được chọn.
3) Fine
   - Điều chỉnh Độ mịn (Fine) của màn hình hiển thị được chọn.
4) Position
   - Điều chỉnh Vị trí (Position) của màn hình hiển thị được chọn.
5) Auto Adjustment
   - Tự Điều chỉnh tín hiệu vào từ PC.

Tính năng điều khiển Maintenance chỉ có cho những màn hình có trạng thái nguồn bật là ON.

Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.

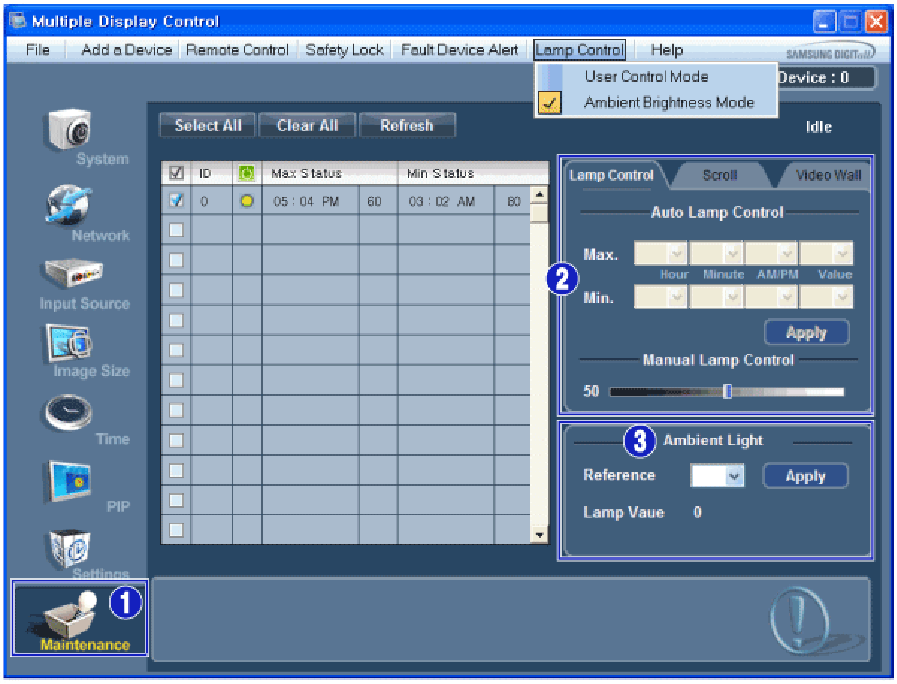
Chức năng Điều khiển Cài đặt (Settings Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).



Maintenance

Lamp Control

1. Nhấp vào "Bảo trì" trong cột Biểu tượng Chính (Main Icon)để hiển thị màn hình Bảo trì (Maintenance).



✱ Một “Sơ đồ Thông tin” sẽ hiển thị và trình bày một số mục dữ liệu cơ bản.

1) Maintenance
- Cho phép Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) tất cả các nguồn tín hiệu vào.

2) Lamp Control
- Tự động điều chỉnh ánh sáng nền của màn hình hiển thị được chọn tại một thời điểm nhất định.
Tính năng Manual Lamp Control sẽ tự động tắt nếu bạn điều chỉnh sử dụng Auto Lamp Control.
- Cho phép điều chỉnh ánh sáng nền của màn hình hiển thị được chọn vào bất cứ lúc nào.
Tính năng Auto Lamp Control sẽ tự động tắt nếu bạn điều chỉnh sử dụng Manual Lamp Control.

3) Ambient Light
- Phát hiện cường độ ánh sáng bình thường tại màn hình được chỉ định và tự động điều chỉnh độ sáng ảnh.
- Bạn có thể chọn một giá trị Reference và chỉ định một màn hình tự động quyết định Lamp Value (cường độ ánh sáng đèn), dựa trên cường độ ánh sáng thường.

✱ **Ambient Light chỉ được hỗ trợ cho những mẫu sản phẩm có cảm biến ánh sáng và chỉ được kích hoạt khi chọn Ambient Brightness Mode trên trình đơn Camp Control.**

✱ **Auto Lamp Control và Manual Lamp Control chỉ được kích hoạt khi User Control Mode được chọn trong trình đơn Lamp Control.**

✱ **Chức năng Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

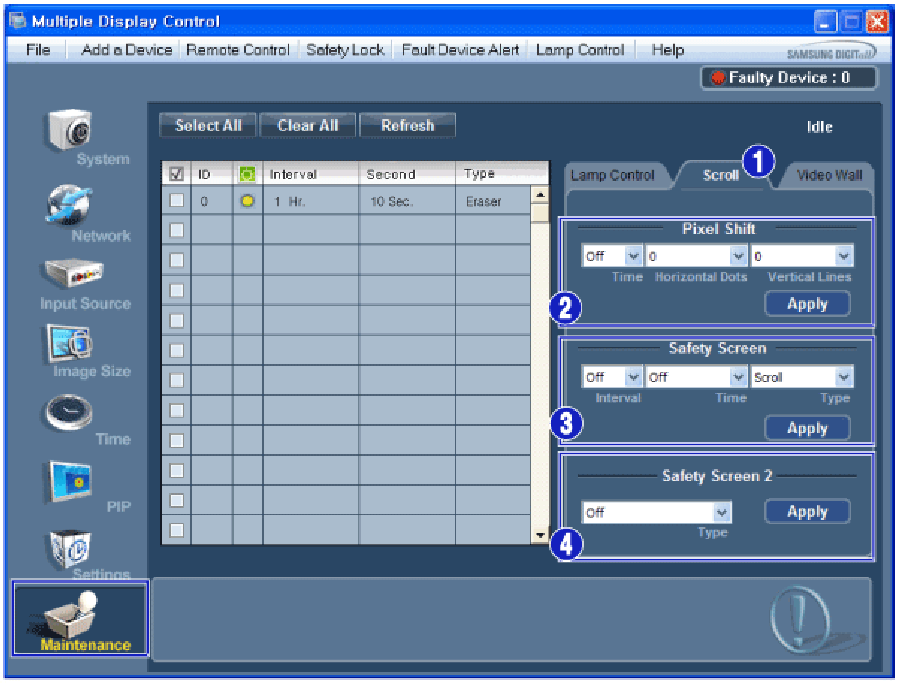
✱ **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**



Maintenance

Scroll

1. Nhấp vào “Bảo trì” trong cột Biểu tượng Chính (Main Icon)để hiển thị màn hình Bảo trì (Maintenance).



1) Scroll
- Chức năng này dùng để khử dư ảnh xảy ra khi màn hình tĩnh hiển thị một hình ảnh được chọn trong một khoảng thời gian dài.

2) Pixel Shift
- Việc này cho phép dịch chuyển màn hình một cách tinh tế trong một khoảng thời gian nhất định.

3) Safety Screen
- Chức năng Safety Screen (Màn hình Bảo vệ) được dùng để tránh hiện tượng dư ảnh xảy ra khi màn hình tĩnh hiển thị một hình ảnh trong một khoảng thời gian dài. Thông số Interval (Khoảng thời gian) được dùng để chọn chu kỳ lặp tính theo giờ trong khi thông số Time (Thời gian) được dùng để chọn thời điểm kích hoạt chức năng Safety Screen (Màn hình Bảo vệ). Thông số Type (Kiểu) để chọn các kiểu Scroll (Cuộn), Pixel (Pixel), Bar (Vạch), Eraser (Dụng cụ Xóa), All White (Hoàn toàn Màu trắng), hoặc Pattern (Mẫu).

4) Safety Screen2
- Chức năng này được dùng để tránh hiện tượng dư ảnh. Có năm (5) type (kiểu) mà bạn có thể chọn và điều khiển bằng chức năng này.

✱ **Với kiểu Scroll (Cuộn), bạn có thể đặt các giá trị 1, 2, 3, 4 hoặc 5 cho thông số Time (Thời gian). Với các kiểu Bar (Vạch) và Eraser (Dụng cụ Xóa), bạn có thể sử dụng các giá trị 10, 20, 30, 40 hoặc 50. Với kiểu All White (Hoàn toàn Màu trắng) và Pattern (Mẫu), bạn có thể chọn các giá trị 1, 5, 10, 20 hoặc 30.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

✱ **Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**

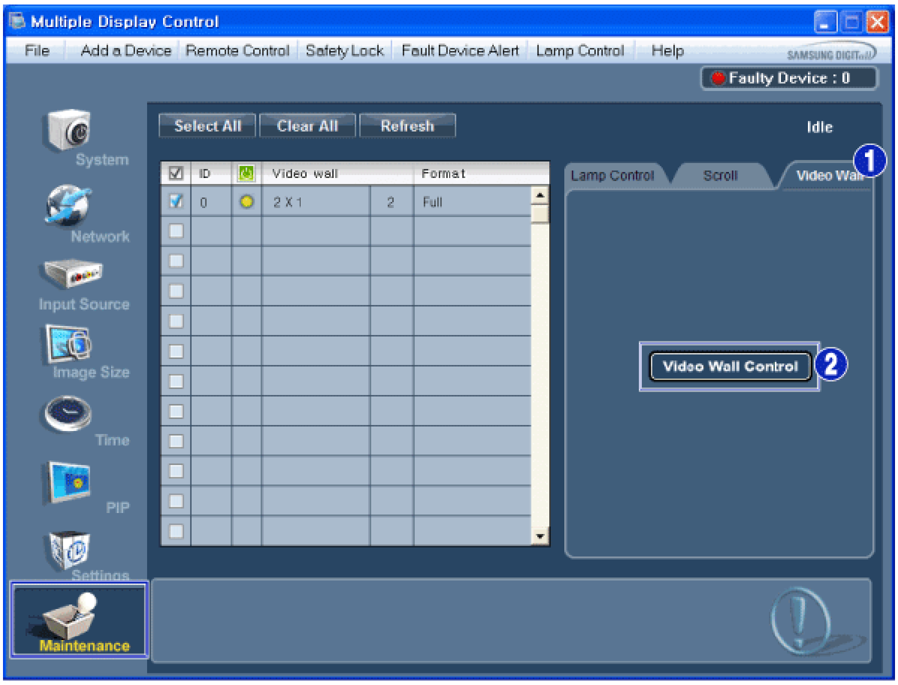
✱ **Chức năng Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**



Maintenance

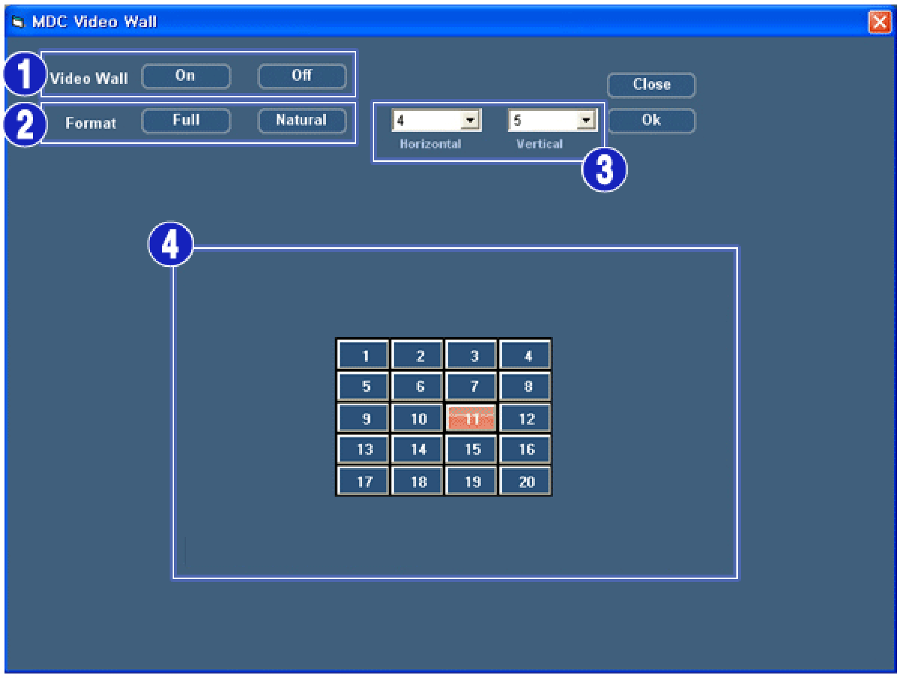
Video Wall

1. Nhấp vào "Bảo trì" trong cột Biểu tượng Chính (Main Icon)để hiển thị màn hình Bảo trì (Maintenance).



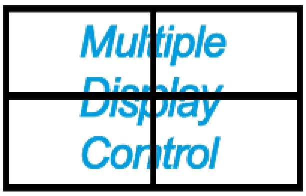
1) Video Wall
   - Bức tường phim video là tập hợp các màn hình hiển thị được kết nối chung, vì thế mỗi màn hình sẽ hiển thị một phần trong bức tranh tổng thể hoặc là cùng một bức tranh được lặp lại ở mỗi màn hình.

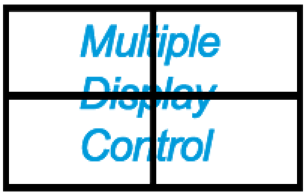
2) Video Wall Control
   - Có thể cấu hình các thuộc tính Video Wall.



13) On / Off
   - Tắt/Mở chức năng Bức tường phim video của màn hình được chọn.

2) Format
   - Bạn có thể lựa chọn định dạng để xem màn hình bị chia ra.

- Full 

- Natural 

3) Video Wall (Screen divider)
   - Màn hình có thể được chia ra.
     Bạn có thể chọn một số màn hình với cách bố trí khác khi chia ra.
     - Chọn một chế độ từ mục Chia màn hình.
     - Chọn màn hình hiển thị từ Chọn Hiển thị (Display Selection).
     - Vị trí sẽ được thiết lập bằng cách bấm một con số trong chế độ đã chọn.
     - Số lượng tối đa các màn hình có thể được sắp xếp là: Horizontal X Vertical = 100 (Ngang x Dọc = 100)
     - Số lượng màn hình được sắp xếp có thể lên tới 15 trên một hàng. Giá trị Horizontal (Ngang) tối đa là 6 nếu Vertical (Dọc) được cài đặt là 15 trong khi đó giá trị Vertical (Dọc) tối đa là 6 nếu Horizontal (Ngang) được cài đặt là 15.

4) Xem màn hình được chia nhỏ
   - Bạn có thể xem và thay đổi bố cục của màn hình bằng cách sử dụng cài đặt Screen Devider (Chia màn hình).

*** Nhóm cài đặt Screen Divider có thể khác nhau tùy thuộc vào loại sản phẩm.**

*** Nguồn tín hiệu Vào của MagicInfo chỉ hoạt động theo kiểu MagicInfo.**

*** Nguồn tín hiệu Vào của TV chỉ hoạt động theo kiểu TV.**

*** Chức năng Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**

Giải quyết Sự cố

1. Màn hình bạn muốn điều khiển không hiển thị trong Sơ đồ Thông tin Điều khiển Nguồn điện (Power Control Info Grid)
   - Kiểm tra liệu địa chỉ IP đã nhập có đúng không và kiểm tra trạng thái kết nối của cáp Ethernet.
   - Kiểm tra xem có bất cứ màn hình đang kết nối nào khác với cùng ID của màn hình đang hiển thị hay không. Nếu có, các màn hình khác sẽ không được nhận dạng bởi hệ thống do lỗi xung đột dữ liệu.
   - Cho những màn hình hỗ trợ mã sản phẩm giữa 0 và 99, bạn phải cài đặt mã sản phẩm tới một giá trị giữa 0 và 99.

   Lưu ý : Kiểm tra xem liệu mã sản phẩm của màn hình có phải là một giá trị nằm giữa 0 và 99 không (cài đặt giá trị này sử dụng màn hình trình đơn).

2. Màn hình bạn muốn điều khiển không hiển thị trong các Sơ đồ Thông tin Điều khiển (Control Info Grids) khác
   - Kiểm tra xem nguồn điện của màn hình đã được BẬT (ON) hay chưa. (Bạn có thể kiểm tra điều này trong Sơ đồ Thông tin Điều khiển Nguồn điện)
   - Kiểm tra xem bạn có thể thay đổi nguồn tín hiệu vào của màn hình.

3. Hộp thoại sẽ hiển thị lặp đi lặp lại.
   - Kiểm tra xem màn hình bạn muốn điều khiển đã được chọn hay chưa.

4. Cả chức năng Định giờ Mở (On Timer) và Định giờ Tắt (Off Timer) đã được cài đặt nhưng với thời gian khác nhau.
   - Áp dụng thời gian hiện hành để đồng bộ đồng hồ của màn hình.

5. Khả năng điều khiển từ xa có thể không hoạt động tốt khi tắt Chức năng điều khiển từ xa, ngắt kết nối cáp RS-232C, hay thoát khỏi chương trình một Không đúng cách. Chạy lại chương trình và kích hoạt chức năng điều khiển từ xa trở lại để Khôi phục hoạt động bình thường.

   <Lưu ý> Chương trình này có thể hoạt động sai lệch do lỗi của các mạch truyền dẫn hay hiện tượng gây nhiễu từ các thiết bị điện đặt gần đó.



Hiển thị Giá trị Cài đặt trong Chế độ Đa Hiển thị

* Khi có nhiều hơn một màn hình được kết nối, các giá trị cài đặt được trình bày như sau.

1. Không chọn: Hiển thị Giá trị Mặc định Gốc (Factory Default Value).
2. Một màn hình được chọn: Nạp và hiển thị giá trị cài đặt của màn hình được chọn.

3. Chọn một màn hình (ID1) và thêm màn hình khác (ID3): Chương trình đang hiển thị giá trị cài đặt của màn hình ID1 sẽ nạp và hiển thị giá trị cài đặt của màn hình ID3.
4. Nếu toàn bộ các nhóm được chọn cùng lúc bằng cách nhấn All (Toàn bộ) và Select (Chọn), giá trị mặc định sẽ được phục hồi.

Điều chỉnh màn hình LCD

Input

Các chế độ có sẵn

- PC
- AV
- Component
- HDMI
- MagicInfo

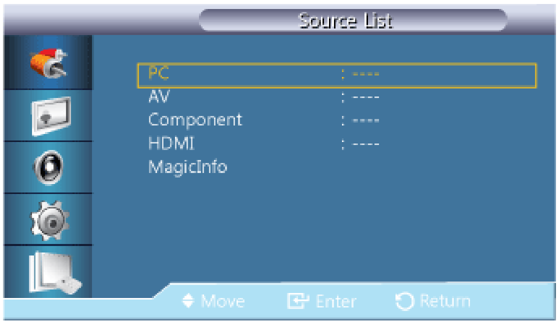
Lưu ý

Cho kiểu EX

- **MagicInfo** chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng được kết nối.
- Cổng **HDMI** và hộp mạng không được kết nối cùng lúc.

Source List

MENU → ENTER → [Input] → ENTER → [Source List]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Sử dụng để chọn giữa các nguồn **PC**, **HDMI** hoặc các nguồn tín hiệu đầu vào bên ngoài được kết nối vào Màn hình LCD. Dùng để chọn dạng màn hình theo ý muốn.

1. **PC**
2. **AV**
3. **Component**
4. **HDMI**
5. **MagicInfo**

PIP

Lưu ý

Tính năng **PIP** không có khi **Video Wall** được bật là **On**.

Khi các thiết bị AV bên ngoài như VCR hoặc DVD được kết nối với Màn hình LCD, chức năng**PIP** cho phép bạn xem video từ các thiết bị đó

trong một cửa sổ nhỏ nằm trên tín hiệu PC Video. (**Off**/**On**)

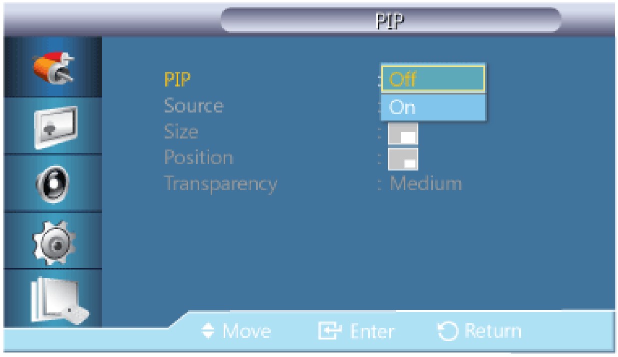
MENU → ENTER → **[Input]** → ▼ → ENTER → **[PIP]**

Lưu ý

- **PIP** sẽ tắt khi Màn hình LCD được bật sang một nguồn bên ngoài.
- Nếu bạn chọn , , trong **Size**, **Position** và **Transparency** sẽ không được kích hoạt.

PIP

MENU → ENTER → **[Input]** → ▼ → ENTER → **[PIP]** → ENTER → **[PIP]**



→ ▲ , ▼ → ENTER

Bật màn hình **PIP Off/On**.

- **Off**
- **On**

Source

MENU → ENTER → **[Input]** → ▼ →ENTER → **[PIP]** → ▼ →ENTER → **[Source]**



→ ▲ , ▼ → ENTER

Lưu ý

Đối với máy tính, chế độ này bị vô hiệu nếu ngắt kết nối cáp.

Chọn nguồn tín hiệu vào cho PIP.

- **PC** : **HDMI**
- **HDMI** : **PC**

Size

MENU → ENTER → **[Input]** → ▼ →ENTER → **[PIP]** → ▼ → ▼ →ENTER → **[Size]**

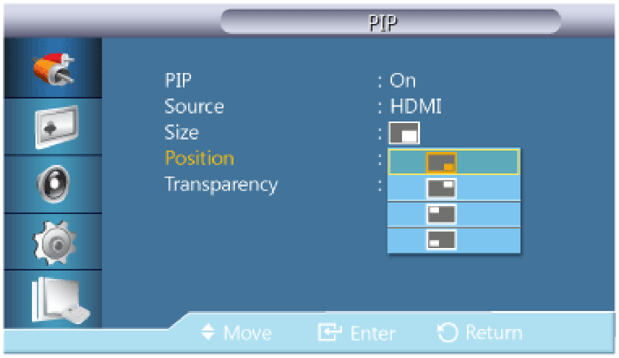


→ ▲, ▼ → ENTER

Thay đổi Kích thước của cửa sổ PIP.

Position

MENU → ENTER → **[Input]** → ▼ →ENTER → **[PIP]** → ▼ → ▼ → ▼ →ENTER → **[Position]**

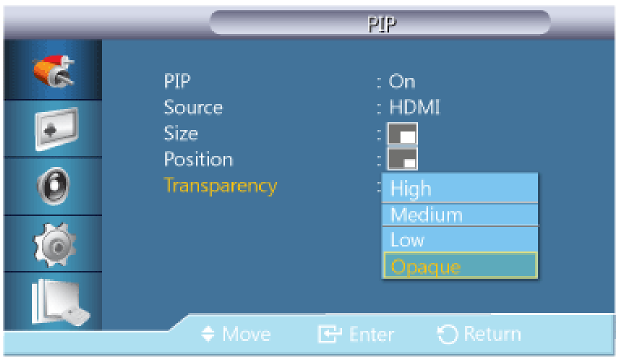


→ ▲, ▼ → ENTER

Thay đổi Vị trí của cửa sổ PIP.

Transparency

MENU → ENTER → **[Input]** → ▼ → ENTER → **[PIP]** → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → **[Transparency]**



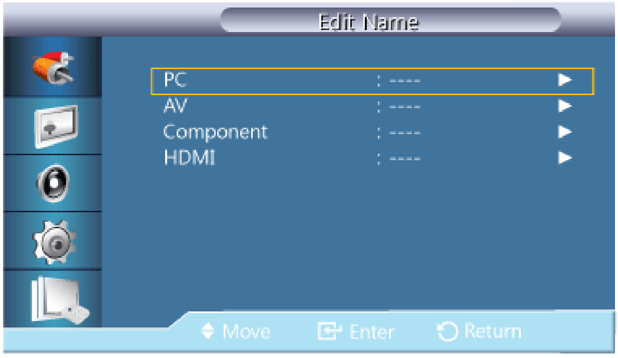
→ ▲, ▼ → ENTER

Điều chỉnh Độ trong suốt của các cửa sổ PIP.

- **High**
- **Medium**
- **Low**
- **Opaque**

Edit Name P A C H

MENU → ENTER → [Input] → ENTER → ▼ → ▼ → [Edit Name]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Đặt tên cho thiết bị đầu vào kết nối với các jack cắm đầu vào để làm cho sự lựa chọn nguồn vào dễ dàng hơn.

VCR / **DVD** / **Cable STB** / **HD STB** / **Satellite STB** / **AV Receiver** / **DVD Receiver** / **Game** /**Camcorder** / **DVD Combo** / **DHR** / **PC** / **DVI Devices**

Lưu ý

- Các thiết bị được hiển thị khác nhau tùy theo chế độ ngõ vào của thiết bị bên ngoài.
- Khi kết nối PC với đầu HDMI, hãy cài đặt **Edit Name** sang **PC**. Trong các trường hợp khác, đặt **Edit Name** là **AV**. Tuy nhiên, vì 640x480, 720P (1280x720) và 1080p (1920x1080) là những tín hiệu chung cho **AV** và **PC**, đảm bảo là bạn đặt **Edit Name**phù hợp với dạng tín hiệu đầu vào.
- Menu **Picture** sẽ thay đổi tùy vào dạng tín hiệu đầu vào và **Edit Name**.

Điều chỉnh màn hình LCD

Picture [Chế độ PC / MagicInfo]

Các chế độ có sẵn

- P PC
- A AV
- C Component
- H HDMI
- M MagicInfo

Lưu ý

Cho kiểu EX

- **MagicInfo** chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng được kết nối.
- Cổng **HDMI** và hộp mạng không được kết nối cùng lúc.

MagicBright PM

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ENTER → [MagicBright]



→ ▲ , ▼ → ENTER

MagicBright là tính năng mới cung cấp môi trường hiển thị hình ảnh tối ưu tùy thuộc vào nội dung bạn đang xem. Hiện có bốn chế độ khác nhau: **Entertain**, **Internet**, **Text** và **Custom**. Mỗi chế độ có riêng giá trị độ sáng đã được cấu hình trước.

Lưu ý

- Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

1. **Entertain**

   Độ sáng cao

   Để xem những ảnh động như DVD hay VCR.

2. **Internet**

   Độ sáng trung bình

   Khi làm việc với màn hình hỗn hợp gồm hình ảnh và văn bản.

3. **Text**

Độ sáng bình thường

Dùng cho tài liệu hoặc công việc có nhiều văn bản.

4. **Custom**

   Dù các giá trị độ sáng đã được các kỹ sư của chúng tôi cài đặt, nhưng cũng có thể không phù hợp với mắt bạn tùy theo cảm quan của bạn.

   Trong trường hợp này, hãy điều chỉnh độ sáng và độ tương phản bằng menu OSD.

Custom

Bằng cách sử dụng menu trên màn hình, bạn có thể thay đổi độ sáng và độ tương phản theo sở thích riêng của mình.

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom]

Lưu ý

- Khi điều chỉnh hình ảnh bằng cách sử dụng chức năng **Custom**, **MagicBright** sẽ chuyển sang chế độ **Custom**.
- Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

1. **Contrast**

   MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom]→ ENTER→ [Contrast]

   → ◄, ► → ENTER

   Điều chỉnh Độ tương phản.

2. **Brightness**

   MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom] → ▼ → ENTER → [Brightness]

   → ◄, ► → ENTER

   Điều chỉnh Độ sáng.

3. **Sharpness**

   MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom] → ▼ → ▼ → ENTER → [Sharpness]

   → ◄, ► → ENTER

   Điều chỉnh Độ sắc nét.

Color Tone

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ →ENTER → [Color Tone]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Lưu ý
Không có khi Dynamic Contrast (Độ tương phản động) được bật.

Có thể điều chỉnh được các tông màu.

1. **Off**
2. **Cool**
3. **Normal**
4. **Warm**
5. **Custom**

Lưu ý
Nếu bạn cài đặt **Color Tone** sang **Cool**, **Normal**, **Warm**, hoặc **Custom**, chức năng **Color Temp.** bị vô hiệu.
Nếu bạn cài đặt **Color Tone** sang **Off**, chức năng **Color Control** sẽ bị vô hiệu.

Color Control

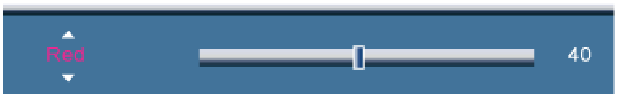
Điều chỉnh riêng lẻ thang màu Red, Green, Blue.

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ →▼→ ENTER → [Color Control]

Lưu ý
Không có khi Dynamic Contrast (Độ tương phản động) được bật.

1. **Red**

   MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ →▼ → ENTER → [Color Control]→ ENTER → [Red]

   → ◄, ► → ENTER

2. **Green**

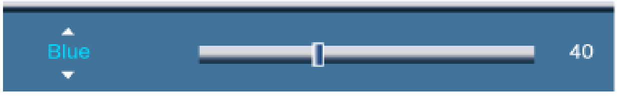
   MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ →▼ → ENTER → [Color Control]→ ▼ → ENTER → [Green]



→ ◄, ► → ENTER

3. **Blue**

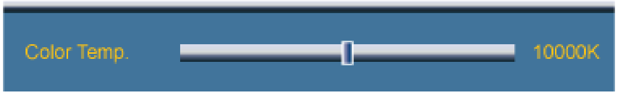
MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ →▼ → ENTER → [Color Control]→ ▼ → ▼ → ENTER → [Blue]



→ ◄, ► → ENTER

Color Temp.

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ → ENTER → [Color Temp.]



→ ◄, ► → ENTER

Color Temp là một đơn vị đo 'độ ấm' của hình ảnh.

Lưu ý
Khi tắt chế độ **Dynamic Contrast** và **Color Tone** là **Off**, tính năng này sẽ được kích hoạt.

Image Lock

Image Lock được dùng để tinh chỉnh và làm cho hình ảnh có chất lượng tốt nhất bằng cách loại bỏ hiệu ứng nhiễu để tạo những ảnh động với chức năng jitters và shakiness. Nếu không có kết quả như mong muốn bằng cách sử dụng chế độ điều chỉnh Tinh, hãy sử dụng chế độ điều chỉnh Thô và sau đó sử dụng lại chế độ điều chỉnh Tinh.

Lưu ý
Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Image Lock]

Coarse

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Image Lock] → ENTER →[Coarse]



→ ◄, ► → ENTER

Loại bỏ nhiễu như các sọc dọc. Việc điều chỉnh chế độ Thô (Coarse) có thể làm di chuyển vùng hiển thị hình ảnh trên màn hình. Bạn có thể phải chỉnh tâm lại bằng trình đơn di chuyển ngang.

Fine

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ →▼ →▼ → ▼ → ENTER → [Image Lock]→ ▼ → ENTER → [Fine]

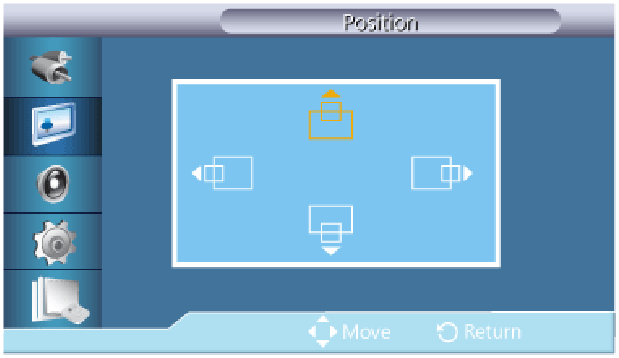


→ ◄, ► → ENTER

Loại bỏ nhiễu như là các sọc ngang. Nếu hiện tượng nhiễu hạt vẫn còn ngay cả sau khi đã Tinh chỉnh, hãy điều chỉnh tần số (tốc độ xung đồng hồ) trước khi tinh chỉnh lại.

Position

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ →▼ →▼ → ▼ → ENTER → [Image Lock]→ ▼ → ▼ → ENTER → [Position]

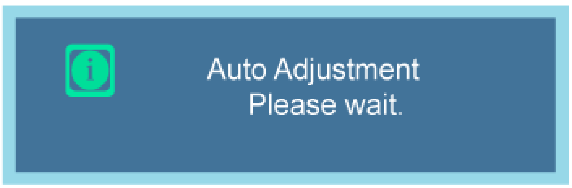


→ ▲, ▼, ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh vị trí màn hình theo chiều ngang và chiều dọc.

Auto Adjustment

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Auto Adjustment]



Các giá trị **Fine**, **Coarse**, **Position** được điều chỉnh tự động. Bằng cách thay đổi độ phân giải trong bảng điều khiển, chức năng tự động sẽ được thực hiện.

Lưu ý

Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

Signal Balance

Được sử dụng để nâng cao tín hiệu RGB bị suy hao khi truyền tải do cáp tín hiệu quá dài.

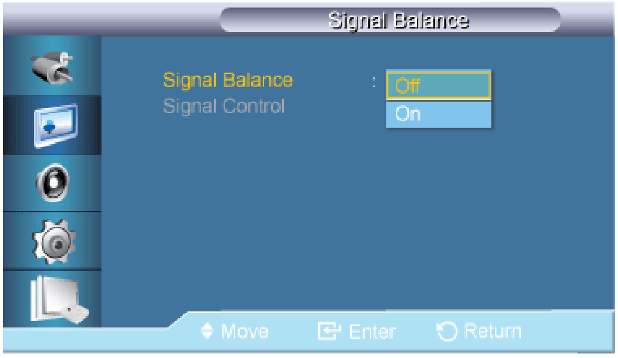
MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Signal Balance]

Lưu ý

- Không có khi Dynamic Contrast (Độ tương phản động) được bật.
- Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

Signal Balance

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ENTER → [Signal Balance]→ ENTER → [Signal Balance]



→ ▲, ▼→ ENTER

Chọn **On** hoặc **Off** với **Signal Balance**.

Signal Control

MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Signal Balance]→ ENTER → ▼→ [Signal Control]

1. **R-Gain**

   MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼ → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Signal Balance] → ENTER → ▼ → [Signal Control] → ENTER → [R-Gain]

   → ◄, ► → ENTER

2. **G-Gain**

   MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼ → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Signal Balance] → ENTER → ▼→ [Signal Control] → ▼ → ENTER→ [G-Gain]

   → ◄, ► → ENTER

3. **B-Gain**

   MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Signal Balance]→ ENTER → ▼→ [Signal Control] → ▼ → ▼ → ENTER→ [B-Gain]

   → ◄, ► → ENTER

4. **R-Offset**

   MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Signal Balance]→ ENTER → ▼→ [Signal Control] → ▼→ ▼ → ▼ → ENTER→ [R-Offset]



→ ◄, ► → ENTER

5. **G-Offset**

   MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼→ ▼→ ENTER → [Signal Balance]→ ENTER → ▼→ [Signal Control] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER→ [G-Offset]



→ ◄, ► → ENTER

6. **B-Offset**

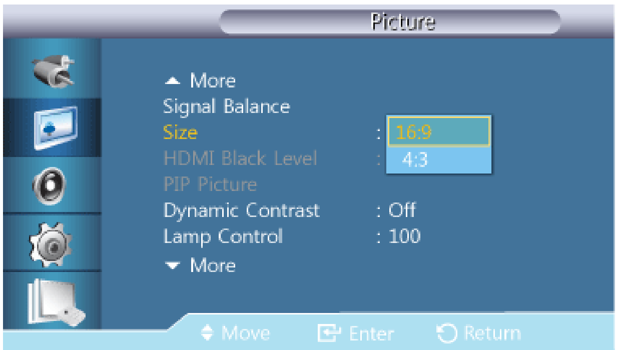
   MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼→ ▼→ ENTER → [Signal Balance]→ ENTER → ▼→ [Signal Control] → ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [B-Offset]



→ ◄, ► → ENTER

Size

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Size]



→ ▲ , ▼ → ENTER

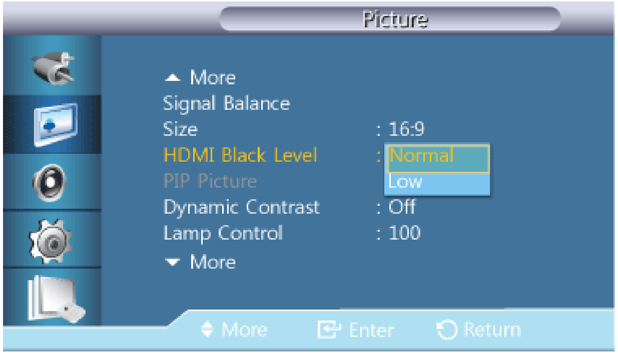
Size có thể được thay đổi.

1. **16:9**

2. **4:3**

HDMI Black Level

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [HDMI Black Level]



→ ▲, ▼→ ENTER

Khi xem bằng đầu DVD hoặc một hộp set-top được kết nối đến thiết bị thông qua cáp HDMI, việc giảm chất chất lượng hình ảnh (mức độ đen, mức độ tương phản thấp, sắc màu nhạt hơn, v.v..) có thể xuất hiện tùy vào thiết bị bên ngoài được kết nối.

1. **Normal**
2. **Low**

Lưu ý

Sử dụng tính năng Đặt giờ cho cả máy tính và DTV trong chế độ **HDMI**, **HDMI Black Level** sẽ được kích hoạt.

PIP Picture

MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [PIP Picture]

→ ▲, ▼→ ENTER

Điều chỉnh Các Thông số cài đặt Màn hình PIP.

Lưu ý

- Bạn có thể điều chỉnh tính năng **PIP Picture** khi **PIP** được bật **On**

1. **Contrast**

   MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼→ ▼→ ▼→▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [PIP Picture] → ENTER→ [Contrast]

   → ◄, ►→ ENTER

   Điều chỉnh chế độ **Contrast** của cửa sổ **PIP** trên màn hình.

2. **Brightness**

   MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼→ ▼→ ▼→▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [PIP Picture] → ▼→ ENTER → [Brightness]

   → ◄, ►→ ENTER

   Điều chỉnh chế độ **Brightness** của cửa sổ **PIP** trên màn hình.

3. **Sharpness**

MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [PIP Picture] → ▼→ ▼→ ENTER → [Sharpness]

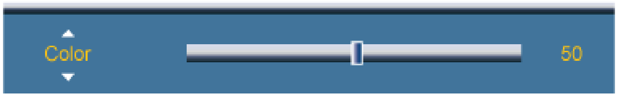


→ ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh chế độ **Sharpness** của cửa sổ **PIP** trên màn hình.

4. **Color**

MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [PIP Picture] → ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Color]



→ ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh chế độ **Color** của cửa sổ **PIP** trên màn hình.

Lưu ý

Chỉ được kích hoạt khi nguồn đầu vào **PIP** là **HDMI**.

5. **Tint**

MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [PIP Picture] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Tint]



→ ◄, ► → ENTER

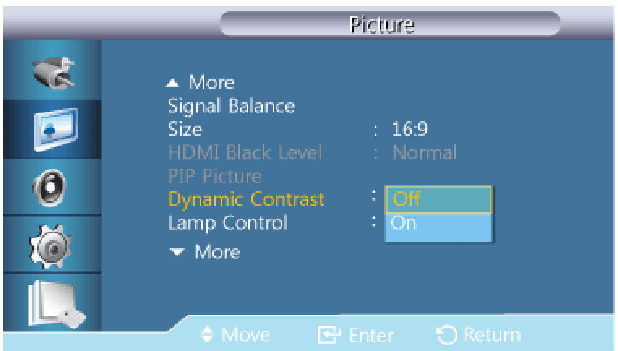
Thêm vào tông màu tự nhiên cho cửa sổ **PIP**.

Lưu ý

Thanh trượt **Tint** chỉ được hiển thị khi nguồn tín hiệu đầu vào là NTSC và chỉ được kích hoạt khi nguồn tín hiệu đầu vào**PIP** là **HDMI**.

Dynamic Contrast PM

MENU → ▼→ ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Dynamic Contrast]



→ ▲, ▼ → ENTER

Chức năng **Dynamic Contrast** là chức năng tự động dò tìm phân phối tín hiệu hình ảnh và điều chỉnh để tạo ra độ tương phản tối ưu.

1. **Off**
2. **On**

Lưu ý

Không kích hoạt tính năng này khi **PIP** được được bật **On**.

Lamp Control PM

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Lamp Control]



→ ◄, ► → ENTER

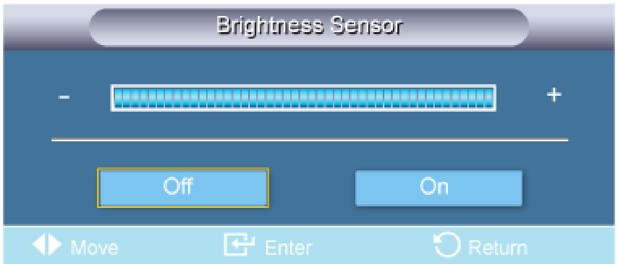
Điều chỉnh đèn biến tần để giảm lượng tiêu thụ năng lượng.

Lưu ý

Không có khi Dynamic Contrast (Độ tương phản động) được bật.

Brightness Sensor PM

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Brightness Sensor]



→ ▲, ▼ → ENTER

Brightness Sensor là chức năng tự động dò tìm phân phối tín hiệu hình ảnh đầu vào và điều chỉnh để tạo ra độ sáng tối ưu.

1. **Off**
2. **On**

Auto Motion Plus 120Hz

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → **[Auto Motion Plus 120Hz]**

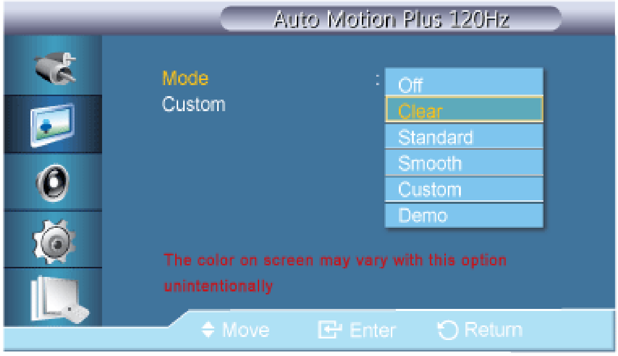
→ ▲, ▼ → ENTER

Có thể sử dụng thuộc tính này để xem các cảnh hình di chuyển nhanh.

- **Mode**

  MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → **[Auto Motion Plus**

120Hz] → ENTER → [**Mode**]



→ ▲, ▼ → ENTER

- **Off** : tắt **Auto Motion Plus 120Hz**.
- **Clear** : cài đặt **Auto Motion Plus 120Hz** sang chế độ **Clear** (phù hợp cho việc xem hình ảnh đang di chuyển rõ hơn).
- **Standard** : cài đặt **Auto Motion Plus 120Hz** sang chế độ **Standard**.
- **Smooth** : cài đặt **Auto Motion Plus 120Hz** sang chế độ **Smooth** (phù hợp cho việc xem hình ảnh đang di chuyển tự nhiên hơn).
- **Custom** : sử dụng để giảm nhòe và rung hình ảnh ở độ bạn mong muốn.
- **Demo** : trình bày **Auto Motion Plus 120Hz** (hình ảnh sẽ được hiển thị ở nửa bên trái của màn hình khi Auto Motion Plus 120Hz được bật).

- **Custom**

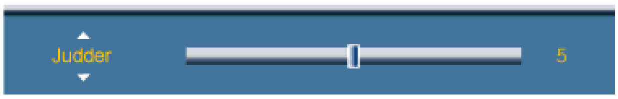
  - MENU → ▼→ ENTER → [**Picture**] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER→ [**Auto Motion Plus 120Hz**] → ENTER → ▼→ [**Custom**]→ ENTER → [**Blur**]



→ ▲, ▼ → ENTER

Blur : sử dụng để giảm nhòe ở độ bạn mong muốn.

  - MENU → ▼→ ENTER → [**Picture**] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER→ [**Auto Motion Plus 120Hz**] → ENTER → ▼→ [**Custom**]→ ENTER → ▼ → [**Judder**]



→ ▲, ▼ → ENTER

Judder : sử dụng để giảm rung ở độ bạn mong muốn.

Lưu ý

- Nếu chọn **Auto Motion Plus 120Hz**, màu sắc sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào nội dung.
- Không kích hoạt tính năng này khi **PIP** được được bật **On**).

Điều chỉnh màn hình LCD

Picture [Chế độ AV / HDMI / Component]

Các chế độ có sẵn

- PC
- AV
- Component
- HDMI
- MagicInfo

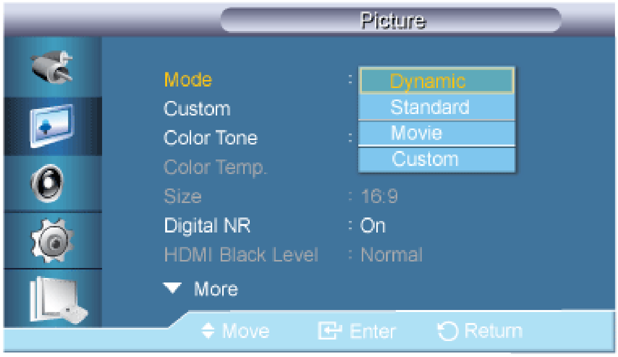
Lưu ý

Cho kiểu EX

- **MagicInfo** chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng được kết nối.
- Cổng **HDMI** và hộp mạng không được kết nối cùng lúc.

Mode

MENU → ▼ → ENTER → **[Picture]** → ENTER → **[Mode]**



→ ▲ , ▼ → ENTER

Màn hình LCD có bốn chế độ cài đặt hình ảnh tự động ("**Dynamic**", "**Standard**", "**Movie**" và "**Custom**") đã được cài đặt sẵn khi xuất xưởng.

Dynamic, **Standard**, **Movie**, hoặc **Custom** có thể được kích hoạt.

Lưu ý

Không có khi Dynamic Contrast (Độ tương phản động) được bật.

1. **Dynamic**
2. **Standard**
3. **Movie**
4. **Custom**

Custom

Bằng cách sử dụng menu trên màn hình, bạn có thể thay đổi độ sáng và độ tương phản theo sở thích riêng của mình.

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom]

Lưu ý

Không có khi Dynamic Contrast (Độ tương phản động) được bật.

Contrast

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom] → ENTER→ [Contrast]



→ ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh Độ tương phản.

Brightness

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom] → ▼ → ENTER → [Brightness]



→ ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh Độ sáng.

Sharpness

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom] → ▼ → ▼ → ENTER → [Sharpness]



→ ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh Độ sắc nét của hình ảnh.

Color

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom] → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Color]



→ ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh Màu sắc của hình ảnh.

Tint

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ENTER → [Custom] → ▼ → ▼ → ▼→ ▼→ ENTER → [Tint]



→ ◄, ► → ENTER

Thêm tông màu tự nhiên vào màn hình hiển thị.

Lưu ý

Chỉ hoạt động nếu tín hiệu video là NTSC.

Color Tone

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ENTER → [Color Tone]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Có thể điều chỉnh được các tông màu. Người dùng cũng có thể điều chỉnh các loại màu riêng lẻ.

Lưu ý

Không có khi Dynamic Contrast (Độ tương phản động) được bật.

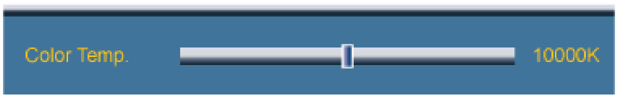
1. **Off**
2. **Cool2**
3. **Cool1**
4. **Normal**
5. **Warm1**
6. **Warm2**

Lưu ý

Nếu bạn cài đặt **Color Tone** sang **Cool2**, **Cool1**, **Normal**, **Warm1**, hoặc **Warm2**, chức năng **Color Temp.** bị vô hiệu.

Color Temp.

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Color Temp.]



→ ◄, ► → ENTER

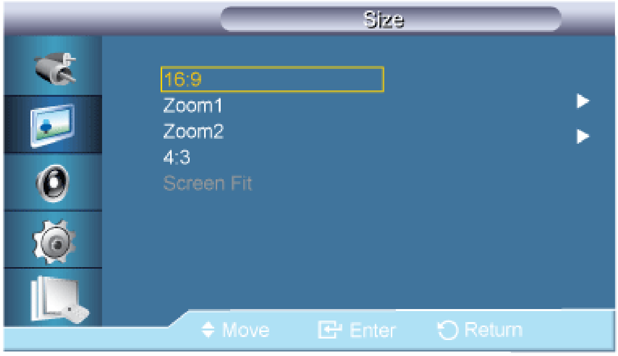
Color temp. là một đơn vị đo 'độ ấm' của hình ảnh.

Lưu ý

Khi tắt chế độ **Dynamic Contrast** và **Color Tone** là **Off**, tính năng này sẽ được kích hoạt.

Size A H C

MENU → ▼ → ENTER → **[Picture]** → ▼ → ▼ → ▼ →▼ → ENTER → **[Size]**



→ ▲ , ▼ → ENTER

Size có thể được thay đổi.

1. **16:9**: Thiết lập hình ảnh theo chế độ màn hình rộng 16:9.
2. **Zoom 1**: Phóng to kích thước của hình ảnh trên màn hình.
3. **Zoom 2**: Phóng to kích thước của hình ảnh lớn hơn **Zoom 1**.
4. **4 : 3**: Thiết lập hình ảnh theo chế độ chuẩn ở 4:3.
5. **Screen Fit**: Hiển thị những cảnh được đưa vào đầy đủ khi các tín hiệu đầu vào thuộc dạng HDMI 720p, 1080i, 1080p.

Lưu ý

- Một số thiết bị ngoại vi có thể chuyển vào màn hình những tín hiệu ngoài phạm vi đặc tả và dẫn đến tình trạng mất hình ngay cả khi bạn sử dụng tính năng **Screen Fit**.
- **Zoom 1**, **Zoom 2** không có trong chế độ **HDMI**.
- Các chức năng **Position** và **Reset** có ở các chế độ **Zoom 1** và **Zoom 2** .
- Không có khi Dynamic Contrast (Độ tương phản động) được bật.

Digital NR (Digital Noise Reduction) A H C

MENU → ▼ → ENTER → **[Picture]** → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼ → ENTER → **[Digital NR]**



→ ▲ , ▼ → ENTER

Off/**On** chức năng Giảm nhiễu kỹ thuật số. Tính năng Giảm nhiễu Kỹ thuật số cho phép bạn thưởng thức hình ảnh rõ nét và sinh động hơn.

1. **Off**

2. **On**

Lưu ý

Chức năng **Digital NR** không có tác dụng cho mọi độ phân giải.

HDMI Black Level

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [HDMI Black Level]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Khi một đầu DVD hoặc hộp set-top được kết nối với TV của bạn thông qua cổng HDMI, có thể làm giảm chất lượng hiển thị trên màn hình, chẳng hạn tăng độ đen, độ tương phản thấp, hoặc mất màu v.v…, phụ thuộc vào thiết bị bên ngoài được kết nối. Trong trường hợp này, điều chỉnh chất lượng màn hình TV của bạn bằng cách **HDMI black level**.

1. **Normal**

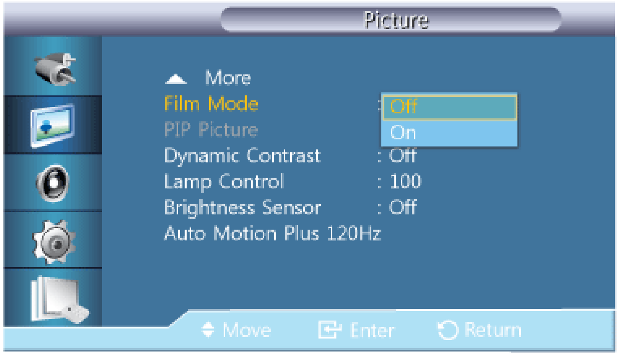
2. **Low**

Lưu ý

Sử dụng tính năng Đặt giờ cho cả máy tính và DTV trong chế độ **HDMI**, **HDMI Black Level** sẽ được kích hoạt.

Film Mode

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Film Mode]



→ ▲, ▼→ ENTER

Tính năng **Film Mode** mang lại cho bạn cảm giác như đang xem phim tại rạp hát.

Ở chế độ **HDMI**, chức năng này có thể có sẵn khi tín hiệu đầu vào là tín hiệu dạng quét xen kẽ (interlaced scan); và không có ở tín hiệu dạng quét liên tục (progressive scan.

1. **Off**
2. **On**

PIP Picture

MENU → ▼→ ENTER → **[Picture]** → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → **[PIP Picture]**

→ ▲, ▼→ ENTER

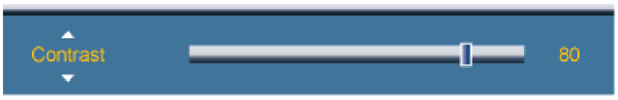
Điều chỉnh Các Thông số cài đặt Màn hình PIP.

Lưu ý

Các Chế độ Có sẵn: **PIP ON**

1. **Contrast**

   MENU → ▼→ ENTER → **[Picture]** → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → **[PIP Picture]**→ ENTER→ **[Contrast]**

   → ◄, ►→ ENTER

   Điều chỉnh Độ tương phản của cửa sổ PIP trên màn hình.

2. **Brightness**

   MENU → ▼→ ENTER → **[Picture]** → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → **[PIP Picture]**→ ▼→ ENTER→ **[Brightness]**

   → ◄, ►→ ENTER

   Điều chỉnh Độ sáng của cửa sổ PIP trên màn hình.

3. **Sharpness**

   MENU → ▼→ ENTER → **[Picture]** → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → **[PIP Picture]**→ ▼→ ▼→ ENTER→

[Sharpness]

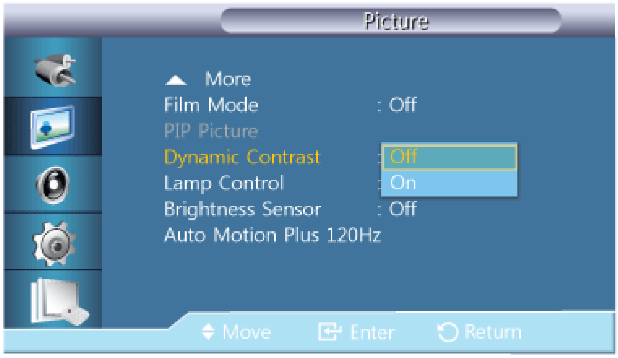


→ ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh chế độ Sharpness của cửa sổ PIP trên màn hình.

Dynamic Contrast

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Dynamic Contrast]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Chức năng **Dynamic Contrast** là chức năng tự động dò tìm phân phối tín hiệu hình ảnh và điều chỉnh để tạo ra độ tương phản tối ưu.

1. **Off**
2. **On**

Lưu ý
Không kích hoạt tính năng này khi **PIP** được được bật **On**).

Lamp Control

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Lamp Control]



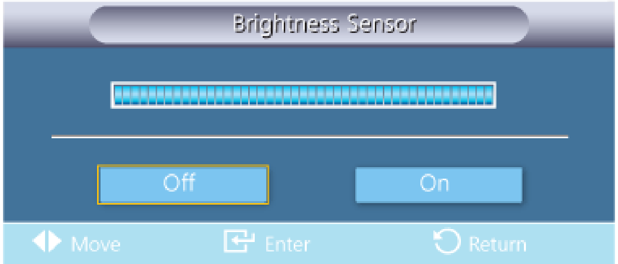
→ ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh đèn biến tần để giảm lượng tiêu thụ năng lượng.

Lưu ý
Không có khi Dynamic Contrast (Độ tương phản động) được bật.

Brightness Sensor

MENU → ▼ → ENTER → [Picture] → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Brightness Sensor]



→ ▲, ▼→ ENTER

Brightness Sensor là chức năng tự động dò tìm phân phối tín hiệu hình ảnh đầu vào và điều chỉnh để tạo ra độ sáng tối ưu.

1. **Off**
2. **On**

Auto Motion Plus 120Hz AHC

MENU → ▼→ ENTER → **[Picture]** → ▼→ ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → **[Auto Motion Plus 120Hz]**

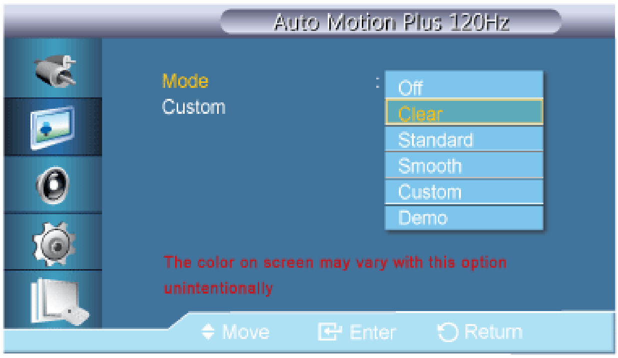
→ ▲, ▼→ ENTER

Lưu ý
Không kích hoạt tính năng này khi **PIP** được được bật **On**).

Có thể sử dụng thuộc tính này để xem các cảnh hình di chuyển nhanh.

- **Mode**

  MENU → ▼→ ENTER → **[Picture]** → ▼→ ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → **[Auto Motion Plus 120Hz]** → ENTER → **[Mode]**

  → ▲, ▼→ ENTER

  - **Off** : tắt **Auto Motion Plus 120Hz**.
  - **Clear** : cài đặt **Auto Motion Plus 120Hz** sang chế độ **Clear** (phù hợp cho việc xem hình ảnh đang di chuyển rõ hơn).
  - **Standard** : cài đặt **Auto Motion Plus 120Hz** sang chế độ **Standard**.
  - **Smooth** : cài đặt **Auto Motion Plus 120Hz** sang chế độ **Smooth** (phù hợp cho việc xem hình ảnh đang di chuyển tự nhiên hơn).
  - **Custom** : sử dụng để giảm nhòe và rung hình ảnh ở độ bạn mong muốn.
  - **Demo** : trình bày **Auto Motion Plus 120Hz** (hình ảnh sẽ được hiển thị ở nửa bên trái của màn hình khi Auto Motion Plus 120Hz được bật).

- **Custom**

- MENU → ▼→ ENTER → [**Picture**] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [**Auto Motion Plus 120Hz**] → ENTER → ▼→ [**Custom**]→ ENTER → [**Blur**]



→ ▲, ▼ → ENTER

Blur : sử dụng để giảm nhòe ở độ bạn mong muốn.

- MENU → ▼→ ENTER → [**Picture**] → ▼ → ▼ → ▼ →▼ →▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [**Auto Motion Plus 120Hz**] → ENTER → ▼→ [**Custom**]→ ENTER → ▼ → [**Judder**]



→ ▲, ▼ → ENTER

Judder : sử dụng để giảm rung ở độ bạn mong muốn.

Lưu ý

- Nếu chọn **Auto Motion Plus 120Hz**, màu sắc sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào nội dung.
- Chỉ được kích hoạt khi **Mode** được cài đặt là **Custom**.

Điều chỉnh màn hình LCD

Sound

Các chế độ có sẵn

- PC
- AV
- Component
- HDMI
- MagicInfo

Lưu ý

Cho kiểu EX

- **MagicInfo** chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng được kết nối.
- Cổng **HDMI** và hộp mạng không được kết nối cùng lúc.

Mode

MENU → ▼ →▼ → ENTER → [Sound] → ENTER → [Mode]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Màn hình LCD được tích hợp bộ tăng âm độ trung thực cao.

1. **Standard**

   Chọn **Standard** cho các cài đặt tiêu chuẩn tại nơi sản xuất.

2. **Music**

   Chọn **Music** khi xem các đoạn video hay các buổi hòa nhạc.

3. **Movie**

   Chọn **Movie** khi xem phim.

4. **Speech**

   Chọn **Speech** khi bạn xem một chương trình chủ yếu là đối thoại (ví dụ: tin tức).

5. **Custom**

   Chọn **Custom** nếu bạn muốn điều chỉnh các thông số cài đặt này theo những sở thích của cá nhân bạn.

Custom PACHM

Các thông số cài đặt âm thanh có thể được điều chỉnh để phù hợp với các sở thích cá nhân của bạn.

MENU → ▼ →▼ → ENTER → [Sound] →▼→ ENTER → [Custom]

Lưu ý

- Bạn có thể nghe âm thanh ngay cả khi giá trị thiết lập cho âm thanh là 0.
- Nếu bạn muốn điều chỉnh âm thanh bằng cách tùy chọn chức năng **Custom**, **Mode** sẽ chuyển sang chế độ **Custom**.

Bass

MENU → ▼ →▼ → ENTER → [Sound] →▼→ ENTER → [Custom]→ENTER→ [Bass]



→ ◄, ► → ENTER

Làm giảm tần số âm thanh.

Treble

MENU → ▼ →▼ → ENTER → [Sound] →▼→ ENTER → [Custom] → ▼ → ENTER → [Treble]



→ ◄, ► → ENTER

Làm tăng tần số âm thanh.

Balance

MENU → ▼ →▼ → ENTER → [Sound] →▼→ ENTER → [Custom] → ▼ → ▼ → ENTER → [Balance]

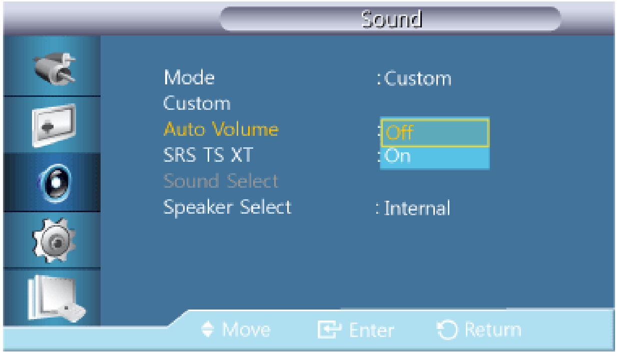


→ ◄, ► → ENTER

Cho phép bạn điều chỉnh mức cân bằng âm thanh giữa loa trái và loa phải.

Auto Volume PACHM

MENU → ▼ →▼ → ENTER → [Sound] →▼→▼→ ENTER → [Auto Volume]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Giảm độ sai biệt trong việc điều chỉnh âm lượng giữa các đài truyền hình.

1. **Off**

2. **On**

SRS TS XT

MENU → ▼ →▼ → ENTER → [Sound] →▼→▼→▼→ ENTER → [SRS TS XT]



→ ▲ , ▼ → ENTER

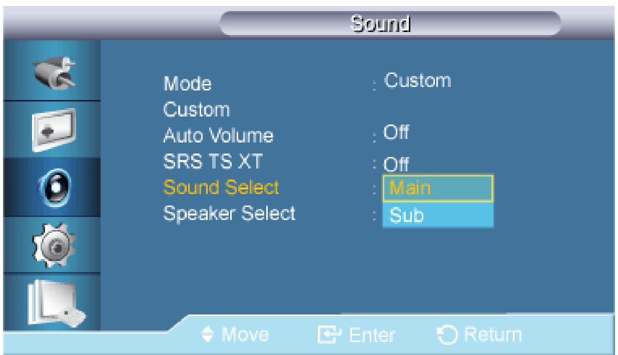
SRS TS XT là công nghệ SRS đã được cấp bằng sáng chế, giúp giải quyết vấn đề khi phát nội dung đa kênh 5.1 bằng hai loa. Hệ thống TruSurround XT mang đến cho bạn trải nghiệm âm thanh thực sự lôi cuốn bằng hiệu ứng âm thanh vòm trung thực thông qua hệ thống loa kép, gồm cả loa gắn trong TV. Tính năng này hoàn toàn tương thích với tất cả các dạng kênh.

1. **Off**

2. **On**

Sound Select

MENU → ▼ → ▼ → ENTER → [Sound] → ▼ →▼ → ▼ → ▼ → ENTER → **[Sound Select]**



→ ▲ , ▼ → ENTER

Chọn hoặc Chính hoặc Phụ khi **PIP** được Mở **On**.

Lưu ý

Bạn có thể điều chỉnh tính năng **PIP Picture** khi **PIP** được bật **On**

1. **Main**
2. **Sub**

Speaker Select P A C H M

MENU → ▼ → ▼ → ENTER → [Sound] → ▼ →▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → **[Speaker Select]**



→ ▲ , ▼ → ENTER

Khi bạn sử dụng sản phẩm này kết nối với một Rạp hát tại gia, hãy tắt các loa bên trong để bạn có thể nghe âm thanh phát ra từ các loa (bên ngoài) của Rạp hát tại gia.

1. **Internal**

   Âm thanh được tạo ra từ các loa **Internal** và **External**, nhưng chỉ loa **Internal** mới điều chỉnh được âm lượng.

2. **External**

   Nếu âm thanh chỉ được xuất ra từ loa **External**, chức năng điều chỉnh âm lượng chỉ có hiệu lực trên loa **External**.

Điều chỉnh màn hình LCD

Setup

Các chế độ có sẵn

- PC
- AV
- Component
- HDMI
- MagicInfo

Lưu ý

Cho kiểu EX

- **MagicInfo** chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng được kết nối.
- Cổng **HDMI** và hộp mạng không được kết nối cùng lúc.

Language

MENU → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Setup] → ENTER → [Language]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Bạn có thể chọn một trong số 13 ngôn ngữ.

English,Deutsch,Español,Français,Italiano,Svenska,Русский
Português,Türkçe, 简体中文, 繁體中文, 日本語, 한국어

Lưu ý

Việc chọn lựa ngôn ngữ chỉ có tác dụng trên OSD. Nó không có tác dụng đối với bất kỳ phần mềm nào đang chạy trên máy tính.

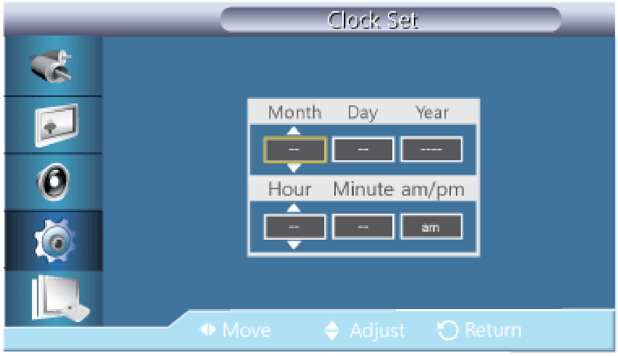
Time

Chọn một trong 4 cài đặt thời gian, **Clock Set**, **Sleep Timer**, **On Timer**, và **Off Timer**.

MENU → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Setup] → ▼ → ENTER → [Time]

Clock Set

MENU → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Setup] → ▼ → ENTER → [Time] → ENTER → [Clock Set]



→ ▲ , ▼ → ◄, ► → ENTER

Cài đặt thời gian hiện tại.

Sleep Timer

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼ → ENTER → [Time]→ ▼ → ENTER→ [Sleep Timer]



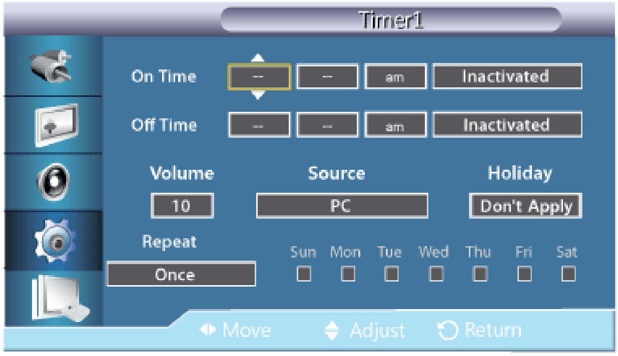
→ ▲ , ▼ → ENTER

Tắt Màn hình LCD một cách tự động tại những thời điểm nhất định.

1. **Off**
2. **30**
3. **60**
4. **90**
5. **120**
6. **150**
7. **180**

Timer1 / Timer2 / Timer3

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼ → ENTER → [Time]→ ▼ → ▼ → ENTER→ [**Timer1** / **Timer2** / **Timer3**]



→ ▲ , ▼ / ◄, ► → ENTER

Bạn có thể cài đặt cho màn hình LCD tự động mở hoặc tắt vào một thời điểm nhất định.

Lưu ý

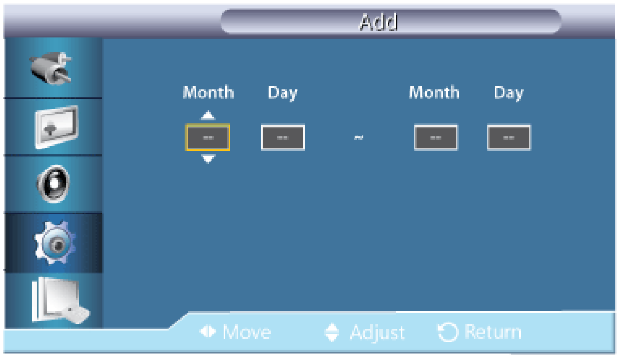
- Cài đặt đồng hồ chỉ được kích hoạt khi sử dụng trình đơn Clock Set.
- Tùy chọn Manual cho phép bạn chọn một ngày trong tuần.

Holiday Management

MENU → ▼→▼→▼→ ENTER → [Setup] → ▼ → ENTER → [Time]→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER→ [**Holiday Management**]

- **Add**

MENU → ▼→▼→▼→ ENTER → [Setup] → ▼ → ENTER → [Time]→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER→ [**Holiday Management**] → ENTER → [**Add**]

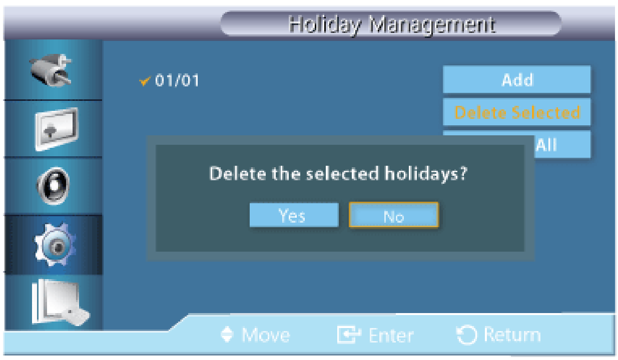


→ ▲ , ▼ / ◄, ► → ENTER

Bạn có thể đặt trước những ngày nghỉ.

- **Delete Selected**

MENU → ▼→▼→▼→ ENTER → [Setup] → ▼ → ENTER → [Time]→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [**Holiday Management**] → ▲ , ▼ → ENTER → ► → ▲ , ▼ → ENTER → [**Delete Selected**]



→◄, ►→ ENTER

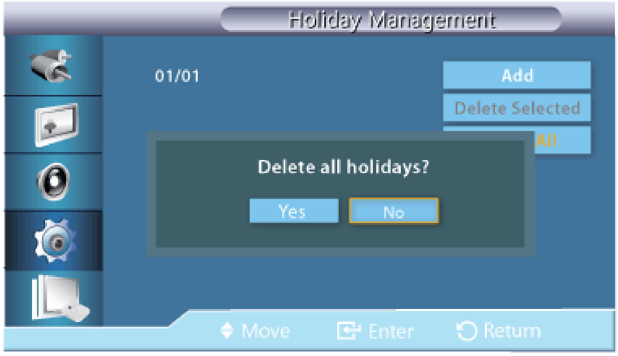
Bạn có thể xóa những ngày nghỉ đã chọn.

Lưu ý

- Tính năng này chỉ được kích hoạt khi những ngày nghỉ đã đặt trước được chọn.
- Bạn có thể chọn hoặc xóa nhiều hơn một ngày nghỉ.

- **Delete All**

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼ → ENTER → [Time]→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER→ [**Holiday Management**] → ► → ▼ → ENTER → [**Delete All**]



→◄, ►→ ENTER

Bạn có thể xóa toàn bộ những ngày nghỉ đã đặt trước.

Menu Transparency P A C H M

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼ → ENTER → **[Menu Transparency]**



→ ▲ , ▼ → ENTER

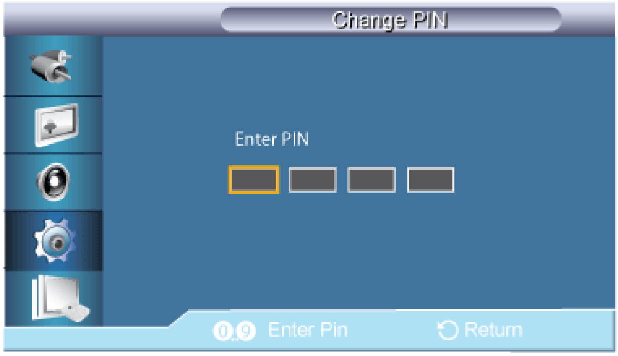
Thay đổi độ trong suốt của nền của menu OSD.

1. **High**
2. **Medium**
3. **Low**
4. **Opaque**

Safety Lock P A C H M

Change PIN

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → **[Setup]** → ▼→ ▼→ ▼ → ENTER → **[Safety Lock]** → ENTER→ **[Change PIN]**



→ [0~9] → [0~9] → [0~9] → [0~9]

Có thể thay đổi mật khẩu.

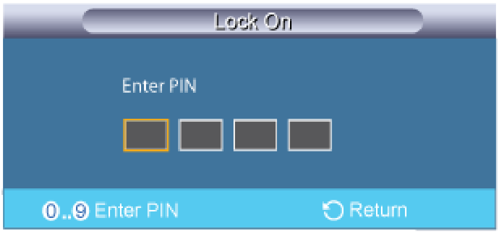
Mật khẩu được cài đặt trước cho Màn hình LCD là "0000".

Lưu ý

Nếu quên mật khẩu, hãy nhấn nút điều chỉnh từ xa MUTE → 1 → 8 → 6 → On để cài đặt lại mật khẩu là "0000."

Lock

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → **[Setup]** → ▼→ ▼→ ▼ → ENTER → **[Safety Lock]** → ▼ → ENTER → **[Lock]**



→ [0~9] → [0~9] → [0~9] → [0~9]

Đây là một chức năng có thể khóa OSD để duy trì các cài đặt hiện hành hay ngăn không cho những người khác có thể điều chỉnh các cài đặt hiện hành.

Energy Saving P A C H M

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → **[Setup]** → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ENTER → **[Energy Saving]**



→ ▲, ▼→ ENTER

Chức năng này điều chỉnh mức độ tiêu thụ điện của màn hình để tiết kiệm điện.

1. **Off**
2. **On**

Video Wall P A C H M

Một **Video Wall** là tập hợp các màn hình hiển thị được kết nối với nhau, vì thế mỗi màn hình sẽ hiển thị một phần trong bức tranh tổng thể hoặc là cùng một bức tranh được lặp lại ở mỗi màn hình.

Khi chức năng **Video Wall** được bật, bạn có thể điều chỉnh các thông số cài đặt màn hình **Video Wall**.

MENU → ▼→▼→▼→ ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Video Wall]

Lưu ý

- Không kích hoạt tính năng này khi **PIP** được được bật **On**).
- Khi chức năng **Video Wall** đang hoạt động, bạn sẽ không thể sử dụng các chức năng như **Auto Adjustment**, **Image Lock**, và **Size**.

Video Wall

MENU → ▼→▼→▼→ ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Video Wall]→ ENTER → [Video Wall]



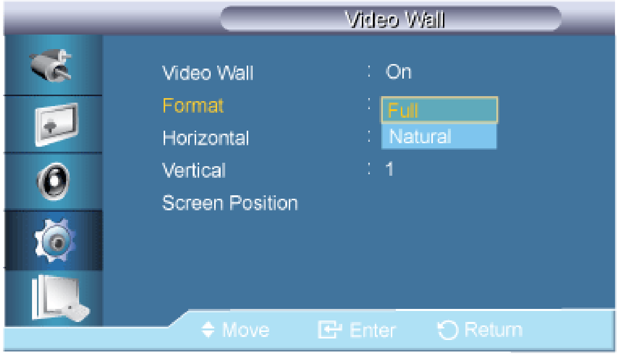
→ ▲, ▼→ ENTER

Tắt/Mở chức năng **Video Wall** của màn hình được chọn.

1. **Off**
2. **On**

Format

MENU → ▼→▼→▼→ ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ENTER → [Video Wall]→ ▼→ ENTER → [Format]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Bạn có thể chọn **Format** để xem màn hình được chia ra.

1. **Full**

   Cho phép xem toàn màn hình mà không giới hạn lề.

2. **Natural**

   Hiển thị hình ảnh trung thực mà không làm thay đổi tỉ lệ khung hình gốc.

Horizontal

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ENTER → [Video Wall]→ ▼ → ▼ → ENTER → [Horizontal]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Cài đặt số phần màn hình được chia nhỏ theo chiều ngang.

Mười năm mức điều chỉnh: 1~15.

Vertical

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ENTER → [Video Wall]→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Vertical]



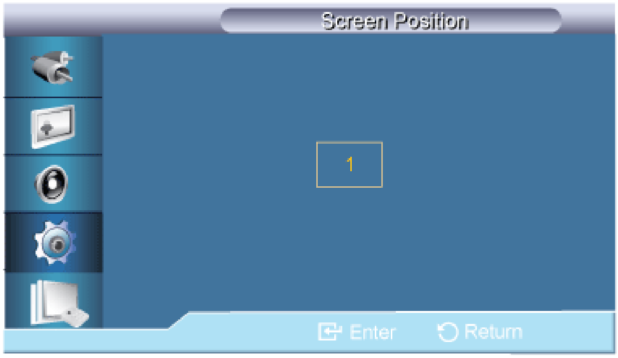
→ ▲ , ▼ → ENTER

Cài đặt số phần màn hình được chia nhỏ theo chiều dọc.

Mười năm mức điều chỉnh: 1~15.

Screen Position

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ENTER → [Video Wall]→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Screen Divider]



Màn hình có thể được chia nhỏ ra thành rất nhiều hình ảnh. Có thể chọn số lượng màn hình với cách bố trí khác nhau khi phân chia.

- Chọn một chế độ từ mục **Screen Position**.
- Chọn màn hình hiển thị từ mục Chọn hiển thị.
- Lựa chọn sẽ được thiết lập bằng cách bấm một con số trong chế độ đã chọn.
- Màn hình có thể được chia nhỏ tối đa thành 100 màn hình con.

Safety Screen PACHM

Chức năng **Safety Screen** được dùng để ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh có thể xảy ra khi màn hình hiển thị một ảnh tĩnh trong suốt một khoảng thời gian dài.

- Chức năng này mất tác dụng nếu tắt nguồn điện.

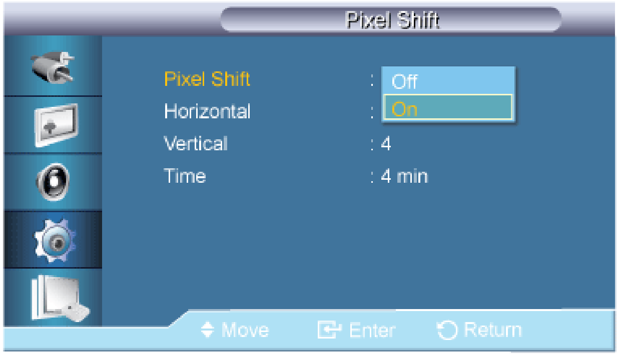
MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]

Pixel Shift

Pixel Shift

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ENTER →

[Pixel Shift]→ ENTER → [Pixel Shift]→ ▲ , ▼ → ENTER



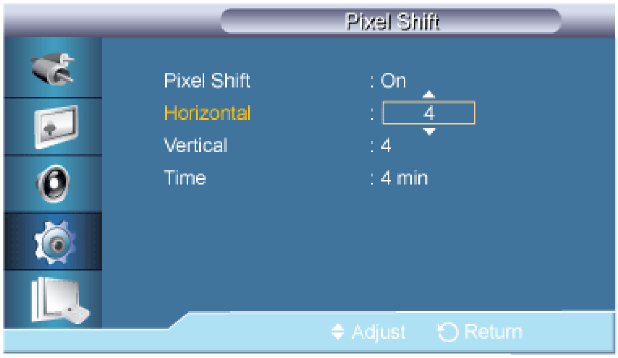
Bạn có thể sử dụng chức năng này để ngăn hiện tượng lưu ảnh trên màn hình, do đó mỗi điểm ảnh chi tiết trên LCD sẽ được di chuyển theo hướng ngang hoặc hướng dọc.

1. **Off**

2. **On**

Horizontal

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ENTER → [Pixel Shift]→ ▼ → ENTER → [Horizontal]→ ▲ , ▼ → ENTER

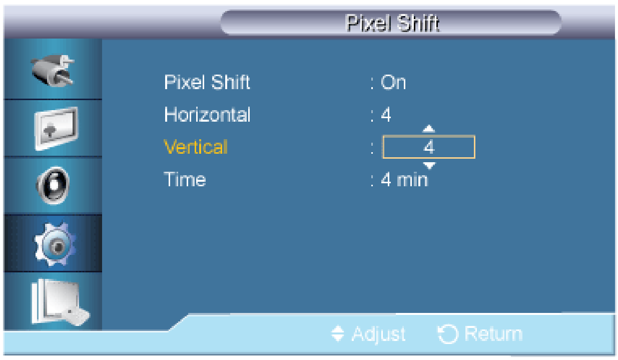


Chọn số điểm ngang của màn hình.

Năm mức điều chỉnh: 0, 1, 2, 3, và 4.

Vertical

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ENTER → [Pixel Shift]→ ▼ →▼ → ENTER → [Vertical]→ ▲ , ▼ → ENTER

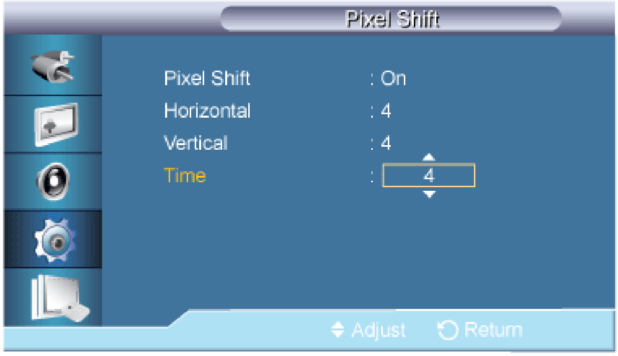


Chọn số điểm dọc của màn hình.

Năm mức điều chỉnh: 0, 1, 2, 3, và 4.

Time

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ENTER → [Pixel Shift]→ ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Time]→ ▲ , ▼ → ENTER

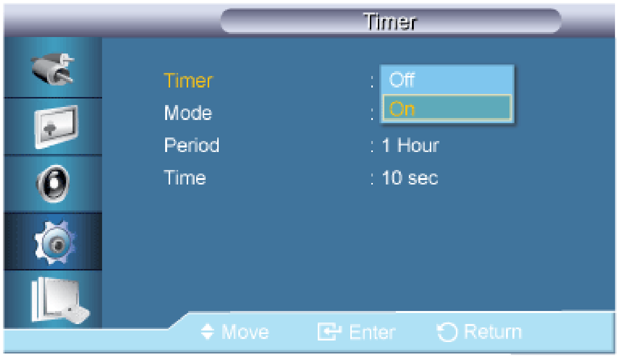


Cài đặt riêng biệt khoảng thời gian chờ cho việc di chuyển theo hướng ngang hoặc hướng dọc tương ứng.

Timer

Timer

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ▼ → ENTER → [Timer] → ENTER → [Timer] → ▲ , ▼ → ENTER



Bạn có thể cài đặt bộ hẹn giờ cho tính năng Bảo vệ Chống cháy Màn hình.

Nếu bạn bắt đầu xóa tất cả những hình lưu, thì việc này sẽ được thực hiện trong một quãng thời gian nhất định và sau đó sẽ tự động kết thúc.

1. **Off**
2. **On**

Mode

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ▼ → ENTER → [Timer] → ▼ → ENTER → [Mode]→ ▲ , ▼ → ENTER



Bạn có thể thay đổi Kiểu **Safety Screen**.

1. **Scroll**
2. **Bar**
3. **Eraser**

Thời lượng

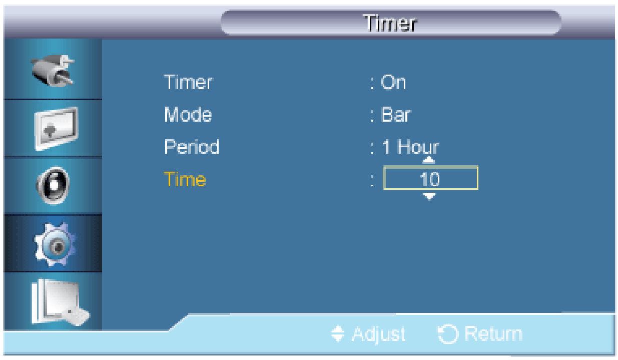
MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → **[Setup]** → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → **[Safety Screen]**→ ▼ → ENTER → **[Timer]** → ▼ → ▼ → ENTER → **[Period]**→ ▲ , ▼ → ENTER



Sử dụng chức năng này để đặt khoảng thời gian thực thi giữa các chế độ được thiết lập trong bộ hẹn giờ.

Time

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → **[Setup]** → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → **[Safety Screen]**→ ▼ → ENTER → **[Timer]** → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → **[Time]**→ ▲ , ▼ → ENTER



Trong khoảng thời gian đã đặt, hãy chọn một khoảng thời gian cho việc thực hiện.

- **Mode-Scroll** : 1~5 **sec**
- **Mode-Bar**, **Eraser** : 10~50 **sec**

Scroll

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ▼ → ▼ → ENTER → [Scroll]



Chức năng này giúp xóa bỏ hiện tượng lưu ảnh trên màn hình bằng cách di chuyển tất cả các điểm ảnh trên LCD tùy theo kiểu.

Sử dụng chức năng này khi vẫn còn hiện tượng lưu ảnh hoặc các biểu tượng trên màn hình, đặc biệt là khi bạn cho hiển thị một ảnh tĩnh trên màn hình trong một thời gian dài.

Lưu ý

Chức năng **Safety Screen** sẽ giúp cuộn màn hình trong một khoảng thời gian nhất định.

Bar

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ▼ → ▼ → ▼ →ENTER → [Bar]



Chức năng này hạn chế hiện tượng lưu ảnh trên màn hình bằng cách di chuyển những đường thẳng đứng dài màu đen hoặc trắng.

Eraser

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ →ENTER → [Eraser]



Chức năng này hạn chế hiện tượng lưu ảnh trên màn hình bằng cách di chuyển một kiểu hình chữ nhật.

Side Gray

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼→ ▼ →ENTER → [Side Gray]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Chọn độ sáng cho sắc xám của màn hình nền.

1. **Off**
2. **Light**
3. **Dark**

Image Retention Free

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → [Safety Screen]→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼→ ▼ →▼ →ENTER → [**Image Retention Free**]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Chọn Apply Image Retention Free function (Áp tính năng không lưu ảnh)

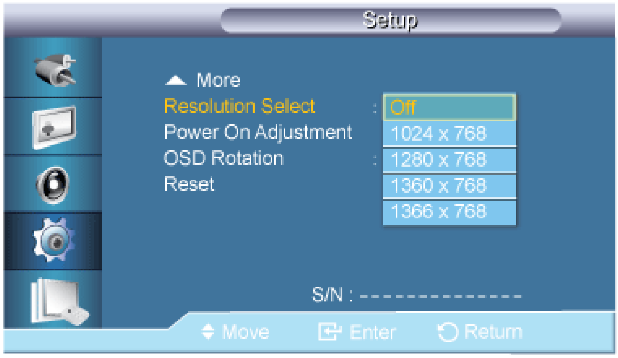
1. **Off**
2. **On**

Lưu ý

- Nếu chọn **Image Retention Free**, chế độ tĩnh sẽ xuất hiện trên màn hình với văn bản có kích thước nhỏ và độ sáng của hình ảnh sẽ giảm đi.
- Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo trang "**Service and Miscellaneous Information**".

Resolution Select P

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → **[Setup]** → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ENTER → **[Resolution Select]**



→ ▲ , ▼ → ENTER

Nếu hình ảnh trên màn hình hiển thị sai sau khi đã cài đặt độ phân giải card đồ họa của máy tính sang mức 1024 x 768 @ 60Hz, 1280 x 768 @ 60Hz, 1360 x 768 @ 60Hz hoặc 1366 x768 @ 60Hz, bằng cách sử dụng chức năng này (Chọn Độ phân giải) bạn có thể chuyển hình ảnh hiển thị trên màn hình sang một độ phân giải đã được xác định.

Lưu ý

Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

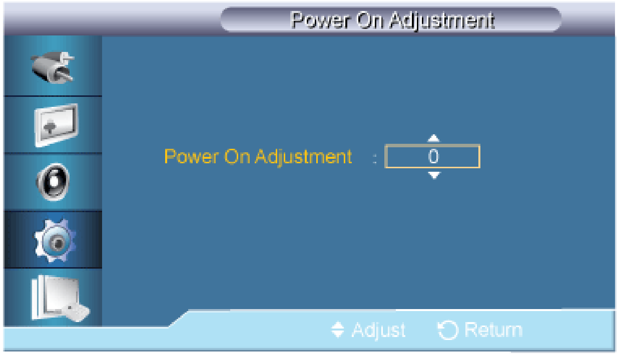
1. **Off**
2. **1024 X 768**
3. **1280 X 768**
4. **1360 x 768**
5. **1366 X 768**

Lưu ý

Chỉ có thể chọn menu trong trường hợp độ phân giải của màn hình đồ họa được chỉnh ở mức 1024 x 768 @ 60Hz, 1280 x 768 @ 60Hz, 1360 x 768 @ 60Hz hoặc 1366 x768 @ 60Hz.

Power On Adjustment P A C H M

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → **[Setup]** → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ →ENTER → **[Power On Adjustment]**



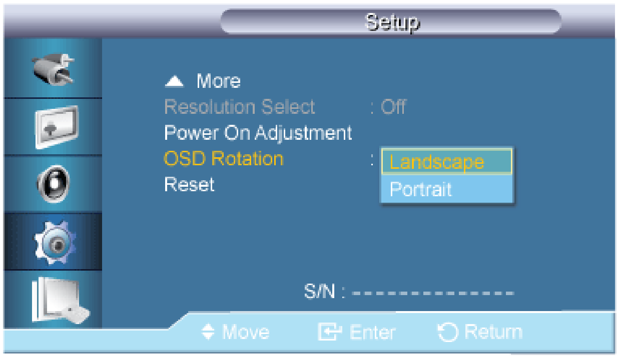
→ ▲ , ▼ → ENTER

Điều chỉnh Thời gian Bật Nguồn cho màn hình.

Lưu ý: Cài đặt Thời gian Bật Nguồn dài hơn để tránh trường hợp điện thế tăng cao.

OSD Rotation

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ →▼→ [OSD Rotation]



→ ▲ , ▼ → ENTER

Xoay trình đơn theo chiều ngang và chiều dọc.

1. **Landscape**
2. **Portrait**

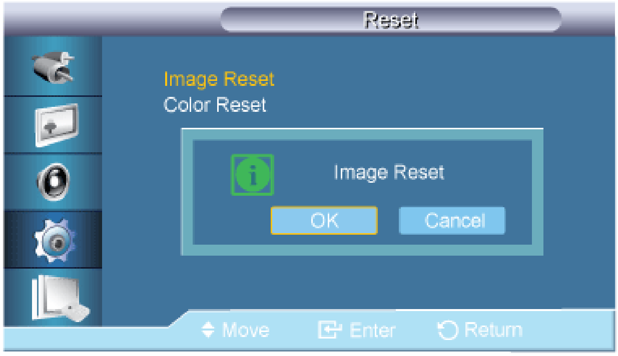
Reset

Đưa thiết bị về cài đặt mặc định lúc xuất xưởng.

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ →▼→ ▼→ ENTER → [Reset]

Image Reset

MENU → ▼ →▼ →▼ → ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼ → ▼ → ▼ → ▼ → ▼ →▼→ ▼→ ENTER → [Reset]→ ENTER → [Image Reset]



→ ◄ ► → ENTER

Lưu ý

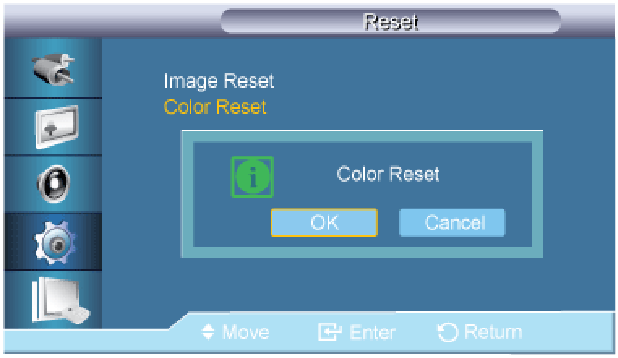
Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

Lưu ý

Không thể thực hiện chức năng Reset khi **Video Wall** ở chế độ **On**.

Color Reset P A C H M

MENU → ▼→▼→▼→ ENTER → [Setup] → ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→ ▼→▼→ ▼→ ENTER → [Reset]→ ▼→ ENTER → [Color Reset]



→ ◄, ► → ENTER

Điều chỉnh màn hình LCD

Multi Control

Các chế độ có sẵn

- PC
- AV
- Component
- HDMI
- MagicInfo

Lưu ý

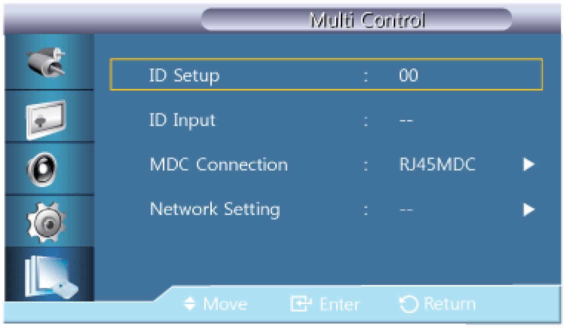
Cho kiểu EX

- **MagicInfo** chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng được kết nối.
- Cổng **HDMI** và hộp mạng không được kết nối cùng lúc.

Multi Control

Gán mộ Chỉ số ID riêng biệt cho MÁY.

MENU → ▼ →▼ →▼ → ▼ → ENTER → [Multi Control]→ ENTER



→ ▲ , ▼ → [0~9]

- **ID Setup**

  Gán các Chỉ số ID riêng biệt cho MÁY.

- **ID Input**

  Chọn các chức năng của bộ phát cho một MÁY riêng biệt. Chỉ có MÁY có số ID tương ứng với chức năng phát mới được kích hoạt.

- **MDC Connection**

  Chọn cổng nhận tín hiệu đầu vào MDC.

  - Giao tiếp với MDC qua cáp Serial MDC.
  - Giao tiếp với MDC qua cáp RJ 45 MDC.

- **Network Setting**

  - **IP Setting** : **Manual**, **Auto**
  - **IP Address** : Nhập thủ công **IP Address** nếu **IP Setting** được cài đặt là **Manual**.
  - **Subnet Mask** : Nhập thủ công **Subnet Mask** nếu **IP Setting** được cài đặt là **Manual**.
  - **Gateway** : Nhập thủ công **Gateway** nếu **IP Setting** được cài đặt là **Manual**.

Điều chỉnh màn hình LCD

MagicInfo

Các chế độ có sẵn

- **P** PC
- **A** AV
- **C** Component
- **H** HDMI
- **M** MagicInfo

Lưu ý

Cho kiểu EX

- **MagicInfo** chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng được kết nối.
- Cổng **HDMI** và hộp mạng không được kết nối cùng lúc.

Lưu ý

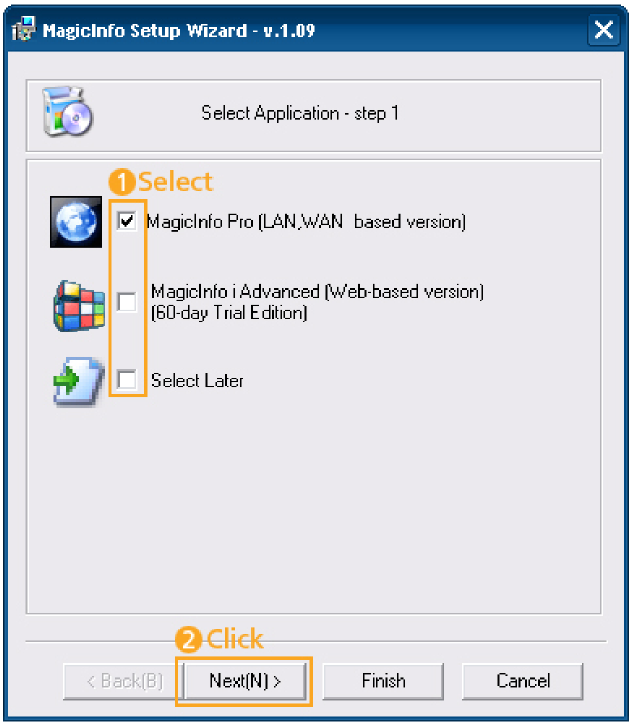
- Có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa để chọn **MagicInfo**. Tuy nhiên, nên dùng bàn phím riêng với cổng USB để vận dụng được mọi chức năng của **MagicInfo**.
- Đối với **MagicInfo** trong chế độ Thiết bị, việc di chuyển các thiết bị bên ngoài trong lúc khởi động có thể gây ra lỗi. Chỉ cài đặt cho các thiết bị ngoại vi khi Màn hình LCD được bật.
- Không gỡ cáp LAN dùng cho mạng (thí dụ: xem video). Nếu không, chương trình (MagicInfo) có thể bị dừng. Nếu tháo cáp, hãy khởi động lại hệ thống.
- Không tháo cáp LAN đang sử dụng cho thiết bị USB (ví dụ: xem video). Nếu không, chương trình (MagicInfo) có thể bị dừng.
- Để truy cập các nguồn khác, hãy nhấn nút SOURCE trong **MagicInfo**.
- Mật khẩu được cài đặt trước cho Màn hình LCD là "000000".
- Tùy chọn Bật nguồn của chương trình trên máy chủ chỉ làm việc khi nguồn của Màn hình LCD được tắt hoàn toàn.

  Vui lòng đảm bảo không sử dụng tùy chọn Bật nguồn khi Màn hình LCD đang trong quá trình tắt vì điều này có thể gây lỗi hệ thống trên Màn hình LCD.
- Khi sử dụng **MagicInfo** với Chương trình MagicInfo Server: chạy chế độ Network.
- Khi sử dụng **MagicInfo** với thiết bị được kết nối trực tiếp với Màn hình LCD: chạy chế độ Device (Thiết bị).
- Nhấn nút ESC trực tiếp để khởi động màn hình Cửa sổ **MagicInfo**.
- Cần phải có một bộ bàn phím và chuột để cài đặt **MagicInfo** trên một màn hình Cửa sổ.
- Tham khảo phần Hỗ trợ của MagicInfo Server để cài đặt **MagicInfo** trên một màn hình Cửa sổ.

  Đặc biệt khuyến cáo không được tắt nguồn điện trong khi hoạt động.
- Đối với Màn hình LCD xoay, sẽ không hỗ trợ chế độ điều chỉnh độ trong suốt.
- Đối với Màn hình LCD xoay, độ phân giải màn hình lên đến 720*480(SD) được hỗ trợ cho chế độ phim ảnh.
- Đối với ổ đĩa D:, không áp dụng **EWF**.
- Để lưu lại thông tin cài đặt đã được thay đổi khi **EWF** ở trạng thái **Enable**, bạn phải chọn **Commit**.
- Hệ thống sẽ được khởi động lại bằng cách chọn **Disable**, **Enable** hoặc **Commit**.

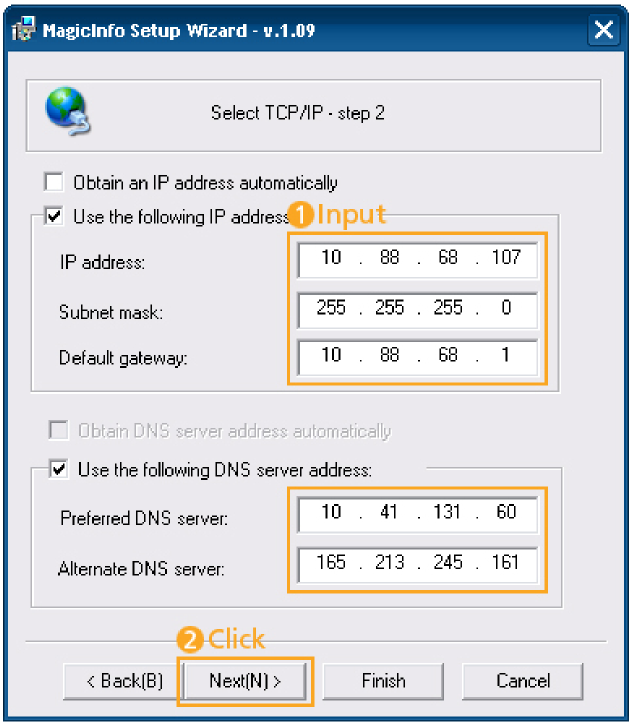
MagicInfo

1. Select Application - step 1



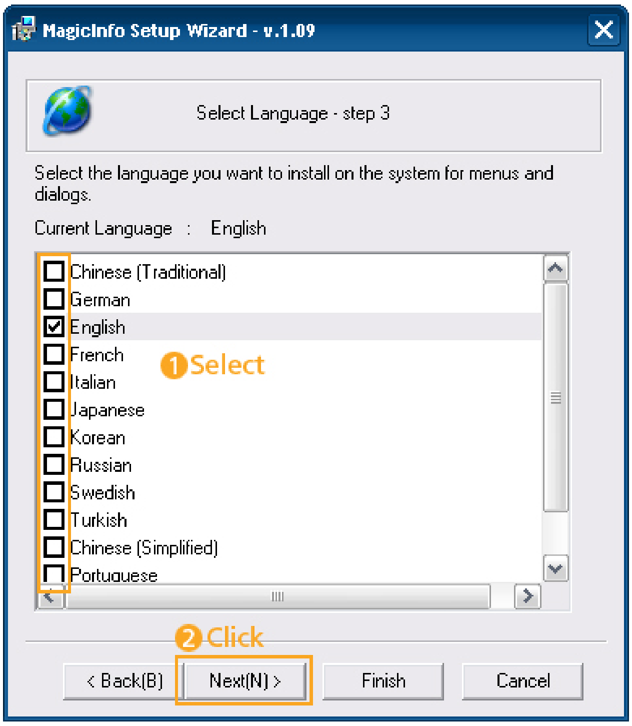
Bạn có thể chọn một Ứng dụng để chạy trên máy tính của mình khi khởi động Windows.

2. Select TCP/IP - step 2



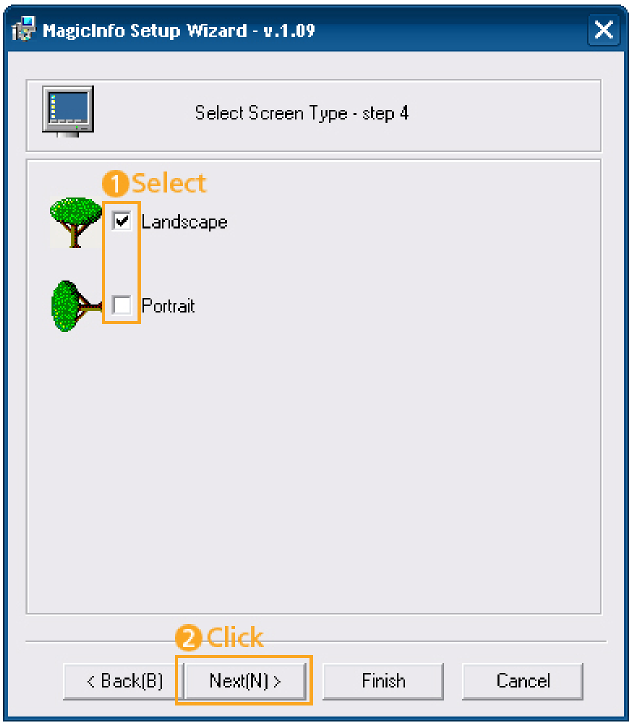
Ở 2 trong phần MagicInfo Setup Wizard , bạn không cần cài đặt TCP/IP ở mục Cấu hình Mạng (Network Setting) trên giao diện màn hình (desktop). Chỉ cài đặt ở step 2 MagicInfo trong phần cài đặt

3. Select Language - step 3



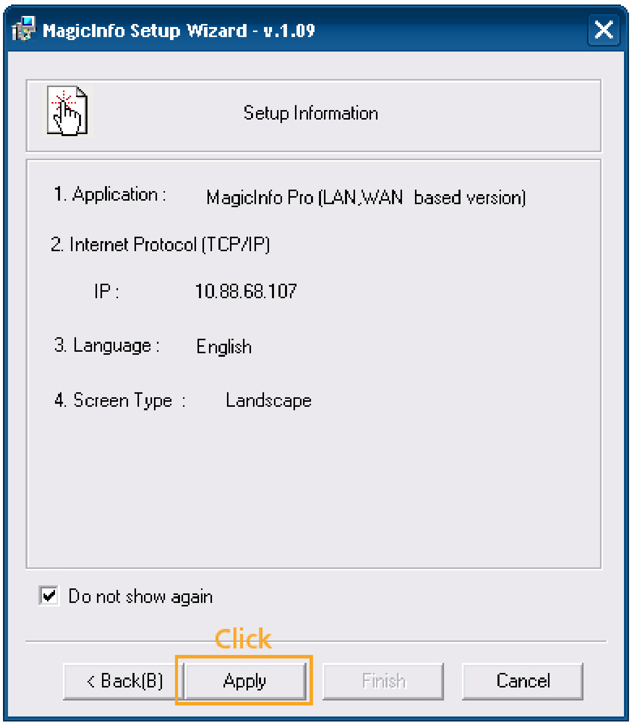
Với tùy chọn đa ngôn ngữ, bạn có thể chọn và cài đặt ngôn ngữ cần dùng.

4. Select Screen Type - step 4



Bạn có thể chọn kiểu xoay sẽ áp dụng cho thiết bị của bạn.

5. Setup Information



Hiển thị thông số cài đặt được người sử dụng chọn.

Lưu ý

Nếu biểu tượng **Magicinfo** không được hiển thị trên vùng thông báo trạng thái, nhấp kép vào biểu tượng **Magicinfo** trên màn hình desktop. Biểu tượng này sẽ hiển thị.

Giải quyết sự cố

Tự kiểm tra tính năng

Lưu ý

Trước khi yêu cầu giúp đỡ, hãy kiểm tra lại những mục sau đây. Vui lòng liên hệ **với Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ** đối với những vấn đề mà bạn không thể tự khắc phục được.

Tự kiểm tra tính năng

1. Tắt cả máy tính và Màn hình LCD của bạn.

2. Tháo cáp tín hiệu video phía sau máy tính.

3. Bật Màn hình LCD.

   Hình dưới đây (“**No Signal**") sẽ xuất hiện trên một nền đen khi Màn hình LCD đang làm việc bình thường ngay cả khi không có tín hiệu video nào được tìm thấy: Trong khi đang ở chế độ Tự kiểm tra, đèn chỉ báo LED có màu xanh lá và hình ảnh di chuyển xung quanh trên màn hình.

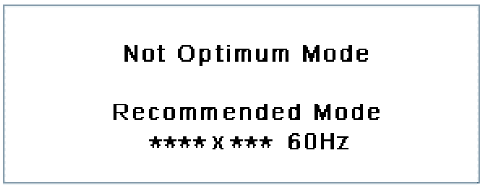


4. Tắt Màn hình LCD và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và Màn hình LCD của bạn.

Nếu Màn hình LCD vẫn không có tín hiệu sau khi bạn đã thực hiện các quy trình trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và hệ thống máy tính của bạn; Màn hình LCD của bạn sẽ hoạt động bình thường.

Thông báo cảnh báo

Bạn có thể xem màn hình ở độ phân giải 1920 x 1080. Tuy nhiên, bạn sẽ nhận thông báo sau trong một phút; Bạn có thể chọn thay đổi độ phân giải màn hình hoặc vẫn giữ độ phân giải tại thời điểm ấy. Nếu độ phân giải lớn hơn 85Hz, bạn sẽ thấy màn hình bị đen vì Màn hình LCD không hỗ trợ độ phân giải lớn hơn 85Hz.



Lưu ý

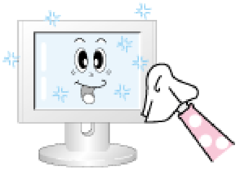
Vui lòng tham khảo **Các Đặc tính kỹ thuật** > **Các Chế độ thời gian đã được cài đặt trước** để xem các độ phân giải hoặc tần số được màn hình LCD hỗ trợ.

Bảo trì và Vệ sinh

1) Bảo trì Vỏ Màn hình LCD.

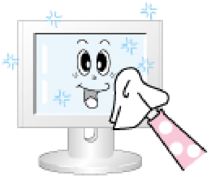
Lau chùi bằng một khăn mềm sau khi đã rút dây điện nguồn.

- Không dùng ben-zen, dung môi, hoặc các chất dễ bắt lửa.



2) Bảo trì Màn hình Phẳng.

Lau nhẹ bằng vải mềm (vải flanen bằng cô-tông).



- Tuyệt đối không sử dụng acetone, benzene hoặc dung môi.

  (Chúng có thể gây xước hoặc biến dạng cho bề mặt màn hình.)

- Người dùng chịu trách nhiệm đối với bất cứ thiệt hại nào xảy ra do sử dụng các nội dung này.

Các triệu chứng và Giải pháp khuyến nghị

Lưu ý

Màn hình LCD tái tạo tín hiệu hình ảnh nhận được từ máy tính. Do đó, nếu có vấn đề với máy tính hay video card, có thể làm cho màn hình LCD mất hình, màu sắc kém, nhiễu sóng, v.v. Trong trường hợp này, trước tiên hãy kiểm tra nguyên nhân của sự cố, sau đó liên hệ **trung tâm dịch vụ** hay nhà phân phối của bạn.

1. Kiểm tra xem dây điện nguồn và các dây cáp video có được kết nối đúng với máy tính hay chưa.

2. Kiểm tra xem máy tính có phát ra tiếng bíp hơn 3 lần khi khởi động hay không.

   (Nếu thực hiện, hãy yêu cầu dịch vụ.)

3. Nếu bạn đã cài đặt card video mới hoặc đã lắp máy PC, hãy kiểm tra xem đã cài đặt trình điều khiển Bộ điều hợp (video) hay chưa.

4. Kiểm tra xem tần số quét của màn hình video có nằm trong khoảng 50 Hz ~ 85 Hz.

   (Không được quá 60hz khi sử dụng độ phân giải tối đa.)

5. Nếu bạn gặp vấn đề khi cài đặt Trình điều khiển Bộ điều hợp video, bạn hãy khởi động máy tính ở Chế độ An toàn, rồi gỡ bỏ Bộ điều hợp màn hình đã có trong "Control Panel –> System –> Device Administrator" và khởi động lại máy tính để cài đặt lại trình điều khiển Bộ điều hợp (video).

Giải quyết sự cố

Danh sách kiểm tra

Lưu ý

- Bảng sau đây liệt kê các vấn đề có thể xảy ra và giải pháp khắc phục. Trước khi gọi điện nhờ trợ giúp, bạn hãy kiểm tra thông tin trong phần này để biết xem liệu bạn có thể tự khắc phục được hay không. Nếu bạn thật sự cần giúp đỡ, **bạn hãy gọi theo số điện thoại ở phần Thông tin liên hệ hoặc liên hệ với đại lý**.
- Để biết thêm thông tin cĩ liên quan về mạng, xin tham khảo MagicInfo phần Giải quyết Sự cố.

Các vấn đề liên quan đến Việc cài đặt trong Chế độ (PC)

Lưu ý

Các vấn đề có liên quan đến việc cài đặt màn hình LCD và các giải pháp được liệt kê.

1. **Màn hình LCD nhấp nháy.**
   Kiểm tra xem cáp truyền tín hiệu kết nối giữa máy tính và Màn hình LCD có lỏng không.

   (Tham khảo **Kết nối với Máy tính**)

Các sự cố liên quan đến Màn hình

Lưu ý

Những sự cố liên quan đến Màn hình LCD và những giải pháp cho chúng đã được liệt kê.

1. **Màn hình trống và đèn chỉ báo nguồn điện bị tắt.**
   Hãy đảm bảo rằng dây điện nguồn được kết nối chắc chắn và Màn hình LCD đã được bật.

   (Tham khảo **Kết nối với Máy tính**)

2. **"Thông báo** No Signal".
   Hãy chắc chắn cáp tín hiệu đã được kết nối chặt vào máy PC hoặc các nguồn phát tín hiệu video.

   (Tham khảo **Kết nối với Máy tính**)
   Hãy chắc chắn máyu PC hoặc các nguồn phát tín hiệu video đã được bật.

3. **"Thông báo Not Optimum Mode".**
   Kiểm tra độ phân giải tối đa của màn hình và tần số của Bộ điều hợp video.
   So sánh những giá trị này với dữ liệu trong Bảng **Các Chế độ Thời gian đã được Cài đặt sẵn**.

4. **Hình ảnh cuộn theo phương đứng.**
   Kiểm tra xem cáp tín hiệu đã được kết nối chặt hay chưa. Nếu cần thiết, hãy kết nối lại.

   (Tham khảo **Kết nối với Máy tính**)

5. **Hình ảnh không rõ ràng; hình ảnh bị nhòe.**
   Chạy chế độ Chỉnh tần số **Coarse** và **Fine**.
   Bật lại màn hình sau khi tháo các phụ kiện ra (cáp nối dài tín hiệu video, v.v..)
   Chỉnh độ phân giải và tần số ở mức qui định.

6. **Hình ảnh không ổn định và rung.**
   Kiểm tra xem độ phân giải và tần số đã được cài đặt cho card video của máy tính có nằm trong vùng được Màn hình LCD hỗ

trợ hay không. Nếu không, hãy cài đặt lại chúng theo những **Thông tin** hiện thời trong menu Màn hình LCD và **Các Chế độ thời gian đã được Cài đặt sẵn.**

7. **Hình ảnh nhòe (ghost images) sau khi hiển thị.**

   Kiểm tra xem độ phân giải và tần số đã được cài đặt cho card video của máy tính có nằm trong vùng được Màn hình LCD hỗ trợ hay không. Nếu không, hãy cài đặt lại chúng theo những **Thông tin** hiện thời trong menu Màn hình LCD và **Các Chế độ thời gian đã được Cài đặt sẵn.**

8. **Hình ảnh quá sáng hoặc quá tối.**

   Điều chỉnh **brightness** và **contrast**.

   (Tham khảo **Brightness**, **Contrast**)

9. **Màu màn hình không đồng nhất.**

   Điều chỉnh màu sắc bằng cách sử dụng **Custom** trong menu Điều chỉnh màu OSD.

10. **Hình màu bị xen lẫn các bóng tối.**

    Điều chỉnh màu sắc bằng cách sử dụng **Custom** trong menu Điều chỉnh màu OSD.

11. **Màu trắng rất xấu.**

    Điều chỉnh màu sắc bằng cách sử dụng **Custom** trong menu Điều chỉnh màu OSD.

12. **Đèn chỉ báo nguồn nhấp nháy.**

    Màn hình hiện đang lưu các thay đổi đã được thực hiện trong cài đặt vào bộ nhớ OSD.

13. **Màn hình trống và đèn chỉ báo nguồn nhấp nháy theo từng 0,5 hay 1 giây.**

    Màn hình LCD đang sử dụng hệ thống quản lý nguồn của chính nó. Nhấn vào bất kỳ phím nào trên bàn phím.

14. **Màn hình trống và nhấp nháy.**

    Nếu bạn thấy thông báo "**TEST GOOD**" xuất hiện trên màn hình khi bạn nhấn nút MENU, hãy kiểm tra cáp kết nối giữa Màn hình LCD và máy tính để đảm bảo rằng phần kết nối đã được kết nối đúng cách.

Các trục trặc liên quan đến Âm thanh

Lưu ý

Các sự cố liên quan đến tín hiệu âm thanh và giải pháp khắc phục được liệt kê sau đây.

1. **Không có âm thanh.**

   Hãy đảm bảo cáp âm thanh đã được kết nối vào cả cổng nhận tín hiệu âm thanh trên Màn hình LCD và cổng xuất tín hiệu âm thanh trên card âm thanh.

   (Tham khảo **Kết nối với Máy tính**)

   Kiểm tra mức âm lượng.

2. **Mức âm lượng quá thấp.**

   Kiểm tra mức âm lượng.

   Nếu âm lượng vẫn quá nhỏ sau khi chỉnh bộ điều khiển âm lượng đến mức tối đa, hãy kiểm tra lại bộ điều khiển âm lượng trên card âm thanh của máy tính hoặc chương trình phần mềm.

3. **Âm thanh quá lớn hoặc quá nhỏ.**

   Điều chỉnh **Treble** và **Bass** đến mức phù hợp.

Các vấn đề liên quan đến Bộ điều khiển từ xa

Lưu ý

1. **Các nút trên bộ điều khiển từ xa không hoạt động.**
   Kiểm tra các cực (+/-) của pin.
   Kiểm tra xem pin đã hết hay không.
   Kiểm tra xem nguồn có bật hay không.
   Kiểm tra xem dây điện nguồn đã được kết nối chặt hay chưa.
   Kiểm tra xem có bóng đèn huỳnh quang đặc biệt hay neon gần đó hay không.

Giải quyết sự cố

Hỏi & Đáp

1. **Làm thế nào để thay đổi tần số?**

   Tần số có thể thay đổi bằng cách cấu hình lại card màn hình.

   Lưu ý

   Card màn hình có thể có nhiều dạng hỗ trợ khác nhau, tùy theo phiên bản của trình điều khiển được sử dụng. (Tham khảo cẩm nang sử dụng card màn hình hoặc máy tính để biết thêm chi tiết.)

2. **Làm thế nào để hiệu chỉnh độ phân giải?**

   Windows XP:

   Đặt độ phân giải trong Control Panel(Bảng điều khiển) → Appearance and Themes(Hình thức và Chủ đề) → Display(Hiển thị) → Settings(Cài đặt).

   Windows ME/2000:

   Đặt độ phân giải trong Control Panel(Bảng điều khiển) → Display(Hiển thị) → Settings(Cài đặt).

   * Hãy liên hệ nhà sản xuất card màn hình để biết thêm chi tiết.

3. **Làm thế nào để cài đặt chức năng tiết kiệm điện?**

   Windows XP:

   Đặt độ phân giải trong Control Panel(Bảng điều khiển) → Appearance and Themes(Hình thức và Chủ đề) → Display(Hiển thị) → Screen Saver(chế độ bảo vệ màn hình).

   Cài đặt chức năng trong BIOS-SETUP của máy tính. (Tham khảo Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Windows / Máy tính).

   Windows ME/2000:

   Đặt độ phân giải trong Control Panel(Bảng điều khiển) → Display(Hiển thị) → **Screen Saver(chế độ bảo vệ màn hình)**.

   Cài đặt chức năng trong BIOS-SETUP của máy tính. (Tham khảo Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Windows / Máy tính).

4. **Làm thế nào để lau chùi vỏ màn hình/Bảng LCD?**

   Ngưng kết nối dây điện nguồn và sau đó làm vệ sinh Màn hình LCD bằng một tấm vải mềm, sử dụng dung dịch làm vệ sinh hay nước sạch.

   Không để đọng chất tẩy rửa hoặc chà xước lên vỏ màn hình. Không để nước chảy vào bên trong Màn hình LCD.

5. **Làm thế nào để xem được video?**

   Chỉ hỗ trợ codec MPEG1 và WMV. Phải cài đặt codec tương ứng để phát video. Lưu ý một số codec có thể không tương thích.

Lưu ý

Trước khi gọi giúp đỡ, bạn hãy kiểm tra thông tin trong phần này để biết xem bạn có thể tự khắc phục được hay không. Nếu bạn thật sự cần giúp đỡ, **bạn hãy gọi theo số điện thoại ở phần Thông tin liên hệ hoặc liên hệ với đại lý**.

Các đặc tính kỹ thuật

Tổng quan

Tổng quan

Tên Model	SyncMaster 400EX(n)	SyncMaster 460EX(n)	SyncMaster 550EX(n)
Bảng LCD			
Kích thước	Loại 40 (40,0 inch / 101cm)	Loại 46 (46,0 inch / 116cm)	Loại 55 (54,6 inch / 138cm)
Vùng hiển thị	885,6 mm (Ngang) x 498,15 mm (Dọc)	1018,08 mm (Ngang) x 572,67 mm (Dọc)	1209,6 mm (Ngang) x 680,4 mm (Dọc)
Mật độ pixel	0,46125 mm (Ngang) x 0,15375 mm (Dọc)	0,17675 mm (Ngang) x 0,53025 mm (Dọc)	0,21 mm (Ngang) x 0,63 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa			
Chiều ngang	30~81 kHz		
Chiều dọc	56~85 Hz		
Màu sắc hiển thị			
8bit,1,07 tỷ (10bit cao tần)			
Độ phân giải			
Độ phân giải tối ưu	1920x1080 @ 60 Hz		
Độ phân giải tối đa	1920x1080 @ 60 Hz		
Xung Pixel cực đại			
148,5 MHz (Analog,Digital)			
Nguồn điện			
Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V.			
Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.			
Đầu kết nối tín hiệu			
A/D: D-SUB, HDMI, DVI ra, RS232C vào/ra, RJ45, âm thanh máy tính (Stereo) trong mạng :			
LAN, USB(3cổng), VGA ra (chỉ với mẫu mạng)			
Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng			
Ex	949,7 x 580,6 x 42,6 mm / 12,9 Kg	1082,2 x 654,4 x 39,9 mm / 15,7 Kg	1273,3 x 763,5 x 39,9 mm / 20,2 Kg
Exn	949,7 x 580,6 x 42,6 mm / 13,6 Kg	1082,2 x 654,4 x 39,9 mm / 16,5 Kg	1273,3 x 763,5 x 39,9 mm / 20,9 Kg
Cơ cấu lắp VESA			
400,0 mm x 400,0 mm			
Điều kiện môi trường			
SyncMaster 400EX SyncMaster 460EX	Vận hành	Nhiệt độ: 0˚C ~ 40˚C (32˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước	

SyncMaster 550EX	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
SyncMaster 400EXn SyncMaster 460EXn SyncMaster 550EXn	Vận hành	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước

Tương thích cắm và chạy

Có thể lắp đặt Màn hình LCD này vào mọi hệ thống cắm và chạy tương thích. Sự tương tác giữa Màn hình LCD và các hệ thống máy tính sẽ cho các điều kiện hoạt động tốt nhất và các thông số cài đặt cho Màn hình LCD. Trong hầu hết các trường hợp, việc cài đặt Màn hình LCD sẽ được thực hiện một cách tự động, trừ khi người sử dụng muốn thay đổi các thông số cài đặt khác.

Điểm ảnh chấp nhận được

Các bảng TFT-LCD được sản xuất bằng cách sử dụng công nghệ bán dẫn tiên tiến có sử dụng một mức chính xác hơn 1ppm (một phần triệu) cho thiết bị này. Nhưng các điểm ảnh ở các màu ĐỎ, XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI và TRẮNG hiện lên sáng chói hay có thể thấy một số điểm ảnh đen. Điều này không phải do chất lượng kém và bạn có thể sử dụng mà không có bất cứ vấn đề gì.

Ví dụ, số lượng pixel bổ sung trong màn hình TFT-LCD của thiết bị này là 6.220.800.

Lưu ý

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Thiết bị lớp A Kiểu mạng (400EXn, 460EXn, 550EXn)

Thiết bị lớp B Không có kiểu mạng (400EX, 460EX, 550EX)

Các đặc tính kỹ thuật

PowerSaver

Màn hình LCD này có một hệ thống quản lý nguồn tích hợp được gọi là PowerSaver (Trình tiết kiệm năng lượng). Hệ thống này sẽ tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển Màn hình LCD của bạn sang chế độ sử dụng ít năng lượng khi nó không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định nào đó. Màn hình LCD sẽ tự động trở về chế độ làm việc bình thường khi bạn nhấn một phím bất kỳ trên bàn phím. Để tiết kiệm năng lượng, hãy TẮT Màn hình LCD khi không cần thiết, hay khi bạn không sử dụng nó trong một khoảng thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

PowerSaver

Trạng thái		Vận hành bình thường	Chế độ tiết kiệm điện	Tắt nguồn	Tắt nguồn (Chuyển nguồn)
Chỉ báo nguồn	SyncMaster 400EX(n) SyncMaster 460EX(n) SyncMaster 550EX(n)	Mở	Nhấp nháy	Hổ phách	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	SyncMaster 400EX	120 W	2 W	1 W	0 W
	SyncMaster 400EXn	150 W	5 W	5 W	0 W
	SyncMaster 460EX	140 W	2 W	1 W	0 W
	SyncMaster 460EXn	170 W	5 W	5 W	0 W
	SyncMaster 550EX	170 W	2 W	1 W	0 W
	SyncMaster 550EXn	200 W	5 W	5 W	0 W

Lưu ý

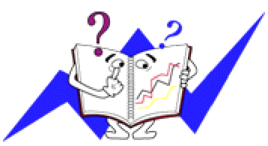
- Mức tiêu thụ điện thực tế có thể khác mức tiêu thụ điện được chỉ ra nếu điều kiện của hệ thống hoặc cài đặt thay đổi.
- Để ngừng tiêu thụ năng lượng, hãy tắt switch và ngắt kết nối với cáp nguồn ở phía sau. Đảm bảo ngắt kết nối nếu bạn muốn đi ra khỏi nhà trong nhiều giờ.

Các đặc tính kỹ thuật

Các chế độ xung nhịp

Nếu tín hiệu được truyền từ máy tính là trùng với các chế độ thời gian đã được cài đặt trước, thì màn hình sẽ tự động điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu tín hiệu khác biệt, thì màn hình sẽ trống trong khi đèn LED vẫn sáng. Tham khảo tài liệu hướng dẫn card màn hình và điều chỉnh màn hình như sau.

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung pixel (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 848 x 480	31,020	60,000	33,750	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 768	47,776	59,870	79,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1360 x 768	47,712	60,015	85,500	+/+
VESA, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+
VESA, 1920 x 1080	66,587	59,934	138,500	+/-
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+



Tần số quét ngang

Thời gian để quét một đường nối từ cạnh phải qua cạnh trái của màn hình theo chiều ngang gọi là một chu kỳ quét ngang và nghịch đảo của chu kỳ quét ngang là tần số quét ngang. Đơn vị: kHz

Tần số quét dọc

Cũng như đèn huỳnh quang, màn hình phải lặp lại hình ảnh nhiều lần trong một giây để hiển thị hình ảnh cho người dùng. Tần số lặp này được gọi là tần số quét dọc hay tần số Làm tươi. Đơn vị: Hz

Thông tin

Để chất lượng hiển thị tốt hơn

Điều chỉnh độ phân giải và tần số phun (tần số làm tươi) của màn hình trên máy tính theo trình tự như sau để có được chất lượng hình ảnh tốt nhất. Bạn có thể gặp hình ảnh chất lượng không đồng đều trên màn hình nếu chất lượng hình ảnh tốt nhất không có sẵn ở màn hình TFT-LCD.

- Độ phân giải: 1920 x 1080
- Tần số quét dọc (tần số làm tươi): 60 Hz

Các bảng TFT-LCD được sản xuất bằng cách sử dụng công nghệ bán dẫn tiên tiến có sử dụng một mức chính xác hơn 1ppm (một phần triệu) cho thiết bị này. Nhưng đôi khi các điểm ảnh ở các màu ĐỎ, XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI và TRẮNG hiện lên sáng chói hay có thể thấy một số điểm ảnh đen. Điều này không phải do chất lượng kém và bạn có thể sử dụng mà không có bất cứ vấn đề gì.

- Ví dụ, số lượng pixel bổ sung trong màn hình TFT-LCD của thiết bị này là 6.220.800.

Khi lau màn hình và khung bên ngoài, vui lòng thấm một ít nước vào khăn mềm. Khi cần làm sạch màn hình, hãy lau chùi nhẹ nhàng. Nếu mạnh tay, bạn có thể làm bẩn màn hình.

Nếu bạn không thỏa mãn với chất lượng hình ảnh, bạn có thể thu được chất lượng hình ảnh tốt hơn bằng cách khởi động chức năng "**Auto Adjustment**" trên màn hình hiển thị khi nhấn nút kết thúc của window. Nếu có nhiễu sau khi tự điều chỉnh, bạn hãy sử dụng chức năng điều chỉnh **Fine**/**Coarse**.

Khi hiển thị một ảnh cố định trên màn hình trong một thời gian dài, hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ có thể xuất hiện. Hãy thay đổi sang chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc cài đặt một màn hình chờ với ảnh chuyển động khi không cần làm việc với màn hình trong một khoảng thời gian dài.

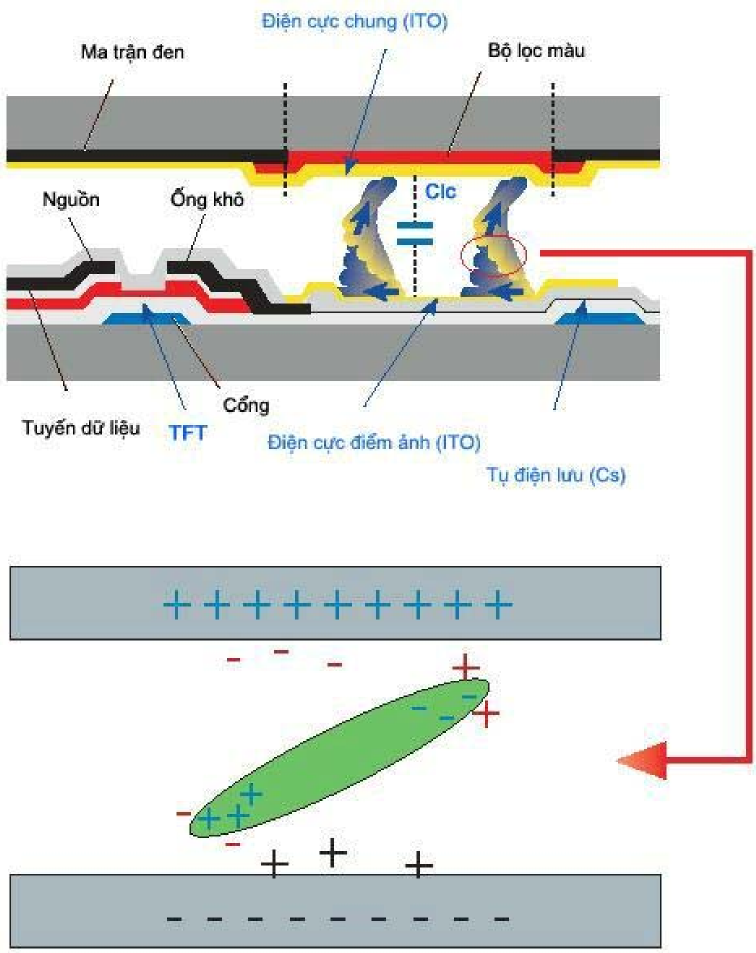
Thông tin

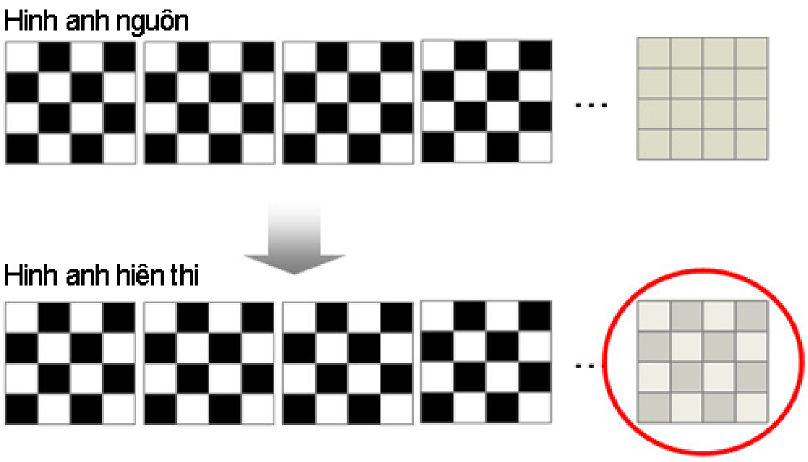
Thông tin sản phẩm (Hiện tượng lưu ảnh)

Hiện tượng Lưu ảnh là gì?

Hiện tượng lưu ảnh có thể không xảy ra khi màn hình LCD đang sử dụng ở điều kiện bình thường.

Điều kiện bình thường nghĩa là điều kiện các hiển thị trên màn hình thay đổi liên tục. Khi màn hình LCD hoạt động trong một thời gian dài ở chế độ tĩnh (trên 12 giờ), có thể có một ít chênh lệch về điện thế giữa hai điện cực bao quanh tinh thể lỏng (LC) trong một điểm ảnh. Sự chênh lệch điện thế giữa các cực sẽ gia tăng theo thời gian, làm cho tinh thể lỏng đọng lại. Nếu xảy ra hiện tượng này, thì hình ảnh trước đó có thể bị lưu lại khi tín hiệu đã thay đổi. Để tránh hiện tượng này, phải làm giảm sự chênh lệch điện thế.



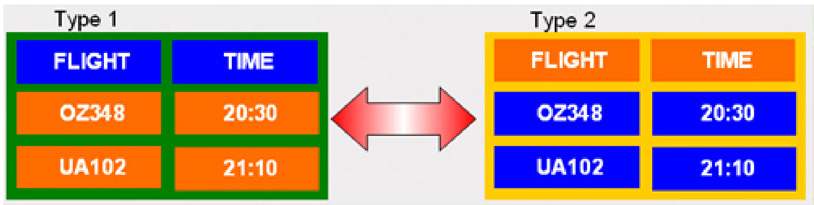


Tắt nguồn, bảo vệ màn hình, hoặc chế độ tiết kiệm điện

- Tắt màn hình 2 giờ sau 12 giờ sử dụng
- Cài đặt chức năng tắt màn hình trong thẻ sơ đồ chế độ nguồn thuộc đặc tính màn hình máy tính.
- Sử dụng Trình bảo vệ Màn hình nếu có thể - Nên sử dụng Trình bảo vệ Màn hình là hình ảnh một màu hoặc nhiều màu di chuyển.
- Bạn nên sử dụng tính năng Image Retention Free cho sản phẩm này.

  - Để biết thêm chi tiết về quá trình cấu hình, hãy tham khảo trang sau.

Thay đổi Thông tin Màu sắc theo định kỳ



Lưu ý
Sử dụng Hai màu khác nhau
Chu chuyển Thông tin màu sắc bằng 2 màu khác nhau trong 30 phút.

- Tránh sử dụng kết hợp giữ văn bản và nền màn hình có độ chênh lệch chiếu sáng lớn.

  Tránh sử dụng các màu Xám, dễ dàng gây hiện tượng lưu ảnh.

  Tránh: Các màu có độ chênh lệch sáng lớn (Đen & Trắng, Xám)



Thay đổi màu ký tự theo định kỳ

- Sử dụng các Màu sáng với độ sáng chênh nhau thấp

  - Chu kỳ : Thay đổi màu của văn bản và màu màn hình nền sau mỗi 30 phút



- Mỗi 30 phút, bạn thay đổi dòng văn bản chạy.



- Định kỳ hiển thị các hình ảnh và biểu tượng.

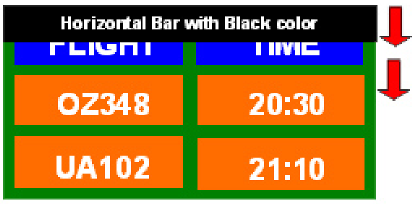
  - Chu kỳ : Hiển thị hình ảnh di chuyển với Biểu tượng trong 60 giây sau 4 giờ sử dụng.

- Cách tốt nhất để bảo vệ màn hình không bị lưu ảnh là tắt nguồn, cài đặt máy PC hoặc hệ thống chạy một trình bảo vệ màn hình khi bạn không sử dụng thiết bị. Khi bạn không tuân thủ các hướng dẫn, điều này có thể sẽ ảnh hưởng đến việc bảo hành sản phẩm của bạn.

Sử dụng chức năng Cuộn màn hình trong Thiết bị

- Sử dụng Chức năng cuộn màn hình

  - Triệu chứng: Các Sọc ngang Màu đen chạy lên và chạy xuống.



Sử dụng chức năng Điểm ảnh màn hình

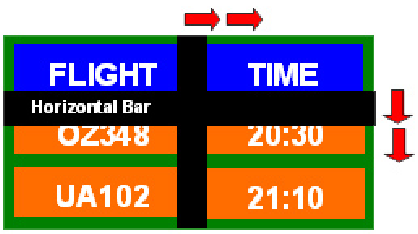
- Sử dụng chức năng Điểm ảnh màn hình

  - Triệu chứng: Các Điểm màu đen di chuyển lên xuống.



- Sử dụng chức năng Thanh màn hình

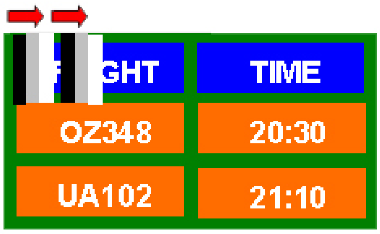
  - Triệu chứng: Các Sọc ngang / Dọc màu Đen chạy lên và chạy xuống.



Sử dụng chức năng Xóa màn hình cho Thiết bị

- Sử dụng chức năng Xóa màn hình

  - Triệu chứng: 2 khối đứng di chuyển với hiệu ứng xóa màn hình

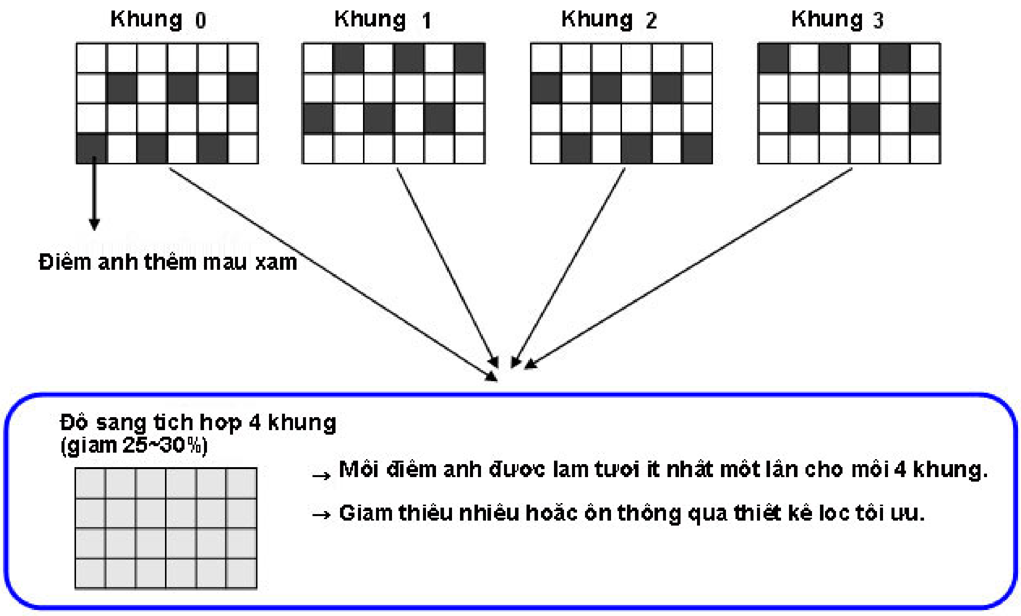


Áp tính năng Image Retention Free trên sản phẩm

- Chọn Apply Image Retention Free function (Áp tính năng không lưu ảnh)

Thuật toán Image Retention Free đã được áp cho LFD của LCD.

- Thuật toán Gray Insertion (Thêm màu xám) đã được áp cho mỗi điểm ảnh để cải thiện đặc điểm lưu ảnh.



Những hạn chế **do áp thuật toán Image Retention Free.**

- Đã áp thuật toán Pixel Gray Insertion.

  - Vì vậy, độ sáng giảm (25~30%) so với độ sáng nền. Hơn nữa, các điểm ảnh xám được thêm vào có thể bị biến dạng (chia nhỏ,sôi) khi được xem bởi một người dùng đang di chuyển theo phương ngang hoặc dọc hoặc xem từ khoảng cách gần.

    - Khi đang xem màn hình theo phương ngang hoặc dọc: Âm thanh chia nhỏ xuất hiện và độ sáng giảm (25 ~ 30%)
    - Khi đang xem màn hình từ khoảng cách gần: Khi tiếng sôi làm cho các đặc điểm và các dòng kích thước một điểm ảnh bị rung.
    - Nhiễu xuất hiện trên một hình nhất định

Hướng dẫn sử dụng

- Điều kiện sử dụng: Chỉ nên sử dụng sản phẩm trong vòng 12 tiếng và sau đó tắt đi trong khoảng 2 tiếng.
- Mặc định xuất xưởng Tính năng **Image Retention Free**: **OFF**

- Để giảm thiểu hiệu ứng giảm độ sáng do tính năng này gây ra, bạn nên sử dụng tính năng này sau khi đã cài đặt độ sáng màn hình tới mức cao nhất.

  Ví dụ chế độ **MagicBright**: **Entertain**

- Bạn nên chọn ảnh lớn hơn kích thước Dòng 4 điểm ảnh / Dòng 2 điểm ảnh.

  - Trong ảnh Dòng một điểm ảnh / Đặc điểm, có thể xuất hiện tiếng sôi hoặc nhiễu.

Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE

Lưu ý

Nếu có thắc mắc hay góp ý về sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

	North America	
U.S.A	1-800-SAMSUNG(726-7864)	**http://www.samsung.com**
CANADA	1-800-SAMSUNG(726-7864)	**http://www.samsung.com**
MEXICO	01-800-SAMSUNG(726-7864)	**http://www.samsung.com**
	Latin America	
ARGENTINA	0800-333-3733	**http://www.samsung.com**
BRAZIL	0800-124-421 4004-0000	**http://www.samsung.com**
CHILE	800-SAMSUNG(726-7864)	**http://www.samsung.com**
COLOMBIA	01-8000112112	**http://www.samsung.com**
COSTA RICA	0-800-507-7267	**http://www.samsung.com**
ECUADOR	1-800-10-7267	**http://www.samsung.com**
EL SALVADOR	800-6225	**http://www.samsung.com**
GUATEMALA	1-800-299-0013	**http://www.samsung.com**
HONDURAS	800-7919267	**http://www.samsung.com**
JAMAICA	1-800-234-7267	**http://www.samsung.com**
NICARAGUA	00-1800-5077267	**http://www.samsung.com**
PANAMA	800-7267	**http://www.samsung.com**
PUERTO RICO	1-800-682-3180	**http://www.samsung.com**
REP. DOMINICA	1-800-751-2676	**http://www.samsung.com**
TRINIDAD & TOBAGO	1-800-SAMSUNG(726-7864)	**http://www.samsung.com**
VENEZUELA	0-800-100-5303	**http://www.samsung.com**
	Europe	
AUSTRIA	0810 - SAMSUNG (7267864, € 0.07/min)	**http://www.samsung.com**
BELGIUM	02-201-24-18	**http://www.samsung.com/be** (Dutch) **http://www.samsung.com/be_fr** (French)
CZECH	800 - SAMSUNG (800-726786) Distributor pro Českou republiku: Samsung Zrt., česká organizační složka, Oasis Florenc, Sokolovská394/17, 180 00, Praha 8	**http://www.samsung.com**
DENMARK	70 70 19 70	**http://www.samsung.com**

EIRE	0818 717100	http://www.samsung.com
ESTONIA	800-7267	http://www.samsung.com
FINLAND	030 - 6227 515	http://www.samsung.com
FRANCE	01 48 63 00 00	http://www.samsung.com
GERMANY	01805 - SAMSUNG (726-7864, € 0,14/Min)	http://www.samsung.com
HUNGARY	06-80-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
ITALIA	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
LATVIA	8000-7267	http://www.samsung.com
LITHUANIA	8-800-77777	http://www.samsung.com
LUXEMBURG	261 03 710	http://www.samsung.com
NETHERLANDS	0900-SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0,10/Min)	http://www.samsung.com
NORWAY	815-56 480	http://www.samsung.com
POLAND	0 801 1SAMSUNG(172678) 022-607-93-33	http://www.samsung.com
PORTUGAL	80820 - SAMSUNG(7267864)	http://www.samsung.com
SLOVAKIA	0800 - SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
SPAIN	902 - 1 - SAMSUNG (902 172 678)	http://www.samsung.com
SWEDEN	0771 726 7864 (SAMSUNG)	http://www.samsung.com
SWITZERLAND	0848 - SAMSUNG (7267864, CHF 0.08/min)	http://www.samsung.com/ch http://www.samsung.com/ch_fr/(French)
U.K	0845 SAMSUNG (7267864)	http://www.samsung.com

CIS

ARMENIA	0-800-05-555	
AZERBAIJAN	088-55-55-555	
BELARUS	810-800-500-55-500	
GEORGIA	8-800-555-555	
KAZAKHSTAN	8-10-800-500-55-500	
KYRGYZSTAN	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MOLDOVA	00-800-500-55-500	
RUSSIA	8-800-555-55-55	http://www.samsung.com
TADJIKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
UKRAINE	0-800-502-000	http:// www.samsung.com/ua http://www.samsung.com/ua_ru
UZBEKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com

Asia Pacific

AUSTRALIA	1300 362 603	**http://www.samsung.com**
CHINA	400-810-5858 010-6475 1880	**http://www.samsung.com**
HONG KONG	(852) 3698 - 4698	**http://www.samsung.com/hk** **http://www.samsung.com/hk_en/**
INDIA	3030 8282 1800 110011 1800 3000 8282 1800 266 8282	**http://www.samsung.com**
INDONESIA	0800-112-8888 021-5699-7777	**http://www.samsung.com**
JAPAN	0120-327-527	**http://www.samsung.com**
MALAYSIA	1800-88-9999	**http://www.samsung.com**
NEW ZEALAND	0800 SAMSUNG (0800 726 786)	**http://www.samsung.com**
PHILIPPINES	1-800-10-SAMSUNG(726-7864) 1-800-3-SAMSUNG(726-7864) 1-800-8-SAMSUNG(726-7864) 02-5805777	**http://www.samsung.com**
SINGAPORE	1800-SAMSUNG(726-7864)	**http://www.samsung.com**
TAIWAN	0800-329-999	**http://www.samsung.com**
THAILAND	1800-29-3232 02-689-3232	**http://www.samsung.com**
VIETNAM	1 800 588 889	**http://www.samsung.com**
	Middle East & Africa	
BAHRAIN	8000-4726	
JORDAN	800-22273	
SOUTH AFRICA	0860-SAMSUNG(726-7864)	**http://www.samsung.com**
TURKEY	444 77 11	**http://www.samsung.com**
U.A.E	800-SAMSUNG(726-7864)	**http://www.samsung.com**

Phụ lục

Những điều khoản

Khoảng cách điểm

Hình ảnh trên màn hình được tạo thành từ những điểm màu đỏ, xanh dương và xanh dương. Các điểm càng gần, độ phân giải càng cao. Khoảng cách giữa hai điểm cùng màu được gọi là 'Khoảng cách điểm'. Đơn vị: mm

Tần số quét dọc

Màn hình phải được vẽ lại nhiều lần trong một giây để tạo và hiển thị một hình ảnh cho người xem. Tần số của sự lặp lại tính theo mỗi giây này được gọi là Tần số quét dọc hoặc Tốc độ làm tươi. Đơn vị: Hz

Ví dụ: Nếu một điểm sáng được lập lại 60 lần mỗi giây thì được xem như là 60 Hz.

Tần số quét ngang

Thời gian để quét một đường ngang nối cạnh phải với cạnh trái của màn hình được gọi là Chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của Chu kỳ quét ngang được gọi là Tần số quét ngang. Đơn vị: kHz

Các phương pháp Xen kẽ và Không xen kẽ

Hiển thị các đường ngang của màn hình từ trên xuống dưới theo thứ tự được gọi là phương pháp Không xen kẽ trong khi hiển thị những đường lẽ rồi đến những đường chẵn luân phiên nhau được gọi là phương pháp Xen kẽ. Phương pháp Không xen kẽ được ứng dụng cho phần lớn các loại màn hình để bảo đảm hình ảnh rõ nét. Phương pháp Xen kẽ thì tương tự như phương pháp được sử dụng trong các TV.

Cắm và Chạy

Đây là chức năng làm cho màn hình có chất lượng tốt nhất bởi nó cho phép máy tính và màn hình trao đổi thông tin một cách tự động. Màn hình này theo tiêu chuẩn quốc tế VESA DDC về chức năng Cắm và Chạy.

Độ phân giải

Số lượng các điểm ngang và dọc được sử dụng để tạo nên hình ảnh trên màn hình được gọi là ‘độ phân giải’. Con số này cho thấy sự chính xác của mức độ hiển thị. Độ phân giải cao sẽ tốt cho việc trình bày các tác vụ phức tạp và các thông tin về hình ảnh trên màn hình sẽ được hiển thị nhiều hơn.

Ví dụ: Nếu độ phân giải là 1920 x 1080, nghĩa là màn hình gồm 1920 điểm ảnh ngang (độ phân giải ngang) và 1080 đường đứng (độ phân giải đứng).

Phụ lục

Tài liệu gốc

Samsung Electronics Co., Ltd. sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào trong tài liệu này hoặc về những thiệt hại ngẫu nhiên hoặc tất yếu có liên quan đến việc cung cấp, thực hiện hoặc sử dụng tài liệu này.

Samsung là thương hiệu đã đăng ký của Samsung Electronics Co., Ltd.; Microsoft, Windows và Windows NT là các thương hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation; VESA, DPM và DDC là thương hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standard Association; tên và biểu tượng ENERGY STAR® là thương hiệu đã đăng ký của U.S. Environmental Protection Agency (EPA). Tất cả những tên thiết bị khác được đề cập trong tài liệu này có thể là những thương hiệu hoặc những thương hiệu đã đăng ký của các công ty sở hữu chúng.

TruSurround xt, SRS và (●) Symbol là các thương hiệu của SRS Labs, Inc.
Công nghệ TruSurround xt được tích hợp từ bản quyền từ SRS Labs, Inc.